NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 138 • OCTOBER 2000

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

THẾ VẬN HỘI CỦA HÒA HỢP
NGUYỄN VĂN TUẤN

BẢN THẢO
NGUYỄN HỮU NHẬT

TÌM MỘT QUÊ HƯƠNG
ĐOÀN VĂN KHANH

Hãy Thiết Kế Sớm
Hãy Thiết Kế đúng
Hãy Thiết Kế Thường Xuyên

Người nào nói rằng "Thiên hạ sự càng thay đổi thì càng y hệt như cũ" là người không bao giờ lập gia đình. Chắc chắn họ không bao giờ có con nhỏ. Và càng chắc hơn nữa là họ không bao giờ thay đổi việc làm. Và thật sự họ không hiểu thay đổi dễ sợ như thế nào. ***Đời sống là thế đó.***

Có lẽ đã đến lúc bạn nên nói chuyện với một người thực sự hiểu biết về bảo hiểm nhân thọ và các nhu cầu tài chánh khác của bạn. Một người không những đã được huấn luyện kỹ để thành một chuyên viên bảo hiểm giỏi, mà còn đã từng đi qua những bước đường của bạn nữa. Một người có gia đình. Hiện đang làm chủ một ngôi nhà. Một người biết rất rõ cái giá của nền đại học vào năm 2005 và đang suy tính về hưu vào năm 2016. Một người nào đó mà cuộc sống không khác gì của bạn nhưng họ còn biết thế nào là thay đổi nữa!

Đời sống New York Life là thế đó.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (714) 560-7800

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

TRUNG TÂM THÚY NGA

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH ĐẶC BIỆT

thúyngа

PARIS BY NIGHT 55

DƯỚI ÁNH NẮNG MẶT TRỜI

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

* Với những nhạc phẩm TOP HITS Việt Nam và Ngoại Quốc được trình diễn sống động, thu hình theo lối MTV qua nhiều hình ảnh ngoại cảnh tươi đẹp dưới ánh nắng mặt trời.
* Với mùa **Vu Lan Báo Hiếu** thật xúc động, nhớ Mẹ, thương Mẹ, hướng về Mẹ qua nhạc cảnh vĩ đại hiếm có **"Mục Liên Thanh Đề"**.
* Với hài kịch trào lộng **"Lá Sầu Riêng Đông Lạnh"**, cười ra nước mắt qua những cảnh đời trái ngược của xã hội xưa và nay được diễn xuất tài tình bởi Hồng Đào, Quang Minh, Trang Thanh Lan, Mỹ Trinh và Mỹ Huyền.

Với Sự Góp Mặt Của:

NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM - LƯU BÍCH - LOAN CHÂU
NGỌC ÁNH - PHI NHUNG - HOÀNG LAN - TRÚC LAM
TRÚC LINH - BẢO HÂN - LINDA TRANG ĐÀI
TOMMY NGO - NGỌC HUỆ - DON HỒ - THẾ SƠN
NGUYỄN HÙNG - TRẦN ĐỨC - LAY MINH
ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT

Xin liên lạc: THÚY NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Những Người Cộng Sản Tin

Linh Hồn Có Thật ?

Những chuyện có thật về linh hồn

phạm quế dương
trần phương

Với Sự Đóng Góp Của **hoàng hải thủy**

- *Chuyện có thật của giáo sư Trần Phương, cựu Phó Thủ Tướng CSVN, gọi hồn và tìm mộ em gái.*
- *Cựu Đại tá CSVN Phạm Quế Dương giúp tìm mộ cố Đại Tá VNCH Phạm Phú Quốc nhờ "ngoại cảm."*
- *Dân chúng trong nước hiện xôn xao về chuyện những người có khả năng tiếp xúc, nói chuyện cùng vong hồn người cheat.*

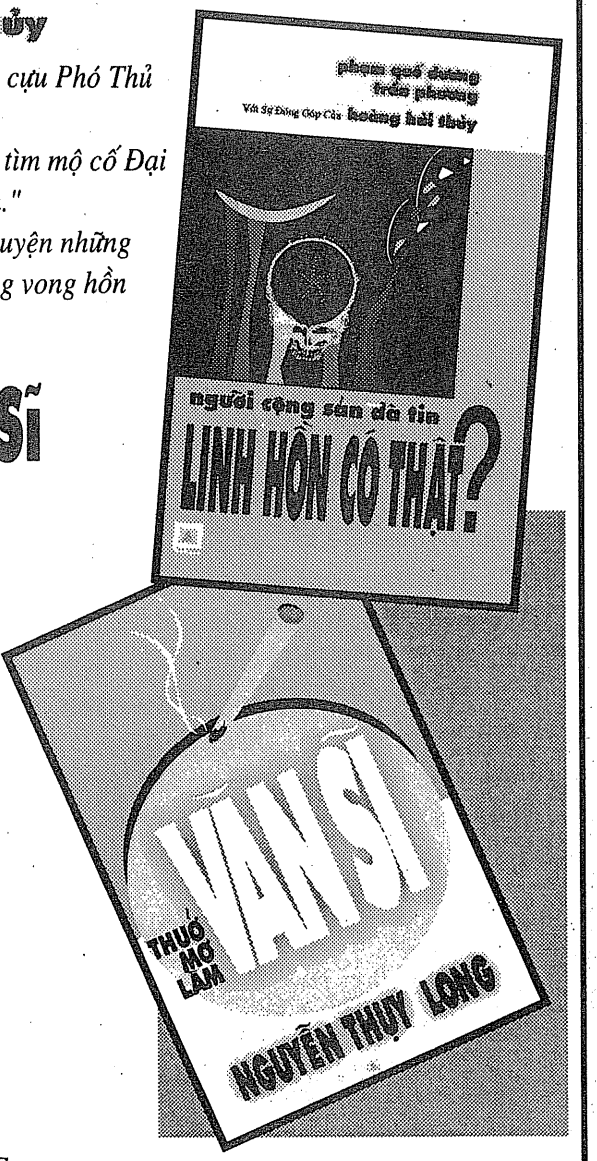

Thuở Mơ Làm Văn Sĩ

Nguyễn Thụy Long

Tác phẩm mới nhất của nhà văn Nguyễn Thụy Long, viết xong Tháng Năm. 2000, giữa những cơn thổ huyết.

Một hồi ký lôi cuốn như "Chuyện Kể Năm 2000" của Bùi Ngọc Tấn.

Cùng với chuyện của Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Thụy Long kể về một miền đất khác, một khoảng thời gian khác, ít nhiều hạnh phúc hơn nhưng vẫn đầy chua sót.

TỰ LỰC *phát hành*
714-531-5290
www.tuluc.com/ BUYBOOK@TULUC.com

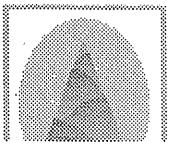

Nhà Xuất Bản
TUỔI XANH
Email: vietrans@aol.com

Trình bày bìa: Họa sĩ ***Etcetera***

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

THUYẾT TRÌNH VÀ HỘI THẢO

VẤN ĐỀ GIẢI THỂ CỘNG SẢN - KINH NGHIỆM ĐÔNG ÂU

Do luật sư NGUYỄN HỮU THỐNG
và nhà văn NGUYỄN MINH CẦN thuyết trình
Ngày Chủ nhật 15-10-2000,
từ 2 giờ đến 5 giờ 30 chiều
Tại Hội trường đài phát thanh Little Saigon Radio
15781 Brookhurst St., #100
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 918-4444

Trân trọng kính mời
CÂU LẠC BỘ VĂN HÓA VIỆT NAM

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

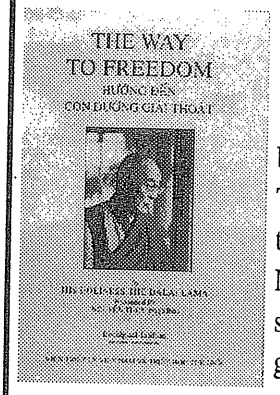

THE WAY TO FREEDOM
HƯỚNG ĐẾN CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

by His Holiness
The DALAI LAMA
translated by
NGUYỄN THÚY PHƯỢNG,
song ngữ Anh-Việt, 477 trang,
giá US$ 26.00, Cannada$ 35.00

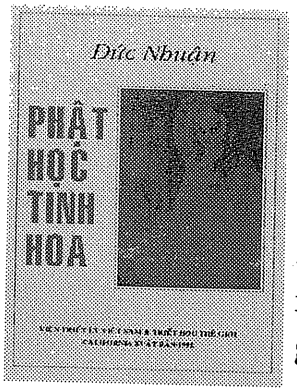

PHẬT HỌC TINH HOA

Đức Nhuận,
549 trang,
in lần thứ IV,
giá US$ 18.00

GIẢI THÍCH HIỆN TƯỢNG HỌC VỀ ĐẠI HỌC CỦA KHỔNG TỬ

Trần Công Tiến,
175 trang,
giá US$ 12.00

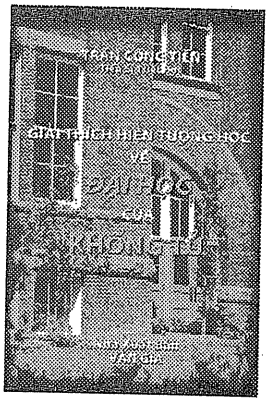

PHỦ ĐỊNH THỨC và BIỆN CHỨNG PHÁP TRUNG QUÁN

B.K. Matilal,
Thích Viên Lý dịch,
65 trang,
giá US$ 6.00

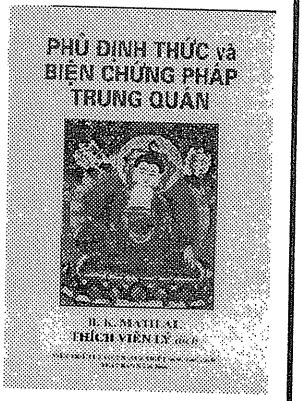

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

-Phủ Định Thức và Biện Chứng Pháp Trung Quán, Thích Viên Lý	$6.00	-Bảy Viễn, Hứa Hoành	$15.00
-Phật Giáo và Tâm Lý Học Hiện Đại, Thích Viên Lý	$6.00	-Một Ngày Có 26 Giờ, Nguyên Vũ	$15.00
-Đại Cương Triết Học Trung Quán, Thích Viên Lý	$16.00	-Hồi Ký Nguyễn Xuân Chữ	$18.00
-Phật Học Tinh Hoa, Đức Nhuận	$18.00	-Paris, Nguyên Vũ	$15.00
-Giải Thích Hiện Tượng Học về Đại Học của Khổng Tử, Tiến Sĩ Triết Học Trần Công Tiến	$12.00	-Nhìn Lại Biến Cố 11-11-1960, Chính Đạo	$15.00
-Giải Thích Hiện Tượng Học về Bài Giảng Trên Núi, Tiến Sĩ Triết Học Trần Công Tiến	$12.00	-Đôi Dòng Ghi Nhớ, Phạm Bá Hoa	$15.00
-Giải Thích Hiện Tượng Học về Kinh Trí Huệ Đáo Bỉ Ngạn và Kinh Kim Cang, Trần Công Tiến	$12.00	-Khai Quật Kho Tàng Cổ Sử Hùng Việt, Nguyễn Xuân Quang	$30.00
-Giải Thích Hiện Tượng Học về Đạo Đức Kinh của Lão Tử	$15.00	-Dưỡng Sinh Y Đạo (Hoài Văn Tử & Vĩnh Như)	$13.00
-Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam, Võ Sư Chưởng Môn Nguyễn Lâm	$15.00	-Điểm Huyệt Trị Bịnh, Cẩn Chánh	$13.00
-Thuở Mơ Làm Văn Sĩ, Nguyễn Thụy Long	$14.00	-Lão Tử Đạo Đức Kinh, Huỳnh Kim Quang dịch	$12.00
-Người Cộng Sản Đã Tìm Linh Hồn Có Thật, Phạm Quế Dương, Trần Phương, Hoàng Hải Thủy	$8.00	-Ngàn Năm Xứ Huế, Nguyễn Châu & Đoàn Văn Thông	$20.00
-Du Tử Lê và Tác Phẩm, nhiều tác giả	$18.00	-Trung Thu Trăng và Cuội, Nguyễn Châu	$10.00
-Đạo Phật và Truyện Kiều (Tâm Huệ Đỗ Hoài Nam)	$6.00	-Dấu Chân Xuôi Ngược, Tập 1 Hạ, (Tây Đô Reo Hạt Lúa Vàng), Xuân Vũ	$16.00
-Bên Giòng Sông Hằng (Nguyễn Văn Thực dịch)	$14.00	-Vòng Đời Vòng Trăng (tạp chí Người Việt Hải Ngoại)	$10.00
-Bùa Yêu, Hùng Sơn	$15.00	-Tiếp Kiến Với Đức Đạt Lai Lạt Ma, Thích Như Điển	$15.00
-Việt Nam, Dân Tộc Bị Đọa Đày, Lý Đại Nguyên	$13.00	-Thuyền Nhân Không Mộ, Tập II, Kiều Thanh Thi	$14.00
-Tổng Thức Vận, Lý Đại Nguyên	$25.00	-Con Người Siêu Việt, Đỗ Đình Đồng dịch,	$12.00
-Việt Nam Niên Biểu Nhân Vật Chí, Chính Đạo	$29.00	-Chuyện Trò Trước Lúc Đi Xa (Trần Viết Đại Hưng)	$12.00
-Mậu Thân 68 Thắng Hay Bại, Chính Đạo	$18.00	-The Survivor (Kẻ Sống Sót), Tiếng Anh, Bùi Quang Triết & Xuân Vũ	$16.00
-Việt Nam Niên Biểu, tập A + B, Chính Đạo,	$44.00	-Nhân Chứng Một Chế Độ II (Huỳnh Văn Lang)	$23.00
-Dấu Chân Xuôi Ngược (quyển thượng + trung), Xuân Vũ	$32.00	-Cờ Bạc, Huỳnh Văn Lang,	$14.00
-Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa Toàn Thư, Nguyễn Mạnh Quan	$22.00	-Chuyện Đường Rừng, Huỳnh Văn Lang,	$25.00
-55 Ngày 55 Đêm Cuộc Sụp Đổ Của Việt Nam Cộng Hòa, Chính Đạo	$21.00	-Mẹ Maria và Lời Mẹ Kêu Gọi Tại MEDJUGORJE,	$10.00
		-Một Thời Tranh Đấu, Khôi Nguyên Nguyễn Đình Thư	$15.00
		-Kỹ Thuật Guitar & Nhạc Lý Căn Bản, Minh Tân	$18.00
		-Tự Học Lý Thuyết Căn Bản và Thực Hành Keyboard, Minh Tân,	$18.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: *Chớm thu*, ảnh của **Trần Tuấn**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Anh Thành, Kicon**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 138 . Tháng Mười 2000

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

17 Ông Clinton đi Việt Nam làm gì? - **Ngô Nhân Dụng**
20 Xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam - **Đoàn Viết Hoạt**
26 Xây dựng dân chủ tự do cho Việt Nam - **Võ Nhân Trí**
36 Thế Vận Hội của hòa hợp - **Nguyễn Văn Tuấn**

TÔN GIÁO - LỊCH SỬ

46 Phỏng vấn thiền sư Thích Nhất Hạnh - **Đinh Quang Anh Thái**
65 Vấn đề trích dẫn tài liệu - **Trần Gia Phụng**

NGHIÊN CỨU - HỌC THUẬT

40 Vấn đề sáng tạo, tổ chức và sử dụng tài liệu của người Việt hải ngoại - **Lâm Vĩnh Thế**
49 Vấn đề "già, trẻ" sau Đại hội Y giới Paris 2000 - **Nguyễn Gia Tiến**
103 Hệ thống học vị và học hàm khoa học ở vài nước Tây phương - **Nguyễn Văn Tuấn**

VĂN

69 Bản thảo - **Nguyễn Hữu Nhật**
78 Hồn tan bóng nguyệt - **Võ Doãn Nhẫn**
84 Đến với nước Nga - **Phạm Xuân Đài**
90 Tìm một quê hương - **Đoàn Văn Khanh**
96 Thầy giáo Nhu - **Minh Đạo**

THƠ

67. Gọi em - **Đạm Thạch. 71.** Lý sự với con cá mắc lưới - **Đynh Trầm Ca. 81.** Lời người xa xứ - **Hồng Khắc Kim Mai. 87.** Mộng cuối - **Hoàng Khanh. 93.** Tăng phòng - **Trúc Lâm Sư Tổ Trần Nhân Tôn**, Cao tăng niệm - **Nguyễn Thị Xuân Lộc**, Quốc sĩ hành - **Nguyễn Minh Lễ. 99.** Bốn mươi năm mây bay - **Khánh Hà. 106.** Hồn bướm mơ tiên - **Lưu Văn Vịnh**

MỤC THƯỜNG LỆ

7 Bạn đọc viết
10 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
10 Thư trị sự - **Phan Mỹ Sương**
11 Tin Việt Nam
51 Sổ tay
57 Đời sống quanh ta - **Nguyễn Hùng Vũ, Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
109 Chân trời VHNT - **Anh Thành, Florida Việt Báo**
113 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

So sánh khập khiễng

Tính "ưu việt" của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa như thế nào thì hẳn ai cũng biết. Không cần là nhà kinh tế học, bác Năm đạp xích lô hay chị Ba bán bánh bèo cũng không lấy gì mặn mà với nền kinh tế "cái đinh... đăng ký." Nhận thức đó kể cả những người cộng sản cũng phải cay đắng mà thừa nhận qua chính sách "đổi mới." Chứng minh điều hiển nhiên đó hẳn không khó, thế nhưng trong bài "Kinh tế VN 13 năm đổi mới," Tiến Sĩ Kinh Tế Học Võ Nhân Trí đã đưa ra một lối so sánh mà theo thiển ý thì hơi bị khập khiễng, khiến cho giá trị khoa học của bài viết bị hạ thấp, thiếu sức thuyết phục.

Tác giả so sánh TSPTN của 620.000 Việt Kiều ở Mỹ và 72 triệu dân trong nước với tỷ lệ 19 Tỷ Mỹ kim / 26.5 Tỷ vào năm 1990, và kết luận "nếu được sống trong một thể chế dân chủ, tự do thì chắc chắn đồng bào ở trong nước có thể tạo ra một TSPTN cao hơn gấp bội so với hiện nay." Lối so sánh này, theo tôi nghĩ, không thích hợp lắm.

Trước nhất là: về mặt trình độ, tay nghề mà nói thì Việt Kiều tị nạn cộng sản vốn thuộc tầng lớp trên, tầng lớp "ưu tú" của xã hội Việt Nam. Làm thế nào có thể so một cộng đồng mà trình độ học vấn thấp nhất (có thể) là tú tài với cả một xã hội rộng lớn với đủ mọi tầng lớp, bao gồm cả những người thất học, mù chữ? Cũng sẽ khập khiễng nếu như so sánh cộng đồng người Việt với cộng đồng người Mễ với động cơ di dân đơn thuần là "tha phương cầu thực" (vì thế bao gồm chủ yếu là các người nghèo khó), để có thể kết luận là... người Việt "giỏi" hơn. Thứ đến là: Những con người Việt Nam tạm gọi thuộc thành phần ưu tú ấy, được đặt trong đất nước giàu có nhất với một nền kinh tế ưu việt nhất thế giới! Thêm nữa lại tụ về hàng trăm ngàn người ở Silicon Valley, một vùng đất vàng, đất bạc, đất... silicon!! Cứ thử đưa nhóm này về Dakota hay Missouri thì TSPTN sẽ khác ngay! Hay tệ hơn nữa nếu như nhóm này không tới Mỹ mà chỉ sang tới Pháp hay gần hơn nữa, chẳng hạn... Phi Luật Tân hay Nam Dương, thì sự thể sẽ ra thế nào? Thế đủ để kết luận là cái tỷ lệ này rất "cao su," độ co giãn khá rộng, khiến cho nó khó là một "thông số" có tính cách "khoa học" được. Vì bài viết là của một nhà kinh tế học, một nhà chuyên môn, nên quả tình tôi cảm thấy hơi thất vọng.

Nguyễn Tiến
(Cupertino, CA)

Về vấn đề Đại học cộng đồng cho Việt Nam

(Thư gửi tác giả Đoàn Thanh Liêm)

Anh Liêm thân mến,

Tôi suy nghĩ nhiều về các lớp học ngắn hạn anh muốn đề nghị tổ chức tại việt Nam. Ý kiến rất hay. Tôi xin góp thêm vài ý.

1. Ta không nên làm một chương trình hay tổ chức quy mô quá. Thứ nhất là ta ở xa khó lòng tổ chức được. Với lại khi chương trình bắt đầu hoạt động trong một thời gian thế nào ta cũng thấy cần thay đổi cho hợp thực tế. Nếu có một tổ chức bao quát một vùng: tỉnh, phần v.v..., hệ thống tổ chức sẽ cứng nhắc, mất tính uyển chuyển cần thiết cho những hoàn cảnh và nhu cầu đặc biệt ở địa phương. Vì vậy tôi đề nghị mình nên làm một vài chỗ đã, không cần tổ chức rộng lớn vội. Để cho mỗi địa phương tự có kế hoạch và chương trình lấy. Sự điều hành cũng sẽ do địa phương đảm nhiệm. Sau này nếu nhiều chỗ thành công mà họ thấy cần tập hợp để nâng đỡ nhau, để học hỏi nhau, họ sẽ ngồi chung lại với nhau thành tổ hợp lớn. Như vậy họ sẽ giữ được tính cách độc lập địa phương và không bị cấp trên chi phối. Anh chắc cũng không lạ gì óc quan liêu của người mình. Nếu tổ chức từ trên xuống dưới ngay lúc ban đầu, những người cấp trên sẽ lấy lý do quyền hành, điều lệ, việc chỉ huy mà bóp chẹt các sáng kiến địa phương làm cho chương trình chỉ có hình thức mà không còn hữu hiệu nữa.

2. Nếu có thể được nên lồng các lớp anh nói vào các tổ chức sẵn có ở địa phương: các trường trung học, các trường đại học địa phương, các tổ chức nghiệp đoàn, nông dân v.v..., làm vậy ta lợi dụng được các phương tiện sẵn có, đỡ tốn kém. Một điều quan trọng hơn nữa là ta có thể lôi cuốn các người có địa vị trong chính quyền địa phương tham gia vào các hoạt động xã hội và có tính cách dân chủ. Như vậy ta tập cho họ chú ý đến các vấn đề thực tế và cách sinh hoạt dân chủ hơn. Biết đâu nhờ đó mà ta góp một phần vào việc dân

chủ hóa Việt Nam.

Nguyễn Mừng
(Đại học Illinois Champaign - Urbana)

Mấy triệu người chết: chẳng lẽ... for nothing?

Cách đây mấy tháng khi có tin Nam Hàn và Bắc Hàn bắt tay nói chuyện với nhau, ngay cả nhìn thấy hình ảnh Kim Đại Trung và Kim Chính Nhật nắm tay nhau giơ cao (*Thế Kỷ 21* số tháng Bảy 2000), tôi, và có lẽ nhiều người khác cũng thế, không khỏi cảm thấy nghi ngờ. Chỉ sợ cái tình cảm dân tộc trong sáng và cái nghĩa đồng bào thiết tha của ông Kim Đại Trung lại rơi vào mưu gian của Cộng sản Triều Tiên, như bao tấm gương hợp tác quốc cộng trước đây trên thế giới đã cho thấy.

Nhưng ngày càng thấy các hợp tác Nam Bắc Hàn càng tiến triển tốt, thậm chí còn cho một số gia đình phân ly gặp gỡ nhau, nỗi nghi ngờ của tôi dần dần thu nhỏ lại. Rõ ràng với đà này Hàn Quốc rồi cũng sẽ thống nhất trong hòa bình thôi! Tức thật, Đức thống nhất trong hòa bình, Trung Hoa chia hai nhưng mãi vẫn không chịu chiến tranh, rồi bây giờ đến nước Triều Tiên, cũng vẫn không chịu đi vào con đường đánh nhau để một mất một còn, không có ai chịu noi theo cái gương anh hùng của Việt Nam cả. Mà có tốn kém gì đâu, đốt cháy có một dãy Trường Sơn, chịu khó mấy mươi năm bom đạn với dăm ba triệu người chết, là xong! Giá cả như thế cho sự nghiệp dắt năm châu đến đại đồng thì đâu có gì là đắt!

Hèn gì ông Lê Khả Phiêu cứ lặp đi lặp lại việc xây dựng chủ nghĩa xã hội cho Việt Nam, mặc dù xây dựng thế nào thì ổng giữ tuyệt mật không hề xì ra cho bà con thấy, chắc sợ người ta bắt chước. Có lẽ để ngụy trang che dấu bí kíp cực kỳ quan trọng ấy, đảng CS Việt Nam cũng làm bộ giống như mọi nơi khác trên thế giới, vờ ký kết cái này cái nọ để làm ăn với đế quốc Mỹ. Nhưng Mỹ đừng thấy thế mà ham. Đảng ta đang phục kích đấy! Một ngày đẹp trời nào đó từ Việt Nam bỗng bùng ra cuộc cách mạng vô sản hồi thứ..., là cả thế giới trở tay chẳng kịp đâu. Cái giá mấy triệu người chết đâu phải để chơi, đó là cái bước ta phải dẫm lên để tiến đến xã hội chủ nghĩa chứ! Dẫu là chỉ tiến... bằng mồm!

Hoàng Hữu Đông *(Internet)*

Nhân danh khoa học...

Loạt bài "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" của Trần Gia Phụng đã bị ông Nguyễn Khiêm ở Úc *phang* hơi nặng (Bạn Đọc Viết, *Thế Kỷ 21* số 137). Và động lực chính của các chỉ trích nặng nề ấy thoạt trông có vẻ chỉ là để bảo vệ sự thật, bảo vệ tính khoa học trong môn lịch sử. Nhưng xem kỹ thì hình như không phải thế, mà là do một động lực khác, theo nhận xét và sự "cảm nhận" của tôi, là muốn bảo vệ ông Hồ Chí Minh. Những điểm ông Nguyễn Khiêm chỉ trích ông Trần Gia Phụng nặng tính cách vạch lá tìm sâu, nghĩa là vạch ra những điểm rất chi tiết mà ông cho là sai, mà những chi tiết ấy thực ra không làm sai lệch cho câu chuyện chung... Tôi nhấn mạnh là những cái ông gọi là sai ấy, nếu có, chỉ là những cái rất tiểu tiết, tác giả Trần Gia Phụng không thể dùng những cái đó để bóp méo lịch sử theo ý mình, nếu thực sự ông Phụng có ý đó. Chẳng hạn nói về thời điểm thập niên 50, ông Phụng không gọi là "đảng Lao Động Việt Nam" mà lại gọi "đảng Cộng sản Hà Nội"; cho việc tuyển Nông Thị Xuân vào phục vụ Hồ Chí Minh là do Bộ Chính trị, khác với tài liệu của Vũ Thư Hiên và Nguyễn Minh Cần; lẫn lộn tuổi của cô Xuân với Nguyễn Thị Vàng v.v... Thế mà dựa vào các tiểu tiết ấy ông Khiêm đã mạnh dạn kết cho ông Phụng, một tác giả về sử khá có uy tín với dăm bảy tác phẩm đã xuất bản thuộc loại đứng đắn, những cái "án" rất nặng nề: *lỗi lầm nghiêm trọng và khó tha thứ, vì tính phản khoa học và phản trí thức của việc làm...*

Tôi cho chính cái kết luận "nổ" và đao to búa lớn ấy mới chính là cái mà ông Nguyễn Khiêm nhắm tới, chứ không phải là sự thật lịch sử. Đọc kỹ bức thư của ông tôi thấy mục đích của ông là ra ngón đòn cuối thật độc, thật nặng nề nhằm đánh đo ván ngay ông Trần Gia Phụng, mà ông Phụng đo ván thì ảnh hưởng của bài "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" cũng có cơ tiêu ma theo. Một ngón đòn rất "có nghề."

"Huyền thoại" của ông Hồ là do chính ông ấy và đám "sử gia" của đảng Cộng sản tạo dựng nên. Điều ấy thì nay đã khá rõ, ngay giới trí thức có công tâm trong nước cũng đã nhận ra, và những người có lương tri và học vấn đang ở nước ngoài, với tài liệu đồi dào, càng dễ nhận ra. Phá bỏ huyền thoại là để thấy con người thật —có thể tốt, có thể xấu, có thể tốt xấu lẫn

lộn— là việc mà người có tinh thần khoa học nên làm. Có bao giờ ông Nguyễn Khiêm nghĩ đến chuyện mang tinh thần khoa học của ông rọi vào các sách vở về sử học của Hà Nội chưa?

Trần Kim Đáng
(Seattle, WA)

Linh hồn có thật?

Thế Kỷ 21 số vừa rồi thấy có quảng cáo cuốn sách *Người Cộng sản tin linh hồn có thật?* làm tôi nhớ đến mấy câu chuyện trong trại tù cải tạo. Dạo ấy tôi ở một trại trên vùng núi ngoài Bắc, xảy ra một vụ trốn trại, mấy người Tàu bị kết án gián điệp trốn đi. Cuối cùng bắt lại được, và như thường lệ, người ta quyết định đánh chết một người. Đám công an trẻ tuổi ham cái vụ này lắm, coi như một cuộc thao dợt, giải trí, và cả lập công với đảng nữa. Người tù đứng giữa, chừng nửa tiểu đội đứng vây quanh, và cuộc hành hình bằng tay chân bắt đầu. Người bị đánh cứ văng hết bên này qua bên kia, sau những cú thoi, những cú đạp. Kể ra chỉ dùng tay chân đánh và đạp một người cho đến chết cũng là một thứ lao động vất vả chứ không dễ như người ta tưởng. Lần ấy đánh mãi mà anh Tàu không chết, một tay công an cáu quá đứng lên trên người anh ta lúc đó đã mềm như bún, và cứ thế mà nhảy. Dưới đế giày da cứng, thân thể anh ta kêu răng rắc, ọc ạch như bao xương xẩu phèo phổi đang nát vụn ra. Và dĩ nhiên anh ta không chịu nổi, thở hắt ra chết.

Nhưng chỉ đến tối ngày hôm sau, người công an ấy cũng chết. Anh ta lui cui thay cái bóng đèn điện bị hỏng, bị điện giật, nhào ra chết liền. Sự thể nó "nhãn tiền" quá làm cho đám công an cũng khớp, thì thào với nhau, và nhiều anh chịu không nổi, thì thào cả với tù: "Thằng Tầu ấy thế mà thiêng khiếp."

Hai cái chết riêng biệt chẳng dính dáng gì nhau, chỉ có tình cờ cách nhau một ngày thôi, nhưng người ta vẫn liên hệ "nhân quả" với nhau được: hồn của người Tàu ấy đã "khiến" tên công an chạm tay vào điện 220 để bị giật chết, để báo thù. Cái gì khiến người ta, dù là người công an cộng sản đi nữa, nghĩ như vậy? Chỉ vì người ta tin là có linh hồn. Cái tin đó nó rất hồn nhiên, chẳng cần lý luận, thần học, triết học gì ráo trọi, cứ hễ chết là có hồn. Học tập duy vật là một chuyện — chẳng qua đảng bắt thì phải làm — còn tin chuyện có hồn lại là một chuyện khác, nó có sẵn trong lòng họ rồi, khi cần thì đem ra xài, ví dụ như để giải thích cái chết điện giật của tay công an nọ chẳng hạn. Gọi một người chết rồi là "thiêng" thì rõ ràng để chỉ hồn người ấy thiêng.

Khi đã ở tù khá lâu, và đã thân với vài tay công an chơi được, có lần tôi hỏi một anh rằng trong các vụ điều tra hình sự của công an cộng sản, có khi nào nhờ vào các điều báo mộng, mách bảo của những người bị giết chết oan uổng mà công an tìm ra manh mối hay không, thì anh ta trả lời: "Nhiều!"

Bùi T. *(một cựu tù)*

Dối trá

Vụ tai nạn tàu ngầm của Nga vừa rồi cho thấy tinh thần của thời cộng sản vẫn còn ảnh hưởng trong cung cách của người Nga: thoạt tiên im lặng, rồi loan tin hạn chế, không thật, che che giấu giấu. Giữa thập niên 80 một tai nạn xe lửa khủng khiếp xảy ra ở Dầu Giây, Xuân Lộc, khiến hàng trăm người chết nhưng KHÔNG MỘT cơ quan truyền thông nào của cộng sản Việt Nam loan tin.

Xưng chế độ mình là ưu việt, cộng sản rất kỵ người khác thấy những yếu kém của mình. Cho nên phải dối trá, dối trá mãi thành bản chất. Họ sụp đổ cũng vì dối trá. Sụp đổ rồi mà di hại vẫn còn.

Khuất Trung
(Sunnyvale, CA)

Cáo lỗi

* Vì bận ngày khai giảng cho niên học mới, tác giả Trần Anh Tuấn tạm ngưng loạt bài "Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ" vào kỳ này, sẽ xin tái ngộ bạn đọc vào số báo tháng Mười Một, 2000.

* Vì lý do kỹ thuật, bài "Đơn vị, trọng lượng và kim loại của tiền đồng, tiền kẽm Việt Nam" của tác giả Lục Đức Thuận cũng xin tạm gác lại ở số này, sẽ tiếp tục vào số báo tới, tháng Mười Một 2000.

Đính chính

Bài "Kinh tế Việt Nam 13 năm đổi mới" (từ trang 18, *Thế Kỷ 21* số 137) có một số chỗ đánh máy sai, xin bạn đọc vui lòng sửa chữa:

- Đầu đề: **Việt Nam** thay vì Vệt Nam.
- Sơ đồ 1 (Bảng 1, trang 20), khung thứ tư từ trên xuống: *Ngân hàng ngoài quốc doanh* xin đọc là: **Kinh tế** ngoài quốc doanh.
- Trang 21, cột 1, dòng 20 từ trên xuống, sau cụm từ *cả hai khu vực kinh tế này*, xin

thêm chữ là.

- Trang 21, cột 1, dòng 27 từ trên xuống: *kinh tế XHCN là* xin sửa lại *kinh tế XHCN*và

- Trang 21, cột 1, dòng 13 từ dưới lên: *mật thiết không nói là*, xin sửa lại *mật thiết nếu không nói là*

- Trang 21, cột 1, dòng 3 từ dưới lên: *như về cơ bản*, xin sửa lại *nhưng về cơ bản*

- Trang 22, cột 1, dòng 16 từ dưới lên: *lần thứ 7*, xin sửa lại *lần thứ 8*

- Trang 22, cột 2, dòng 6 từ dưới lên: *từ 5.8%*, xin sửa lại *-5.8%*; dòng 7 từ dưới lên: *9.4%*, xin sửa là *-9.4%*.

Thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

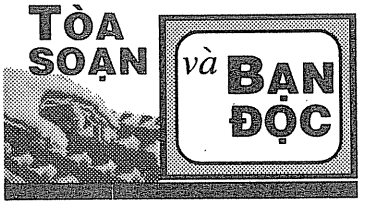

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau:

Hồ Minh Dũng, Hồng Khắc Kim Mai, Lê Văn Lân, Trần Yên Hòa, Thảo Chi, Võ Doãn Nhẫn, Nguyễn Hùng Vũ, Lưu Văn Vịnh, Đặng Trần Huân, Trần Gia Phụng, Lưu Nguyễn, Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Đạt, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thà, Cổ Ngư, Đạm Thạch, Đynh Trầm Ca, Thế Dũng, Hà Nguyên Du, Phạm Tuân.

Đoàn Văn Khanh, *Tác giả của Ký sự tùy bút "Tìm Một Quê Hương"*: Xin ông vui lòng gửi cho chúng tôi bằng e-mail hoặc bằng đĩa toàn bộ bài Tìm Một Quê Hương mà trước đây ông đã gửi một bản in. Cũng xin ông địa chỉ của ông để Tòa soạn gửi báo biếu. Xin cám ơn ông.

Nguyễn Ngọc Ly *(Redmond, WA)*: Tòa soạn đôi khi phải nhuận sắc bài vở hay thư từ trước khi đăng, để được khúc triết suông sẻ hơn, chứ vẫn cố giữ ý của tác giả. Điều đó không liên quan gì đến chuyện viết tay hay viết bằng đĩa.

Về câu hỏi của bạn ông, "NND là ai?" ông đoán sai rồi, không phải là người đó đâu. Tác giả "những bài ruột" của ông gởi lời cám ơn sự tri kỷ của ông. Kính thăm ông khỏe mạnh luôn.

Phạm Minh Triết *(Erlanger, KY)*: Bài văn tế mà ông gửi về Tòa soạn, nếu truy ra nguồn gốc rõ ràng, sẽ là một tài liệu quý cho một giai đoạn lịch sử của nước nhà. Chúng tôi chưa được thấy bài này lần nào. Nếu có thể xin ông cho chúng tôi thêm thông tin về gốc gác của nó, chẳng hạn ông đã được biết bài này trong trường hợp nào, thời gian nào, trước đây nó thường lưu hành ở đâu v.v... Có một số thông tin, dù tối thiểu, cũng giúp cho việc truy tầm dễ dàng hơn. Mong được tin của ông. Kính.

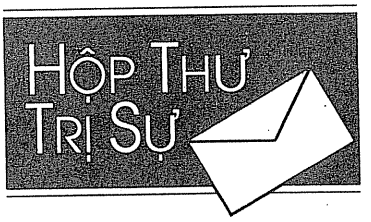

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Nguyen Cuong (FRANCE), Vu Quoc Lien (La Mesa CA), Do Cuong (Sacramento CA), Nguyen Viet Thanh (Monterey Park CA), Lam N. Nguyen (Elgin IL), Nguyen Tu Quy (Foutain Valley CA), Ha Quoc Bao (Richland WA), Nguyen Thi Lai (AUTRALIA), Vi Huong Nguyen (SWITZERLAND), Nguyen Tan Hung (NERTHERLANDS),Phan Minh Triet (Elsmere KY),Arild Nybakk (Norway), Lam Huu Ung (Tigard OR), Tran Van Phi (Tallahassee FL), Tran D. Quang, M.D (Lowell MA), Dao Duc Ky (Westminster CA), Dau Phuong Mai (Vienna VA), Phan Van Quang (Fairfax VA), Nguyen T. Giang (Falls Church VA), Quy Viet Vo (Hyattsville MD), Nguyen Quang Hien (San Antonio TX), Nghiem Xuan Khuyen (Irvine CA), Thuy Van Tran (Redondo Beach CA), Chinh Huu Phan (Charlotte NC), Nguyen Quy Bong (CANADA), Le Duy Chanh (San Jose CA), Nguyen Van Dai (Beaverton OR), Nguyen Van Bich (Houston TX), Nguyen The Vien (Seatle WA), Pham Tu Lap (Baton Rouge LA), Nga Truong (Rosemead CA), Le Dinh Khoi (Santee CA), Le Van Xe (Janpan), Nguyen Tan Vinh (FRANCE), Tran Ngoc My (Glendale CA), Mai Liem (CANADA), Dao Duc Hoang (CANADA), Tuong D. Nguyen (CANADA), Trinh Nhu Hoa (Houston TX).

Độc giả thay đổi địa chỉ

News: Bao Dan Chu (Germany), Hoang Chieu Nhan (CANADA), Thuy Armstrong (CANADA), Tan Hoang (San Jose CA), Nguyen Cong Thuan (Binghamton, NY), Pham Viet Hung (Czech Republic), Do Kim Bang (Westminster CA), Truong Tich Ngoc (Dallas TX), Tuong D. Nguyen (CANADA).●

"CHỢ TIỀN" TẠI MÓNG CÁI

Có một cái chợ không giống bất cứ cái chợ nào khác ở Việt Nam, trong đó, người mua cũng như người bán không trao đổi tiền lấy hàng hóa. Họ đổi tiền lấy tiền.

Ngay cửa ngỏ vào chợ Móng Cái là một dãy những chiếc giường đóng bằng gỗ tạp, có mái che, giống như những ngôi nhà không tường và có thể di động được. Trên những chiếc chiếu đã bạc là những người chuyên làm dịch vụ đổi tiền. Đồ nghề của họ cũng đơn giản: hòm làm bằng tôn cỡ 40-60cm, túi xách giả da, máy tính, sổ, bút... Chị Bùi Thị Viện, một người chuyên đổi tiền, cho biết: "Chỉ có nội dung trong những chiếc hòm, chiếc túi tiền vốn lưu động của chúng tôi, là khác nhau. Bản thân tôi mang tiền ra đây chỉ có vỏn vẹn 4-5 triệu đồng VN. Tuy vậy, thế cũng là cỡ nhành nhành ở khu chợ 1 này rồi."

Để có một suất ngồi, mỗi người buôn tiền phải đóng tiền "lót" là 80,000 đồng/tháng cho ban quản lý chợ Móng Cái. Với số vốn 4-5 triệu đồng, thu nhập như chị Viện cũng đủ trang trải vì mức lời trung bình 30,000 - 40,000 đồng/ngày.

Ở chợ Móng Cái bên cạnh đội quân "ngồi chiếu" còn có tới 40 người đổi tiền chuyên "ngồi ghế." Họ bám xung quanh khu tường bao của chợ. Mỗi người sở hữu hai chiếc ghế nhựa (một cho chủ và một cho khách). Ở đây, ngồi chiếu hay ngồi ghế là những từ mà dân địa phương dùng để phân biệt với nhóm đổi tiền "lưu động." Suốt ngày những người lưu động này lượn lờ khắp chợ với công việc phần lớn là đi "khảo," thông báo tỉ giá và làm môi giới. Chị Nguyễn Thị Hương, một người đổi tiền ở sát cửa chợ Móng Cái, vừa đưa một xấp nhân dân tệ cho một ông khách đi xe gắn máy vừa nói: "Chợ họp chẳng cần có qui hoạch. Ai thích ngồi đâu cũng được, miễn sao "câu" được khách đến "ăn tiền."

Chẳng thế mà khách đi từ cầu Ka Long (cửa ngỏ của thị xã) vào là gặp ngay đám "ngồi chiếu," khách từ bến cảng (cửa khẩu Tiểu Ngạch) lên hay vừa mua bán ở chợ ra sẽ vấp phải đám "ngồi ghế." Chị Hương giải thích thêm: "Điều khó nhất đối với người đổi tiền là phải làm sao quen được với khách, lập được quan hệ trước, nhất là đối với khách sang Trung Quốc làm ăn. Đó là nguồn hàng! Tạo được lòng tin đối với họ rồi thì khi từ Trung Quốc về, có đồng nhân dân tệ nào là họ lại tìm đến mình đổi. Cho nên việc thành hình nhiều vệ tinh là hết sức cần thiết."

Đến đây phần nào hiểu được sự giúp đỡ quá "vô tư" của những người dân ở Móng Cái. Bởi theo tỉ giá giữa đồng nhân dân tệ và đồng VN vào ngày 3-6-2000 (giá bán: 1 NDT - 1,657 đồng VN, giá mua: 1 NDT - 1,651 đồng VN) thì đổi 1 triệu đồng VN họ đã lời tới 6,000 đồng. Theo những người đổi tiền, sự chênh lệch tỉ giá mua và bán ở chợ tiền như vậy là bình thường. Nếu đổi nhỏ cỡ vài trăm ngàn đồng VN thì lãi suất còn cao hơn nữa.

Người buôn tiền...

Chính mức lời cao đã thu hút nhiều người "làm thay" công việc và chức năng của ngành ngân hàng. Chị Mộng Thanh Thìn, người có "thâm niên" đổi tiền cao nhất chợ, được người ở đây bầu làm hội trưởng hội đổi tiền, cho biết: "Vào những năm 1979 - 1980 chỉ có vài người làm dịch vụ đổi tiền bên kia cầu Ka Long. Đến năm 1991, sau khi hai nước Việt - Trung bình thường hóa quan hệ, hiệp định thương mại song phương được ký kết và nhất là khi huyện Hải Ninh trở thành thị xã thì số người tham gia đổi tiền gia tăng. Cái chợ tiền đã hình thành, mạnh cả về qui mô lẫn phương thức hoạt động. Đến nay, tính cả hai chợ (khu 1 và khu 2) đã có tới gần 300 người, riêng khu 1 (cổng chợ Móng Cái) có khoảng 100 người, còn lại dồn cả vào khu 2."

Quả là khu 2 có qui mô và tập trung khả năng thanh toán của chợ tiền biên giới như lời đồn đại lâu nay. Khu này nằm cách biệt với chợ Móng Cái qua một con đường. Trong năm dãy nhà mái tôn bày bán đủ các loại hàng có tới hai dãy dành cho khu chợ tiền 2. Một dãy mới nữa đang sắp sửa thành hình. Trong chợ cứ bốn người một chiếu rộng chừng 2 mét vuông. "Cư dân" ở đây người

nào cũng trang bị máy điện thoại riêng. Người lạ vào chợ cứ ngỡ lạc vào một mạng nhện khổng lồ bởi vô số đường dây điện thoại mắc chằng chịt với nhau. Có lẽ chưa có khu chợ nào lại "hiện đại hóa" cỡ như vậy. Ngoài ra, còn có tới 1/3 số người buôn tiền sử dụng thêm điện thoại lưu động. Chị Lê Thị Hường, một người ngồi ở chiếu trung tâm chợ 2, cho hay: "Tiền vốn lưu động trong rương của những người ở đây tối thiểu cũng phải 30 triệu. Tuy nhiên, số tiền này cũng chỉ để giải quyết cho các tình huống cấp bách khi khách "ăn" tiền cần đi Trung Quốc gấp. Đây là chỗ để chúng tôi giao dịch. Buôn có bạn, bán có phường mà!".

Thời điểm chợ tiền sôi động nhất là vào 8 giờ và 14 giờ, thời điểm cửa khẩu mở. Được chứng kiến tận mắt cảnh trao đổi và giao dịch, sẽ nhận ra rằng những người buôn tiền luôn giấu kín không chỉ tên khách hàng và địa điểm giao tiền mà còn tên của một vài "chủ lớn." Chị Hường giải thích: "Khách 'ăn' tiền bây giờ phần lớn chỉ muốn làm trực tiếp với chủ lớn vì họ có nhiều vốn, nhưng thật ra những người này rất ít ra mặt mà chỉ ngấm ngầm cho những người buôn tiền ở đây vay. Các chủ lớn mới đích thực là người buôn tiền tại đây."

Có ít nhất ba chủ lớn đang hoạt động. Họ sẵn sàng cho bất cứ ai vay cỡ vài trăm triệu làm vốn để tham gia chợ tiền miễn sao cho họ thấy được tài sản thế chấp. Chị Hằng, một chủ lớn, cho biết có tới 1/2 số lượng người ở chợ tiền là những chủ nhỏ bằng cách vay tiền của chủ lớn và họ không bao giờ muốn khách hàng biết mình đang làm việc cho ai. Khi vay họ phải chấp nhận mức lãi thấp đi. Dựa vào tiềm năng về vốn của chủ lớn, một chủ nhỏ vẫn có thể thực hiện được các thương vụ lớn vượt quá giá trị tài sản thế chấp của mình. Đối với những trường hợp này, mặc dù là vốn của chủ lớn nhưng các chủ nhỏ vẫn được "ăn phần lẻ." Đương nhiên đằng sau những chủ lớn này có cả một hệ thống luật lệ riêng bảo vệ nên hấp dẫn người vay tiền hơn so với ngân hàng. Điều dễ nhận thấy là với phương thức này, các chủ lớn có thể tự điều phối linh hoạt được tỉ giá hằng ngày. Ngay như mức chênh lệch tỉ giá ở chợ tiền vào bất cứ thời điểm nào cũng có sự dao động nhiều hơn so với ngân hàng tới vài "lẻ" (trung bình giá mua và bán nhân dân tệ trong các ngân hàng chỉ chênh lệch 2,000 đồng VN/nhân dân tệ. Bằng phương thức cho vay này, các chủ lớn tránh được hậu quả là khách "ăn" tiền vỡ nợ.

... Và những rủi ro

Tiền tệ ở đây đã trở thành một loại hàng hóa thông thường để người ta có thể công khai trao đổi và kinh doanh. Tuy nhiên, kinh doanh loại hàng hóa đặc biệt này những người buôn tiền phải đối mặt với nhiều rủi ro bất trắc. Chị Nguyễn Thị Hương cho biết: "Khi đổi tiền chúng tôi phải ngắm nghía kỹ lắm, nhưng cũng khó tránh khỏi bị đổi phải tiền giả. Các khách hàng thường dùng thủ đoạn nhét tiền giả vào giữa những xấp tiền thật, nếu bị phát giác thì nói là nhầm. Biết là bị lừa đấy nhưng không muốn làm to chuyện vì sợ mất khách." Còn chị Thìn hậm hực kể: "Vào đầu năm 1999, có con nhỏ bán rau qua đây đổi tiền được bốn lần, đến lần thứ năm vay 1,600 nhân dân tệ rồi mất luôn. Trước khi đi nó còn 'tặng' kỷ niệm cho tôi một mớ rau." Như tìm được người thông cảm với hoàn cảnh éo le của mình, chị Bùi Thị Viện, người đổi tiền "ngồi chiếu" đã bị mất 20,000 nhân dân tệ vào năm 1997, cũng rầu rầu kể: "Thời gian ấy đúng là tôi phá sản. Có khoảng hơn 30 triệu đồng vốn ky cóp của cả gia đình trong nhiều năm thì bị một ông chủ hàng lừa mất. Ông chồng tôi xót của vay được 1 triệu ra tận Nam Định tìm nhưng không thấy. Thế là tay trắng lại thêm trắng hơn."

Để có "đầu vào" là đồng nhân dân tệ, nhiều chủ nhỏ đã phải bán nhà khi bị khách hàng xù nợ, bởi do phương thức kinh doanh "thoáng" của những người buôn tiền, họ sẵn sàng ứng cho khách hàng nợ. Anh H. là một chủ nhỏ đã phải bán nhà, bỏ nghề đi bán nước chè ở ngoài thị xã chỉ vì cho một chủ hàng vay 400 triệu đồng mà không đòi được. Điều đáng nói là những rủi ro dù nặng hay nhẹ đều được giấu kín không dám khai báo với công an. Ngoài chuyện tham gia đổi tiền là trái luật thì như chị Viện cho biết: "Tản sản đứt ruột của mình bị mất, mình tìm không thấy thì còn ai tìm ra. Với lại, cỡ vài triệu đồng chắc gì người ta đã tìm." Chẳng thế mà khi được hỏi, Nguyễn Văn Hoan, phó Công an thị xã Móng Cái, đã nói: "Từ vài năm nay chúng tôi không nhận được một đơn kiện nào cả. Tuy vậy, thực tế khu vực

chợ nào cũng không thể tránh khỏi những vấn đề xã hội ví như lừa đảo."

Ai cũng hiểu những rủi ro ở chợ tiền vẫn đang tiếp tục rình rập, chờ cơ hội bùng phát.

NẠN ĐÓI LAN NHANH TRONG VÙNG LŨ LỤT ĐỒNG BẰNG CỬU LONG

Chạy lụt và không mang theo được nhiều thứ, nhất là lúa gạo, nhiều chục ngàn nạn nhân trận lũ lụt tệ hại nhất suốt 40 năm qua đang đói. Sự giúp đỡ của nhà cầm quyền CSVN vừa chậm vừa ít ỏi nên số người đói tăng lên thất nhanh. Dựa theo báo cáo địa phương, tờ Lao Động nói ba tỉnh Long An, Đồng Tháp, An Giang hiện có 17,655 hộ đói nhưng "đã cứu trợ được 6,084 hộ."

Báo này tường thuật (số ra ngày 20-9) là cho tới nay đã có 337,238 hộ (đơn vị nhà, gia đình) dân bị ngập lụt. Nhưng chỉ mới di dời được 19,095 hộ. Một số nhà không chịu đi dù nước ngập lưng nhà, phần lớn đã không thể đi đâu vì không có xuồng, phương tiện di chuyển duy nhất trong biển nước mênh mông.

Các gia đình miền Nam nhất là các vùng nhà quê ít chịu theo các biện pháp ngừa thai nên thường có đông con cái. Nếu chỉ tính trung bình mỗi gia đình có hai đứa con như sự khuyến cáo của nhà nước, số người bị đói do hoàn cảnh lũ lụt trong khu vực đầu nguồn sông Cửu Long cũng phải lối 70,000 người mà nhà nước mới chỉ giúp đỡ cho được hơn một phần ba trong số này.

Nạn đói lan nhanh vì sự giúp đỡ chậm chạp và không đủ. Không phải chỉ có dân ba tỉnh kể trên đói, nạn đói còn lan sang các tỉnh kế cận như Tiền Giang và Kiên Giang. Tờ Lao Động viết: "Nhiều tỉnh ở vùng hạ lưu, lũ đã bắt đầu xuất hiện, phủ dần các trà lúa, nhà cửa, các công trình hạ tầng (đường xá, trục lộ giao thông), ...cảnh thiếu đói, màn trời chiếu đất đang lan nhanh trong đời sống dân chúng."

Chi tiết về dấu hiệu đói, báo Lao Động kể trường hợp anh Tiên Giao, 35 tuổi người ấp Tà Teng không dấu được nước mắt khi tâm sự với ký giả: "Nhà có một vợ ba con, hy vọng vào vụ lúa này để có cái ăn trong mấy tháng cuối năm. Không ngờ năm công lúa đang gieo sạ lên xanh tốt bỗng chốc bị lũ nhấn chìm hết. Nhà cũng bị ngập phải dời tạm lên con đê này. Hàng ngày vợ chồng hì hục dưới nước hàng chục cây số để tìm cây bàng về đan đệm bán. Nhưng cố gắng lắm cũng chỉ kiếm được gần 5,000 đồng/ngày, không đủ mua gạo nấu cháo. Trong những ngày tới, gia đình tôi chắc sẽ không thoát khỏi cảnh thiếu đói..."

Không khá gì hơn, gia đình ông Nguyễn Huy Hoàng, 48 tuổi, ở Tân Thạnh, xã Tân Khánh Hòa, nói rằng gia đình ông trông cậy vào gần một mẫu lúa mùa. Gieo sạ hai lần mới lên tốt. Chưa kịp mừng thì lũ ập đến. Bây giờ ruộng là biển nước... Ông bây giờ đi chặt cây tràm về làm củi bán để vừa nuôi vợ ốm và mấy đứa con.

Tại Hà Nội, trong một chỉ thị gửi đến các tỉnh để đôn đốc chuyện đối phó với lũ lụt, PTT thường trực Nguyễn Tấn Dũng viết ngày 20-9 rằng: "Phải khẩn trương bổ sung các giải pháp để đối phó với lũ lớn, trên diện rộng và kéo dài, phương án cứu hộ, cứu trợ phải rất cụ thể..."

Một đoạn khác của chỉ thị này viết rằng: "Tổ chức triển khai ngay việc cứu trợ cho đồng bào nghèo vùng ngập lũ đang gặp khó khăn gay gắt...Kiên quyết không để dân đói, càng không được để dân chết do đói, bảo đảm đủ thuốc, phòng chữa bệnh, hạn chế dịch bệnh, nhất là sau khi lũ rút..."

Tuy nhiên, cho tới nay 6,000 cái xuồng nhỏ rẻ tiền phát cho dân chạy lũ như đã được loan báo chưa thấy có. Và số người đói như trên tường thuật lên hàng nhiều chục ngàn người đang tăng nhanh.

Cũng tin từ Hà Nội cách đây hai ngày, nhà cầm quyền CSVN không có ý định giảm chỉ tiêu xuất cảng gạo ra ngoại quốc trong năm nay như dự trù hồi đầu năm là 4.3 triệu tấn dù lũ lụt và đói ngay nơi sản xuất lúa gạo. Chỉ riêng tháng này cũng xuất cảng 500,000 tấn.

CHÚ BÉ HARRY POTTER ĐẾN VIỆT NAM

Chú bé 12 tuổi Harry Potter, nhân vật tiểu thuyết hoang đường nổi tiếng thế giới của nữ tác giả người Anh, J.K. Rowling, đã đến Việt Nam, khi được biết nhà xuất bản Tuổi Trẻ ở Sài Gòn đã xin phép dịch và in 20,000 ấn bản từ tập truyện đầu trong loạt truyện phiêu lưu hoang tưởng, tập *Harry Potter and the Sorcerer's Stone.*

Nhân vật Harry Potter là một cậu bé 12 tuổi học được ở trường dạy phù thủy nhiều phép lạ đã đưa cậu qua nhiều cuộc phiêu lưu kỳ thú có tính cách giáo dục và cuối cùng cái

thiện thắng cái ác.

Loạt truyện của bà Rowling đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng, mà theo tin tức trên báo chí đã có 37 nhà xuất bản ngoại quốc điều đình với bà xin dịch và xuất bản, trong đó có cả CSVN và Trung Cộng. Bà đã kiếm được hơn 40 triệu mỹ kim nhờ vào tác quyền của các truyện phiêu lưu thần kỳ của Harry Potter.

Tại Trung Cộng, nhà xuất bản quốc doanh Văn Chương Nhân Dân Ấn Thư Cục đã phải trả lối 165,000 mỹ kim để được nhượng tác quyền phiên dịch, một số tiền rất lớn trả cho tác quyền tại xứ này. Để phòng ngừa bị giả mạo và những nhà xuất bản khác ăn cắp in lại, nhà xuất bản trên dùng một loại giấy đặc biệt màu xanh lá cây nhạt và cuốn truyện được bọc kín.

Tại Việt Nam, tác giả không được trả nhiều tiền như vậy. Các tin tức tiết lộ nói rằng nhà xuất bản Tuổi Trẻ chỉ trả cho tác giả 6% tiền tác quyền cho số in nếu dưới 15,000 và bên trên số đó là 7%. Sách cũng không được in trọn cuốn mà được chia thành từng tập nhỏ dày chừng 100 trang và bán với giá 4,500 đồng (lối 30 xu Mỹ).

Người ta không rõ số in thực sự của nhà xuất bản Tuổi Trẻ tại Việt Nam là bao nhiêu. Thông thường các nhà xuất bản khai nộp lưu chiểu với những số in rất nhỏ nhưng in ra và phát hành với những số lớn hơn nhiều lần. Khi tái bản họ cứ tự động in lại mà không thông báo cho tác giả để khỏi phải trả thêm tiền bản quyền. Tình trạng này rất phổ biến chưa kể đến nạn in lậu của những người khác chen vào kiếm ăn mà không phải trả tiền bản quyền cho tác giả hay dịch giả.

NGHỆ AN: DÂN ĐÓI PHÁ RỪNG ĐỐT THAN

Dù biết là bị cấm nhưng rất nhiều người sống ở các khu rừng đã cứ đốt rừng lấy than củi đem bán, làm rừng núi tại đây trơ trụi, theo bản tin của tờ Tuổi Trẻ ngày 14-9.

Từ mờ sáng, từng đoàn người dân tộc Thái, Thanh từ các bản của các xã Châu Quang, Châu Cường, Châu Thái thuộc huyện Quỳ Hợp tỉnh Nghệ An vác những cây rựa quéo tiến vào rừng Khủn Tinh. Gặp rừng là họ chặt cây, bất kể cây gì, bất kể nhỏ to. Sáng chặt cây, trưa đào hố, tối tấp củi, kẻ đất. Sáng hôm sau, họ đốt cho đến hai giờ chiều. Than đốt xong đóng thành bao đưa về bản rồi sau đó bán về miền xuôi. Rừng Nghệ An lại càng trơ trụi vì không cây gì cao quá đầu người còn sót lại. Vi Văn Thanh, người bản Cà xã Châu Quang nói: "Không đi làm than, sao sống qua khỏi tháng Tám này."

Từ các bản nhỏ, than củi được đưa suốt ngày đêm vào thị trấn Quỳ Hợp. Giá cứ 13,000 đồng đến 14,000 đồng một bao. Tiền trả xong, than được bốc lên xe "công nông" đưa đến các điểm tập trung để chở về thành phố Vinh. Cả nhà anh Thanh đi đốt than như vậy mỗi lần được ít nhất bốn bao.

Trong khi đó, "đội quân đốt than" ở ba xã Quỳnh Vinh, Quỳnh Thiện, Quỳnh Thắng thuộc huyện Quỳnh Lưu lại tiến xa hơn 15 cây số hướng vào vùng rừng núi giáp ranh giữa hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An. Dân vùng này cho rằng đốt than là một nghề tự nhiên. Khi được hỏi có phải đốt than là đốt rừng không, họ đồng thanh nói: "Biết cả! Nhưng mà 'gạo châu' nó bắt mình phải làm những việc ngoài ý muốn."

Càng ngày rừng Việt Nam càng thu hẹp lại vì nạn phá rừng.

TRIỆT HẠ MÁY BẮT SÓNG TRUYỀN HÌNH VỆ TINH LẬU

Nhà cầm quyền Hà Nội đang gia tăng nỗ lực triệt hạ những máy bắt sóng truyền hình vệ tinh lậu đang ngày càng phổ biến ở Việt Nam, theo tin của tạp chí *Viễn Đông Kinh Tế Thời Báo* số mới nhất.

Far Eastern Economic Review (FEER) viết rằng hồi cuối tháng 8, Bộ Văn Hóa Thông Tin CSVN cho hay họ nhất quyết săn lùng các địa điểm có sử dụng các máy bắt sóng truyền hình vệ tinh (satellite-TV decoder box). Những máy này nhập lậu từ bên Thái Lan có khả năng để người ta coi được 38 đài, kể cả CNN, CNBC, BBC World và các đài tin tức của công ty UBC (United Broadcasting Corp.) tức công ty cung cấp các máy bắt sóng truyền hình.

Bề ngoài, nhà cầm quyền Hà Nội làm ra vẻ muốn ngăn chặn sự bắt sóng lậu. Trên nguyên tắc, người sở hữu hay thuê bao máy bắt sóng truyền hình vệ tinh phải trả một lệ phí hàng tháng, nhưng những người có máy tại Việt Nam không đóng một khoản tiền nào ngoài chuyện bỏ tiền mua máy và có cái ăng-ten đĩa.

Vũ Minh, một viên chức của Bộ trên nói: "Đây không phải là chuyện giới hạn thông tin. Nếu người Việt Nam

dùng máy bắt sóng truyền hình vệ tinh, Việt Nam đã vi phạm luật tác quyền." Tuy nhiên người ta nghĩ ngược lại những gì viên chức nhà nước nói. Các đài truyền hình CNN và CNBC đã được sử dụng rộng rãi qua hệ thống truyền hình nhà nước. Tại Việt Nam, trong khi các nhà ngoại giao và người ngoại quốc có thể ráp ăng-ten đĩa bắt sóng truyền hình vệ tinh, người trong nước phải xin phép.

Một người bán máy bắt sóng truyền hình vệ tinh ở Hà Nội nói rằng từ năm ngoái đến nay, ông ta đã bán khoảng 400 máy và ông dự trù còn bán thêm nhiều nữa. Tin bắt người dùng truyền hình vệ tinh lậu không làm ông nao núng. Ông nói "Chính sách là một chuyện, thi hành lại là chuyện khác."

Các quán bia ôm, cà phê, tiệm nhậu Sài Gòn không mấy nơi không có truyền hình vệ tinh. Những nơi này còn là các tụ điểm cá độ thể thao, nhất là những trận đá bóng quan trọng tranh giải vô địch Âu châu hay vô địch thế giới.

TÌNH TRẠNG PHÁ THAI NGÀY CÀNG TĂNG

Thành phố Sài Gòn càng ngày càng có nhiều vụ phá thai mà chỉ riêng sáu tháng đầu năm 2000, đã có tất cả 66,931 vụ phá thai được thống kê từ các bệnh viện. Nếu kể chung những lần phá thai từ các bác sĩ tư, các địa điểm phá thai lậu cho đỡ tốn kém hay cần giữ tai tiếng, con số này chắc chắn phải cao hơn nhiều. Tuy nhiên không ai có được thống kê chính xác.

Thống kê năm 1999 về vấn đề "Điều hòa kinh nguyệt" - một cái tên gọi tránh cho hai chữ phá thai - của cả các bệnh viện tại Sài Gòn cho thấy, nơi đây có 131,653 vụ nạo hút, phá thai. Trong số này, có 1,179 vụ là các thiếu nữ dưới 18 tuổi. Năm trước đó có 138,222 trường hợp nạo phá thai ở Sài Gòn mà 1,240 vụ là các thiếu nữ dưới 18 tuổi.

Để giảm đà gia tăng dân số, nhà cầm quyền Hà Nội liên tiếp đưa ra các chương trình "kế hoạch hóa gia đình" mấy năm qua. Các cặp vợ chồng được khuyến cáo không nên có quá hai đứa con. Đảng viên, cán bộ nhà nước có đứa con thứ ba sẽ bị mất việc.

Trên khắp nước, vấn đề ngừa thai phá thai được phổ biến và khuyến khích rộng rãi. Tại nhiều vùng thôn quê, phụ nữ được gọi đi lấy thuốc ngừa thai hay đặt vòng xoắn theo chỉ thị.

Tuy cố gắng chặn đà gia tăng dân số qua các chương trình ngừa thai, phá thai nhưng tỉ lệ sinh sản tại Việt Nam vẫn không giảm được nhiều. Theo tin tức từ Ủy Ban Quốc Gia Dân Số Hà Nội, "quí I của năm 2000, mức sinh trong cả nước có xu hướng tăng lên so với cùng thời gian này của năm 1999." Chỉ riêng hai tháng đầu năm nay, đã có 9,076 trẻ ra đời, tăng 9.7% mà trong số này có hơn 15% là những người sinh con thứ ba. Rất nhiều người muốn có đứa con sinh ra trong năm "Rồng."

Một tổ chức tư nhân Hoa Kỳ, Planned Parenthood, đang cộng tác với một số địa phương, dạy có tính cách thí điểm môn giáo dục sinh lý tại một số trường trung học.

CHỨNG BỤI PHỔI DO THIẾU AN TOÀN LAO ĐỘNG

Vấn đề an toàn lao động đã không được coi trọng nên người ta thấy 85 người trong số 92 công nhân đến khám phổi tại "Bộ môn Lao và Bệnh phổi" thuộc Đại học Y dược Sài Gòn được chẩn đoán là có bụi trong phổi.

Tình trạng này đưa đến các hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe và tính mạng. Theo báo Người Lao Động, những chẩn đoán ban đầu cho thấy các công nhân trên bị bệnh Talcosis (bụi phổi, bột talc). Trường hợp này xảy ra đối với những người làm việc trong các cơ sở sản xuất giây thun, vỏ ruột xe v.v... Hầu hết những người bị bệnh Talcosis đều ở lứa tuổi rất trẻ, từ 20 đến 21 tuổi. Có người mới làm việc được một hai năm. Đây là loại bệnh nghề nghiệp không thể chữa trị.

Báo Người Lao Động cho hay các bác sĩ cho biết có 42 trường hợp ở giai đoạn trầm trọng được khuyến cáo phải nghỉ việc ngay. Có 43 trường hợp là những người mới chớm bệnh, cần nghỉ và chuyển sang các loại việc khác không có bụi, nếu không sẽ nặng thêm.

TRANH CHẤP LAO ĐỘNG LIÊN MIÊN Ở SÀI GÒN

Hơn 4,000 công nhân làm việc cho một công ty giày da có vốn ngoại quốc đã đình công và bạo động, chống lại sự đối xử tàn nhẫn của ban giám đốc, theo tin của tờ Lao Động số ra ngày 14-9-2000.

Từ tháng 7 đến nay, có rất nhiều các cuộc đình công xảy ra ở Sài Gòn và các vùng phụ cận để phản đối chế độ lương bổng chết đói trong khi phải làm việc quá nhiều giờ, dù đó là quốc doanh, liên doanh hay tư doanh.

Theo tin tờ Lao Động ngày 14-9-00, vụ mới nhất đang xảy ra là hơn 4,000 công nhân

hãng giày da Huê Phong (phường 12, quận Gò Vấp Sài Gòn) khởi sự đình công từ 7 giờ sáng ngày 13-9. Sự việc trở nên lớn khi công nhân xếp hàng đi ăn chiều ngày 12-9 và một nữ công nhân đã bị "xếp nhà ăn" là Thi Tường (người Đài Loan) đẩy dúi vào đám đông vì không xếp hàng ngay ngắn. Cô này phản ứng lại và bị Tường "nắm tóc, đấm vào mặt."

Thấy vậy cả một đám đông công nhân đã nhào tới đánh hội đồng ông xếp nhà ăn. Hai nhân viên an ninh xông tới "đàn áp" công nhân liền bị gần 1,000 công nhân đuổi đánh cả nhóm an ninh cũng như các chuyên gia Đài Loan.

Báo Lao Động nói suốt từ 18 giờ 30 đến 22 giờ đêm, khoảng 2,500 công nhân cả nam lẫn nữ đã kéo vào văn phòng đòi Ban Giám Đốc phản đối lối cư xử của ông quan "chủ quản nhà ăn." Ban giám đốc không tiếp nên công nhân đã nhịn bữa ăn tối. Lúc này, thêm khoảng 1,000 công nhân hãng ở phía ngoài cũng đổ tới để phòng trường hợp những nghười phía trong bị đối xử thô bạo. Không thấy được giải quyết, một số người đã đập phá hơn 40 cửa kính, hàng chục chậu cảnh và nhiều bàn ghế.

Cũng trong ngày 12-9, hơn 500 công nhân làm việc tại công ty hải sản quốc doanh "Thủy Sản Số 1" (quận Tân Bình) đã đình công, chống lại mức lương chết đói, chừng 400,000 đồng tháng (lối 28 đô la) trong khi họ phải làm việc từ 7 giờ sáng tới 7 giờ tối mà có khi phải làm đến 10 giờ đêm mới được thả về.

Mấy ngày trước, báo Lao Động loan tin ông chủ người Đức của công ty Fashy (tỉnh Đồng Nai) đã bắt hơn 100 công nhân nhịn ăn ngày 4-9-2000 để trị tội không tuân lệnh đổi giờ làm việc.

Theo báo Người Lao Động, rất nhiều công ty sản xuất bắt nhân công làm việc từ 7 giờ sáng đến 9 hay 10 giờ tối mà không được hưởng tiền phụ trội như luật lệ lao động đòi hỏi. Tờ báo này kể công ty Minh Tâm đã bắt công nhân làm liên tiếp ba ngày hai đêm cho tới khi công nhân kiệt sức chịu hết nổi mới cho nghỉ.

NGƯỜI VIỆT MÀ KHÔNG ĐƯỢC LÀM CÔNG DÂN VIỆT

Chuyện có vẻ khôi hài nhưng lại là sự thật đang diễn ra tại Việt Nam và đã kéo dài từ hơn 20 năm qua, sau khi hàng chục ngàn người Việt Nam chạy từ Cam Bốt về Việt Nam để tránh "cáp duồn" từ lúc Pol Pot chiếm được chính quyền trên đất Chùa Tháp năm 1975.

Những người Việt Nam nạn nhân chiến tranh và nạn nhân của diệt chủng bồng bế nhau bỏ hết sản nghiệp chạy về đến quê hương, tưởng được nhà cầm quyền của mình cưu mang và yêm tâm làm lại cuộc đời. Nhưng theo tờ Tuổi Trẻ, cho tới nay, họ vẫn không được nhìn nhận là công dân Việt Nam trên phương diện pháp lý. Nhiều người trong số này đã làm đơn xin hồi Việt tịch để được hợp thức hóa tình trạng cư trú cũng như được hưởng các quyền lợi của một công dân.

Khoảng đầu tháng 7-1999, Sở Tư Pháp ở Sài Gòn bắt đầu nhận đơn xin "nhập quốc tịch Việt Nam" cho phần lớn là những người Cam Bốt gốc Việt. Nguyễn Văn Thông, viên chức của sở này là người có trách nhiệm nhận đơn. Ông này nói sau khi bổ túc đầy đủ các loại giấy tờ cần thiết hợp lệ, người xin sẽ phải chờ 12 tháng sau mới biết kết quả. Đến nay, hơn một năm đã trôi qua và ông Nguyễn Văn Thông đã về hưu, những người nộp đơn kể trên không hề được nghe nói gì đến nguyện vọng của họ.

Hồng Văn Hải, cán bộ Sở Tư Pháp Sài Gòn, người phụ trách trả hồ sơ cho các người xin nhập Việt tịch, cho biết, đến ngày 15-8-2000 "mặc dù có những hồ sơ chuyển lên cấp trên đã hơn một năm qua, vẫn chưa thấy có cái nào quay lại và cũng không biết đến bao giờ nữa..."

Báo Tuổi Trẻ cho hay, hầu hết những người chạy loạn từ đất Cam Bốt trở về đều không có một mảnh giấy tùy thân. Họ đã sống trên quê hương hơn 20 năm qua trong tình trạng tạm trú không có quốc tịch. Khi ở Cam Bốt thì họ lại mang quốc tịch Việt Nam và khi về đến quê hương thì lại không được coi là công dân Việt Nam. Và vì không được coi là công dân Việt Nam họ không được cấp giấy tờ tùy thân như mọi người trong nước.

Ngày 20-5-98, quốc hội Hà Nội thông qua "Luật Quốc Tịch" và có hiệu lực từ 1-1-99, theo tờ Tuổi Trẻ, "nhiều người rất đỗi vui mừng, vội vàng lo các giấy tờ cần thiết và vay mượn cho đủ số tiền hai triệu đồng nộp lệ phí, mong sớm có quốc tịch Việt Nam cho phù hợp luật lệ hiện hành." Vậy mà hơn một năm đã trôi qua, tiền lệ phí đã lấy, luật đã có hiệu lực nhưng những nạn nhân chiến cuộc và nạn diệt chủng Pol Pot vẫn không được coi là công dân Việt Nam dù đang sống trên quê hương của họ liên tục hơn 20 năm qua.●

ÔNG CLINTON ĐI VIỆT NAM LÀM GÌ?

NGÔ NHÂN DỤNG

Lịch sử nước Mỹ vẫn được đánh dấu bằng một thứ lý tưởng khi dân tộc mới thành hình và tranh đấu giành độc lập, tự do này tự coi mình có sứ mạng mang hy vọng mới đến cho loài người. Tom Paine viết trong *Common Sense* : "Chúng ta sẽ làm lại thế giới (...to begin the world all over again.) Năm 1965, vào lúc chính phủ Mỹ gửi quân sang Việt Nam, Tổng thống Johnson nói, "Lịch sử và những thành tựu của chúng ta đã đặt trên vai chúng ta trách nhiệm chính là bảo vệ tự do trên trái đất này."

Nhưng khi lý tưởng đó xung đột với hành động thực tế, nước Mỹ lâm vào tình trạng mà sử gia Arthur M. Schelinger Jr. gọi là "phân liệt về tinh thần" (moral schizophrenia). Chiến tranh Việt Nam là một thí dụ, khi các phương tiện sử dụng không phù hợp với cứu cánh muốn đạt tới. Ông Schelinger Jr. viết: "Không chính quyền nào tìm hiểu thấu đáo có vấn đề an ninh quốc gia nào, có quyền lợi quốc gia nào biện minh cho việc đưa quân đội Mỹ đi dự một cuộc chiến tranh dài nhất trong lịch sử, biện minh cho sự lừa dối có hệ thống của giới lãnh đạo Hoa Kỳ đối với dân chúng và chính họ, cho cái chết của hàng ngàn người Mỹ và hàng trăm ngàn người Việt, Lào, Cam Bốt." (*Các Chu kỳ trong lịch sử Mỹ, The Cycles of American History,* 1986, trang 83.)

Đối với nước Mỹ, chuyến đi Việt Nam ngày 17 tháng 11 của Tổng thống Clinton nằm trong bối cảnh đó.

Thực tế

Phát ngôn viên Tòa Bạch ốc Joe Lockhart nói rằng chuyến đi của ông Clinton vừa có thực chất, vừa có tính chất tượng trưng. Vậy khi ông Clinton đi Việt Nam thì ông tính những tác dụng thực tế nào? Ông không thể ký kết văn kiện nào quan trọng, vì chưa có chuẩn bị. Nhưng trong năm 1999 đảng Cộng Sản Việt Nam không thể nghĩ đến chuyện mời ông Clinton qua Hà Nội vì trong đảng còn chưa thỏa thuận được với nhau có ký Hiệp định thương mại hay không. Đến đầu tháng Chín ông Trần Đức Lương mới ngỏ lời mời, nhân lúc hai bên gặp nhau mươi phút ở Liên Hiệp Quốc. Chỉ có hai tháng để chuẩn bị đón một vị quốc khách, cả bên mời lẫn bên được mời đều biết sẽ chẳng làm được chuyện gì quan trọng cả.

Cuộc đón tiếp sẽ gây thêm căng thẳng trong nội bộ Câu lạc bộ Ba Đình. Ai là người đóng vai chính thức đứng ra tiếp ông Tổng thống Mỹ? Chủ tịch nước Trần Đức Lương có vị trí một quốc trưởng như Tổng thống Mỹ, và Thủ tướng Phan Văn Khải có vai trò cầm đầu chính phủ giống ông Clinton, nhưng Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu mới thực là ông chủ lớn. Vậy nghi lễ đón ông Clinton của ông nào sẽ được trình diễn long trọng nhất trên truyền hình? Ai sẽ đóng vai "đón Mỹ" để có thể bị gán cho nhãn hiệu "thân Mỹ" trước ngày đại hội Đảng vào năm tới, hay là bộ ba chia đều trách nhiệm đó? Chắc chắn ông Clinton sẽ lên tiếng về những chuyện nhân quyền, tự do tôn giáo và chính trị, như cố Tổng thống Mitterand đã nói khi thăm Hà Nội, thủ lãnh nào trong đảng sẽ phải đứng nghe, và sẽ phải phản ứng ra sao? Bộ Ngoại giao Mỹ vừa xác nhận còn nhiều người bị giam giữ, quản thúc vì lý do tôn giáo và chính trị ở Việt Nam, không lẽ ông Clinton tới đó mà lại im lặng? Đầu tháng Chín, một tham vụ tòa Đại sứ Mỹ ở Hà Nội đã vào Huế thăm Thượng Tọa Thái Hòa ở chùa Từ Hiếu vì Quốc hội Mỹ yêu cầu Bộ Ngoại giao tìm hiểu tại sao Thượng Tọa Thái Hòa được Liên Hiệp Quốc mời đi dự Hội nghị Thiên niên kỷ các nhà lãnh đạo tôn giáo ở New York, chính phủ Mỹ đã sẵn sàng cấp chiếu khán nhập cảnh nhưng chính quyền Hà Nội không cho đi. Liệu ông Clinton có nêu lại thắc mắc đó với ông Phan Văn Khải hay không? Nếu ông Clinton theo phép lịch sự mời một lãnh tụ ở Hà Nội sang thăm Mỹ thì sẽ mời ai, ông Chủ tịch Trần Đức Lương hay ông Chủ lớn Lê Khả Phiêu? Đó là những thực tế có thể xảy ra, nhiều chuyện khá phiền toái.

Khi nhìn thấy những hậu quả thực tế rất nhỏ nhoi và cuộc đón tiếp có thể đầy phiền nhiễu đó, chúng ta tự hỏi tại sao Bộ Chính trị Cộng Sản Việt Nam lại mời ông Clinton qua vào lúc này sau mấy tháng dậm chân tại chỗ? Nếu có một người quyết định chuyện mời mọc này, thì người đó phải tính toán rằng mời ông

Clinton đến Hà Nội chỉ có lợi, cùng lắm là vô thưởng vô phạt, chứ không hại gì cho địa vị của mình cả. Người mạnh nhất hiện nay là ông Lê Khả Phiêu. Có thể đoán rằng ông Lê Khả Phiêu đã quyết định chính ông ta sẽ đóng vai ông chủ lớn đón tiếp ông Clinton, mấy người khác chỉ đóng vai phụ. Đó cũng là một dịp tô điểm cho hình ảnh và tiếng tăm của ông giống như lần công du nước Pháp hồi tháng Năm. Hoặc ngược lại, ông Phiêu có thể sẽ mặc cho ông Lương và ông Khải đón tiếp quốc khách cho đúng nghi lễ, còn mình làm cao đứng xa xa chỉ đạo. Rồi ông Phiêu có thể đóng vai như Mao Trạch Đông khi Nixon sang Bắc Kinh lần đầu, gặp ông Clinton trong một khung cảnh phi chính thức, vẫn oai nghi mà lại làm yên lòng đám thủ cựu và bài ngoại trong Trung ương Đảng. Đến kỳ đại hội tới, phe ông Phiêu có thể gán cho các ông Lương, Khải nhãn hiệu "thân Mỹ." Cách nào thì cũng có lợi cho ông ta cả.

Dư luận Mỹ chẳng mấy ai chú ý chuyến ghé thăm của ông Clinton, sau khi ông đã tới xứ Brunei dự hội nghị APEC vì nước đang bận theo dõi cuộc tranh cử năm 2000. Nếu ông Clinton có ghé thăm Cam Bốt hay Singapore thì còn đáng chú ý hơn. Vì đối với nước Mỹ bây giờ Việt Nam không còn là một xứ đáng quan tâm nữa, không mở cửa rộng như Cam Bốt, không quan trọng bằng Singapore. Việt Nam quan trọng trong thời chiến tranh lạnh, khi khối Cộng Sản Quốc tế đang đe dọa các nước Đông Nam Á theo kinh tế thị trường. Ngày nay khối cộng sản đã tan rã, mỗi đảng Cộng Sản còn sống sót còn lo đối phó với dân chúng nghèo đói dưới quyền họ, không có thời giờ gây chuyện với bên ngoài. Thị trường Việt Nam thì còn nhỏ so với Trung Quốc, mãi lực thấp so với Thái Lan, Indonesia và cơ cấu kinh tế thì chậm tiến ngang với Myanmar (Miến Điện), chưa thấy cơ hội làm ăn lớn nào cả.

Về địa dư, Việt Nam có thể đóng vai trò quan trọng ở Đông Nam Á. Nhưng tầm quan trọng của các quốc gia ngày nay là do sức mạnh kinh tế của mỗi nước, chứ không phải do vị trí trên bản đồ, do dân số đông hay nhiều quân đội, nhiều công an. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thành công nếu họ cố gắng làm cho cả thế giới không ai chú ý đến nước ta nữa, bằng cách kìm hãm sự thay đổi cơ cấu khiến kinh tế cả nước bị chậm lụt so với cả vùng. Thế giới bây giờ đang mở rộng, thương mại, đầu tư là vấn đề chính khi các nước nói chuyện ngoại giao. Nếu có một nước nào nhất định tách ra khỏi trào lưu đó thì dân chúng họ gánh chịu chứ những nước khác khỏi lo. Đó là lý do tại sao nhưng nước Việt Nam, Myanmar, Lào không còn được thế giới chú ý đến nữa. Chuyến đi thăm Việt Nam của ông Clinton có thể ảnh hưởng tốt đến kinh tế nước ta nếu ông mang theo các nhà kinh doanh và họ có dịp bàn chuyện tương lai, chuyện buôn bán, làm ăn thật sự chứ không phải chỉ đi ăn tiệc, bắt tay rồi về nhà quên đi. Khi các doanh nhân Mỹ đến Việt Nam làm ăn, thì đó là dấu hiệu tốt khiến các nhà đầu tư ngoại quốc khác cũng đến nhiều hơn, vì họ nhìn thấy tương lai hứa hẹn hơn. Nếu cả chuyến đi đó chỉ kết thúc với một thông cáo nói chuyện quá khứ, từ các binh sĩ Mỹ mất tích MIA đến chuyện chất độc da cam, thì có thể nói tất cả chỉ là những hành động tượng trưng mà thôi. Cuối tháng Chín, ông Ngoại trưởng Nguyễn Di Niên lại nhắc nhở chính phủ Mỹ phải nhớ bồi thường vụ chất độc da cam, lại muốn níu lấy chuyện quá khứ.

Tượng trưng

Như vậy thì chuyến đi của ông Bill Clinton sẽ mang tính chất tượng trưng cho cái gì? Trước hết là đối với cá nhân ông Clinton, trước khi rời chức vụ ông muốn để lại một dấu ấn trong nhiệm kỳ của ông. Trong tám năm cầm quyền, ông được tiếng tốt vì nền kinh tế Mỹ phồn thịnh và ổn định nhưng không ai coi ông là một vị tổng thống với một thành tích ngoại giao nào đáng kể.

Việc ông Clinton đi Việt Nam kết thúc những hành động của ông nhằm thiết lập liên hệ ngoại giao bình thường với một chế độ không bình thường. Đó là một chế độ không còn là cộng sản nhưng cũng không thành dân chủ tự do; nền kinh tế không chỉ huy tập trung nhưng cũng không phải thị trường, không còn khép kín đối với thế giới bên ngoài nhưng cũng chưa tỏ quyết tâm mở cửa. Đó cũng là một chính quyền không hẳn thân thiện với Mỹ đồng thời không dám tỏ ra thù nghịch với Mỹ.

Ông Clinton có thể coi là người đã đưa chế độ cộng sản ở Việt Nam dần dần đi vào vòng sinh hoạt chung của thế giới bên ngoài, trong khi chế độ đó còn ngập ngừng không dám quả quyết tiến vào.

Trước hết là việc bãi bỏ lệnh cấm vận năm 1994, rồi tuyên bố bình thường hóa bang giao năm 1995, năm 1996 mở cửa tòa đại sứ. Để khuyến khích chế độ Hà Nội bước thêm bước nữa trên đường cải tổ cơ cấu kinh tế và để giới đầu tư Mỹ dám thử bước chân vào Việt Nam, các hạn chế của luật Vanik Jackson được miễn thi hành từ năm 1998 và mỗi năm lại gia hạn. Những cử chỉ tượng trưng đó chưa phải là

bình thường, trước khi việc thương mại trở thành bình thường, vì bang giao quốc tế bây giờ chủ yếu là trao đổi thương mại và đầu tư. Với việc ký Hiệp định Thương mại Việt Mỹ năm 2000, nước Mỹ tiến đến gần Việt Nam một bước quan trọng khác, cho đến nay Hiệp định vẫn chưa được Quốc hội phê chuẩn. Những hành động của chính quyền Clinton rất thận trọng, chậm chạp, như thể một thầy thuốc chữa con bệnh từng bước một cho khỏi bị thuốc công phạt.

Thời gian kéo dài đó cũng vừa chậm đủ để cho dư luận dân Mỹ đối với Việt Nam thay đổi. Thế hệ những ông Clinton, Gore và W. Bush, McCain có thể gọi là thế hệ của chiến cuộc Việt Nam, dù tham chiến hay không họ đều chịu ảnh hưởng về tình trạng nhân tâm ly tán do cuộc chiến gây ra. Ông Clinton đã từng biểu tình chống chiến tranh Việt Nam, ông tìm cách được miễn dịch vì lý do học vấn. Thống đốc Bush cũng được miễn vì tình nguyện vào đoàn Vệ binh quốc gia. Phía bên kia, Nghị sĩ McCain làm bổn phận trong thời chiến và bị bắt cầm tù. Còn Phó Tổng thống Gore đi lính, được gửi sang Việt Nam làm phóng viên. Người Mỹ đặt những câu hỏi lớn về lý do tham chiến, về chính sách điều khiển cuộc chiến tranh, và mối chia rẽ giữa các thế hệ, giữa hai đảng, giữa chính quyền và dân chúng, giữa những người đi làm nghĩa vụ quân dịch và cấp chỉ huy tối cao ở Tòa Bạch ốc cũng như Ngũ giác đài. Mối chia rẽ lớn và thâm sâu hơn vì cuộc chiến tranh kéo dài. Việt Nam trở thành dấu chứng của một vết thương trong xã hội Mỹ.

Phải mất ba mươi năm vết thương đó mới lần lần hàn gắn lại. Trong cuộc tranh cử năm 1992 ông Clinton còn bị đặt câu hỏi tại sao không đi lính mà lại tìm cớ để miễn dịch. Trong cuộc tranh cử Tổng thống Mỹ năm nay không ai hỏi nhau đã làm gì trong thời chiến nữa. Những thanh niên phản chiến thời 1968-70 nay đã có con lớn, họ đang nghĩ đến lương bổng lúc về hưu hơn là nhớ lại những chuyện gì xẩy ra trước đây 30 năm. Những người phản đối chiến tranh cũng nhìn thấy rõ những hậu quả tang thương khi để cho quân cộng sản thắng trận, ngay từ lúc họ thấy những người Việt Nam vượt biển liều chết tìm tự do. Chính họ cũng không muốn khơi dậy những dấu vết về cách nhìn lầm lẫn của họ, có những người đã tỏ ra hối hận. Và năm nay, Nghị sĩ John McCain khi đi vận động tranh cử đã tạo ra một không khí hoàn toàn mới khi người Mỹ nhớ lại chiến tranh Việt Nam. Người cựu phi công, cựu tù binh Hỏa lò là chính khách đầu tiên hãnh diện khoe thành tích tham dự cuộc chiến đấu cho một nước Việt Nam tự do dân chủ. Khi thăm Việt Nam vào tháng Tư năm 2000, sau khi thôi không tranh cử tổng thống, ông John McCain nhận xét rằng kết quả cuộc chiến 25 năm trước là sai, phe xấu đáng lẽ nên thua thì đã thắng trận! Ông McCain đã khơi dậy lý tưởng phục vụ, lý tưởng làm bổn phận đối với đất nước mà không bị ai nghi ngờ là nói dối. Nước Mỹ lại bắt đầu được kích thích với những lý tưởng. Với tình trạng đó, chuyến công du Việt Nam của ông Clinton có thể coi là chấm dứt một giai đoạn lịch sử đối với người Mỹ. Nhưng đó là đối với nước Mỹ, người Mỹ. Còn người Việt Nam thì khác.

Sự có mặt của quân đội Mỹ ở Việt Nam là hệ quả của xung đột tư bản và cộng sản thế giới. Nước ta bị kẹt vào cuộc xung đột đó vì đảng Cộng Sản đã chiếm được chính quyền năm 1945, chia đôi đất nước vì áp lực Nga và Trung Cộng năm 1954, rồi đến năm 1959 họ quyết định "giải phóng miền Nam." Trong lịch sử Việt Nam, chiến tranh Nam Bắc nằm trong một biến cố lớn và lâu dài hơn. Bắt đầu là quá trình cộng sản hóa nước ta, khi đảng Cộng Sản thành lập năm 1930; và sau đó là quá trình tỉnh ngộ và tìm cách thoát khỏi chế độ cộng sản. Năm 1975 không những người dân miền Nam mà cả đồng bào miền Bắc đã thấy chế độ cộng sản là một lựa chọn lịch sử sai lầm. Năm 1989 họ càng hiểu rõ hơn. Nhưng đến nay nước Việt Nam vẫn chưa được bình thường hóa, người Việt Nam chưa được sống bình thường như bao nhiêu nước khác ở Đông Nam Á.

Nước Mỹ không thể nói là đã hết trách nhiệm đối với những thế hệ tương lai của nước Việt Nam, mà hiện giờ giấc mộng của bao nhiêu thanh thiếu niên là được đi học ở Mỹ, được sống đời sống tự do, sung túc như người Mỹ.

Cho nên chuyến đi Việt Nam của ông Clinton tượng trưng cho bước cuối cùng chấm dứt cơn khủng hoảng tâm lý của xã hội Mỹ do cuộc chiến Việt Nam tạo ra; nhưng đối với nhiều người Việt Nam ở trong nước thì cuộc thăm viếng phải là bước đầu tiên mở một vận hội mới cho vận động đòi tự do, dân chủ để phát triển kinh tế. Muốn vậy, ông Clinton phải lên tiếng kêu gọi chế độ cộng sản phải tôn trọng quyền tự do, dân chủ, quyền sống của con người Việt Nam. Có như vậy thì hàng triệu thanh niên Việt Nam và hơn 50 ngàn người lính Mỹ chết trong cuộc chiến mới không chết uổng.●

XÂY DỰNG XÃ HỘI DÂN SỰ Ở VIỆT NAM

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Sau đây là nguyên văn bài nói chuyện của ông Đoàn Viết Hoạt tại San Jose ngày 10 tháng Chín 2000, nhằm dịp Tết Trung Thu

Tôi được biết tại San Jose các bạn đã liên tục tổ chức ngày hội Trung Thu đến nay được chín năm. Đây là một việc làm đáng khích lệ tại hải ngoại để những thế hệ trẻ Việt Nam, dù là công dân Mỹ, không những vẫn có dịp tiếp cận với các sinh hoạt văn hóa riêng của Việt Nam, mà còn có được một môi trường văn hóa đa dạng phong phú trong đó văn hóa Việt hòa quyện vào văn hóa bản xứ Mỹ làm nền cho một đời sống văn hóa ngày càng toàn cầu hơn, nhân loại hơn. Tôi tin rằng các bạn trong ban tổ chức đã có một định hướng như thế nên trong năm thứ chín này các bạn mới tạo điều kiện để chúng ta cùng nhau chia xẻ những suy nghĩ về Việt Nam trong cả hai khía cạnh văn hóa tư tưởng và thực tế xã hội.

Trong tinh thần đó, hôm nay tôi muốn nói chuyện với quí vị và các bạn về một đề tài vừa có tính tư tưởng vừa có tính thời sự. Đó là vấn đề xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam. Đề tài này có tính thời sự vì như chúng ta đều biết, chế độ chính trị ở nước ta hiện nay là chế độ cộng sản. Bằng kiến thức sơ đẳng nhất, cũng như bằng kinh nghiệm thực tế của những nước đã sống dưới chế độ cộng sản, chúng ta đều thấy rằng chế độ cộng sản chưa bao giờ thành công trong việc xây dựng một xã hội phát triển, có tự do dân chủ, và các quyền dân sự và chính trị căn bản. Do đó việc xây dựng xã hội dân sự — trong đó mọi sinh hoạt xã hội, từ kinh tế thương mại, tới văn hóa xã hội và chính trị đều do người dân thực hiện— việc xây dựng một xã hội dân sự, hay còn gọi là xã hội công dân như thế, đi ngược với những cố gắng của ban lãnh đạo cộng sản ở Việt Nam hiện nay muốn duy trì và củng cố chế độ cộng sản. Xã hội dân sự càng định hình rõ nét và càng vững chắc hơn thì chế độ cộng sản càng suy yếu đi để cuối cùng sẽ bị tan vỡ hoàn toàn mở đường cho chế độ dân chủ ra đời. Hơn thế nữa, xã hội dân sự được hình thành và phát triển sẽ tạo môi trường và điều kiện triệt tiêu mọi mầm mống của độc quyền và độc tài dưới bất cứ hình thức nào. Tất nhiên để tiến trình này được thực hiện thành công và nhanh chóng chúng ta phải làm nhiều việc, bằng một lộ trình nhiều giai đoạn và với những phương thức và sáng kiến đa dạng, được hướng dẫn bởi một tầm nhìn xa dài và sâu rộng. Giới hạn thời gian và đề tài của buổi nói chuyện hôm nay không cho phép ta đi sâu vào những vấn đề này. Mong rằng chúng ta sẽ có một dịp khác để thảo luận về những vấn đề thời sự quan trọng này. Riêng hôm nay, chúng ta sẽ chú ý nhiều hơn về mặt tư tưởng trong khi thảo luận về xã hội dân sự và việc xây dựng xã hội dân sự ở Việt Nam, có lưu ý tới tình hình thực tế ở trong nước cũng như ở hải ngoại, và trên thế giới. Chúng ta sẽ trao đổi về xã hội dân sự nói chung và truyền thống và tư tưởng Việt trong việc xây dựng xã hội dân sự nói riêng.

Xã hội dân sự là danh từ tiếng Việt dùng để dịch sát nghĩa danh từ tiếng Anh là "civil society." Một số nhà nghiên cứu dùng danh từ *xã hội công dân*. Tôi cho rằng danh từ này diễn tả được thực chất cũng như nội dung của civil society hơn. Trong xã hội công dân, công dân vừa là chủ thể, vừa là mục đích của xã hội. Công dân là chủ thể vì chính công dân chứ không phải chính quyền tạo ra và điều hành các tổ chức và các sinh hoạt xã hội, khác với xã hội cộng sản hay các hình thức xã hội độc đoán tương tự trong đó mọi tổ chức và sinh hoạt xã hội hoặc do chính quyền tạo ra, hoặc phải chịu sự lãnh đạo, điều khiển của chính quyền. Trong xã hội công dân, luật pháp đóng vai trò then chốt. Nhưng trước hết luật pháp phải có tính độc lập, vô tư và phải được mọi công dân tôn trọng. Quan trọng hơn, luật pháp phải được người dân chấp thuận và nhằm bảo vệ

đời sống ổn định và các quyền căn bản của công dân chứ không nhằm bảo vệ chế độ và người cầm quyền.

Xã hội công dân do đó mang hai tính chất căn bản: một là *dân bản* (của dân, do dân và vì dân), và hai là *trọng pháp*. Chính quyền tất nhiên cũng do dân cử, và vì dân mà làm việc. Nhưng chính quyền chỉ là một bộ phận, dù là bộ phận quan trọng, trong đời sống toàn bộ của công dân, trong sinh hoạt toàn diện của xã hội. Chính quyền bao gồm hai yếu tố chính trị (bao hàm cả hoạt động đảng phái chính trị) và công quyền (bao hàm cả trung ương lẫn địa phương, cả hành pháp, lập pháp và tư pháp). Ngoài chính trị và công quyền, còn các mặt sinh hoạt khác có thể gộp lại trong hai lãnh vực lớn là kinh tế thương mại và văn hóa giáo dục. Trong xã hội công dân, đa số các sinh hoạt trong hai lãnh vực này đều nằm trong tay người dân, hay, theo cách nói của kinh tế thị trường, trong tay tư nhân. Chính quyền thường chỉ trực tiếp đứng ra thực hiện những công việc nào liên quan đến phúc lợi xã hội mà tư nhân không làm, hoặc làm nhưng không bảo đảm được phúc lợi chung của người dân. Như giáo dục, y tế, bưu điện. Ngay cả trong những lãnh vực này, ngày nay ở nhiều nước, tư nhân được khuyến khích tham gia ngày càng nhiều hơn. Vai trò của công quyền ngày càng giảm đi, từ quản lý, điều hành, sáng tạo và điều phối các điều kiện để công dân thực hiện được các quyền kinh tế, văn hóa và chính trị của mình. Người dân thực hiện các quyền này thông qua các tổ chức do họ chủ động hình thành để cùng làm việc với nhau. Vì sinh hoạt xã hội bao gồm cả ba lãnh vực kinh tế, văn hóa và chính trị, nên các tổ chức của công dân cũng hết sức đa dạng, vừa phù hợp với sở thích, sở trường của mỗi công dân, vừa đáp ứng nhu cầu phát triển phong phú và toàn diện của xã hội. Chính những sinh hoạt và tổ chức của công dân này (tức các tổ chức phi chính phủ, NGO) làm nên sức sống sinh động, phong phú và không ngừng tiến hóa của xã hội, của quốc gia. Do đó, nguyên tắc căn bản của xã hội công dân là: xã hội và các sinh hoạt mọi mặt của xã hội do người dân tổ chức và thực hiện nhằm phục vụ nhu cầu sống còn và tiến hóa của con người nói chung và người dân nói riêng. Chính quyền chỉ đóng vai trò điều hợp và bảo đảm công bằng xã hội và bình đẳng cơ hội cho mọi công dân.

Xã hội được tổ chức như thế cũng là một mô hình xã hội thật sự dân chủ. Người dân không phải chỉ bầu người đại diện để thay họ điều hành việc nước, mà còn trực tiếp tham gia vào mọi sinh hoạt của xã hội. Quốc gia, xã hội tiến được hay không là do ở người dân chứ không phải do ở các đảng phái chính trị hay do chính quyền. Nền dân chủ trong xã hội công dân mang một nội dung mới: *người dân trực tiếp tham gia việc nước*. Họ tham gia bằng bốn hình thức khác nhau: (1) bằng chính việc làm kiếm sống thường ngày của họ; (2) bằng các hoạt động xã hội mọi mặt qua các cơ sở và tổ chức tư nhân do họ lập ra (NGO); (3) bằng cách thường xuyên bầy tỏ ý kiến qua các cuộc biểu tình, hoặc các cuộc trưng cầu ý dân do chính quyền tổ chức, hoặc thăm dò ý dân do các cơ quan nghiên cứu tư nhân thực hiện; và (4) bằng cách tuyển chọn những người thay họ điều hành chính quyền. Ngày nay những nhà nghiên cứu gọi chế độ dân chủ được xây dựng trên nền tảng và trong môi sinh của xã hội công dân như thế là nền *dân chủ tham gia* (participatory democracy) để phân biệt với nền dân chủ đại diện (representative democracy). Xã hội công dân do đó tạo điều kiện và môi trường để nền dân chủ chuyển từ hình thức sang có nội dung, có thực chất hơn.

Xã hội dân sự còn có một nội dung khác nữa. Đó là một xã hội mà mỗi con người đơn lẻ đều có cơ hội và điều kiện để vừa phát huy tiềm năng riêng, vừa đóng góp vào việc thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội, và của cả nhân loại. Điều này đang trở thành hiện thực vì mỗi con người đơn lẻ đều có ba tính chất và ba nhu cầu: cá nhân, xã hội và nhân loại. Trong bối cảnh của thế giới toàn cầu hóa hôm nay, ba tính chất và ba nhu cầu này không những không mâu thuẫn với nhau, mà còn bổ sung và hỗ trợ nhau. Trước hết là tính chất cá nhân. Mỗi cá nhân mỗi khác, không cá nhân nào giống cá nhân nào, kể cả anh em cùng cha cùng mẹ. Nhưng ngoài tính chất cá nhân, mỗi người lại luôn sống chung với những người khác, nên trong quá trình sống từ nhỏ tới lớn dần dần hình thành một tính chất thứ hai là tính chất cộng đồng. Môi trường cộng đồng bao gồm từ gia đình tới làng xóm, tới quốc gia xã hội. Trong môi trường xã hội này mỗi cá nhân đều cần có điều kiện và cơ hội để trưởng thành lên, đồng thời bằng các hoạt động của mình đóng góp vào sự tiến hóa chung của xã hội. Mỗi cá nhân phải làm những điều chỉnh thích đáng để vừa có lợi cho mình, vừa có lợi

chung cho cộng đồng nơi mình sinh sống và làm việc. Sau cùng, mỗi cá nhân cũng là một con người, chia xẻ với các cá nhân khác những tính chất chung của loài người khác biệt với thiên nhiên và với các loài sinh vật khác. Và nếu mỗi cá nhân đều mang chung tính loài người, dù khác biệt như thế nào, thì mỗi xã hội tất nhiên cũng có tính nhân loại, dù do các điều kiện khác biệt về lịch sử, địa lý, nhân chủng, kinh tế và văn hóa, mỗi xã hội mỗi khác. Khía cạnh nhân loại này của mỗi cá nhân cũng như mỗi xã hội ngày càng nổi bật lên rõ nét hơn trong một thế giới ngày càng giao lưu dễ dàng và rộng mở hơn, trong bối cảnh của xu thế toàn cầu hóa.

Do đó, xã hội dân sự, vừa mang tính **dân bản**, vì đặt trọng tâm vào công dân chứ không vào chính quyền, ngày nay cũng mang tính **nhân bản**. *Người dân* vừa là *dân* vừa là *người*. Là dân vì cùng sống trong một quốc gia, là người vì cùng sống trong một thế giới đang trở thành một đại gia đình nhân loại. Nội dung hai mặt của công dân, người và dân, có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc xây dựng xã hội công dân ở tất cả các quốc gia. Trước hết nội dung này làm cho việc xây dựng xã hội công dân mang tính nhân loại, tính quốc tế, không còn bị hạn chế cho riêng một số quốc gia dân tộc "đặc ân," "ưu việt" nào. Mọi dân tộc đều có quyền xây dựng xã hội dân sự để tạo môi trường và điều kiện tối ưu phát triển mỗi con người. Hơn nữa, với thực tế giao lưu kinh tế và văn hóa thông tin quốc tế không biên giới, và với xu thế toàn cầu hóa, các quốc gia chậm phát triển ngày càng có thêm nhiều điều kiện và cơ hội để phát triển nhanh hơn, toàn diện hơn, trong đó có việc xây dựng xã hội dân sự như là một môi trường cần thiết cho phát triển. Có thể nói, không những các quốc gia phát triển chậm có thể xây dựng xã hội dân sự được nhờ trào lưu chung của thế giới, mà chính việc xây dựng xã hội công dân thúc đẩy nhanh quá trình phát triển. Tiềm năng của quần chúng, qua các tổ chức và hoạt động đa dạng và tự nguyện của chính quần chúng, sẽ có nhiều cơ hội để phát huy nhanh hơn và toàn bộ hơn. Đó là về mặt tích cực. Còn về mặt tiêu cực, xã hội công dân giới hạn bớt sự chi phối của chính quyền vào sinh hoạt xã hội, triệt tiêu cơ hội phát sinh độc tài, lạm quyền và tham nhũng. Như chúng ta đều biết, quan liêu, lạm quyền và tham nhũng là những trở lực lớn nhất cho việc phát triển xã hội. Xây dựng xã hội dân sự sẽ triệt tiêu mầm mống của những căn bệnh chính trị này.

Tất nhiên để cho xã hội công dân ra đời được, công dân trước hết phải có được các quyền tự do căn bản, trong đó ít nhất phải bảo đảm được hai quyền tự do đầu tiên: tự do ngôn luận và tư tưởng, và tự do lập hội và hội họp. Khi có hai quyền này, những công dân cùng sở thích và cùng quyền lợi, mới có thể tự nguyện đứng ra thành lập các tổ chức để phát huy sở trường của họ và bênh vực quyền lợi chung. Nhiều mạng lưới các tổ chức tư nhân, tự nguyện đa dạng như thế, từ kinh tế thương mại tới văn hóa giáo dục thông tin, và cả chính trị, sẽ tạo nên sức sống cho xã hội, làm cho xã hội ngày càng thực sự thuộc về người dân hơn, giới hạn đần quyền lực của giới cầm quyền. Luật pháp, được hình thành và thực thi một cách dân chủ và công minh, sẽ bảo đảm cơ hội đồng đều cho mọi người dân.

Tóm lại, *xã hội công dân* gồm ba nội dung chính:

1. gần như toàn bộ các *sinh hoạt xã hội* trong cả ba lãnh vực kinh tế thương mại, văn hóa thông tin giáo dục, và chính trị xã hội đều do người dân trực tiếp thực hiện;

2. công dân thực hiện các hoạt động này thông qua các *tổ chức tư nhân* đa dạng do họ tự nguyện thành lập. Các tổ chức này (bao gồm cả các tổ chức chính trị) phối hợp với nhau tạo ra những hệ thống mạng lưới quốc gia, và trong tình hình toàn cầu hóa hiện nay, có thể liên hợp với các tổ chức vùng (liên quốc gia) và quốc tế, giúp tạo được sức *di động xã hội* (social mobility) và *di động toàn cầu* (global mobility) cao và nhanh, thông lưu được hoạt động của người dân trong nước với khu vực và thế giới, thúc đẩy sự phát triển không ngừng của xã hội;

3. *chính quyền* nói chung, và những người cầm quyền nói riêng, không những bị chế tài bởi hệ thống chính trị và luật pháp dân chủ, mà còn bị giới hạn và kiểm soát bởi chính các tổ chức và hoạt động dân sự, ngoài và phi chính phủ của tư nhân, của công dân. Vai trò của chính quyền sẽ chuyển từ quản trị sang điều hợp, tạo và bảo đảm các điều kiện và cơ hội đồng đều cho mọi công dân không phân biệt vì bất cứ lý do gì.

Xã hội công dân như thế có thể hình thành được ở Việt Nam hay không? Trong tình hình thực tế hiện nay là đảng cộng sản đang nắm toàn quyền quyết định mọi vấn đề quan trọng

của đất nước, và chi phối mọi sinh hoạt của người dân? Và nhất là truyền thống xã hội Việt Nam có được các yếu tố thuận lợi cho việc xây dựng xã hội công dân hay không? Từ đặc tính vốn có của xã hội Việt Nam và tình hình thực tế hiện nay chúng ta có thể làm gì để xây dựng xã hội công dân?

Trước hết xã hội Việt Nam có hai truyền thống tốt đẹp thích hợp với khái niệm xã hội công dân ngày nay. Đó là tinh thần dân bản và các tục lệ sinh hoạt hội đoàn dân gian. *Tinh thần dân bản* hình như đã có từ thời Hùng Vương. Truyền thuyết dân gian kể rằng vua Hùng, vốn thuộc loài rồng, thường đi thăm Long vương ở thủy cung. Mỗi lần đi thăm thủy cung vua Hùng đều dặn dân chúng nếu có việc gì cần giải quyết gấp cứ tới bờ sông gọi thì vua sẽ trở về ngay. Câu chuyện này nói lên tính gần gũi giữa vua Hùng và dân chúng. Có thể thời các vua Hùng dù đã có Lạc Vương, Lạc hầu, Lạc tướng, nhưng chưa thực sự có chế độ quân chủ. Vua Hùng thực ra mới chỉ là vị lãnh đạo của một bộ lạc mạnh nhất được các bộ lạc thuộc Lạc Việt thần phục. Vì thế quan hệ vua quan với dân chúng chưa quá xa cách như sau này. Nhờ vậy tinh thần thân dân và vì dân còn mạnh. Dù sao tinh thần dân bản thời Lạc Việt này cũng đã in đậm nét trong truyền thống văn hóa xã hội dân gian, nhất là trong sinh hoạt cộng đồng làng xã. Nhờ đó dù bị Trung Hoa đô hộ cả nghìn năm, người dân Việt vẫn giữ được bản sắc văn hóa, nhân chủng, ngôn ngữ, và rất nhiều phong tục đặc thù, nhất là trong nếp sống dân gian ở các thôn làng. Đình làng chẳng hạn là một nét sinh hoạt văn hóa đặc thù Việt tộc. Đây vừa là nơi thờ phụng vị thành hoàng của làng, lại vừa là trung tâm sinh hoạt tâm linh trong những ngày hội hè tế lễ. Đồng thời đình làng còn là trung tâm sinh hoạt chính trị xã hội của làng, nơi dân làng hội họp bàn luận và quyết định về các vấn đề quan trọng của làng. Đây là sinh hoạt dân chủ đặc thù của Việt Nam, mà một số nhà nghiên cứu ngày nay gọi là nền *dân chủ dân bản*. Nền dân chủ này tồn tại trong thôn làng ngay cả sau khi chế độ quân chủ đã chính thức thành hình, tạo thành một thể chế chính trị đặc biệt Việt Nam: thể chế chính trị hai tầng, quân chủ trên mặt tầng triều đình ở thủ đô và dân chủ dưới đáy tầng nơi làng xã. Có thể nói sức mạnh dân tộc tồn tại nơi làng xã hơn là ở triều đình ("phép vua thua lệ làng"). Điều này được chứng tỏ ở cả hai khía cạnh, bảo vệ sự độc lập của đất nước, và bảo tồn nếp sống và văn hóa dân tộc. Hội nghị Diên Hồng thời nhà Trần là một trường hợp nổi bật nhất về sự phối hợp sức mạnh dân bản của đáy tầng xã hội Việt với sức mạnh quân chủ nơi mặt tầng triều chính. Làng cũng là nơi bảo tồn nếp sống và văn hóa Việt. Người Tầu xâm chiếm nước ta nhiều lần, đô hộ nước ta cả ngàn năm. Trong suốt "đêm dài lịch sử" đó người Tầu cố đồng hóa Lạc Việt như họ đã làm đối với các chi Việt khác ở vùng Hoa Nam, đất Bách Việt cũ. Họ ảnh

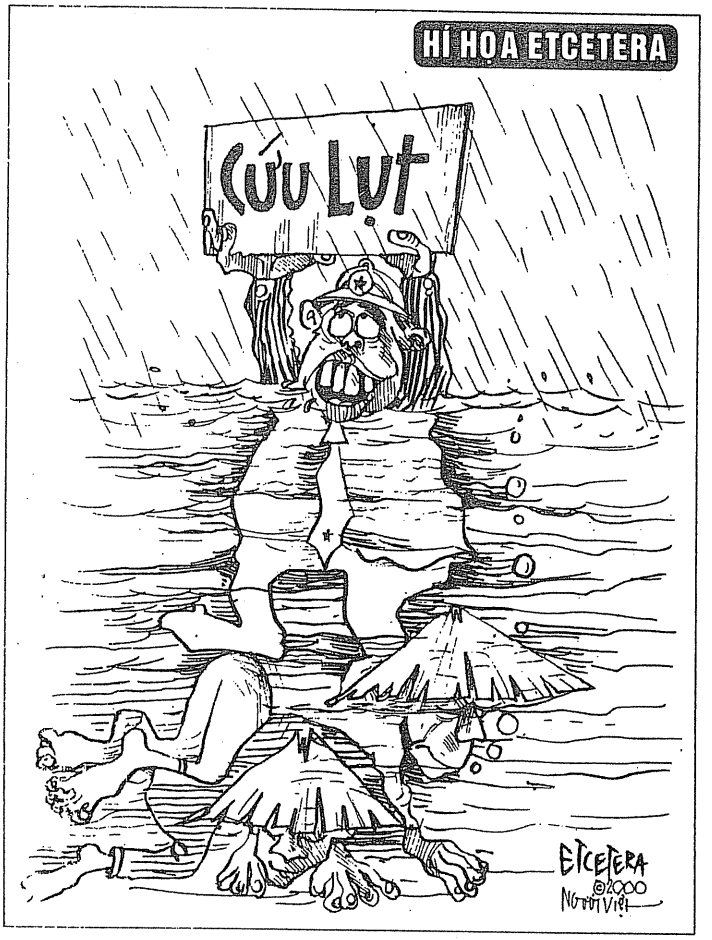

hưởng được nhiều tới nếp sống của dân ta, nhất là trên mặt tầng, ở các nơi thị tứ và ở triều đình. Nhưng ở đáy tầng, nơi thôn dã, nơi làng xã, thì người dân Việt vẫn bảo tồn được những phong tục tập quán và nếp sống đặc thù của dân tộc. Sức sống tiềm tàng của dân dã này được thể hiện trong nền văn học dân gian truyền khẩu song song với nền văn học bác học ở mặt tầng. Đây là sức mạnh của dân tộc ta, và sức mạnh này luôn luôn được vận dụng mỗi khi có quốc nạn. Chúng ta cần lưu ý tới sức mạnh tiềm tàng trong dân dã này để vận dụng trong cuộc đấu tranh hiện nay. Kể từ khi người Pháp sang xâm chiếm nước ta họ tìm cách phá vỡ truyền thống dân chủ dân bản làng xã này để dễ bề cai trị dân ta. Và chính đảng cộng sản, vì muốn xây dựng xã hội cộng sản theo quan điểm duy vật mác xít, nên trong một thời gian dài từ 1950 tới khoảng gần đây, luôn luôn tìm cách phá vỡ nếp sinh hoạt truyền thống làng xã. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, hàng trăm đình làng đã bị phá hủy. Những nơi còn đình, thì đình miếu hoặc bị bỏ hoang, hoặc bị dùng làm

kho chứa nông phẩm, nông cụ, trâu bò, và mọi thứ uế tạp. Nhưng tất cả những cố gắng đó đều thất bại, như mọi cố gắng khác trước đây đến từ bên ngoài muốn đồng hoá dân tộc ta. Ngày nay, mặc dù chính quyền vẫn nằm trong tay những người cộng sản, nhưng nơi thôn ấp, làng xã, người dân đang tự động phục hồi trở lại nếp sống và sinh hoạt văn hóa tinh thần truyền thống của dân tộc, bất chấp nhà cầm quyền. Hầu hết các đình làng ở Việt Nam đã được tu bổ lại, tế lễ hội hè đã được phục hồi, thành hoàng đã được thờ phụng trở lại. Chế độ cộng sản, cũng như mọi chế độ ngoại lai, phi dân tộc khác, đã thất bại không xóa nổi truyền thống văn hóa dân bản Việt.

Khi nói về đình làng, có một điểm chúng ta cần đặc biệt chú ý. Đó là *tinh thần nhân bản* trong tục lệ thờ thành hoàng làng. Đình làng là nơi thờ phụng vị thành hoàng của làng. Thành hoàng là một con người bình thường, có thể là dân làng, có thể là một người ở nơi khác đến, đã làm một việc phi thường cứu giúp cho dân làng thoát khỏi một tai họa lớn lao nào đó, và khi chết đi, được dân làng tôn thờ. Trước khi tôn thờ vị này, dân làng làm đơn xin nhà vua chấp thuận. Vua thường chấp thuận và ban chiếu chỉ sắc phong thành hoàng cho vị này. Dân làng đặt chiếu chỉ sắc phong của nhà vua nơi bàn thờ trong đình để thờ phụng. Điểm đáng chú ý ở đây là vị thành hoàng này chỉ là một người bình thường, có trường hợp lại là một người ăn mày, nhưng đã cứu dân làng khỏi một tai họa lớn, như dịch bệnh, hay hỏa hoạn..., và do đó được dân làng tôn thờ làm thành hoàng của làng. Truyền thống nhân bản này bắt nguồn từ thời kỳ huyền sử của dân tộc. Như chúng ta đều biết dân tộc nào cũng có các huyền thoại, là các câu chuyện truyền khẩu trong dân gian ghi dấu thời kỳ chưa có sử ký của dân tộc đó. Kho tàng huyền thoại của dân tộc ta cũng có rất nhiều các câu chuyện về các vị thần. Nhưng điểm đặc biệt là thần thoại của dân tộc ta hầu như không có các thiên thần mà chỉ có các *nhân thần*. Hầu hết các vị thần của dân tộc ta thời tiền sử không phải từ trời xuống, mà là từ người thăng hóa lên thành thần. Thần trong thần thoại Việt Nam là những con người bình thường đã làm được những việc phi thường, những con người hiển thánh, những con người trở thành thần. Như cậu bé cứu nước Phù Đổng Thiên Vương, cưỡi ngựa sắt phá xong giặc Ân, thành thánh bay về trời. Như người thanh niên Nguyễn Tuấn, con nhà nghèo mà hiếu thảo, có được Gậy Thần (sách lược chính trị), Sách Ước (văn hóa) đem ra giúp vua trị nước an dân xong lên núi hiển thánh được dân tôn thờ là đức thánh Tản Viên. Hay như Đức Thánh Trần Hưng Đạo. Và tất cả các thành hoàng của dân làng khắp nơi trong nước, đều là những con người bình thường làm được những công đức phi thường và được dân làng tôn thờ là thần thánh. Chính truyền thống đạo lý (đạo thống) và tinh thần vừa dân bản, vừa nhân bản đó trong đời sống dân gian nơi thôn xóm làng mạc của Việt Nam là điều ngày nay chúng ta cần tìm hiểu, để vận dụng trong việc xây dựng một xã hội Việt mới, vừa đậm nét dân tộc lại vừa hòa nhập được vào dòng tiến hóa chung của nhân loại.

Một truyền thống thứ hai trong xã hội Việt rất thích hợp với việc xây dựng xã hội công dân. Đó là sự hiện diện của các tổ chức hội đoàn xã hội do dân chúng tự nguyện lập ra. Các tổ chức này bao gồm nhiều loại hình khác nhau. Các hội đoàn tín ngưỡng hay tôn giáo như hội đi chùa, hội lên đồng (thờ bà chúa Liễu Hạnh), các đoàn tế lễ, rước kiệu, các tổ đường, nhà thờ họ. Các hội đoàn ái hữu hay tương tế như các hội đồng hương, đồng tỉnh; các hội ái hữu cựu học sinh, sinh viên. Các tổ chức ngành nghề, thường tập họp thành từng

làng nghề hay khu phố chuyên môn (36 phố phường Hà Nội). Các hình thức hỗ trợ tài chánh như chơi hụi, một hình thức ngân hàng dân gian. Rồi có cả những tổ chức giải trí, văn học nghệ thuật, như các hội thi văn, các đoàn văn nghệ bán chuyên (hát chèo, hát bội, múa rối nước), các đội thể thao, giải trí (đua thuyền, đánh vật, võ thuật, chơi cờ tướng, thả diều...). Tóm lại trong xã hội cổ truyền Việt Nam có đủ các tổ chức hội đoàn do dân chúng tự động lập ra để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt đa dạng phong phú của họ. Triều đình hoàn toàn không can thiệp vào sinh hoạt của các tổ chức dân gian này.

Ngày nay, trong khi ở trong nước, dưới chế độ cộng sản, nhà nước chi phối mọi hình thức tổ chức và sinh hoạt của dân chúng thì tại hải ngoại, truyền thống này vẫn được duy trì. Người Việt hải ngoại tự động lập ra hàng trăm tổ chức và hội đoàn khác nhau để đáp ứng sở thích và nhu cầu sinh hoạt của họ. Từ các hội ái hữu cựu học sinh sinh viên các trường học văn hóa và quân sự (cựu quân nhân), tới các hội đoàn cứu tế xã hội. Đặc biệt là các tổ chức ngành nghề chuyên môn cao cấp như các hội bác sĩ, kỹ sư, luật sư, và các hội chuyên gia. Ngoài ra, còn có các tổ chức cộng đồng phản ảnh thực tế của gần ba triệu người Việt tị nạn cộng sản sống lưu vong ở 70 quốc gia trên thế giới. Không ai bảo ai mà khối người Việt hải ngoại tự nhiên sinh hoạt gần giống nhau ở khắp nơi trên thế giới. Dường như có một nước Việt lưu vong, một nước Việt không có biên giới quốc gia nhưng vẫn thống nhất, với ngôn ngữ chung, với các sinh hoạt và tổ chức xã hội dân sự không chính phủ giống nhau. Các truyền thống văn hóa và xã hội Việt vẫn được duy trì ở bên ngoài đất nước, nhất là truyền thống xã hội dân sự. Trong khi ở trong nước mọi hoạt động của ngườoi dân đều bị nhà cầm quyền kiểm soát và chi phối thì người Việt hải ngoại hoàn toàn tự do tổ chức mọi sinh hoạt của mình theo sở thích và sở trường.

Hiện nay, trước sức ép của xu thế toàn cầu hóa và của những khó khăn kinh tế xã hội ở trong nước, đảng cộng sản phải mở cửa với thế giới. Cộng đồng người Việt hải ngoại đang có cơ hội tác động trực tiếp vào trong nước, thông qua các hoạt động và tổ chức tự nguyện của mình. Việc giao lưu trực tiếp giữa người dân trong nước với người Việt hải ngoại, *không cần và không qua giới cầm quyền*, đang tạo ra những cơ hội thuận lợi không những cho việc xây dựng xã hội dân sự ở trong nước, cơ sở nền tảng của dân chủ và phát triển, mà còn cho việc làm suy yếu, cô lập và tách biệt giới cầm quyền cộng sản ra khỏi đại đa số quần chúng. Cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và tôn trọng nhân quyền của người Việt hải ngoại sẽ có kết quả nhanh chóng hơn nếu người Việt hải ngoại vận dụng được thế mạnh dân sự, phi chính phủ của các hình thái tổ chức và sinh hoạt phong phú đa dạng ở hải ngoại, từ kinh tế thương mại tới văn hóa văn học nghệ thuật, truyền thông, giáo dục, cứu trợ xã hội, và cả chính trị, để tác động vào trong nước. Các hình thức hoạt động trực tiếp giữa người dân trong và ngoài nước (people-to-people) không qua và không cần tới giới cầm quyền, trong cả ba lãnh vực kinh tế, văn hóa và chính trị, sẽ giúp người dân trong nước mạnh lên, dần dần dành lại quyền chủ động trước hết trong kinh tế thương mại, tiến đến các quyền văn hóa giáo dục, thông tin, và cuối cùng khi thời cơ đến, sẽ dành lại nốt quyền lực chính trị. Cộng đồng người Việt hải ngoại, đặc biệt là các bạn trẻ (vì Việt Nam hiện nay là một nước rất trẻ), hãy vận dụng tinh thần dân bản và nhân bản trong truyền thống đạo lý dân tộc, cùng với tiềm năng của các tổ chức và sinh hoạt xã hội dân sự đang có ở hải ngoại, kết hợp với người dân trong nước, không qua và không cần tới giới cầm quyền cộng sản, để dần dần hình thành một xã hội Việt mới, một **Đáy Tầng Việt**, *tách biệt và tiến tới đối kháng với* **Mặt Tầng Cộng sản**. Kết hợp với vận động quốc tế để dành lại thế *chính nghĩa* (the Right vs. the Wrong) và *bác bỏ tính hợp pháp* (legitimacy) của chế độ cộng sản hiện nay, việc xây dựng **đáy tầng Việt không biên giới, thông lưu trong ngoài nước** tạo thế mạnh thời đại, vừa dân tộc vừa nhân loại, vận dụng dòng tiến hóa toàn cầu, toàn nhân loại (thông qua khối người Việt hải ngoại), để khơi dậy và tăng cường tiềm năng dân tộc. Làm được như thế chúng ta không những tạo được sức mạnh chủ động, đủ để gạt bỏ chế độ cộng sản hiện nay, mà còn khơi mở dòng tiến hóa của dân tộc cho hòa quyện vào dòng tiến hóa chung của toàn nhân loại và thế giới. Dân tộc Việt sẽ vượt qua khổ nhục quá khứ, phá vỡ bế tắc hiện tại, gạt bỏ trở lực cộng sản, để cùng nhân loại thênh thang bước vào thiên niên kỷ thứ ba...

San Jose, 10/9/2000

QUAN HỆ BIỆN CHỨNG GIỮA PHÁT TRIỂN VÀ DÂN CHỦ
(Dialectical relationship between development and democracy)

NHỮNG MỤC TIÊU TRANH ĐẤU XÂY DỰNG DÂN CHỦ TỰ DO CHO VIỆT NAM

VÕ NHÂN TRÍ
(Tiến sĩ Kinh tế học)

(Tiếp theo và hết)

LTS - Giáo sư Võ Nhân Trí đã đọc tài thuyết trình và "Phát Triển và Dân Chủ" trong cuộc Hội thảo Chính trị do Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ tổ chức tại tòa nhà Longworth House, thuộc Thượng Viện Hoa Kỳ, Washington D.C.

Trong TK21 số trước, chúng tôi đã đăng phần thứ nhất của bài thuyết trình, kiểm điểm 13 năm đổi mới của kinh tế Việt Nam (1987-1999). Trong số này, chúng tôi đăng hai phần còn lại của bài thuyết trình.

Giáo sư Võ Nhân Trí đã tốt nghiệp Tiến sĩ Kinh tế học tại Pháp và tiếp tục nghiên cứu tại Anh quốc trước khi về Hà Nội trong thời gian chiến tranh Việt Nam, với hy vọng dùng khả năng chuyên môn để phục vụ đất nước. Ông đã thất vọng khi biết sự thật trong chế độ Cộng Sản và sau năm 1975 đã tìm cách trở lại Sài Gòn, rồi qua Pháp. Hiện nay ông sống tại Pháp, nghiên cứu và thuyết trình về tình trạng Việt Nam để góp phần đưa đất nước tới một chế độ dân chủ, tự do và kinh tế phát triển.

*

Cơ bản chính trị CSVN vẫn như cũ

a) Nói tới chính trị thì trước tiên phải nói tới Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) và hệ tư tưởng chính trị của nó. Như ai cũng biết, hệ tư tưởng đó là chủ nghĩa Mác-Lê-Mao (CNMLM). Và từ Đại hội lần thứ 7 (tháng 6/1991) ĐCSVN thêm vào đó "Tư tưởng Hồ Chí Minh" để có chút ít bản sắc dân tộc sau khi chủ nghĩa Mác-Lê đã tan rã ở Liên Xô cũ và Đông Âu. Chúng tôi không muốn bàn đến vấn đề này ở đây vì đã phân tích nó ở chỗ khác rồi (46). Ở đây chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điều là, khác với một số người thường nói, CNMLM chưa biến mất ở Việt Nam; ngược lại nó vẫn được thi hành trong thực tế, dù rằng nó có một vài biến đổi so với trước: ví dụ "vai trò lãnh đạo" của ĐCS đối với Nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án), đối với các tổ chức xã hội (Mặt Trận Tổ Quốc, Hội Phụ Nữ, Đoàn Thanh Niên CS v.v...), trong lĩnh vực kinh tế - tài chính, trong quân đội và công an, trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa v.v... "Chuyên chính vô sản," một khái niệm do Mác sản sinh ra và được Lênin áp dụng triệt để, cũng đang được thực hiện hằng ngày đối với các phần tử đấu tranh đòi tự do dân chủ và nhân quyền, đòi tự do tín ngưỡng - kể cả đối với các bậc đảng viên lão thành. Do đó, theo thiển ý, không thể nói CNMLM không còn nữa; nó chỉ biến dạng một phần nào đó thôi, và điều đáng tiếc là các mặt xấu nhất của nó vẫn tồn tại, cả trong lĩnh vực chính trị lẫn kinh tế. Vừa rồi, nhân dịp kỷ niệm 25 năm ngày thống nhất đất nước, một số báo chí và đài phát thanh nước ngoài cũng nhấn mạnh là, dù có "đổi mới" gần 14 năm nay, hệ tư tưởng Mác-Lê vẫn đè nặng lên xã hội Việt Nam, trong lĩnh vực kinh tế và chính

trị (47). Dù đã bị xói mòn phần nào, nhưng nó vẫn còn được sử dụng như là một phương tiện để bám lấy chính quyền.

b) Về "vai trò lãnh đạo" của ĐCSVN thì chúng tôi thấy, trước cũng như sau "đổi mới," về cơ bản, không có gì thay đổi. Vẫn độc đảng, và mấy năm nay ĐCSVN còn hô hào rùm beng là phải chống đa nguyên, đa đảng thêm nữa. Nhà văn Tiêu Dao Bảo Cự đã từng nói rằng: độc đảng dẫn tới "độc quyền, độc tài, độc ác" (48). Trong một bài viết gần đây, ông Trần Độ đã nêu ra sáu hiện tượng tiêu cực do chế độ một đảng duy nhất cầm quyền sinh ra, trong đó có ba hiện tượng quan trọng như sau:

- chủ quan, duy ý chí và quan liêu trong xác định chủ trương đường lối;
- đảng dễ áp đặt ý chí của mình với nhà nước và xã hội; sắp đặt người của đảng vào các cơ quan nhà nước và các đoàn thể xã hội; tự đặt mình trên nhà nước và pháp luật...
- các đảng viên có chức có quyền đã sa vào đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, cửa quyền, gây phiền hà cho dân v.v... (49).

Đây là "sự thật diễn ra... nói lên tình trạng phản dân chủ" (ibid) trong một chế độ độc đảng. Tuy vậy, ĐCS vẫn yêu cầu giới lý luận chính thống "phải tìm ra cái lý luận nói rằng đảng lãnh đạo độc tôn (nhưng) vẫn dân chủ được"! (ibid)

Nguyên tắc "tập trung dân chủ" vẫn được áp dụng hiện nay trong đảng và nhà nước CS (50).

c) Về tập đoàn lãnh đạo của ĐCSVN thì thật là khôi hài khi họ khẳng định "bản chất giai cấp công nhân của Đảng" (51) khi ai cũng thấy là trong giới lãnh đạo không có bóng dáng một công nhân nào cả; ngược lại, người ta chỉ thấy hiện diện một "giai cấp lãnh đạo mới" (theo danh từ của Djilas) đang bị mafia hóa nghiêm trọng (52). Ông Trần độ (53), Nguyễn Thanh Giang (54), nhà văn Dương Thu Hương (55), và một số nhà quan sát ngoại quốc (56) đã nói nhiều về "tư sản đỏ" rồi cho nên chúng tôi miễn đi vào chi tiết ở đây. Chỉ cần nhấn mạnh là, theo một nguồn tin trong nước, hiện nay ở Việt Nam có đảng viên là triệu phú, thậm chí là tỷ phú nữa (tính theo Mỹ kim). Một trong những lý do mà họ làm giàu nhanh chóng là do tham nhũng và buôn lậu. Ai cũng biết là khu vực kinh tế quốc doanh là mảnh đất béo bở nhất cho tham nhũng (57). Lẽ dĩ nhiên chỉ có ai có quyền lực thì mới có thể tham nhũng; có quyền to thì tham nhũng to, có quyền nhỏ thì tham nhũng nhỏ.

"Một nguồn gốc quan trọng của tệ tham nhũng là có sự lạm dụng quyền lực" ông Trần Độ nhận xét như vậy. Và ông nói tiếp: những sự lạm dụng quyền lực này xuất phát từ "một thể chế quyền lực không có cơ chế kìm hãm và giám sát"; và "thể chế đó lại là con đẻ của... hệ thống chính trị (do) đảng lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện... Thể chế (đó) tạo điều kiện cho người ta tự do dùng thủ đoạn để tìm kiếm quyền lực, và khi có quyền lực thì tự do và tùy tiện dùng để mưu lợi và làm giàu" (58).

Bắt đầu từ tháng 5/1999, ông Lê Khả Phiêu đã chủ trương một đợt "phê bình và tự phê bình" để chống tham nhũng, và đợt nầy sẽ kéo dài tới hai năm. Nhưng một năm đã qua rồi mà chúng ta không thấy kết quả gì đáng khích lệ cả! Và không thể hy vọng gì là giữa năm tới "quốc nạn" nầy sẽ được thanh toán; ngược lại, có nhiều khả năng nó sẽ tăng lên "một cách tinh vi hơn" là đằng khác! Bởi vì; như ông Trần Độ đã nhấn mạnh "những người có quyền lực là những người không chống được tham nhũng, và chỉ có dung túng tham nhũng" mà thôi. "...Chỉ có một cuộc sống xã hội thực hiện đầy đủ các quyền dân chủ cơ bản của người dân thì xã hội (đó)... mới chống được tham nhũng" (59). Thật vậy, chỉ có một chế độ thật sự dân chủ trong đó có đảng đối lập, báo chí đối lập, tòa án độc lập với đảng và nhà nước thì mới có thể chống tham nhũng một cách hữu hiệu được.

d) Về tài sản của ĐCSVN thì, theo một ủy viên của Phòng Thương Mại Mỹ-Việt, toàn bộ tài sản của nó lên tới 20 tỷ Mỹ kim trong năm 1996, tức là tương đương với TSPTN của Việt Nam năm 1995 (20,5 tỷ Mỹ kim); "có thể đảng (CSVN) là đảng giàu nhất thế giới" (60). Cũng theo nguồn tin nầy, có 100 đảng viên có tài sản lên tới 300 triệu Mỹ kim/người năm 1996 (ibid). Theo ông Bùi Tín thì Ban Kinh Tài của ĐCSVN với hàng nghìn cán bộ, là "công cụ Mafia của đảng"; nó có chín phó ban chuyên kinh doanh về ngoại tệ, vũ khí, ma túy, doanh nghiệp và đơn vị chuyên nghiệp của đảng, đất đai, nhà cửa và biệt thự (61). Các nhà quan sát ngoại quốc cho rằng, sở dĩ từ giữa những năm 90 trở đi, ĐCSVN tìm cách đầu tư trong nhiều lĩnh vực - từ tiệm cơm cho tới ngân hàng - là vì nó muốn xây dựng một cơ sở tài chính vững mạnh để làm nền tảng cho sự thống trị của nó trong đời sống chính trị

tương lai của đất nước (62).

(Vì vậy, trong thời kỳ hậu cộng sản các chính trị gia dân chủ phải nhớ đến yếu tố quan trọng nầy).

Một điểm cần chú ý nữa là trong điều 46 của "Điều lệ của ĐCSVN" (do Đại hội 8 thông qua) có ghi rõ là một trong những nguồn tài chính của ĐCSVN là "ngân sách nhà nước" (63). Do đó cho nên không lấy gì làm lạ khi ta thấy ĐCS, điềm nhiên lấy tiền của ngân sách nhà nước (tức là tài sản của toàn dân) để chi cho các tổ chức của đảng và phụ thuộc vào đảng. Hơn nữa, như báo chí đã tiết lộ "mức chi thu ngân sách của cơ quan đảng là bằng 1,5 đến 2 lần cơ quan hành chính, sự nghiệp (của nhà nước)" (64). Sự lợi dụng ngân sách nhà nước để phục vụ quyền lợi của ĐCS giải thích tại sao vấn đề tài chính quốc gia được coi là một vấn đề tối mật, ở Việt Nam cũng như ở các nước cộng sản khác; và các đại biểu Quốc hội, cho tới nay, cũng không thể biết rõ một cách *chi tiết* và *chính xác* các số liệu tuyệt đối của ngân sách nhà nước. Tại Quốc hội người ta thường đưa ra vài tỷ lệ tổng quát mà thôi, tỷ lệ này gộp chung với tỷ lệ kia thành ra vô ý nghĩa để có thể phân tích trong thực tế. Vừa rồi, tại hội nghị "Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam" họp tại Đà Lạt (tháng 6/2000), ông Andrew Steer, giám đốc Ngân Hàng Thế Giới tại Việt Nam tỏ vẻ hài lòng về sự tiến bộ trong việc minh bạch hóa (79%) tài chính của Việt Nam (65) nhưng có lẽ ông không biết rằng, các số liệu nầy không phải là thật cả đâu!

Có đảng viên ở trong nước cho rằng không phải vì có điều 4 trong "Hiến pháp 1992" và có công an và bộ đội mà có thể áp đặt "vai trò lãnh đạo" của ĐCS được. Họ nói: muốn đóng được vai trò đó thì ĐCS cần phải có thêm hai yếu tố nữa; đó là đảng viên phải trong sạch và đường lối phải đúng đắn (66).

e) Về tư cách của đảng viên, chúng tôi xin nhường lời cho một đảng viên cao cấp (để khỏi bị tố cáo là thiên vị). Ông nầy có nhận xét như sau: "...Tệ quan liêu, tham nhũng đang làm biến chất một bộ phận (không nhỏ? - VNT) cán bộ, đảng viên. Đáng lưu ý là hiện nay (tức là sau một năm đợt phê và tự phê chống tham nhũng - VNT) tình trạng nầy còn diễn biến ra *phổ biến hơn, tinh vi hơn, nghiêm trọng hơn* (chúng tôi nhấn mạnh - VNT), nhất là tình trạng suy thoái... về đạo đức lối sống.

Biểu hiện tác hại của những đảng viên yếu kém... là lợi dụng chức quyền, vị trí công việc để tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính, sách nhiễu, ức hiếp nhân dân, gia trưởng, độc đoán,... thiếu tinh thần trách nhiệm" (67). Thêm vào đó còn có "bệnh kiêu ngạo (tức là làm phách theo cách nói trong Nam - VNT) cộng sản" nữa, và nó là khá phổ biến (68). Còn Tổng bí thư Lê Khả Phiêu thì cũng thừa nhận rằng "...Đáng chú ý là có cả một số cán bộ, đảng viên *cao cấp*... vi phạm luật pháp nhà nước,... làm việc cầm chừng..., chỉ lo vun vén cá nhân, tham nhũng, hối lộ, đặc quyền, đặc lợi,... cơ hội, luồn lách, chỉ coi trọng lợi ích, vật chất mà xem nhẹ giá trị tinh thần..., xa dân, quan liêu... hống hách, xách nhiễu, không tôn trọng nhân dân... Một bộ phận cán bộ, đảng viên xa hoa, phung phí tiền của, bỏ mặc tài sản của công mất mát, hư hỏng..." (chúng tôi nhấn mạnh - VNT). Ông Phiêu cũng còn thừa nhận là "có một bộ phận cán bộ, đảng viên suy thoái về... đạo đức lối sống..." (ibid). Về vấn đề nầy thì có hai hiện tượng đáng chú ý gần đây: 1) là theo Cục trưởng Cục phòng chống tệ nạn xã hội thì tình trạng mãi dâm ở Việt Nam ngày càng leo thang mà ta thấy trong số khách mua dâm đó có đến 68-70% là cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ thi hành luật pháp, tức là "con người mới XHCN" đóng vai trò chủ đạo trong lĩnh vực nầy! Ngoài ra, trong số người sử dụng bằng cấp giả lan tràn ở trong nước thì đa số cũng thuộc về cán bộ, đảng viên! (70). Thế mà ông Lê Khả Phiêu vẫn tuyên bố - một cách trơ trẽn - rằng Đảng ta là đạo đức..."!! (TCCS, số 11 tháng 6/2000, tr. 10).

f) Để có thể đóng "vai trò lãnh đạo," còn một yếu tố cần thiết nữa là chủ trương, đường lối của ĐCS phải đúng đắn, ít nữa không phạm phải sai lầm nghiêm trọng. Nhưng trong thực tế, như ông Trần Độ đã nhận xét, ĐCS đã phạm "những khuyết điểm và sai lầm... mang tai họa cho toàn dân tộc, tàn phá số phận của hàng vạn gia đình và hàng triệu con người" (71). Có những sự việc mà ĐCS gọi là sai lầm "nhưng vì mức độ trầm trọng của nó, quy mô rộng lớn, và thời gian kéo dài của nó, như 'sai lầm của cải cách ruộng đất' ở miền Bắc trong những năm 50 chẳng hạn, thì không thể gọi là 'sai lầm' được mà phải gọi là 'tội ác' mới đúng" (72). Còn có những sai lầm mà ĐCS vẫn lờ đi, không công khai tuyên bố là sai lầm.

Về mặt chính trị, ông Trần Độ (73) và một

số nhà ly khai khác đã kê khai ra một số sai lầm rồi tuy chưa đủ; nhưng chúng tôi không muốn bàn thêm về vấn đề nầy ở đây. Về mặt kinh tế thì sai lầm về "cải tạo XHCN" đối với giai cấp tư sản, hợp tác hóa nông nghiệp, xóa bỏ kinh tế nhiều thành phần, xây dựng công nghiệp nặng, thì ĐCS cũng đã thừa nhận một phần rồi (74). Riêng về chúng tôi, chúng tôi chỉ muốn đặt một câu hỏi giản đơn như sau: Tại sao ĐCS vẫn rêu rao đường lối "đổi mới" kinh tế là đúng đắn mà sau 25 năm thống nhất 180 trên tổng số 210 quốc gia trên thế giới, theo báo cáo của Ngân Hàng Thế giới năm 1999 (76), trong khi đó thì một số quốc gia, khởi đầu là chậm tiến như nước ta, nhưng trong vòng 20-25 năm hoặc ngắn hơn đã thành công trong việc phát triển kinh tế nhờ chọn chiến lược tự do kinh tế và áp dụng kỹ thuật quản lý tương xứng, như Đài Loan, Singapore, Nam Triều Tiên, Malaysia, Thổ Nhĩ Kỳ, Mexique v.v...?

"Tạp chí Kinh Tế Viễn Đông" đã nhận xét

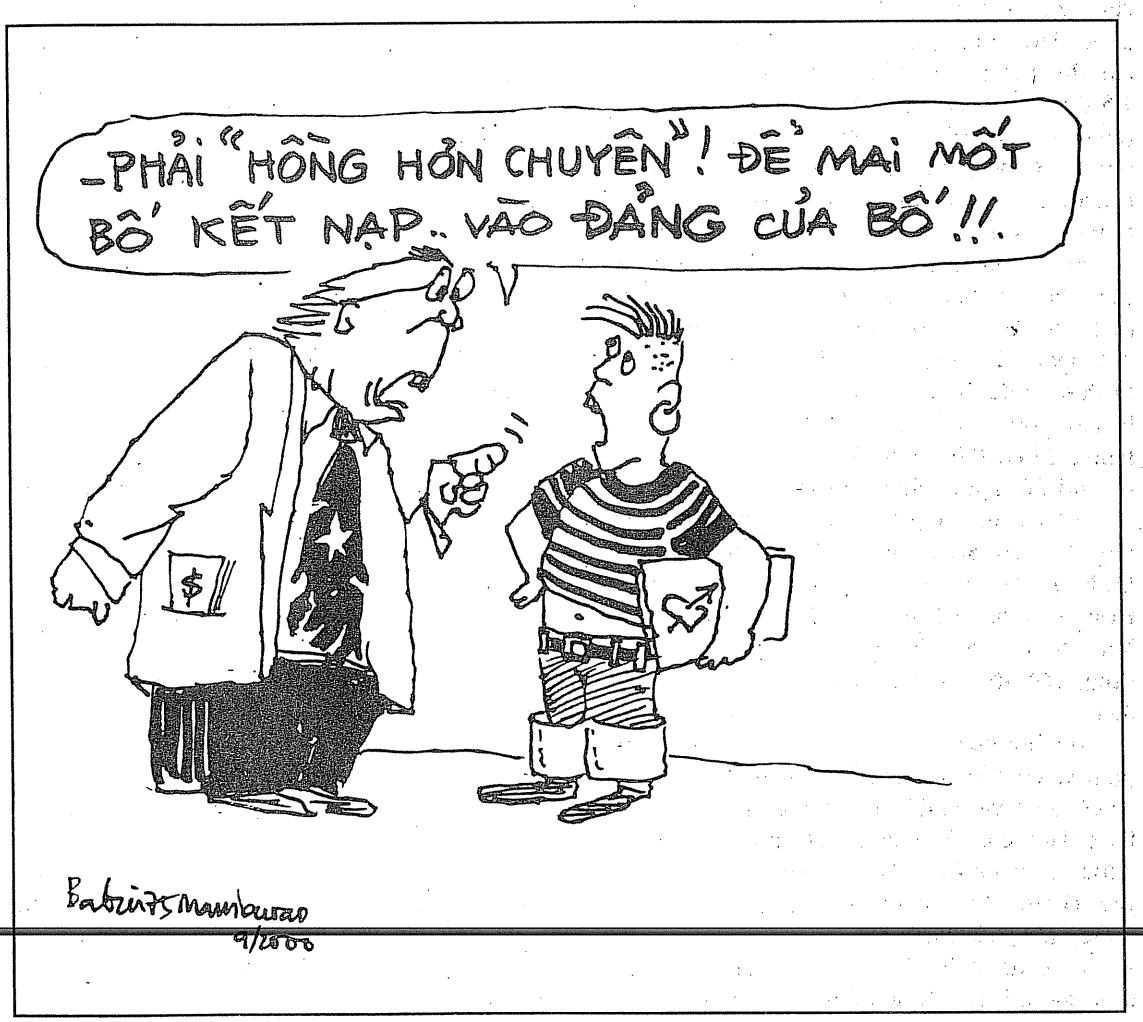

đất nước, với tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, nhân dân lao động cần cù, mà kinh tế Việt Nam XHCN vẫn còn là 1 trong 10 nước nghèo nhất thế giới với GNP (gọi tắt tiếng Anh của Tổng Sản Phẩm Quốc Dân) đầu người là 320 Mỹ kim hiện nay, trong khi đó GNP/đầu người của Thái Lan là 1,949 Mỹ kim, Malaysia 3,248 Mỹ kim, Singapore là 22,710 Mỹ kim (75). Và tại sao thu nhập đầu người của Việt Nam chỉ đứng vào hạng thứ

rằng chính phủ Việt Nam đã chiến thắng trong cuộc chiến tranh chống Mỹ nhưng đã thất bại trong việc xây dựng kinh tế trong hòa bình (77). Tuy vậy, ĐCS vẫn muốn tiếp tục dùng gần 80 triệu dân làm vật thí nghiệm "CNXH theo kiểu Trung Quốc" mà không có gì bảo đảm là nó thành công cả. Đó là một tội lỗi lớn của ĐCSVN trước tòa án lịch sử! Thánh Augustin đã từng nói: "Lỗi lầm là bản chất con người. Ngoan cố trong lỗi lầm là quỷ

sứ!"

g) Hệ quả tất yếu của độc đảng - ở Việt Nam cũng như ở các nước CS khác - là sự thiết lập "chuyên chính vô sản (CCVS) để duy trì cái gọi là "ổn định." "Hiến pháp 1992" ĐCS không còn dùng biệt ngữ "CCVS" cho nên nhiều người cho rằng ở Việt Nam không còn "CCVS" nữa. Chúng tôi đã bác bỏ luận điện đó từ lâu rồi (78). Gần đây, ông Nguyễn Duy Quý, ủy viên trung ương đảng và giám đốc "Trung tâm khoa học xã hội và nhân viên quốc gia" (Hà Nội) đã nhắc lại rằng "thể chế Nhà nước... đã được tạo dựng từ cách mạng tháng 8/1945... nay chuyển sang thực hiện chức năng của chuyên chính vô sản, là cơ quan quyền lực thực hiện chế độ làm chủ của nhân dân lao động. Đó là thể chế nhà nước... của dân, do dân, và vì dân..." (79). Trong thực tế, nhà nước nầy là *của đảng, do đảng* (nặn ra) và *vì đảng* (công cụ của đảng để cai trị dân) mà thôi. Điều đáng chú ý ở đây là ông Quý cho ta thấy rõ "CCVS" được đổi mới thành "nhà nước của dân, do dân và vì dân; và trong tài liệu chính thức của ĐCS nó còn là đồng nghĩa với cụm từ "dân chủ XHCN" nữa. Trong thực tế, ai cũng biết "CCVS" là *chuyên chính của đảng* (ở Việt Nam cũng như ở các nước cộng sản khác); nói chính xác hơn, "CCVS" về thực chất là chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo của đảng mà thôi.

Khi đảng và người cộng sản nói tới dân chủ (như "mở rộng dân chủ," "phát huy dân chủ" v.v...) thì chúng ta phải hiểu rằng đó là khái niệm "dân chủ XHCN" mà họ thường đối lập với khái niệm "dân chủ tư sản"; và họ còn phê phán "dân chủ tư sản" là loại dân chủ mà ở đó người ta "đòi thực hiện nhân quyền và dân chủ kiểu tư sản, đòi phi chính trị hóa bộ máy nhà nước, đòi đa nguyên, đa đảng nhằm tước bỏ vai trò lãnh đạo của đảng" (80), và đối với ĐCSVN điều đó là điều tối kỵ!

Cũng cần nhắc lại là mục đích cơ bản của "đổi mới" chính trị từ 1986 đến nay chỉ là xây dựng nền "dân chủ XHCN" mà thôi. Báo cáo Đại hội đảng lần thứ 8 đã ghi rõ: "*Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị* là nhằm *thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa*" (81) (chúng tôi nhấn mạnh - VNT). Gần đây, thông báo của Hội nghị trung ương lần thứ 9 (tháng 4/2000) cũng nhắc lại là phải "tiếp tục sự nghiệp đổi mới... mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa" (82).

h) ĐCS hay nhấn mạnh là phải "tăng cường vai trò lãnh đạo của đảng đối với nhà nước" (83). Về sự lãnh đạo đó, ông Trần Độ viết như sau: "Một đảng độc tôn, độc quyền chuyên chế để ra một nhà nước kềnh càng, quan liêu, năng lực kém. Đảng ra sức... nhào nặn cái nhà nước nầy trong tay (kể cả Quốc hội và chính phủ)" (84). Theo chúng tôi thì phải thêm: Kể cả Tòa án tối cao nữa. Nói một cách khác, trước cũng như sau "đổi mới," ĐCSVN vẫn nhào nặn một cách tùy tiện cả Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Bởi vì *đối với đảng không có phân lập* giữa ba ngành này mà chỉ "có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp mà thôi" (85); và tất cả ba ngành nầy đều phải hoạt động dưới sự lãnh đạo thống nhất của đảng. Và cái "hệ thống chính trị không dân chủ nầy," theo ông Trần Độ, lại "không có một cơ chế hãm nào, không có sự giám sát nào của nhân dân (vì quyền tự do ngôn luận bị hạn chế khắc nghiệt,) nên lạm quyền dẫn đến lộng quyền là tất yếu" (86). Còn về phần "nhà nước XHCN" thì dù nó "tự xưng là của nhân dân, nhưng thực sự bộ máy nhà nước ít khi tôn trọng ý kiến của dân..., nó thường tách khỏi nhân dân và *coi nhân dân là đối tượng cai trị của mình* (chúng tôi nhấn mạnh - VNT)... Dân chẳng có quyền mà cũng chẳng có phương tiện gì để thực hiện quyền của mình..." (87). Dân chỉ có "quyền" tuân lệnh của đảng - nhà nước, và "quyền" ủng hộ hoặc ca ngợi đường lối "sáng suốt, tài tình" của đảng mà thôi! Mà ai dám cả gan đòi dân chủ, đa nguyên, đòi các quyền tự do dân chủ và nhân quyền thì hãy coi chừng!

Việt Nam bị "Ủy hội nhân quyền của Liên Hiệp Quốc" lên án hồi tháng 4/2000 tại Genève là một trong chín nước *vi phạm nhân quyền một cách có hệ thống* (88). Hồi cuối năm 1998, ông Abdelfattah Amor, trong báo cáo đặc biệt, đã nêu lên vấn đề vi phạm nầy rồi (89). Ở đây chúng tôi chỉ muốn bình luận về lời tuyên bố gần đây của ông Lê Khả Phiêu - mà báo chí Pháp gọi là "Pinochet" của Việt Nam (90). Trong bài diễn văn bế mạc hội nghị trung ương lần thứ 7 (tháng 8/99), ông Phiêu tuyên bố như sau: "Mọi luận điệu tuyên truyền về... nhân quyền cao hơn chủ quyền, đa nguyên đa đảng v.v... đều là dối trá, lừa bịp..." (91).

Để thấy rõ ai "dối trá, lừa bịp" nhân dân, chúng ta hãy nhắc lại hai sự kiện sau đây:

1) Trong "Hiến pháp 1992" của nước"Cộng Hòa XHCN Việt Nam" có điều 50 ghi rõ các

nhân quyền đều được tôn trọng; và điều 69 nói rõ là công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do thành lập các hiệp hội, tự do biểu tình; và điều 70 thì khẳng định công dân có quyền tự do tín ngưỡng v.v... (92).

2) Từ năm 1982, Việt Nam đã ký vào "Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị" (1966) thì lẽ dĩ nhiên Việt Nam phải có *nghĩa vụ* (obligation) thi hành Công ước đó một cách chu đáo, và Việt Nam không thể viện bất cứ một lý do nào (như tính "đặc thù" hoàn cảnh Việt Nam, hoặc lấy cớ "xâm phạm chủ quyền" v.v...) để trốn tránh nghĩa vụ của mình. Đó là chưa nói đến là khi gia nhập LHQ (1977) Việt Nam đã làm thủ tục cam kết tôn trọng Hiến chương của LHQ để được Đại hội đồng LHQ thâu nhận làm hội viên, và do đó Việt Nam phải tôn trọng "Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền," một nghị quyết của LHQ (93).

Về vấn đề Việt Nam thường hay dựa vào chủ quyền để biện minh cho các vi phạm nhân quyền, thì xin nhắc lại lời tuyên bố của ông Boutros - Ghali (lúc đó là Tổng thư ký của LHQ) trước Hội nghị Nhân quyền ở Việt Nam (năm 1993): "...Vấn đề hành động quốc tế cần phải được đặt ra khi các quốc gia... vi phạm những nguyên tắc cơ bản (về các quyền con người - VNT) đã được ghi trong Hiến chương LHQ" (94).

Dựa trên hai tài liệu nói trên, chúng ta có quyền đặt câu hỏi: Ai là "đối trá, lừa bịp" nhân dân trong vấn đề nhân quyền? Câu trả lời chỉ có thể là: Chính ông Phiêu (và tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN) là kẻ ĐẠI DỐI TRÁ, ĐẠI LỪA BỊP nhân dân chớ không phải là những người đấu tranh đòi nhân quyền. Bởi vì các ông cộng sản đều nói và cam kết một đằng mà làm một nẻo (như thường lệ)!

Quan hệ biện chứng giữa "phát triển" và "dân chủ," giữa kinh tế và chính trị

Nhìn chung, trong gần 14 năm qua chúng tôi thấy về mặt kinh tế có "cởi trói" một phần tuy là "nửa vời" mà thôi; nhưng về mặt chính trị thì về cơ bản ta thấy hệ thống chính trị (đảng và nhà nước CS) vẫn bị "đông lạnh." Vì thế cho nên sau một số năm tăng trưởng kinh tế khá nhanh, tốc độ tăng trưởng giảm dần, và mức thấp nhất là năm 1999. Đó là vì từ năm 1997 công cuộc "đổi mới" kinh tế, vốn đã nửa vời rồi lại dẫm chân tại chỗ vì nó chạm phải một chướng ngại vật có tính cách chính trị - tư tưởng của ĐCS; đo đó, kinh tế bị khựng lại. Đây là một hiện tượng minh họa rõ ràng quan hệ biện chứng giữa chính trị và kinh tế: cái nầy có thể thúc đẩy hoặc kìm hãm cái kia. Do đó cần có một *"đột phá khẩu" về mặt chính trị* để khai thông trở ngại con đường phát triển kinh tế và giúp nó tiến lên xa hơn nữa.

Một số ký giả nước ngoài am hiểu tình hình Việt Nam cũng có nhận xét tương tự (95).

Về lý thuyết thì có nhiều tài liệu nghiên cứu về sự quan hệ gắn bó giữa tiến bộ kinh tế và tự do dân chủ. Năm 1992, nhà kinh tế học John F. Helliwell cho rằng, tự do dân chủ và nhân quyền là điều kiện cần thiết để nâng cao mức sống người dân, đưa đất nước tiến lên phồn vinh. Về dài hạn, tự do dân chủ nâng cao văn hóa, giáo dục, đầu tư, và do đó gián tiếp giúp kinh tế phát triển (96).

Năm 1994 có ba nhà kinh tế học viết một bài dài trong tuần báo *The Economist* tựa đề là "Dân chủ và Tăng trưởng," và họ đã kết luận rằng: "Nền dân chủ củng cố tự do kinh tế, và do đó trở thành nền tảng của sự tăng trưởng" (97).

Gần đây nhất, G.S. Amartya Sen, giải thưởng Nobel Kinh Tế năm 1998, cũng nhấn mạnh rằng: "Có những nhà bác học đưa ra nhiều bằng chứng cho thấy rằng, quyền công dân và các quyền chính trị khác (như quyền tự do dân chủ - VNT) có tác động tích cực tới sự tiến triển kinh tế" (98). Và tại Tokyo hồi tháng 2/2000 ông nầy còn đưa ra lý do để chứng minh rằng "Để phát triển kinh tế, dân chủ đóng vai trò quan trọng" (99).

Nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới như cố Tổng thống Francois Mitterrand và Tổng thống Nam Triều Tiên Kim Đại Trung (100) cũng có quan điểm tương tự như vậy.

"Tuyên ngôn về quyền được phát triển" (Declaretion on the Right to Development) do Đại Hội Đồng LHQ biểu quyết (ngày 4/12/86) đã long trọng xác nhận một trong ba nguyên tắc thiết yếu là: việc không tôn trọng quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa là ngăn trở sự phát triển (101).

Năm nay, trong báo cáo hằng năm của UNDP, người ta cũng nhận thấy rằng, nhân quyền là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế, và quốc gia nào muốn có tăng trưởng bền vững phải tôn trọng nhân quyền và dân chủ (102).

Bên phía các nước cộng sản có một nhà kinh tế học nổi tiếng (gốc Hungari) tên là

Janos Kornai, trong một quyển sách tổng kết kinh nghiệm xây dựng CNXH trên thế giới, ông cho rằng kinh nghiệm của các nước Đông Âu chứng tỏ cải cách *"chính trị (politics) chính quyền (power) và tư tưởng* (ideology) là điều kiện *quyết định"* để *mở đường* cho các thay đổi cơ bản trong các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội, và văn hóa v.v... (103) (chúng tôi nhấn mạnh - VNT).

Kinh nghiệm của các nước Trung Âu và Đông Âu cho thấy rằng, những nước nào *kiên quyết* thay đổi một cách dứt khoát các hệ thống chính trị cũ bằng một hệ thống chính trị mới như Ba Lan, Hungari, Cộng hòa Tiệp từ lúc *khởi đầu* đều thành công cả về mặt phát triển kinh tế lẫn tiến bộ dân chủ về mặt chính trị. Trái lại, các nước nào chỉ cải cách nửa vời về mặt chính trị và kinh tế thì không thành công về cả hai mặt (104).

Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN có lẽ nên đi qua Warszawa, Budapest hay Praha để tham khảo kinh nghiệm của các bạn cũ nầy hơn là đi Bắc Kinh để học tập kinh nghiệm của Trung Quốc. Từ khi ông Lê Khả Phiêu lên làm Tổng bí thư thì người ta thấy nhiều phái đoàn của ĐCSVN, chính phủ và các tổ chức xã hội liên tiếp đi qua Bắc Kinh để học tập kinh nghiệm xây dựng CNXH theo kiểu Đặng Tiểu Bình (105). Việt Nam cũng mời các học giả Trung Quốc qua Hà Nội để thuyết trình cho cán bộ đảng viên nghe về kinh nghiệm của họ, và dịch nhiều sách của Trung Quốc bàn về CNXH theo kiểu Trung Quốc. Theo chúng tôi nghĩ, thì thay vì đi qua Bắc Kinh các phái đoàn của Việt Nam nên qua Đài Bắc (Taipeh) để học tập kinh nghiệm của Đài Loan ngoài kinh nghiệm của La Lan, Hungary và Cộng hòa Tiệp, và làm như vậy thì chắc chắn là bổ ích hơn nhiều!

Các mục tiêu tranh đấu

Về tình hình Việt Nam, ông Trần Độ cũng đã nói nhiều lần là nếu không có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ thì cải cách kinh tế bị bế tắc, và ông cũng nhấn mạnh là tự do dân chủ phải đi đôi với phát triển (106).

Trong 14 năm qua do việc "đổi mới" kinh tế và chính trị được tiến hành với hai vận tốc khác nhau cho nên hố cách biệt giữa kinh tế và chính trị trở nên quá lớn. Các quyền tự do dân chủ cơ bản của nhân dân bị hạn chế hoặc/và bị vi phạm có hệ thống khiến kinh tế bị bế tắc và nước Việt Nam ngày càng tụt hậu so với các nước láng giềng. Do đó chúng tôi thấy cần phải có một "đột phá khẩu" về *mặt chính trị* nhằm dân chủ hóa đất nước (dân chủ đích thực, tức là *phi* XHCN). Và đó là điều kiện *quyết định* trong giai đoạn hiện nay để kinh tế nước nhà có thể vươn lên một cách bền vững và để có điều kiện thuận lợi hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa, nhất là khi đã ký thỏa ước thương mại Mỹ-Việt. Nói một cách khác, cần *Đổi mới chính sách "đổi mới" nửa vời* hiện nay, một cuộc đổi mới thứ hai mạnh dạn hơn, kiên quyết hơn; và thực hiện với hai vận tốc, nhưng ngược lại trước đây: tức là tiến hành cải cách *chính trị* với một tốc độ nhanh hơn và một cách cơ bản hơn cải cách *kinh tế* để bù lấp lại sự thiếu quân bình trong 14 năm qua.

Theo thiển ý, *những người dân chủ trong và ngoài nước cần đấu tranh cho những mục tiêu sau đây:*

1. Những quyền tự do dân chủ cơ bản (chủ yếu hiện nay là đấu tranh cho tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản; tự do thông tin, tự do tín ngưỡng v.v...) và nhân quyền như đã ghi trong "Hiến pháp 1992" phải được thực hiện trong thực tế.

Chúng ta phải ý thức rằng, đòi thực hiện các quyền tự do dân chủ và nhân quyền và đa đảng là đánh vào *điểm yếu nhất của chế độ cộng sản* (vì chế độ độc tài nào cũng coi "dân chủ" là kẻ thù không đội trời chung của mình cả). Do đó, chúng ta phải chờ đợi một sự phản kháng mãnh liệt của tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN (xem phản ứng vừa qua của ông Lê Khả Phiêu chẳng hạn). Vì vậy, phía chúng ta phải hết sức kiên trì trong việc *gây áp lực tối đa và liên tục,* cả *trong lẫn ngoài nước* để buộc ĐCS một ngày kia phải chấp nhận sự chuyển biến từ chuyên chính sang dân chủ. Chúng ta vẫn ý thức được rằng, họ *chỉ chấp nhận điều nầy khi tương quan lực lượng* giữa họ với ta thay đổi một cách bất lợi cho họ mà thôi. Sẽ là một *ảo tưởng nguy hiểm* nếu ta trông chờ vào sự "biết điều" của họ! Điều cần nhắc lại ở đây là *song song* với yêu sách đòi dân chủ và nhân quyền chúng ta ủng hộ tất cả những yêu sách khác của nhân dân (ví dụ: đòi cải thiện đời sống nhân dân, chủ yếu là nông dân; chống tham nhũng và buôn lậu; chống lại ức hiếp dân, cửa quyền v.v...) nhưng đồng thời phải *gắn liền* các yêu sách đó với tự do dân chủ và nhân quyền, và trong quá trình đấu tranh đó tìm cách *nâng cao dần trình độ giác ngộ chính*

trị của nhân dân.

2. Tách rời *hoàn toàn* đảng với nhà nước, cả về mặt *chính trị* (tức là phi chính trị hóa công an, quân đội, tòa án, cơ quan truyền thông v.v...) lẫn về mặt *kinh tế* và *tài chính*. (Về mặt tài chính thì đảng không có quyền sử dụng ngân sách nhà nước để trả lương và cung cấp chi phí cho các tổ chức của đảng và toàn thể xã hội-vệ tinh của đảng nữa).

3. Dân chủ đa đảng (số lượng chính đảng tùy thuộc vào thể thức bầu cử, nhưng cái quan trọng là ngoài ĐCS ra - mà chúng tôi không bác bỏ, theo "luật chơi" của dân chủ - phải có *đảng đối lập*. Nói một cách khác sẽ phải thay đổi điều 4 "của Hiến pháp 1992," và chủ nghĩa Mác-Lê sẽ không còn thống trị trên toàn xã hội nữa).

4. Phân lập rõ ràng giữa Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp, bỏ nguyên tắc "tập trung dân chủ" như đã áp dụng từ bấy lâu nay. Tuy nhiên mọi nghị quyết đều phải được biểu quyết theo đa số, nhưng *thiểu số phải được tôn trọng* vì thiểu số hôm nay có thể trở thành đa số ngày mai (theo nguyên tắc luân phiên).

5. Tạo điều kiện cho sự nẩy nở một xã hội dân sự (còn gọi là xã hội công dân - société civile).

6. Bầu cử thật sự tự do (để đi đến một chế độ dân chủ đại nghị sau nầy).

(*Xin chú ý:* Đây không phải là một danh sách ưu tiên phải làm cái trước cái sau, mà là *tùy theo* diễn biến của thời cuộc, chúng ta đưa ra yêu sách nầy hoặc/và yêu sách nọ trong một giai đoạn nhất định).

Nếu về mặt kinh tế chúng ta gây sức ép để đảng và nhà nước cộng sản thực hiện những đề nghị đã nêu bên trên (phần I) và về mặt chính trị những yêu sách vừa nói bên trên, thì tới *một mức độ nào đó* chúng ta sẽ thấy *lượng* sẽ biến đổi dần thành *chất*, tức là sẽ xảy ra cái mà các triết học của phép biện chứng (dialectics) gọi là một sự THAY ĐỔI VỀ CHẤT (qualitative change), có nghĩa là hệ thống chính trị - kinh tế "CNXH đổi mới" sẽ chuyển tiếp sang một hệ thống chính trị - kinh tế hoàn toàn *phi XHCN* (hoặc phi cộng sản) một cách *hòa bình* trừ khi nào ĐCSVN chủ động dùng bạo lực để chống lại đa số nhân dân).

Chúng tôi biết rằng ông Lê Khả Phiêu đã từng tuyên bố là ĐCSVN "đổi mới nhưng quyết không đổi màu," tức là ĐCSVN sẽ không bao giờ "đi chệch con đường tiến lên CNXH" (107). Nhưng khi xảy ra sự thay đổi về chất như đã phân tích ở trên, thì dù muốn dù không, ông Phiêu (hoặc ông lãnh đạo nào khác) cũng không thể chống đỡ được tức là "đổi màu," vì tương quan lực lượng đã ngả hẳn về phía dân chủ rồi (như chuyện đã xảy ra ở Đông Đức khi bức tường Bá Linh sụp đổ vậy!)

Sự chuyển tiếp này, ĐCSVN, bắt chước Trung Quốc, gọi là "âm mưu diễn biến hòa bình." Đúng là có diễn biến hòa bình từ "một chế độ toàn trị vào loại tệ hại nhất" (theo báo *L'Express,* Pháp, 20/4/2000) sang một chế độ dân chủ thật sự, nhưng không thể gọi đó là "âm mưu" được. Bởi vì để thực hiện mục tiêu vừa nói đó, chúng ta phải công khai kêu gọi thành lập một *liên minh* (hoặc mặt trận) dân chủ *hết sức rộng rãi* bao gồm tất cả các phần tử đấu tranh cho dân chủ đích thực, ở trong và ngoài nước, bất kể xu hướng chính trị trước đây như thế nào, kể cả những người cộng sản ly khai, những cán bộ, đảng viên hiện đang công tác trong bộ máy đảng và nhà nước đã giác ngộ. Năm 1995, trong một cuộc hội thảo ở Canberra (Úc), chúng tôi đã đề nghị ý kiến nầy rồi (108). Gần đây "nhóm Thông Luận" ở Pháp có đưa ra một "Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên" cũng trong tinh thần vừa kể ở trên (109), và chúng tôi tán thành ngay.

Về chiến thuật để thực hiện liên minh (hoặc mặt trận) dân chủ nói trên, chúng tôi thiết tưởng nên học tập kinh nghiệm (thành công) của cộng sản, tức là:

a) chỉ chĩa mũi nhọn vào *một kẻ thù duy nhất* chủ yếu trong *giai đoạn hiện nay mà thôi* (và lẽ dĩ nhiên, kẻ thù đó không ai khác là tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN từ trung ương tới địa phương, và *chỉ có họ mà thôi* (không nên quơ đũa cả nắm!).

b) *một mặt* thì đoàn kết và tập hợp *tất cả* bất cứ ai có thể tập hợp được trên cơ sở *một số điểm đã được thỏa thuận* (nhưng *không* bắt buộc họ phải chấp nhận *tất cả* quan điểm của chúng ta, trước đây và sau này); *mặt khác* phải đấu tranh để chia rẽ hàng ngũ địch trên các lĩnh vực khác nhau (phương tiện thông tin đại chúng, internet, v.v...).

Để gây áp lực tối đa, chúng ta cần phải áp dụng *chiến lược BỐN MŨI GIÁP CÔNG (hai trong, hai ngoài):*

1) *Ở trong nước:*

a) chia rẽ nội bộ đảng và nhà nước cộng sản: ủng hộ những người ly khai, đối lập công

khai hoặc tiềm tàng (cả về mặt tinh thần lẫn vật chất) để có nhiều Trần Độ, Hoàng Minh Chính v.v... hơn nữa.

b) ủng hộ và khuyến khích sự bất mãn của nông dân, trí thức, thanh niên và sinh viên, quần chúng nói chung khi họ thấy đảng nói một đằng mà làm một nẻo.

Hai mũi tấn công ở trong nước nầy là *chủ lực* có ý nghĩa *quyết định*, vì họ phải đương đầu hằng ngày với bộ máy đàn áp ở trong nước; và họ đang và sẽ là những người làm ra lịch sử.

2) *Ở ngoài nước:*

c) ủng hộ các áp lực của các tổ chức tài chính quốc tế khi họ đặt điều kiện cần thiết để viện trợ; yêu cầu họ không quên vấn đề dân quyền và nhân quyền khi thương thuyết buôn bán và viện trợ với nhà nước Việt Nam.

d) Việt kiều phải nhiệt liệt yểm trợ các cuộc đấu tranh ở trong nước, cả vật chất lẫn tinh thần. Và điều kiện để làm việc nầy có hiệu quả là dù có nhiều đoàn thể khác nhau nhưng phải *thống nhất hành động đấu tranh nhằm một số mục tiêu* nhất định.

Ngoài ra, Việt kiều cần vận động các tổ chức quốc tế (như *Amnesty International* v.v..) báo chí, công luận ở nước mình đang cư trú; vận động các chính phủ ở các nước mà chúng ta đang cư trú để khi tiếp xúc với Việt Nam, họ không quên dùng áp lực của họ để yêu cầu thực hiện tự do dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam.

Trong quá trình đấu tranh nầy chúng ta cần hết sức kiên trì, nhưng cuối cùng chúng ta sẽ giành được thắng lợi, vì ban lãnh đạo ĐCSVN *không* thể nào đi ngược mãi xu hướng không thể đảo ngược của khái niệm DÂN CHỦ trong thời đại nầy được! (110)

Paris - Washington D.C.
24/7/2000

Chú thích

(46) Võ Nhân Trí, "Tư tưởng Hồ Chí Minh" có mâu thuẫn gì với chính sách "đổi mới" không? Trong quyển sách *Đảng Cộng Sản trước thực trạng Việt Nam,*" Nxb Đường Mới, Paris, 1994, tr. 63-94 - Cùng xem: Nhơn Trí, *VNDC*, tháng 5/1000, tr. 16-18; và Tôn Thất Thiện, Luận bàn về "Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Tin Nhà* (Pháp), No 27, Avril 1997.

(47) *The Economist,* Jan. 8-14, 2000; *Asia Week*, April 21, 2000 và April 24, 2000; *La Croix*, 22/4/2000; *RFI*, 21/4/2000 (chương trình tiếng Việt); *ARTE*, 27/4/2000; Nguyễn Ngọc Hiệp, *TL*, tháng 1/2000, tr. 18.

(48) Tiêu Dao Bảo Cự, *Nửa Đời Nhìn Lại,* Nxb Thế Kỷ (Mỹ), 1994, tr. 333.

(49) Trần Độ, *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 14.

(50) ĐCSVN, *Văn Kiện Đại Biểu... Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 142.

(51) *ibid*, tr. 139.

(52) *VNDC,* tháng 3/2000, tr. 14.

(53) Trần Độ, *DĐ*, tháng 5/1999, tr. 16; *DCPT* số 12, tháng 5/1998, tr. 26 và số 13, tháng 10/1998, tr. 10; 13; 38; và *TK 21*, tháng 3/1998, tr. 23-24; 27.

(54) Nguyễn Thanh Giang, *TL*, tháng 4/1998, tr. 12 và 13. (55) Dương Thu Hương, *DĐ*, tháng 6/1999, tr. 8 và 9. Cũng về vấn đề nầy xem nhận xét của nhà xã hội học Tương Lai ở Hà Nội trong *DCPT*, số 10, tháng 10/1997, tr. 4.

(56) Gabriel Kolko, *Vietnam. Anatomy of Peace*, sđd, tr. 58; 150; 153.

(57) *DĐ*, tháng 4/1999, tr. 9.

(58) Trần Độ, *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 13.

(59) *ibid*, trang 15.

(60) *Le Point*, Paris, 21/9/96, tr. 27.

(61) Bùi Tín, *L'Express,* Paris, 11/5/2000, tr. 51. Cùng xem Bùi Tín, *Mây Mù Thế Kỷ,* Nxb Đa Nguyên, Mỹ, 1998, tr. 243; 255.

(62) *Asia 1996 Yearbook*, Hongkong, tr. 221.

(63) *TCCS*, số 13, 1996. tr. 37.

(64) *Lao Động*, Hà Nội, 2/10/98. Cùng xem *TK21*, tháng 1/1999, tr. 27 và *DĐ*, tháng 1/1999, tr. 4.

(65) *AFP,* 23/6/2000.

(66) *TL,* tháng 12/1999, tr. 15.

(67) Bùi Ngọc Thanh, *TCCS*, số 3, tháng 2/2000, tr. 23. Cùng xem *VNDC*, tháng 4/2000, tr. 21.

(68) Nhân Đăng, *TCCS,* số 5, tháng 3/1998, tr. 51.

(69) Lê Khả Phiêu, *TCCS* số 11, tháng 6/1999, tr. 5.

(70) *VNDC,* tháng 6/2000, tr. 11 và 12.

(71) *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 13.

(72) Võ Nhân Trí, *Vietnam's Economic Policy Since 1975*, sđd, tr. 3.

(73) *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 13.

(74) Nguyễn Đức Bình, *TCCS*, số 4, tháng 2/2000, tr. 17.

(75) *Asia Week*, June 23, 2000, tr. 57.

(76) World Bank, *World Development Report 1999-2000: Entering the 21st Century*, September 1999, Washington D.c.

(77) *FEER*, May 4, 2000, tr. 8.

(78) Võ Nhân Trí, *TK21*, tháng 8/1992, tr.

6-8.

(79) *TCCS,* số 7, tháng 4/2000, tr. 7. Một nhà báo Pháp, J.C. Pomonti, cũng khẳng định là "CCVS" vẫn tồn tại ở Việt Nam: xem *Vietnam: Quand L'Aube se Lève,* Ed, P. Picquier, Arles, 1997, tr. 139.

(80) *ĐCSVN Văn Kiện Đại Hội... Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 75.

(81) *ibid* tr. 44 và 71. Về nội dung của "dân chủ XHCN," xem *ibid*, tr. 44-45.

(82) *TCCS,* số 9, tháng 5/2000, tr. 3.

(83) *ĐCSVN. Văn Kiện Đại Hội... Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 45; 149. Cùng xem Lê Khả Phiêu, *TCCS,* số 11, tháng 6/1999, tr. 4.

(84) *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 12.

(85) *ĐCSVN. Văn Kiện Đại Hội... Lần Thứ VIII,* sđd, tr. 45.

(86) *DĐ*, tháng 7/2000, tr. 12.

(87) *ibid*, tr. 15.

(88) Trần Thanh Hiệp, *TL*, tháng 5/2000, tr. 20 và 22.

(89) Báo cáo của Abdelfattah Amor, Commission des Droits de L'Homme (55 ème Session), *Droits Civils et Politiques Notamment: Intolérance Religieuse, UN. Commission Économique et Sociale.* Distribution générale E/CN.4/1999/58/ADD. 2.29 Décember 1998. (Xem tóm tắt: Phan Ngọc Lan, *TL*, tháng 4/1999, tr. 7 và 8; 19).

(90) *Le Nouvel Obstervateur*, (Pháp), 1-7 Juin 2000.

(91) Lê Khả Phiêu, *TCCS,* số 17, tháng 9/199, tr. 6.

(92) RSVN, *Constitution 1992,* ELE, Hà Nội, 1992.

(93) Về các công ước quốc tế nầy và sự áp dụng của nó ở Việt Nam, xem *VNDC*, tháng 12/1996, tr. 11 và tiếp theo.

(94) Trích Nguyễn Thanh Giang, *TL,* tháng 11/1999, tr. 22-23.

(95) Xem Jeremy Grant, *Financial Times,* London, April 17, 1998, và Nayan Chanda, *FEER* May 4, 2000.

(96) John F. Helliwell, *Empirical Linkages Between Democracy and Economic Growth,* Working Paper, No 4066, National Bureau of Economic Research, Cambridge, 1992.

(97) *The Economist,* Aug. 27th - Sept. 2nd, 1994. Và xem bản tóm tắt của Đỗ Quý Toàn, *TK21*, tháng 10/1994, tr. 13.

(98) A. Sen, *Le Monde* 28/10/98.

(99) A. Sen trích trong *TL,* tháng 4/1999, tr. 27.

(100) Ông Kim Đại Trung nói hồi năm 1998: "Dân chủ và phát triển phải đi đôi với nhau," trích theo *TK21*, tháng 4, 1998, tr. 51.

(101) Trần Thanh Hiệp, *TL*, tháng 1/2000, tr. 41.

(102) Báo cáo UNDP, ngày 28/6/2000, trích theo *RFI*, (chương trình tiếng Việt) 29/6/2000.

(103) Janos Kornai, *The Socialist System. The Political Economy of Communism.* Princeton University Press, New Jersey, 1992, tr. 568.

(104) Tạp chí *Le Courrier Des Pays De L'Est,* No 428-429, Mars-Avril 1998, La Documentation Francaise, Paris, tr. 6.

* Xem thêm: *L'Europe Centrale et Orientale. Dix ans de Transformation* 1989-1999, dưới sự chỉ đạo của Edith Lhomel, Études de la Documentation Francaise, Paris 2000; và

* F. Bafoil, *Le Post Communisme,* Ed. La Découverte, Paris, 1999.

* J. Sgard, *Europe de l'Est. La Transition Economique,* Flammarion, 1997.

* *TK21*, tháng 10/1998, tr. 25-26.

Điều đáng chú ý là *TCCS,* số 16, tháng 8/1999, tr. 60-63 cũng có đăng một bài nói về kết quả 10 năm chuyển đổi nền kinh tế các nước Trung và Đông Âu.

(105) Lê Khả Phiêu đã tuyên bố "muốn học tập kinh nghiệm quý báu của việc xây dựng CNXH theo kiểu Trung Quốc," *Vietnam Investment Review,* March 1-7, 1999.

Hồi tháng 10/1998, Phan Văn Khải cũng đã chính thức thừa nhận Việt Nam học tập mô hình xây dựng XHCN kiểu Trung Quốc (*VNDC*, tháng 12/1998, tr. 17). Hiện nay Việt Nam nhờ Trung Quốc nghiên cứu con đường tiến lên CNXH (VNDC, tháng 3/2000, tr. 9).

(106) *TK21*, tháng 3/1998, tr. 9 và 26; và *TL*, tháng 4/2000, tr. 14. Cũng nên xem kiến nghị cấp bách dân chủ hóa đất nước của "Năm công dân gửi Quốc hội" trong *DĐ*, tháng 6/2000, tr. 10.

(107) *TCCS,* số 4, tháng 2/2000, tr. 5.

(108) Võ Nhân Trí, Tham luận ở hội thảo về *"Hậu quả 50 năm cầm quyền của tập đoàn Cộng Sản Hồ Chí Minh*, Sydney, New South Wales (Úc), 20/8/1995. Tập Hợp Đồng Tâm Úc ấn hành, tr. 53.

(109) Xem *"Dự án chính trị dân chủ đa nguyên 200 - Thành công thế kỷ 21,* Paris 2000. Cùng xem xã luận *TL*, tháng 1/2000, tr. 3-4.

(110) J. Attali, *Dictionnaire du 21ème Siècle,* Ed. Fayard, Paris 1998, tr. 92.

THẾ VẬN HỘI CỦA HÒA HỢP

NGUYỄN VĂN TUẤN

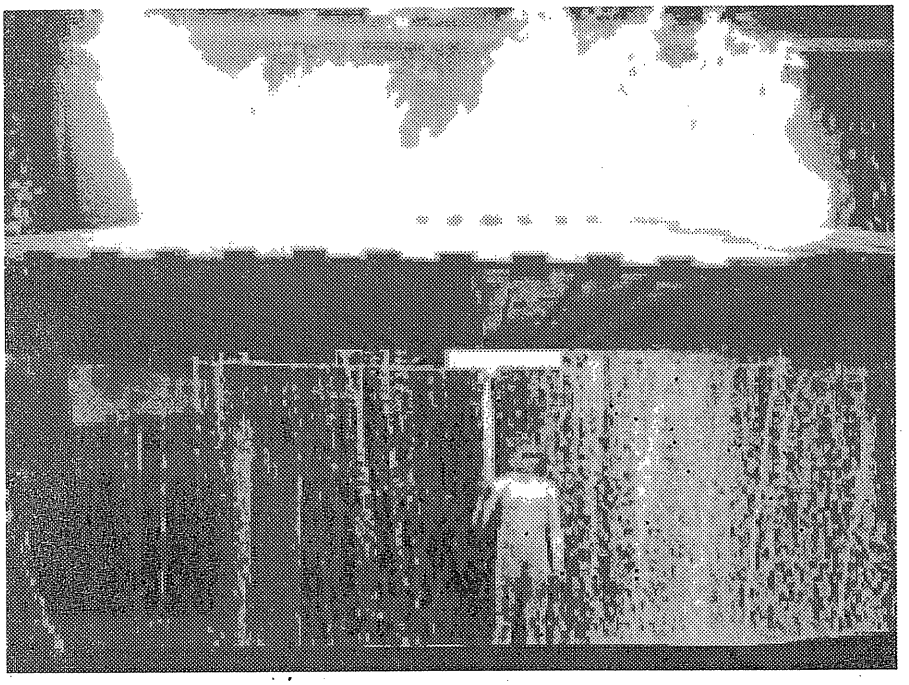

Thế vận hội lần thứ 27 (TVH27) đã được chính thức khai mạc tại Sydney Olympics Park hôm thứ Sáu (16 tháng Chín) tuần rồi. Sách báo trên khắp thế giới, và dĩ nhiên là kể cả Úc, đã không ngớt ca ngợi tài tổ chức của nước chủ nhà và những màn trình diễn nghệ thuật vĩ đại. Có người quả quyết một cách hết sức tự tin rằng sẽ không có một lễ khai mạc nào trong tương lai hay hơn và lớn hơn buổi lễ khai mạc ở Sydney! Có nhà báo Úc còn phách lối viết rằng phương cách tổ chức Thế vận hội Sydney năm 2000 đã dạy một bài học cho Thế vận hội Atlanta (Mỹ) năm 1996! Ông Juan Antonio Samaranch, Chủ tịch Ủy ban Thế vận hội Quốc tế (International Olympic Committee, hay IOC) tuyên bố rằng *"Đây là một buổi lễ khai mạc hoàn hảo nhất trong nhiệm kỳ chủ tịch của tôi."* Có lẽ như thế. Nhưng cũng có lẽ không như thế. Với sự nhầm lẫn sơ đẳng của ông về con số 27 và 28 (1), và với những mỹ từ tương tự mà tôi đã nghe được từ các Thế vận hội trước đây ở Atlanta, ở Hán Thành, ở Toronto, v.v... ông ta [hay một người kế nhiệm] có lẽ sẽ dùng câu nói này cho buổi lễ khai mạc ở Athens vào năm 2004 hay ở một thành phố nào đó vào năm 2008, và cái xác suất sai sót sẽ không quá 1%.

Có thể nói, cái vạc lửa (cauldron) là một điểm thu hút lớn trong ngày khai mạc. Nhiều khán giả ngạc nhiên một cách thích thú về sáng kiến dùng một vạc lửa, được nâng cao dần dần từ một thác nước, làm ngọn đuốc cho ngày hội lớn của thế giới thể thao. Nhiều người quả quyết đây là một sáng chế cực kỳ độc đáo của Úc. Tuy nhiên, sự thực thì ý tưởng và mô hình về cái vạc lửa này được mượn từ Thế vận hội lần thứ 21 ở Montréal, 1976. Dĩ nhiên là nó được cải biên bằng các công nghệ hiện đại hơn thời thập niên 70. Tuy nhiên, một sự cố kỹ thuật nhỏ hôm khai mạc đã để lại một ấn tượng khó quên trong khán giả, và có thể nói là trong lịch sử các buổi lễ khai mạc Thế vận hội. Đêm khai mạc, vạc lửa

này không vận hành một cách êm xuôi như dự định: sau khi châm lửa, đáng lẽ cái vạc lửa phải từ từ quay theo vòng xoắn lên cao dần dần; nhưng vì một lý do kỹ thuật rất nhỏ, nó bị tắc nghẽn khoảng hai phút! Sự cố này đã làm cho bao nhiêu chuyên viên kỹ thuật phía hậu trường phải lo lắng đến mất vía. Trưởng ban tổ chức Richard Birch cũng thú nhận là đã kinh qua một phen "hồn vía lên mây."

Nhưng nói chung, nếu ta bỏ ngoài tai những câu khen ngợi giống như khẩu hiệu, những bài báo tự khen giống như vè, những câu tuyên bố ngớ ngẩn của các quan chức hay nhà báo theo chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi, công bằng mà nói, buổi lễ khai mạc đã thành công một cách mỹ mãn, Người Úc có quyền tự hào về sự thành công này. Mà, dù cho buổi khai mạc không, hay chưa, là buổi lễ tốt đẹp nhất hay hoàn hảo nhất trong lịch sử Thế vận hội, thì chắc cũng phải được xếp vào hạng hàng đầu.

Nhưng qui luật *"tiền nào của ấy"* cũng ứng dụng ở đây: buổi lễ đó đến với khán giả bằng cái giá tương đối đắt. Với hơn năm năm chuẩn bị, và sự tham gia của 120 con ngựa tuyển, 1950 nhạc công, 1000 vũ công, 220 nhà biểu diễn lửa, 800 nhân viên yểm trợ, và hàng ngàn ngày luyện tập ở nhiều địa điểm bí mật khác nhau trên toàn nước Úc, toàn bộ chi phí cho buổi lễ khai mạc được ước tính tốn vào khoảng 58 triệu đô-la Úc, tức khoảng 32 triệu đô-la Mỹ. Chỉ riêng cái vạc lửa đã tốn khoảng 12 triệu đô-la Úc (6.6 triệu đô-la Mỹ).

Nếu phải chọn ra một từ tiêu biểu cho kỳ TVH27 này, tôi nghĩ người ta sẽ dùng cụm từ: "hoà hợp." Chả hiểu khi thiết kế cái vạc lửa và thác nước, các chuyên viên có nghĩ đến ý nghĩa của lửa và nước hay không, nhưng tôi không dấu được thèm thuồng để làm một diễn dịch có tính... Đông phương. Cố nhiên, ai trong chúng ta cũng biết lửa mang tính dương, và nước mang tính âm. Trong *Đạo Đức Kinh*, Lão tử từng viết: *"Nhất âm nhất dương vị chi đạo."* Cái vạc lửa và thác nước là một biểu hiện của sự dung hòa âm-dương. Âm dương hòa hợp như Trời Đất, như Vợ Chồng. Có hòa hợp thì mọi việc sẽ êm xuôi, thuận hòa.

Cái đặc điểm hòa hợp của TVH27 này còn được nhấn mạnh thêm một lần nữa trong buổi diễn hành ra mắt của các vận động viên. Hòa hợp giới tính. Hòa hợp sắc tộc. Hòa hợp chính trị.

Có thể nói không ngoa rằng TVH27 là Thế vận hội của giới nữ. Vinh danh vai trò của phụ nữ trong thể thao quốc tế. TVH27 đánh dấu một cái mốc quan trọng về lý tưởng mới của Thế vận hội, và xóa bỏ những thành kiến còn sót lại [nếu có] về các nữ lực sĩ. Cách đây đúng 104 năm, khi bắt đầu khôi phục Thế vận hội ở Athens, Bá tước Pierre de Coubertin không có ý định cho phụ nữ tranh tài, mà chỉ ghi nhận họ như là một đối tượng để tung hô giới nam, khi ông tuyên bố: *"Các cuộc thi đua vô địch phải dành cho sự long trọng và chu kỳ của những nam lực sĩ với tinh thần quốc tế là cơ sở, trung thành là phương tiện, nghệ thuật là khung cảnh, và sự hoan hô của phụ nữ là phần tưởng thưởng"* (2). Vào thời đó, điều này cũng không có gì ngạc nhiên, vì trước đó, phụ nữ không được [hay nói cho đúng hơn là bị cấm] tham dự, thậm chí không được vào sân vận đo để xem, các cuộc tranh tài (3)! Tuy nhiên, mọi sự việc thay đổi theo thời gian, và cái lý tưởng Thế vận hội trên đây của ông Bá tước cũng không nằm ngoài sự chuyển động của bánh xe lịch sử. Năm 1900, trong Thế vận hội tổ chức tại Paris, bà Charlotte Cooper (người Anh) đã dành chức vô địch môn đánh quần vợt (tennis). Liên tiếp trong các Thế vận hội sau đó, nhiều lực sĩ nữ đã lần lược chiếm nhiều huy chương và dần dần nâng cao vai trò của họ trong các bộ môn thể thao.

Trong buổi lễ khai mạc TVH27 tại Sydney, Ban tổ chức đã cho một nhóm vận động viên nữ xuất sắc (như bà Dawn Fraser, Betty Cuthbert, cô Cathy Freeman và Debbie King-Flintoff) cầm đuốc. Riêng cô Cathy Freeman được vinh dự trao cho nhiệm vụ châm ngọn đuốc khai mạc Thế vận hội lần thứ 27. Đó là một thể hiện về lý tưởng mới của Thế vận hội. Thực ra, cô Cathy Freeman không phải là người nữ đầu tiên châm lửa cho Thế vận hội như nhiều người lầm tưởng; cô Enriqueta Basillio, người Mễ Tây Cơ, mới là người nữ đầu tiên đã châm ngọn lửa cho Thế vận hội vào năm 1968 tại Thành phố Mễ Tây Cơ.

Thế vận hội là một dịp hiếm có để phô trương về nước chủ nhà với thế giới. Có lẽ Adolph Hitler là người đầu tiên dùng Thế vận hội nhắm vào mục đích này. Trong kỳ Thế vận hội năm 1936 do Đức đăng cai tổ chức, Hitler đã sử dụng một lực lượng nghệ sĩ hùng hậu để thiết trí những bích chương, quảng cáo, tạo nên những tác phẩm nghệ thuật nhằm phô trương cho thế giới bên ngoài biết về Đức

quốc xã và giống dân "siêu việt" Aryan. Hitler đích thân khai mạc Thế vận hội này trong một buổi lễ long trọng dưới sự điều hành của Nhà soạn nhạc danh tiếng Richard Strauss. Giới bình luận đều công nhận là Hitler đã thành công trong việc tuyên truyền này. Cái "truyền thống" phô trương uy thế này từ đó có cơ hội phát triển đến các nước nào đăng cai tổ chức. Buổi lễ khai mạc Thế vận hội Sydney năm nay cũng không ngoài mục đích quảng bá cho cộng đồng thế giới biết về quá trình hình thành nước Úc và đức tính của người Úc. Nhưng họ chỉ nói những điều tốt lành, chỉ diễn những màn đầy nhân ái, mà không hề đã động đến những lỗi lầm tày trời của nước Úc và người Úc trong quá khứ.

Những người Anh đầu tiên sang đây định cư - hay nói cho đúng hơn là xâm chiếm dành đất của người thổ dân (mà tiếng Anh gọi là Aborigine) - đã phạm nhiều tội ác ghê gớm. Họ tàn sát người bản xứ; họ bắt cóc trẻ em người bản xứ và đem vào các trại tập trung dưới danh nghĩa "mở mang" và "mang lại văn minh" cho người bản xứ; họ hủy hoại cộng đồng người thổ dân một cách có hệ thống qua rượu bia và thuốc lá; họ kỳ thị người bản xứ không khác gì người da trắng ở Nam Phi kỳ thị người da đen, v.v... Cho đến nay, những tội ác này vẫn còn để lại nhiều hậu quả tiêu cực trong cộng đồng người thổ dân. Tôi đã có dịp ghé qua thăm vài cộng đồng người thổ dân thuộc vùng Dubbo, tiểu bang New South Wales, mà ấn tượng về cái nghèo và lạc hậu của họ thật khó quên. Ở Việt Nam ta, có nhiều cộng đồng người sắc tộc thiểu số đã nghèo, nhưng hình như các cộng đồng người thổ dân ở Úc có lẽ còn nghèo hơn. Điều đau lòng là cái nghèo khó này lại hiện diện ngay trên một đất nước đã phát triển, giàu có, một đất nước là mức thu nhập bình quân đầu người có thời cao vào hàng nhất nhì thế giới. Thành ra, trong mỗi hội nghị về y tế cộng đồng, hầu như tất cả các bác sĩ và nhà nghiên cứu đều cảm thấy thực sự hổ thẹn khi đọc và thấy các chỉ số về y tế và xã hội trong cộng đồng người thổ dân còn thua một nước thuộc Thế giới Thứ Ba. Những người hoạt động chính trị có lương tâm cũng cảm thấy xấu hổ. Ngay cả trong ngày khai mạc TVH27, khoảng 400 người thổ dân đã biểu tình, kêu gọi thế giới hãy nhìn vào thực trạng của người thổ dân trên đất Úc và cách đối xử tàn bạo của người da trắng đối với họ trong vòng 200 năm qua.

Một số chính trị gia và phần đông các nhà khoa bảng, hoạt động xã hội đã khuyên Thủ tướng Úc, ông John Howard, nên noi gương Tổng thống Clinton (Mỹ) và Thủ tướng Chrétien (Canada), lên tiếng chính thức xin lỗi người thổ dân. Mặc dù có hàng ngàn nhân sĩ khuyên răn, nhưng ông Howard nhất định không chịu xin lỗi! Điều nghịch lý buồn cười là ông này đã không chịu xin lỗi người thổ dân, nhưng lại đòi hỏi chính phủ Nhật xin lỗi Úc vì những hành động bạo tàn của quân đội Nhật trong thời Thế chiến thứ II! Những ai theo dõi chính trường Úc đều biết ông Howard là người của Đảng Tự do, một đảng có triết lý và đường lối tương tự như Đảng Cộng hòa bên Mỹ. Nhiều người đã không ngần ngại nói thẳng rằng Howard là một người kỳ thị chủng tộc, có thành kiến với người Á châu và khinh thường các nước thuộc Châu Á. Lúc bà dân biểu Pauline Hanson tuyên bố những câu sặc mùi kỳ thị người Á châu, ông Howard (lúc đó ông mới đắc cử Thủ tướng) lên tiếng đồng tình và khuyến khích bà ta. Khi ông giáo sư Goeffrey Blainey ở Melbourne đòi đuổi người gốc Á châu về xứ sở của họ và miệt thị người thổ dân, ông Howard cũng bày tỏ thái độ ủng hộ ngầm.

Do đó, sự kiện cô Cathy Freeman, một người thổ dân, được danh dự châm ngọn đuốc Thế vận hội có thể hiểu như là một sự phản đối của Ban tổ chức TVH27 đối với cá nhân ông John Howard. Nó còn là một hiểu hiện lòng quyết tâm của đa số dân Úc muốn có một sự hoà hợp hòa giải với người thổ dân Úc.

Thế vận hội - qua qua những hành động hoặc trực tiếp hay gián tiếp - luôn gắn liền với chính trị và các thủ thuật ngoại giao. Sự hiện diện hay khiếm diện của các phái đoàn lực sĩ từ các nước khác nhau thường được hiểu như là một lời phát biểu về các vấn đề ngoại giao và quan hệ chính trị quốc tế. Năm 1920, Áo, Bảo Gia Lợi và Đức không được mời tham dự vì vai trò của họ trong Thế chiến thứ nhất; năm 1948, Đức và Nhật cũng không được mời tham dự vì vai trò của họ trong Thế chiến thứ hai; năm 1956, Ai Cập và Li-Băng tẩy chay Thế vận hội Melbourne vì sự chiếm đóng sông Suez của quân đội Do Thái, Thụy Sĩ và Tây Ban Nha cũng tẩy chay vì sự chiếm đóng Hung Gia Lợi của Liên Xô; năm 1984, Liên Xô và 13 nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa khác tẩy chay Thế vận hội Los Angeles; năm 1988, Bắc Hàn, Nicaragua, Ethiopia, và Cuba không gửi lực sĩ tham dự Thế vận hội Seoul; v.v...

Phong trào Thế vận hội cũng là một khung cảnh của "một cõi đi về." Thực vậy, trong khi có nước tẩy chay, thì cũng có nước được mời tham dự sau một thời gian vắng mặt. Sau khi thống nhất, các lực sĩ Đông và Tây Đức lại diễn hành dưới một lá cờ chung. Năm 1971, Hội đồng Thế vận hội (IOC) mời Trung Quốc trở lại Thế vận hội sau 13 năm vắng bóng. Năm 1992, sau nhiều năm vắng mặt, các lực sĩ Nam Phi lại được chào mừng quay lại với phong trào.

Vào thời gian cuối thế kỷ 19, người Pháp bị mất niềm tin vì thua trận trong chiến tranh Pháp-Phổ. Nhằm mục đích lấy lại tinh thần cho quốc gia Pháp và đem lại sự đoàn kết cho người Pháp, Bá tước Pierre de Coubertin đã bỏ tiền túi đi tham khảo cách tổ chức tranh tài ở Anh và Mỹ, và đi đến kết luận rằng nền tảng đạo đức của con người nằm ở sự tương kính, và để kính trọng với nhau, điều cần thiết là phải hiểu biết nhau. Năm 1894, ông chủ trì khôi phục Thế vận hội với tinh thần đoàn kết quốc gia và quốc tế.

Một trăm lẻ bốn năm sau, cái tinh thần đó được thể hiện rõ trong TVH27 tại Sydney, khi phái đoàn vận động viên Nam và Bắc Hàn cùng diễn hành tay trong tay. Trước sự kiện đặc biệt này, khán giả, trong đó có ông Chủ tịch Juan Samaranch, Thủ tướng John Howard, Thủ hiến Bob Car, v.v... đứng lên chào mừng một cách long trọng và cảm động. Sau mấy mươi năm chia cách vì ý thức hệ và chính trị, đây có lẽ là lần đầu tiên người Đại Hàn thuộc hai miền Nam Bắc cùng bước chung dưới một là cờ mới. Lá cờ trung lập.

Trong các cuộc tranh tài trước, cái tinh thần "đấu" thường được đề cao, và người ta ít khi nào chú trọng đến cái văn hóa mà tôi tạm gọi là "nhân hòa." Thế vận hội lần thứ 27 đã đem lại cho thế giới một thông điệp đang thiếu nhưng cần thiết này. Đó là thông điệp về sự hòa thuận giới tính, hòa hợp dân tộc và hòa giải chính trị.

Tháng Chín, 2000.

Ghi chú

(1) Ông Juan Antonio Samaranch đã nhầm lẫn tuyên bố trong bài diễn văn khai mạc rằng đây là Thế vận hội lần thứ 28!

(2) Tạm dịch từ "The Olympic Games must be reserved for the solemn and periodic exaltation of male athleticism with internationalism as a base, loyalty as a means, arts for its setting, and female applause as its reward."

(3) Ngay từ những năm đầu của Thế vận hội cổ (lần đầu tiên được tổ chức vào năm 776 trước Công nguyên), người ta ra điều lệ cấm phụ nữ tham dự. Thậm chí, ngay cả mẹ và chị em của các vận động viên cũng bị cấm không được phép vào xem! Nhưng điều lạ lùng là họ cho phép các cô gái đồng trinh và nữ tu sĩ vào xem, nhưng phải ngồi ở một vị trí khiêm tốn. Những ai vi phạm điều lệ này là bị quăng xuống ngọn núi Typaion, tức cầm chắc là chết. Tuy nhiên, chỉ có một người phụ nữ duy nhất (tên là Kallipateira) vi phạm điều lệ này nhưng thoát khỏi nhục hình. Cha, ba anh ruột, một người em họ, và con trai của bà này đều là những lực sĩ chiếm giải thưởng. Khi chồng bà chết, bà ta huấn luyện cho con trai (tên là Peisirodos) và giả dạng đàn ông đi cùng con vào khán đài. Khi con bà thắng, bà ta quá xúc động, nhảy lên và vô tình làm rớt cái áo và hành tung của bà bị lộ. Nhưng vì gia đình bà có thành tích xuất sắc, nên ban tổ chức không trừng phạt bà ta. Sau sự kiện này, ban tổ chức ra điều lệ là tất cả các huấn luyện viên khi vào xem phải cởi truồng.●

VẤN ĐỀ SÁNG TẠO, TỔ CHỨC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LÂM VĨNH THẾ
Đại Học Saskatchewan, Canada

Nguyên tác Anh ngữ đã được tác giả trình bày tại Hội Nghị Về Kinh Nghiệm của Người Việt Hải Ngoại (Conference on Overseas Vietnamese Experience) tại Trung Tâm Việt Nam của Đại Học Texas Tech (Texas Tech University Vietnam Center), Lubbock, Texas, 31 Tháng Ba - 1 Tháng 4, năm 2000. Độc giả có thể đọc nguyên tác Anh ngữ trên INTERNET tại địa chỉ điện tử sau đây của Vietnam Center:

http://www.lib.ttu.edu/vietnam/Calendar/2000%20Conference/lam2.pdf

Dẫn Nhập

Nam Việt Nam, tức Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), bị khai tử vào giữa trưa ngày 30-04-1975 khi vị Tổng Thống cuối cùng, cựu Đại Tướng Dương Văn Minh, đầu hàng với một sĩ quan cao cấp của quân đội Bắc Việt tại Dinh Độc Lập. Vào khoảng 132.000 người của Miền Nam đã được Hoa Kỳ di tản ra khỏi Nam Việt Nam (1). Đến Tháng Ba năm 1996, gần một triệu người Việt Nam đã định cư tại Hoa Kỳ (2). Tại Canada, tổng số người Việt Nam là 136.810 vào năm 1996 (3). Ngoài ra còn có những cộng đồng người Việt quan trọng khác tại Tây Âu và Úc Châu. Người Việt ly hương trên khắp thế giới đã tạo ra một khối lượng tài liệu rất đáng kể. Bài viết nầy cố gắng tóm tắt một số vấn đề trong việc sáng tạo, tổ chức và sử dụng khối lượng tài liệu đó.

Sáng Tạo Tài Liệu

Trong bài viết nầy, từ ngữ "tài liệu" được sử dụng trong nghĩa rộng, bao gồm tất cả các loại thông tin, bất kể nội dung và hình thức, nhưng nhấn mạnh đến các loại tài liệu được ấn hành. Tuy nhiên, do hạn chế của người viết, chỉ có các dữ kiện tại Bắc Mỹ được trích dẫn mà thôi.

Việc tạo ra tài liệu của người Việt hải ngoại là một điều hiển nhiên. Cũng giống như tất cả những tập đoàn sống ly hương khác, người Việt Nam đã đến các quốc gia định cư với hành trang quá khứ nặng nề. Vì thế việc tìm hiểu động cơ của người Việt hải ngoại là rất quan trọng để có thể hiểu được nội dung của tài liệu mà họ tạo ra. Nói một cách tổng quát, người Việt Nam hiện sinh sống tại Hoa Kỳ đã đến xứ nầy bằng ba đợt: những người di tản năm 1975 ngay sau khi Miền Nam sụp đổ, "thuyền nhân" đến trong nửa sau của thập niên 1970 và trong thập niên 1980, và, những người thuộc diện HO (Humanitarian Operation = Chiến Dịch Nhân Đạo) đến sau năm 1990 (4).

Giai Đoạn 1975-1979

Nhóm người di tản năm 1975, bao gồm một số lớn các viên chức và sĩ quan cao cấp của chính phủ VNCH, đại diện cho những người ít hay nhiều đã có trách nhiệm về cuộc chiến ở Việt Nam. Họ cảm thấy cần phải biện hộ cho những hoạt động của họ trong quá khứ đã đưa đến sự sụp đổ của Miền Nam. Chính phủ Hoa Kỳ, đặc biệt là giới quân sự, cũng muốn hiểu tại sao họ đã thua trong cuộc chiến. Do đó, hoặc do sáng kiến cá nhân của họ hay do tài trợ của chính phủ Mỹ, những người nầy đã viết về những kinh nghiệm của cá nhân họ. Những ấn phẩm quan trọng bằng Anh ngữ trong giai đoạn nầy là các tác phẩm thuộc tùng thư *"Indochina Monographs"* do Trung Tâm

Quân Sử của Lục Quân Hoa Kỳ (U.S. Army Center of Military History) ấn hành (5). Cùng xuất bản trong giai đoạn nầy là hai tác phẩm: 1) quyển *Twenty Years, Twenty Days* của cựu Phó Tổng Thống VNCH Nguyễn Cao Kỳ, do nhà bản Stein and Day ấn hành năm 1976, và, 2) quyển *Our Endless War: Inside Vietnam* do cựu Trung Tướng Trần Văn Đôn, Phó Thủ Tướng và Tổng Trưởng Quốc Phòng cuối cùng của chính phủ VNCH, do nhà xuất bản Presidio Press ấn hành năm 1978. Các tác phẩm bằng Việt ngữ xuất bản trong giai đoạn nầy phần lớn là những sách in lại của các tác phẩm đã xuất bản tại Miền Nam trước năm 1975. Chỉ có một số rất ít những tác phẩm mới bằng Việt ngữ do một vài tác giả, thí dụ như, Võ Phiến và Lê Tất Điều, họ đều là những tác giả đã thành danh tại Miền Nam trước năm 1975. Tác phẩm của họ phản ảnh tâm trạng bàng hoàng sau khi bị bứng một cách đột ngột ra khỏi môi trường sống quen thuộc cũng như nỗi nhớ ray rứt về quê hương đất nước, từ nay không còn hy vọng gì trở về nữa. Về phương diện báo chí, chỉ có tổng số 40 tờ báo được xuất bản trong giai đoạn 1975-1979 nầy. Tuy nhiên, cần ghi nhận là tờ báo đầu tiên được xuất bản, tờ *Chân Trời Mới*, đã được ấn hành số đầu tiên vào ngày 02-05-1975 khi nhóm người Việt di tản nầy hãy còn đang ở trong trại tỵ nạn tại đảo Guam (6).

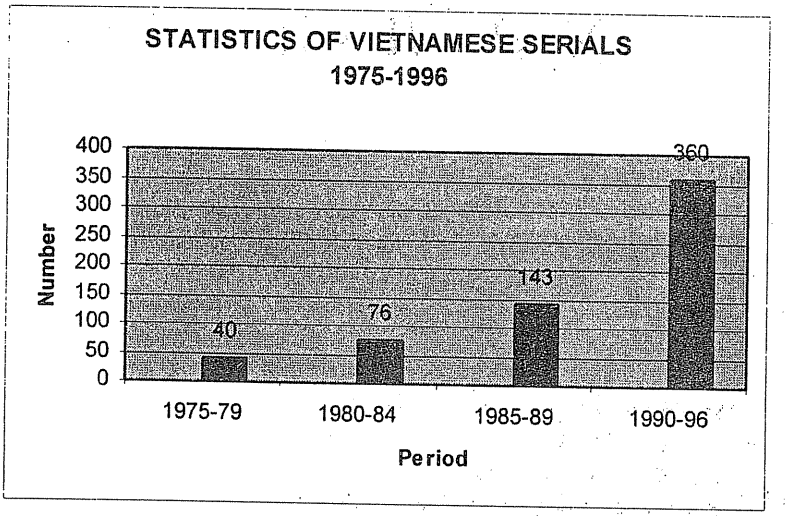

Tài liệu trích dẫn: Mục Lục Báo Chí Việt Nam Hải Ngoại, 1975-1995 / Nguyễn Hùng Cường & Nguyễn Anh Tuấn. Washington, D.C. : Southeast Asia Resource Action Center, 1997.

Khác với những người di tản năm 1975, "thuyền nhân" đã có những kinh nghiệm đau đớn với chính quyền Cộng sản trước khi họ vượt biên. Ngoài ra, họ là những người "bình thường" hơn là những người di tản năm 1975; ngay như nếu họ đã từng làm việc cho chính phủ VNCH thì họ cũng giữ những chức vụ kém quan trọng hơn nhiều. Do đó, động cơ của họ khác hẳn với những người di tản năm 1975. Họ không cảm thấy có nhu cầu phải biện minh cho hành động của họ trước 1975. Đồng thời họ tức giận với các chính sách của chính quyền Cộng sản như: học tập cải tạo, tịch thu tài sản, đưa đi kinh tế mới, v.v. Nhà văn Võ Phiến, bình luận về sự khác biệt giữa hai lớp người nầy, đã viết như sau: *"Lớp tháng Tư, tháng Năm, 1975 ra đi trong cảnh tan tác đổ vỡ mang tâm trạng tuyệt vọng; lớp ra đi sau 77, 78 đã trải qua đàn áp nhục nhã mang theo cái uất hận của đồng bào trong dưới chế độ mới. Lớp trước ưu hoài; lớp sau sôi sục. Lớp trước bi, lớp sau phẫn. Lớp trước bùi ngùi về cái Việt Nam trước 75; lớp sau hậm hực về cái Việt Nam sau 75"* (8). Lớp người Việt nầy tự xem mình là người tỵ nạn chính trị. Cũng khác với giai đoạn 1975-79, trong giai đoạn nầy ta thấy xuất

Giai Đoạn 1980-1990

Tình hình sáng tác và xuất bản tài liệu của người Việt hải ngoại thay đổi một cách mạnh mẽ trong giai đoạn "thuyền nhân," với hàng trăm ngàn người Việt được chấp nhận cho định cư tại các nước. Con số lớn lao người Việt tỵ nạn nầy đã là một đòn bẩy đẩy mạnh toàn bộ tiến trình sáng tạo - phổ biến - tiêu thụ khối lượng tài liệu tiếng Việt. Đến năm 1990, người ta ước tính đã có được *"hàng chục tổ chức văn hóa, trên năm mươi nhà xuất bản, hàng trăm tờ báo đang hoạt động, hàng ngàn người cầm bút và hơn một triệu người đọc"* (7). Giữa các năm 1975 và 1996, ta thấy một sự gia tăng mạnh mẽ và liên tục của số báo chí ấn hành, như trong biểu đồ (1) sau đây:

hiện rất nhiều những nhà văn mới, đặc biệt là các nhà văn nữ. Nền văn học của giai đoạn nầy đích danh là một nền "văn học lưu vong." Cả về số lượng lẫn tốc độ, mức sáng tạo tài liệu của người Việt hải ngoại đã gia tăng một cách vô cùng mạnh mẽ. Nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc Bích, trong bài nói chuyện *Vị Trí Trung Tâm Của Văn-Học Việt Nam Hải Ngoại*, đã phát biểu như sau: "*... sự phong phú khác thường của nền văn-học Việt-nam hải-ngoại trong những năm vừa qua, đặc biệt là trong thập niên 1980, và phải kể như bột-khởi từ năm 1985 trở đi*"; "*Hàng trăm tác-phẩm đáng kể trong một nửa thập niên thì ở trong một quốc gia bình-thường cũng đã là một điều đáng mừng rồi. Nữa là ở đây, ta đang nói về một nước Việt-nam lưu vong mà con số không lên quá một triệu người rải rác khắp năm châu*" (9). Sự bột-khởi của nền văn học Việt Nam hải ngoại vào năm 1985 được Nguyễn Hùng Dũng xác nhận lại khi ông kiểm điểm lại tình hình vào năm 1986: "*1986, năm đầu thập niên thứ hai của người Việt tị nạn cũng là năm mà văn hóa Việt Nam hải ngoại phát triển mạnh mẽ hơn hẳn đầu thập niên trước và những xuất bản phẩm của người Việt tị nạn trở nên phong phú, trong đó có nhiều tác phẩm lớn của các nhà văn, nhà thơ cũ và mới đã đặt chân tới bến tự do sau ngày miền Nam VN sụp đổ*" (10). Trong khi các viên chức cao cấp của chính phủ VNCH tiếp tục viết về các kinh nghiệm của họ trước 1975, đại đa số các nhà văn trong giai đoạn nầy viết về kinh nghiệm của họ sau 1975. Rất nhiều hồi ký được ra đời trong thời gian nầy với trọng điểm là kinh nghiệm học tập cải tạo. Sự gia tăng mạnh mẽ của văn học Việt Nam hải ngoại trong giai đoạn nầy có được là nhờ ba yếu tố sau đây: 1) Sự đóng góp không những của cả một thế hệ các nhà văn mới mà còn có sự góp mặt của những nhà văn cũ trước 1975 đã ra được nước ngoài; 2) Chữ Việt đã có thể sử dụng được phổ biến trong các máy vi tính, giúp cho việc xếp trang để in được dễ dàng và nhanh chóng; và, 3) Sự hiện diện của một cộng đồng người Việt khá lớn giúp cho việc xuất bản và tiêu thụ sách báo tương đối có thể sống được. Nhà văn Võ Phiến đã phát biểu: "*Tạp chí văn học ở Sài Gòn trước 1975 ấn hành trung bình mỗi kỳ chừng năm nghìn bản, ở đây hiện nay vào khoảng một nghìn bản. Một nghìn bản cho một triệu người, so với năm nghìn bản cho hai chục triệu người: cao hơn gấp bốn lần. Sách còn cao hơn: ở Sài Gòn sách in nghìn rưỡi hai nghìn cuốn; ở đây từ một nghìn đến nghìn rưỡi cuốn. Số lưu dân Việt Nam ít hơn dân số Miền Nam hai mươi lần mà số sách tiêu thụ chỉ xê*

xích chừng ấy, thật là điều không ngờ." (11). Đến khoảng 1986-87, các cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại đã được cung cấp đầy đủ các hình thức văn học với một số lượng rất đáng kể: hồi ký, truyện ngắn, tiểu thuyết, thi phẩm, văn học sử, và phê bình văn học, v.v. (ông Nguyễn Ngọc Bích mỗi năm đều có bài viết kiểm điểm tình hình văn học Việt Nam hải ngoại (12, 13, 14).

Giai Đoạn Sau 1990

Nhóm người Việt thuộc diện HO đến Hoa Kỳ trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt: việc đương nhiên chấp nhận "thuyền nhân" như là những người tỵ nạn chính trị đã chấm dứt với rất đông những người còn kẹt lại trong các trại "tỵ nạn" Đông Nam Á đang chờ trải qua thanh lọc; việc sụp đổ của Liên Xô và các chư hầu Đông Âu; việc thay đổi chính sách tại Việt Nam mở đường cho việc có thể trở về Việt Nam cho các người Việt lưu vong; việc giao lưu văn hóa giữa Việt Nam và cộng đồng hải ngoại. Tất cả những điều nầy đã tạo ra một trạng thái bất ổn trong tâm trạng người Việt hải ngoại: khi chúng ta không còn bị ngăn cấm trở về quê hương thì chúng ta có còn là những người lưu vong nữa hay không? Một nhà phê bình văn học, ông Nguyễn Hưng Quốc, đã nhận định: "*Từ khoảng 1989, 1990 trở đi, như sự nhất trí của mọi người, văn học lưu vong bước vào giai đoạn bế tắc* (15). Hiện tượng nầy đã được nhà văn Võ Phiến tiên đoán từ năm 1987: "*... không có một tương lai xa cho nền văn học nầy. ... Những em bé cháu bé lớn lên ở Mỹ, sử dụng tiếng Mỹ thạo hơn tiếng Việt, được đào tạo từ bậc mẫu giáo ở trường Mỹ, ra đời, chúng có thể là mầm non của nền văn-học bằng Việt ngữ được sao?*" (16). Những tiên đoán nầy đã được Nguyễn Hoàng Nam xác nhận vào năm 1992: "*Nhìn chung năm 1992, ngành xuất bản sách xuống dốc và sẽ xuống dốc nữa..., năm 1992, người ta đã thấy dấu hiệu của một sự phá sản ... Với cái đà nầy, tương lai không có gì sáng sủa trong sinh hoạt văn nghệ ở hải ngoại.*" (17). Võ Phiến, Nguyễn Hưng Quốc và Nguyễn Hoàng Nam có thể đúng trong các nhận xét của họ đối với nền văn học sáng tác bằng Việt ngữ. Tuy nhiên, trong các lãnh vực khác, nhất là lãnh vực biên khảo, cũng như sáng tác bằng

Anh ngữ và các tài liệu điện tử (bằng cả Việt và Anh ngữ), sự phát triển vẫn tiếp tục và với khối lượng lớn lao. Trong khoảng thời gian 1990-99, nói chung, số lượng tài liệu Việt ngữ được ấn hành vẫn tiếp tục gia tăng, đặc biệt là báo chí. Việc gia tăng báo chí nầy đáng kể nhứt là tại Đông Âu. Ông Nguyễn Ngọc Bích đã ghi nhận: *"Đã có lúc con số những báo loại nầy lên đến gần 100 tờ khác nhau"* (18). Thư mục năm 2000 của nhà xuất bản Đại Nam, nhà xuất bản sách tiếng Việt lớn nhất tại Hoa Kỳ, ghi ra được hơn 2000 nhan đề sách, trong đó có 296 nhan đề sách xuất bản tại hải ngoại sau 1975. Hiện nay ta thấy có hàng ngàn Websites bằng tiếng Việt trên INTERNET về đủ mọi vấn đề của cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại (Xem thêm Phụ Đính B). Đồng thời, việc ấn hành và tiêu thụ của các lại tài liệu không-phải-là-sách, như băng video, cassette và CDs, và gần đây, băng đọc sách, vẫn tiếp tục gia tăng. Đến khoảng năm 1991, riêng tại Hoa Kỳ, đã có 12 chương trình truyền hình Việt ngữ (19).

Tổ Chức Tài Liệu

Sưu Tập Tài Liệu

Đã có rất nhiều cố gắng sưu tập tài liệu tiếng Việt tại các trường đại học, các trung tâm Việt học tại Hoa Kỳ. Ông Nguyễn Hùng Cường, nguyên Phó Giám Đốc Nha Văn Khố và Thư Viện Quốc Gia của chính phủ VNCH, đã liệt kê ra các bộ sưu tập nầy trong bài khảo cứu *Tài Liệu Việt Học Tại Các Thư Viện Lớn Và Trung Tâm Việt Học* mà ông đã trình bày tại Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt tại Hoa Kỳ, họp tại Washington, D.C., vào Tháng Tám năm 1987 (20). Tại Hoa Kỳ các trung tâm nầy là:

- Thư Viện Quốc Hội, Washington, D.C.
- Thư Viện Đại Học Cornell, Ithaca, New York
- Thư Viện Đại Học Yale, New Haven, Connecticut
- Thư Viện Harvard-Yenching, Cambridge, Massachusetts
- Thư Viện Đại Học Nam Illinois, Carbondale, Illinois
- Thư Viện Đại Học California tại Berkeley, Berkeley, California
- Thư Viện Đại Học Hawaii, Honolulu, Hawaii
- Đại Học George Mason, Trung Tâm Đông Dương, Fairfax, Virginia
- Trung Tâm Tài Liệu Việt Học, San Jose, California
- Trung Tâm Tác Vụ Đông Dương (sau đổi tên là Trung Tâm Tác Vụ Đông Nam Á), Washington, D.C.

Cần ghi nhận rằng sưu tập tài liệu Việt ngữ tại các trung tâm nầy phần lớn là các ấn phẩm trước năm 1975. Hiện nay, ta có thể thêm vào danh sách đó các trung tâm sau đây:

- Trung Tâm Việt Nam của Đại Học Texas Tech, Lubbock, Texas, hiện đang lưu trữ phần lớn tài liệu được chuyển từ kho Văn Khố Đông Dương của Đại Học California tại Berkeley
- Văn Khố Đông Nam Á của Đại Học California tại Irvine, Irvine, California
- Đại Học Washington, Seattle, Washington
- Đại Học Michigan, Ann Arbor, Michigan

Ngoài các trung tâm Việt học lớn kể trên, phần lớn các thư viện công cộng tại các thành phố lớn của Hoa Kỳ và Canada, nơi có sự hiện diện của một cộng đồng khá lớn người Việt, đều có sưu tập sách tiếng Việt. Tại Hoa Kỳ, các thư viện công cộng tại Los Angeles và Orange County đều có sưu tập đáng kể sách Việt ngữ. Tại Canada, thư viện công cộng của thành phố Montreal hiện có một sưu tập sách Việt ngữ gồm khoảng 6000 nhan đề. Sưu tập nầy có thể được truy dụng từ thư mục điện tử Merlin tại địa chỉ điện tử sau đây:

http://merlinweb.ville.montreal.qc.ca:1080/cgi-bin/bestn?id=%act=23%lang=1).

Tổ Chức Tài Liệu

Các trung tâm Việt học và thư viện nói trên đều đã có những cố gắng tổ chức sưu tập để cho độc giả và các nhà nghiên cứu có thể truy dụng được tài liệu. Cố gắng quan trọng nhất là của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ trong việc ấn hành hai cuốn thư tịch liệt kê các sách Việt ngữ mà Thư Viện lưu trữ: *Vietnamese Holdings in the Library of Congress : A Bibliography* (1982) và *Vietnamese Holdings in the Library of Congress : Supplement, 1979-1985* (1987). Tuy nhiên, hai cuốn thư tịch nầy đều quá nghiêng nặng về các ấn phẩm của Bắc Việt và các ấn phẩm của Miền Nam trước 1975. Riêng về sách, cuốn thư tịch 1982 chỉ liệt kê có 1552 nhan đề sách của Miền Nam trong tổng số 2902 (53%); cuốn thư tịch 1987 còn tệ hơn, chỉ ghi ra được 439 nhan đề xuất bản tại Miền Nam trong tổng số 1795 (24%), và trong số 439 nhan đề nầy chỉ có 256 là sách xuất bản tại hải ngoại sau năm 1975.

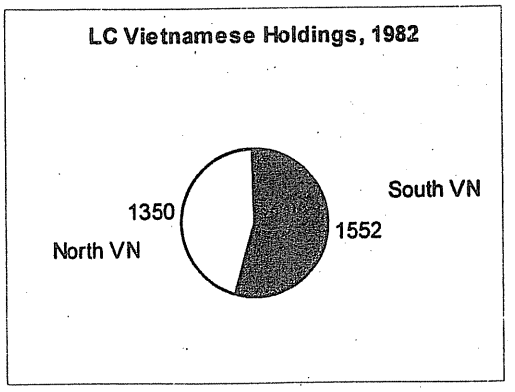

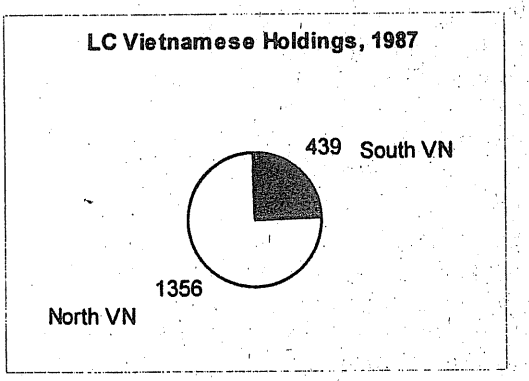

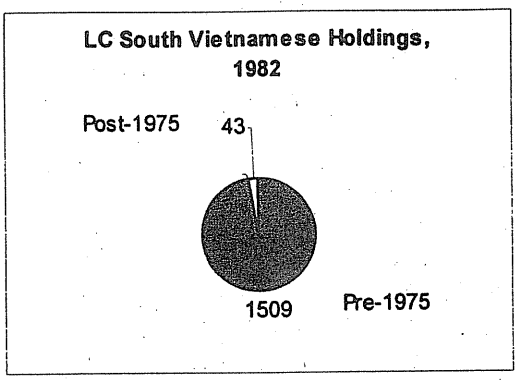

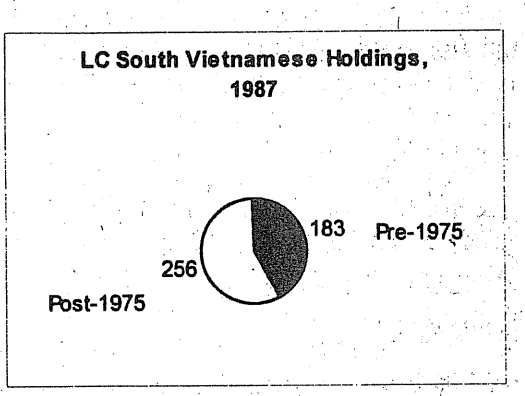

(*Chú Thích*: Các biểu đồ nầy được thực hiện dựa theo các dữ kiện trong hai cuốn thư tịch 1982 và 1987 của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ)

Như đã trình bày trong phần trước, việc sáng tác và xuất bản tài liệu của người Việt hải ngoại đã bột phát dữ dội sau năm 1985. Hai cuốn thư tịch nầy của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ gần như vô dụng cho việc nghiên cứu về văn học Việt Nam hải ngoại. Từ đó đến nay, Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ không có ấn hành thêm thư tịch bổ túc nào nữa cả. Các trung tâm Việt Học (cũng như Đông Nam Á học) cũng có ấn hành thư tịch dựa trên sưu tập của họ. Ngay cả một số thư viện công cộng cũng có làm công tác nầy. Nhưng nói chung, có quá ít các thư tịch về tài liệu Việt ngữ được in ra. Có một vài lý do cho hiện tượng nầy: 1) việc ấn hành thư tịch rất tốn kém, và trong thập niên 1990 tất cả các thư viện ở Bắc Mỹ, kể cả Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, đều bị cắt giảm ngân sách; 2) sự xuất hiện ngày càng nhiều của thư mục điện tử (OPAC = Online Public Access Catalo giúp cho việc truy dụng tài liệu trong các thư viện được dễ dàng và nhanh chóng hơn nhiều; 3) việc xuất hiện của INTERNET và các kỹ thuật Web (Web technologies) giúp cho việc cung cấp và trao đổi tài liệu điện tử được thực hiện dễ dàng và nhanh chóng hơn trước rất nhiều. Tuy nhiên cũng phải thấy là chỉ có những người quen thuộc với thư mục điện tử và INTERNET thì việc tìm tài liệu mới được dễ dàng như thế. Một bộ phận rất lớn các độc giả của các thư viện, nhất là thư viện công cộng, vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tra cứu các thư mục điện tử. Ngoài ra, đại đa số các hệ thống thư viện điện tử ở Bắc Mỹ chưa dùng các chữ tiếng Việt nên độc giả người Việt nhiều khi không nhận ra được các tên sách trên màn hình của máy vi tính, không biết đó có đúng là quyển sách mình muốn tìm hay không. (Xem thêm Phụ Đính A về các thư tịch sách Việt).

Bảo Tồn Kinh Nghiệm

Đã có nhiều cố gắng được thực hiện nhằm bảo tồn kinh nghiệm của người Việt hải ngoại. Tại Canada, một cuộc triển lãm lớn được mệnh danh là *"Boat People No Longer : Vietnamese Canadians"* đã được Viện Bảo Tàng Quốc Gia Về Văn Minh tại Hull, Québec tổ chức vào ngày 16 Tháng Mười năm 1998 (độc giả có thể vào xem tại địa chỉ điện

tử sau đây:

http://www.civilization.ca/membrs/traditio/vietnam/viint00e.html).

Viện Bảo Tàng đã giới thiệu về cuộc triển lãm như sau: "*Hơn 400 hiện vật tiêu biểu cho các khía cạnh trong đời sống và truyền thống của người Việt tại Canada đã được trưng bày trong cuộc triển lãm Không Còn Là Thuyền Nhân Nữa: Người Canada Gốc Việt, chiếm một diện tích trưng bày 5000 square feet trong Phòng Trưng Bày về Nghệ Thuật và Truyền Thống. Các thành viên của cộng đồng Việt Nam đã rất nhiệt tình cho mượn rất nhiều hiện vật được trưng bày trong cuộc triển lãm này. Cuộc triển lãm gồm tất cả năm phần trên các chủ đề sau đây: lịch sử; thuyền nhân đến Canada; cộng đồng, gia đình và tôn giáo; truyền thống văn hóa; hội nhập và đóng góp của người Việt cho đất nước này.*" Tại Hoa Kỳ, Văn Khố Đông Nam Á của Đại Học California tại irvine, gần đây cũng đã tổ chức một cuộc triển lãm gọi là *"Documenting the Overseas Vietnamese Experience."* (địa chỉ điện tử:

http://www.lib.uci.edu/new/seaexhibit/vietnamam.html).

Ngoài ra, cũng đáng lưu ý là các cố gắng cá nhân của một người Việt Nam, tác giả Trọng Minh, trong việc ấn hành các tập sách *"Vẻ Vang Dân Việt."*

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Paul James Rutledge. *The Vietnamese Experience in America.* Bloomington : Indiana University Press, 1992, tr. 3.

2. *Statement of Charles Sykes, Head of the U.S. Delegation, to the Seventh CPA Steering Committee* (tài liệu điện tử: http://www.usia.gov/regional/ea/vietnam/refuge96.htm).

3. Mark E. Pfeifer. *A Demographic and Socioeconomic Profile of the Vietnamese Community in Canada* (tài liệu điện tử: http://ceris.metropolis.net/vl/community/pfeifer1.html).

4. Angie Nguyen. *Vietnamese in the United States* (tài liệu điện tử: http://www.library.ca.gov/LDS/diversity/vietnamese.pdf).

5. Hầu hết các tác phẩm thuộc tùng thư nầy là do các tướng lãnh của Quân Lực VNCH là tác giả. Thư mục của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ ghi được 20 tác phẩm (18 là do tác giả Việt, một tác giả Miên, và một tác giả Lào).

6. Nguyễn Hùng Cường. *Kiểm Điểm 20 Năm Báo Chí Việt Nam Hải Ngoại, 1975-1995.* Tài liệu đánh máy của tác giả, 1996 ? tr. 5.

7. Nguyễn Hữu Nghĩa, "Sơ-Kết 15 Năm Văn Học VN Lưu Vong," *Văn Xã 3* (Tháng 7, 1990): tr. 8.

8. Nguyễn Hưng Quốc, "Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam ở Hải Ngoại," *Tuyển Tập Hai Mươi Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại, 1975-1995,* biên soạn: Trương Đình Nho, Cao Xuân Huy, Khánh Trường, Trương Đình Luân. Glendale, Calif. : Đại Nam, 1995. tr. 18.

9. Nguyễn Ngọc Bích, "Vị Trí Trung Tâm Của Văn-Học Việt-Nam Hải-Ngoại," *Nghiên Cứu Và Nhận Định.* Washington, D.C. : Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt Tại Hoa Kỳ, 1987. tr. 23.

10. Nguyễn Hùng Dũng, "Sách Việt Ngữ Phát Hành Tại Hải Ngoại Trong 1986", *Phụ Nữ Diễn Đàn* Xuân 1987: tr. 77-81.

11. Võ Phiến, "Vài Ghi Nhận Về Văn Học Lưu Vong" *Nghiên Cứu Và Nhận Định.* Washington, D.C.: Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt Tại Hoa Kỳ, 1987. tr. 20.

12. Nguyễn Ngọc Bích. *Tình Hình Văn Học Hải Ngoại 1987.* Springfield, Va. : Tài liệu đánh máy của tác giả, 1988.

13. — nt —, "Nhìn Lại Năm Qua, Canh Ngọ, 1990 : Những Hướng Phát Triển Của Văn Học VN Hải Ngoại", *Ngày Nay* 222 (1 & 15 Tháng Hai, 1991): tr. C1-C2, C8.

14. — nt —, "Tính Sổ Cuối Năm Con Mèo, Đầu Năm Rồng : Một Cái Nhìn Về Thơ Văn Việt Nam Trong Năm Cuối Cùng Của Thế Kỷ", *Ngày Nay* 427 (15 Tháng Giêng, 2000): tr. C3.

15. Nguyễn Hưng Quốc, sđd., tr. 21.

16. Võ Phiến, sđd., tr. 21.

17. Nguyễn Hoàng Nam, "Tổng Kết Sinh Hoạt Sách Báo Và Văn Nghệ Hải Ngoại 1992", *Sống* 128 (Tháng Giêng 1993): tr. 115.

18. Nguyễn Ngọc Bích, "Tính Sổ", sđd.

19. Chử Bá Anh, "Sinh Hoạt Của Báo Chí Và Truyền Hình Việt Nam Tại Hoa Kỳ," *Người Việt* (16 Tháng Hai, 1991): tr. A3

20. Nguyễn Hùng Cường, "Tài Liệu Việt Học Tại Các Thư Viện Lớn Và Trung Tâm Việt Học," *Nghiên Cứu Và Nhận Định* Washington, D.C. : Nghị Hội Toàn Quốc Người Việt Tại Hoa Kỳ, 1987. Tr. 48-56.

KICON PHỎNG VẤN THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH

"BÚP SEN XIN TẶNG NGƯỜI, MỘT VỊ BỤT TƯƠNG LAI"

Người thực hiện:
ĐINH QUANG ANH THÁI

Nhân chuyến đi hoằng pháp ở Hoa Kỳ vào mùa Thu năm 2000, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh và Tăng Đoàn Làng Mai (Pháp quốc) đã hướng dẫn một khóa tu học Thiền Quán tại tiểu bang California dành cho người Việt tại Mỹ và Canada. Chiều ngày 28 tháng Tám, tại làng Lộc Uyển, cách quận Cam khoảng 90 cây số về phía Nam, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh đã dành cho biên tập viên truyền thông Đinh Quang Anh Thái của Kicon một cuộc phỏng vấn đặc biệt sau đây:

Kicon: *Chúng tôi được biết, Thiền Sư thuộc phái Liễu Quán, dòng thiền Lâm Tế Việt Nam, xin Thầy có thể cho biết về xuất xứ của phái thiền này?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Phái Lâm Tế bắt nguồn từ Trung Quốc, và phái Liễu Quán là một nhánh của phái Lâm Tế. Phái Liễu Quán

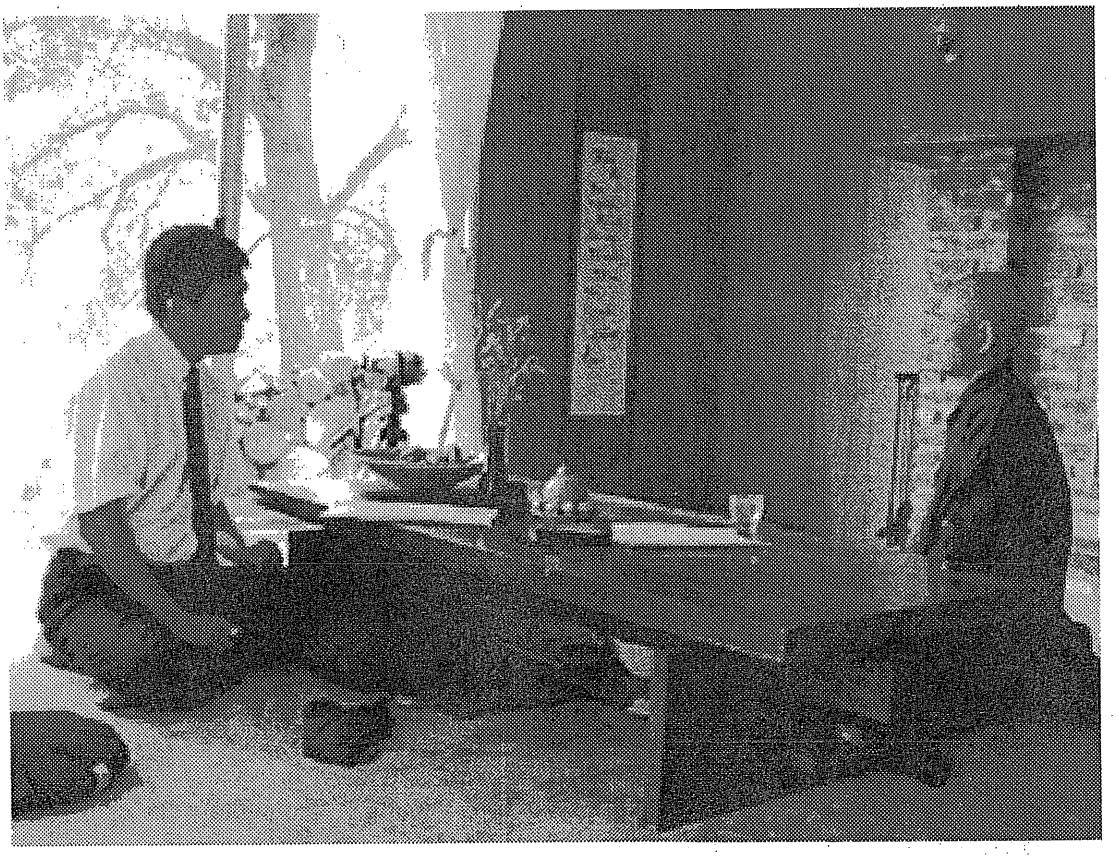

Quang cảnh buổi phỏng vấn

rất Việt Nam. Trước khi phái Lâm Tế truyền vào Việt Nam thì mình đã có những dòng thiền khác như dòng Khương Tăng Hội, dòng Thọ Đường v.v... Như vậy là mình đã có một con sông sẵn, đến khi phái Lâm Tế đi vào thì phái Lâm Tế gia nhập vào dòng sông đó. Vì vậy, phái Liễu Quán không những chỉ có Lâm Tế, mà còn có các phái khác của những dòng thiền Việt Nam trước đó. Và phái Liễu Quán đã được chín đời.

Kicon: *Thầy đề ra và khuyến khích lối chào chấp tay cung kính và câu kệ* "búp sen xin tặng người, một vị Bụt tương lai." *Theo thầy thì lối chào và câu kệ này tác động như thế nào đến đời sống tâm linh hàng ngày của người áp dụng?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Sen búp xin tặng người. Sen búp tức là tặng một đóa sen đang còn búp. Còn khi chắp tay lạy, thì mình phải quán tưởng đây là một búp sen thật và mình sẽ tặng người đối diện mình và theo tuệ giác của Đạo Bụt là tất cả mọi người đều có khả năng giác ngộ thành Phật. Cho nên khi mình chào như vậy là mình công nhận người mình chào có khả năng thành Bụt, đồng thời lối chào đó tỏ sự cung kính tuyệt đối với người mình đối diện. Nhất là khi mình chào các em bé thì các em bé sẽ có niềm tự tin là các em sẽ có khả thể trở thành những nhân vật vĩ đại như bất cứ ai. Do đó, ngoài sự cung kính, lối chào đó còn có thể khơi dậy khả năng giác ngộ của từng người.

Kicon: *Lối chào cung kính như thế, với cả các em bé, phải chăng nhằm khuyến khích các em tự tin và tập làm chủ lấy mình ngay từ lúc còn bé?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Vâng. Khi đối xử với các em bé với sự cung kính như vậy, là giúp các em có cơ hội tự tin. Lối chào này biểu lộ một nền văn hóa tâm linh, trong đó có tinh thần bình đẳng, tinh thần tự do, cho nên thích hợp với trào lưu tư tưởng mới.

Kicon: *Quan sát sinh hoạt của người Việt hải ngoại trong thời gian vài năm gần đây, người ta nhận thấy sự hiện diện thưa thớt của giới trẻ trong các sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt đấu tranh. Trong khi đó, giới trẻ lại tham gia đông đảo vào các khóa tu. Thiền Sư giải thích hiện tượng này như thế nào ạ?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Có lẽ tại vì có hiện tượng chia rẽ, phân ly trong các nhóm người, trong các đoàn thể. Tại vì người nào cũng có trong lòng một ước nguyện, một chí hướng. Nhưng mà nếu mình không có khả năng điều phục những cái tâm hành giận hờn, ganh tỵ, chia rẽ của mình thì mình không thể đi xa được trong cái sự nghiệp của mình. Vì vậy, người có thiện chí không phải là hiếm nhưng mà có những nhóm người có thể đoàn kết với nhau để có thể đi được rất xa thì đó là chuyện hiếm có. Vì vậy, tu học cũng là để chuyển hóa cái tự thân của mình, để có thêm cái khả năng hiểu và thương. Vì vậy cho nên việc tu học cũng không có gì chống đối với chuyện đoàn kết với nhau trong việc theo đuổi, thực hiện chí nguyện của mình. Đấu tranh hay xây dựng cũng cần có sự hiểu biết, đoàn kết và thương nhau. Việc tu học, chẳng qua chỉ để tăng cường khả năng hiểu, đoàn kết và thương yêu nhau mà thôi.

Kicon: *Thưa Thiền Sư, có nhiều người, do hoàn cảnh gia đình hoặc là môi trường sống, họ chưa bao giờ chú tâm đến đời sống tâm linh, hoặc giả họ cho là không cần thiết phải có sinh hoạt tâm linh, tôn giáo. Nếu những người này có cơ hội gặp thầy, thầy sẽ nói gì với họ?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Đời sống tâm linh có liên hệ rất mật thiết với đời sống thực tế hằng ngày. Tại vì trong mỗi chúng ta, người nào cũng có những nỗi đau, những tâm sự, những lo lắng, những nỗi buồn và chúng ta phải biết cách nhận diện, ôm ấp và chuyển hóa những nỗi niềm đó để ta có thể có hạnh phúc, để sống và chia sẻ những hạnh phúc đó với những người chung quanh. Vì vậy, đời sống tâm linh không tách rời khỏi đời sống hằng ngày. Tâm linh nghĩa là mình có khả năng nhìn lại chính mình, hiểu mình hơn và biết chăm sóc mình. Khi mình hiểu mình, biết chăm sóc chính mình thì mình sẽ hiểu người, thương người và chăm sóc người khác.

Kicon: *Thiền Sư nhận định ra sao về tuổi trẻ tại quê nhà và Thiền Sư có tin tưởng vào tương lai của Việt Nam không?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Lòng tin thì chắc chắn là mình tin rồi. Có những giai đoạn khó khăn của đất nước, của dân tộc. Nhưng mà trong lịch sử mấy ngàn năm thì mình biết rằng mình luôn luôn có thể vượt thắng được. Bây giờ dù có khó khăn cách mấy đi nữa thì mình vẫn có thể vượt thắng được. Chỉ cần chúng ta kiên trì, chúng ta đừng có bỏ cuộc, chúng ta thấy được con đường chúng ta đi. Nếu chúng ta thấy được con đường chúng ta đi và tin chắc vào những giá trị của hành động ngày hôm nay, thì chúng ta sẽ có năng lượng mạnh đưa chúng ta đến thành công. Quan hệ là thấy

được con đường. Mà con đường đó do Tuệ Giác đem lại chứ không phải do cuồng tín hoặc cố chấp. Mà muốn có Tuệ Giác thì phải có khả năng buông bỏ những định kiến riêng của mình, phải biết học hỏi từ người khác. Phải biết đến với nhau, phải cởi mở để cùng đem trí tuệ của mình, sự tìm kiếm của mình nhằm khám phá con đường chung. Còn nếu mỗi người tự khư khư mà ôm giữ lấy tư kiến riêng của mình thì chúng ta sẽ duy trì tình trạng chia rẽ lâu dài. Vì vậy cho nên chúng ta sẽ không đi tới đâu hết. Thái độ cởi mở, học hỏi sẽ đưa tới cái thấy sáng, tới đoàn kết và giúp mình thành đạt chí nguyện của mình.

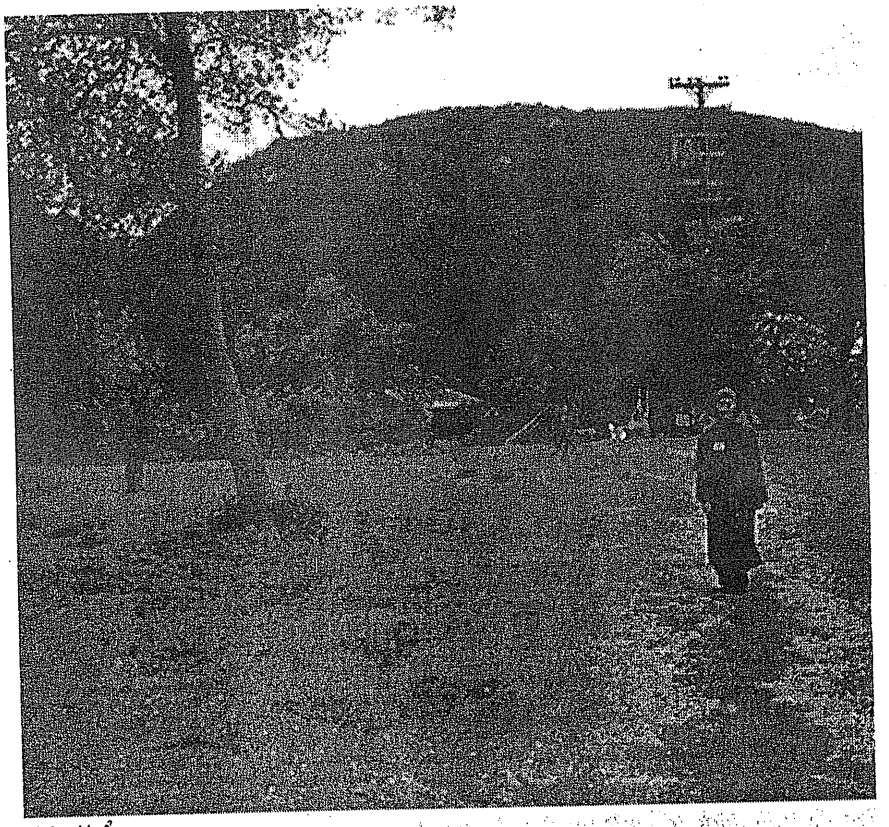

Lộc Uyển

Kicon: *Câu chót xin được phỏng vấn Thiền sư Nhất Hạnh. Hơn 30 năm trước, trong khi cuộc chiến Việt Nam diễn ra khốc liệt, Thiền Sư kêu gọi hòa bình. Trong một bài thơ do thầy sáng tác, thầy viết rằng "Kẻ thù ta đâu có phải là người, giết người đi thì ta ở với ai." Cả hai phía, miền Nam lẫn miền Bắc đều cho rằng Thiền Sư đã không lý gì tới thân phận của mỗi bên. Thậm chí, có người còn kết án thầy là thân Mỹ, hoặc thân Cộng hoặc thân miền Nam. Thiền Sư nghĩ gì về những lời nhận định này?*

Thiền sư Nhất Hạnh: Hòa bình là điều rất cần thiết cho sự sống của chúng ta. Sự sống cá nhân cũng như sự sống của gia đình và xã hội. Trong ta có những cái mâu thuẫn, về nhận thức cũng như về tâm lý. Nếu chúng ta không có hòa bình tự thân thì chúng ta không có hạnh phúc. Trong gia đình cũng vậy. Nếu anh em trong gia đình không có sự hài hòa, không có hòa bình thì làm sao gia đình có được hạnh phúc. Điều này đúng với cộng đồng và đúng với quốc gia. Vì vậy, hòa bình chỉ có thể đưa tới hạnh phúc mà thôi. Hòa bình không thể đưa tới cái ngược với hạnh phúc. Chỉ có những cái tham nhũng, những cái chia rẽ, sự sợ hãi, sự thiếu đức tin, sự ganh tỵ mới đưa tới chiến tranh, tới khổ đau, sự tàn hại mà thôi. Cho nên mình phải nhận diện một cách rất rõ ràng những nguyên nhân nào đã đưa tới những đau khổ trong quá khứ và còn tiếp tục đưa tới những đau khổ trong hiện tại và tương lai. Đó là sự hư hỏng, sự tham nhũng, sự thèm khát và sự ganh tỵ. Cho nên chúng ta có thể xác quyết rằng, ý nguyện xây dựng hòa bình là một ý nguyện rất là tốt, chỉ có cái thấy sáng, cái lòng thương rất lớn mới có thể đưa tới cái ý nguyện đó mà thôi. Và trong tự thân, trong gia đình, cũng như trong quốc gia, xã hội, ý nguyện phục vụ hòa bình và hòa giải những người trong cùng một cộng đồng là một hướng đáng để cho tất cả mọi thế hệ tương lai theo đuổi.

Kicon: Chân thành cảm tạ Thiền sư Nhất Hạnh đã dành cho Kicon cuộc phỏng vấn này.●

(Xuất xứ: Kicon.com.)

VẤN ĐỀ "GIÀ, TRẺ" SAU ĐẠI HỘI Y GIỚI PARIS 2000

NGUYỄN GIA TIẾN

Lời giới thiệu

Vào khoảng giữa thập niên 1980, tập thể y sĩ VN lưu vong tị nạn Cộng Sản trên khắp thế giới, đã cùng nhau ngồi lại lần đầu tiên, họp bàn để thành lập Hội Quốc tế Y sĩ VN Tự Do và bầu ra Ban Đại Diện, có nhiệm kỳ 2-3 năm. Tiếp đó Hội quyết định cứ 2-3 năm một lần, họp Đại Hội toàn thế giới, diễn ra trong ba ngày vào mùa Hè, để các anh chị em y sĩ khắp năm châu về gặp gỡ, hàn huyên, thảo luận, về chuyên môn, về những vấn đề liên quan đến đất nước, và bầu lại Ban Đại diện. Mỗi kỳ Đại hội đều có một số diễn giả ngoài y giới được mời đến thuyết trình những đề tài khác nhau. Địa điểm tổ chức Đại Hội thường luân phiên trên ba vùng: Hoa Kỳ, Canada, và Pháp. Việc tổ chức Đại hội do Hội Y sĩ tại địa phương phụ trách. Đại Hội Quốc tế Y sĩ lần đầu tiên (kỳ 1) đã được tổ chức tại Montreal năm 1987. Kể từ 1995, hai Hội Quốc tế Nha sĩ và Dược sĩ cũng tham dự để cùng chung sức tổ chức ĐH. Và Đại Hội Quốc tế Y Nha Dược sĩ VN Tự Do kỳ 1 đã được tổ chức tại San Jose năm 1995, kỳ 2 tại Montreal năm 1997. ĐH Quốc tế Y Nha Dược sĩ VN Tự Do kỳ 3 vừa được tổ chức cuối tháng 7-2000 tại Paris, qui tụ được hơn 1200 người tham dự. Trong số diễn giả ngoài y giới kỳ này có nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, học giả Lê Hữu Mục...

*

Một trong những điểm ghi nhận tại Đại Hội Y giới Paris tháng 7, 2000 vừa qua, là sự chuyển tiếp Ban Đại Diện Hội Quốc tế Y sĩ từ giới "Già" sang tay giới "Trẻ." Một sự kiện hoàn toàn bình thường, vẫn được gọi một cách văn vẻ là "tre già măng mọc." Bởi vì tất nhiên Già làm mãi rồi có lúc cũng phải nghỉ, nhường chỗ cho Trẻ. Vậy thì có gì đáng nói?

Nhìn lại quãng đường đi qua của Hội, kể từ ngày mất nước lưu vong, hình như Hội QTYS vẫn giữ được một đường hướng hợp lý, "có mạch lạc," không phản bội lại bản chất của mình là một tập thể "tị nạn," phải lưu vong vì không chấp nhận một thể chế man rợ, vô nhân, mà ác tính vẫn còn nguyên vẹn, đang ngự trị trong nước. Một số thành viên của Hội, vì không đồng ý với đường hướng này, đã tách ra hoạt động riêng, kể cũng là chuyện bình thường trong mọi sinh hoạt dân chủ.

Bên lề Hội nghị

Vài sự kiện ghi nhận bên lề Hội nghị. Một diễn giả "trẻ" tỏ vẻ thất vọng, cho là thiếu hữu hiệu, đường lối chống Cộng "lỗi thời" mà các "chú bác" theo đuổi từ trước tới nay. Diễn giả hùng hồn cam đoan sẽ ra tay chèo lái, sửa sang con thuyền "rệu rạo" mà các chú bác để lại. Vài "chú bác" lên tiếng nhắc nhở diễn giả rằng con thuyền tuy "rệu rạo," nhưng cũng đã giúp ích để hơn 20 năm trước đây, chở bố mẹ bồng bế diễn giả vượt tới bến bờ tự do, tránh cho diễn giả cảnh *"cổ cò khăn đỏ, cháu ngoan Bác Hồ."* Các "chú bác" chờ đợi những gì cụ thể sau này, chứ không thể được đảm bảo phải tin ngay những lời hùng biện đao to búa lớn, toát ra trong khung cảnh bộ áo lành tụ bốn túi "col Mao"! Còn việc "chống Cộng bằng mồm" thì cũng không phải hoàn toàn vô ích, và đã phần nào hữu hiệu. Nhờ "chống Cộng bằng mồm" mà Cộng đồng Hải ngoại ngày nay chưa bị cờ đỏ tràn ngập, chưa có hàng ngàn "Trần Trường" ló mặt. Nhờ vậy mới có tranh luận tự do, mới có Đại Hội Paris 2000! Một diễn giả trẻ khác nêu ý kiến là chỉ nên về Việt Nam giúp thuần túy "nhân đạo," đừng xen vào "chính trị." Kể ra mục đích ngắn gọn như vậy rất thực tế, dễ thực hiện, nhưng phải đề phòng, vì hình như đây chính là mục tiêu tối hậu mà Việt Cộng đang tìm đến. Cử tọa cũng

nêu lên kinh nghiệm của một bác sĩ nhãn khoa đem 100 cặp kính về VN "giúp," và chỉ mong được *một* cặp đến tay người dân, đã là may mắn rồi! Tóm lại, qua hội thảo, sự lên tiếng của giới trẻ đã gây khá nhiều sôi nổi, hào hứng. Trong cử tọa, vài tiếng trầm trồ khen ngợi những ý kiến "mới lạ, độc đáo." Đây đó, có nhận xét phê bình rằng đó chỉ là những "bồ chữ" chưa "tiêu hóa"!

Bổn phận "phải nhớ"

Vấn đề còn lại cho Hội Quốc tế Y sĩ là có còn cần thiết giữ lấy đường hướng phù hợp với bản chất tị nạn của mình nữa không? Muốn nắm vững vấn đề, có lẽ cũng cần nhìn lại lịch sử.

Tại Âu châu, gần đây người ta nhắc nhở nhiều đến "bổn phận phải nhớ" (devoir de mémoire) để cho các thế hệ sau đừng quên thảm trạng gây ra bởi Hitler với chủ nghĩa Nazisme. Sự tàn hại của Chủ nghĩa Cộng sản (Communisme) đã được đem ra so sánh, để bao gồm trong bổn phận "devoir de mémoire" này. Tóm lại là giới "già" ở Âu châu muốn lớp trẻ nhận thức và rút ra được bài học của lịch sử. Nói cách khác là muốn giới trẻ phải "học thuộc bài" lịch sử, để thảm kịch đừng tái diễn. Tuy nhiên, có một số trẻ vẫn không chịu tiếp thu, không chịu "học bài," nên mới nảy sinh hiện tượng "Skin head," với phong trào Neo Nazi. Thành ra chẳng hề có vấn đề "Già-Trẻ." Trước sau chỉ có vấn đề là có nhận thức được bài học lịch sử hay không. Trong Cộng đồng hải ngoại hiện nay, một số người thường nêu lên sự khác biệt Già-Trẻ, cho là "đúng mốt," hợp thời trang (!). Điều này là ngụy tạo. Không có vấn đề khác biệt, mà chỉ có một vấn đề quan trọng cho cả Già lẫn Trẻ, nhất là trong hoàn cảnh VN hiện tại, là có học thuộc bài Lịch sử. Già mà không "thuộc bài" thì cuộc đời uổng phí. Trẻ mà không "thuộc bài" thì thảm kịch còn lâu.

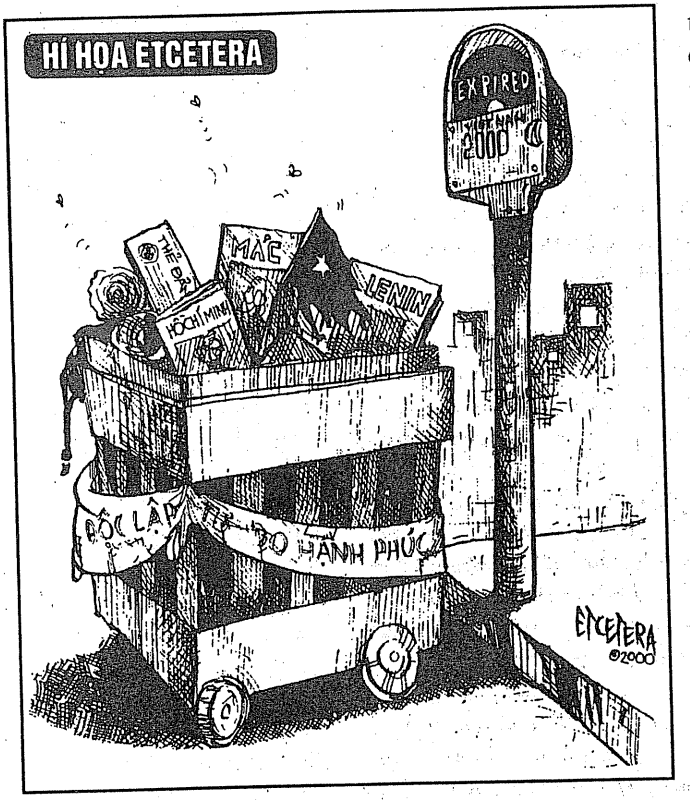

Ba thế hệ bị đánh lừa?

Kinh nghiệm Việt Nam mấy chục năm qua cho thấy hình như Lịch sử chẳng hề được học thuộc. Kể từ 1945, CSVN đã thành công trong việc lừa bịp nhiều thế hệ. Đầu tiên là Cha Ông chúng ta, với nhiệt tình ái quốc buổi đầu kháng chiến chống Pháp, đã bị Việt Minh đánh lừa, đem xương máu phí phạm cho "Nghĩa vụ quốc tế," cho "Cải cách ruộng đất." Ở Miền Bắc, tầng lớp trí thức ưu tú sống sót thì thui chột tài năng như Nguyễn Tuân, Văn Cao..., thân tàn ma dại như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... Bài học lịch sử này đã không được thâu nhận. Trong cuộc chiến tự vệ 1960-75 của Miền Nam chống lại Cộng sản phương Bắc, một số không nhỏ trí thức Miền Nam, thành phần hưởng thụ nhất của xã hội, vô tình hay hữu ý, lại tiếp tay với CS dưới mọi hình thức, đánh phá Miền Nam, dâng nốt phần đất còn đôi chút tự do này cho CS. Những Trương Như Tảng, Dương Quỳnh Hoa... là thí dụ điển hình cho hiện tượng "học không thuộc bài" lịch sử.

Lưu vong ra nước ngoài, nghiền ngẫm quá khứ từ một phần tư thế kỷ nay, không biết Cộng đồng Hải ngoại lần này đã quyết định "học thuộc bài" chưa! Đây đó có khá nhiều hiện tượng cho thấy lịch sử lại muốn tái diễn. CS lại đang thành công trong việc đánh lừa

thêm một thế hệ thứ ba! Nào là đem tiền về "đầu tư," "phát triển kinh tế," "giúp đỡ nhân đạo." Một Việt kiều, ông Trịnh Vĩnh Bình, từ Hoà Lan đem 6 triệu đôla về "kinh doanh" để rồi trắng tay, nằm tù, là một hiện tượng không "thuộc bài"! Bao nhiêu tổ chức quốc tế mang hàng triệu đôla về làm "nhân đạo," để CS rảnh tay, khoán trắng Y tế Xã hội cho Hải ngoại, để CS hớt tay trên tiền bạc, tập trung phát triển bộ máy kìm kẹp Công an Quân đội, vững vàng ngự trị thêm vài chục năm nữa! Trong Cộng Đồng hải ngoại, không thiếu người vẫn muốn tiếp tay vào công tác "thoa dầu cù là" này! Nguyên nhân của nghèo đói, bịnh tật, rõ ràng vẫn là cái chế độ kìm kẹp vô nhân. Không ưu tiên tập trung nỗ lực hất đổ nó xuống, chỉ làm "nhân đạo thuần túy," chẳng khác nào không chữa bịnh tận gốc, chẳng khác gì tiếp tục dán băng keo, thoa dầu, trên cái vết thương lở loét nhiễm trùng!

Thái độ nào là hợp lý?

Gần đây, tư bản nước ngoài, vì "thấm đòn Việt Cộng," không làm ăn nổi với sự tráo trở, tham nhũng của CS, đã rút chân ra, "bỏ của chạy lấy người"! Rõ ràng là tư bản quốc tế, trong đó có Mỹ, lại bị đánh lừa để thua trận giặc kinh tế, sau khi bị "tháu cáy" trước đây để thua trận giặc quân sự! Đúng là "to đầu mà dại"! Điển hình một trường hợp không chịu "học thuộc bài" lịch sử! Trước sự kiện tư bản rút hết như vậy, Phan Văn Khải, Thủ tướng Việt Cộng phải thú nhận trong nội bộ, là Đảng của chúng đang trải qua lần thứ hai, một giai đoạn hiểm nghèo, "thập tử nhất sinh." Lần thứ nhất VC thập tử nhất sinh, là cách đây 10 năm, khi Liên Sô sụp đổ, không còn tiền để hà hơi tiếp sức cho VC, khiến họ bắt buộc phải "mở cửa" để sinh tồn. Bánh xe lịch sử cho thấy, khi CS đã nếm mùi tiện nghi tư bản thì chẳng thể nào đóng cửa rút cầu, quay về rừng rậm tử thủ, ăn khoai sắn. Người dân cũng không chấp nhận trở lại tận cùng đói rách, sẽ vùng lên. Bộ máy kìm kẹp Công an Quân đội cần được duy trì bằng tiền bạc, đôla, chứ không thể nuôi dưỡng bằng lý thuyết suông. Chế độ Mafia Đỏ chẳng còn lý tưởng, chỉ cấu kết nhau vì quyền lợi tiền bạc. Không có tiền bạc gắn bó, chúng sẽ tự thanh toán nhau, dẫn đến sụp đổ. Vì vậy lúc này CS cần đôla, cần được "giúp đỡ" hơn bao giờ hết. Nhưng không hy vọng đánh lừa tư bản quốc tế thêm nữa, Cộng sản bèn quay về đám "tư bản Việt kiều"! Không phải là ngẫu nhiên khi CS lấy khởi điểm năm 2000 phát động chiến dịch hô hào Việt kiều về "đầu tư," về "giúp đỡ," chĩa mũi dùi vào Cộng Đồng hải ngoại, nguồn tài trợ dồi dào duy nhất còn lại của họ. Đó là nhược điểm của CS trong giai đoạn quyết định này. Đây cũng là thời cơ chiến lược hãn hữu, mà một Cộng Đồng hải ngoại sáng suốt đoàn kết thành một khối có thể nắm lấy. Cũng là lần đầu tiên để có thể tự sức mình xoay chuyển tình thế, dẹp bỏ chế độ man rợ, bằng cách khóa cái vòi đôla ba tỷ, hàng năm tuôn về cho VC bú mớm. Tuy nhiên, vì đoàn kết xưa nay không nằm trong truyền thống, nên muôn ngàn khó khăn, khổ đau, vẫn tồn tại. Dầu vậy, mỗi cá nhân tại hải ngoại, cả "Già" lẫn "Trẻ," trong vị trí của mình, nếu nhận định được nay là thời điểm quyết định đang dồn vào ngõ bí chế độ phản dân hại nước, nếu "thuộc bài học" lịch sử, thì ngoài việc "chống Cộng bằng mồm" vẫn tìm được cho mình một thái độ, một nhận thức, để thấy cần làm gì, và cần... "không làm gì" (!) có thể gây thuận lợi cho Việt Cộng.●

Switzerland, tháng 8 - 2000

Hân hạnh giới thiệu tác phẩm

"SUY NGHĨ, MẠN ĐÀM, KỊCH BẢN"

của **PHẠM XUÂN TÍCH**

Do cơ sở Âu Việt
thực hiện
* Võ Thế Hào
giới thiệu tác giả

* Với phụ bản của các họa sĩ:
Đới Ngoan Quân (Tai Wan Kiun),
Lê Tài Điển, Síu Phạm (Thụy Sĩ).
Sách sẽ phát hành
trong tháng Mười năm 2000

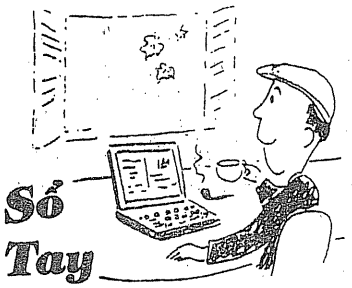

NHIỀU CHUYỆN KHÔNG ĐỌC CŨNG ĐƯỢC

Có những lúc mới khuyên nhủ ai một lời xong đã thấy mình lầm. Thí dụ: "Em vẫn đọc nhiều tờ báo..." "Nhưng lâu lâu em cũng nên đọc một vài cuốn sách." Khuyên như vậy rồi là hối hận.

Một tật xấu rất hại cho sức khỏe tâm thần, là đọc nhiều quá. Đọc, tức là chất chứa thêm nhiều thông tin vào não bộ của mình, và thường thì mỗi mẩu thông tin đều có thể kích thích các *nơ rông* trong đó. Thử tưởng tượng nếu chúng ta đổ xăng, dầu vào một bộ máy xe đầy rồi vẫn cứ đổ thêm mãi, liệu bộ máy sẽ ra sao? Não bộ con người, cũng như cái bao tử, là những thùng không đáy, nhưng đổ nhiều thứ vào đó quá thế nào cũng khó tiêu. Nếu không biết xếp đặt lại, xóa bớt đi, lâu lâu "rửa sạch bình," nếu để cho những tin tức, khái niệm, hiểu biết tung hoành như những Tôn Ngộ Không trong các nơ rông của mình thì chắc đầu óc sẽ loạn.

Vì lý do nghề nghiệp tôi phải đọc nhiều hơn một người biết đọc chữ bình thường. Nên lúc nào lòng cũng nhủ lòng đừng để tâm trí bị lôi cuốn theo những thứ mình phải đọc. Đặt các thông tin mới vào đúng ngăn kéo của chúng không cho chạy loăng quăng; để thời giờ cho các tin tức mới tiêu hóa cùng những tin tức cũ trong một toàn cảnh; lâu lâu phải đem rửa sạch bộ máy, đổ bớt vào thùng rác, hoặc, như trong ngôn ngữ email gọi là "rửa sạch thùng rác," (empty trash). Đó là vài cách phòng ngừa cần thiết cho đầu khỏi loạn.

Có một trò dễ lôi cuốn, cám dỗ là cứ nghĩ những gì mình đọc chắc phải là hay lắm, cần kể cho người khác cùng nghe. Cái tính đi xa về nhà nói khoác áp dụng đúng cho người đọc sách, vì mỗi cuốn sách cũng là một cuộc hành trình. Cái máu ngồi lê đôi mách của chung cả nhân loại, nam như nữ ai cũng mắc. Bao lâu nay tôi vẫn cưỡng lại thứ cám dỗ đó, mà vẫn có những lúc muốn kể lể cà kê dê ngỗng, cho mục Sổ Tay này đỡ có vẻ quá nghiêm trang.

Hãy bắt đầu câu chuyện với một lời khuyên của một vị thầy. Cách đây 17 năm tôi gặp lại ông thầy sau 19 năm không gặp, sau khi ngồi nói chuyện vài tiếng đồng hồ, ông khuyên tôi một câu: Không cần đọc nhiều quá. Tôi không nhớ rõ ông nói "không cần" hay là "không nên." Nhưng lời khuyên đó tôi giữ mãi, và có áp dụng dù không tinh tấn lắm. Một lần tôi lại được một nhân vật tiểu thuyết nhắc nhở cũng như vậy.

Một cuốn chuyện vừa vừa của Isaac B. Singer tên là "Kẻ Sám Hối" kể chuyến đi của một người Do Thái giáo tới một nơi giống như tu viện. Nhân vật đã sống một cuộc đời hoạt động, thành công trên thương trường ở New York, về già tìm một chỗ tĩnh tu tại quê hương của tổ tiên mình. Có lúc nhân vật nhớ lại thời gian mình sống ở Mỹ, mỗi ngày có thói quen đọc báo, anh ta nhận ra mình đã bị đầu độc kinh khủng như thế nào. Tại sao mới sáng ngày ra đã để cho đầu óc bị tấn công với những tin tức kinh khủng, nào chiến tranh, nào trộm cắp, giết người và đủ thứ tội lỗi khác của con người? Có phải chúng ta vẫn hay ngồi uống ly cà phê buổi sáng với những tay du đãng, cướp ngân hàng, với mấy cái xác chết đầy máu me hay không? Tại sao lại để cho đầu mình nhận lấy và chất đầy những tin tức như thế? Trong khi đó, ta quên không nghe tiếng chim hót ngoài vườn, không trông thấy nắng ấm đang lan dài trên bãi cỏ!

Đọc tới đoạn đó tôi lại nhớ lời khuyên của ông Thầy. Nhưng khi khuyên tôi đừng đọc nhiều, chắc ông không muốn nói đến thói quen đọc báo hàng ngày, mà chỉ nhắc nhở tôi đến cái tật chứa chất quá nhiều khái niệm, quá nhiều lý thuyết trừu tượng, như thói quen của người đọc sách, khiến mình quên đi, không suy nghĩ thật, ngẫm nghĩ lấy một mình, giữ cái tâm được trong lắng, bình an.

Cho nên, trước khi thu góp những điều vụn vặt ghi vào Sổ Tay tháng này, tôi xin quý vị độc giả nhớ rằng đây là những chuyện đọc cũng được, không đọc cũng chẳng sao.

MÙA THU ĐẾN, TA VÀO INTERNET

Mùa Thu đang trở về. Đáng lẽ tôi phải viết: Nơi tôi cư ngụ, mùa Thu đang trở về. Vì nhiều độc giả của *Thế Kỷ 21* sống ở Nam bán cầu, bây giờ là đầu mùa Xuân. Và có nhiều vị sống ở những nơi không có bốn mùa. Vậy xin viết lại: Ở đây, mùa Thu đang trở về. Thu về. Nhớ những tàn cây trên ngọn núi đang chín ửng, nhớ cánh áo khoác vàng mùa lá thu trên con phố cũ, nhớ căn phòng có lò sưởi củi nổ lách tách đỏ, cửa sổ nhìn ra mặt hồ có những tảng đá soi gương. Và mùa Thu trở về. Mỗi ngày ta vào inernet lại phải coi tin thời tiết xem ngày mai ra đường phải mặc áo len dầy hay mỏng, xem ngày mốt đi nghe nhạc liệu có

mưa không.

Những ngày cuối tháng Chín vào internet sau khi đọc tin thời sự tôi thường coi tin thời tiết, vì internet là nơi mình có thể tìm ra nhanh chóng nhất, bất cứ lúc nào, bản tiên đoán thời tiết ở nhiều nơi một lúc: Montreál, Los Angeles, Praha, Frankfurt, Warzsava, và Budapest! Đây là một điều tiện dụng của internet mà những người phải đi xa mới thấy quý. Nhìn vào một bảng tin khí tượng là có thể so sánh nhiệt độ, gió, độ ẩm nơi mình ở và nơi sắp đến, biết mình nên mang theo y phục ấm hay mát thế nào. Mười năm trước đây tôi có biết internet nhưng không ngờ nó hữu ích như thế này. Hồi đó chắc cũng chưa có dịch vụ nào cung cấp tin khí tượng trên internet. Mà trong hàng ngàn thứ hữu ích trên internet chắc tôi chỉ mới hưởng một hai thứ mà thôi.

Thế giới thay đổi quá nhanh. Để tôi thuật lại một câu chuyện cho quý vị nghe (lại cái tật kể lể). Ông Larry Summers, bây giờ là Bộ trưởng Tài chánh Hoa Kỳ, thường hay kể chuyện này. Năm 1988 ông ta là một người đi cổ động cho ứng cử viên tổng thống đảng Dân Chủ. Bay tới thành phố Chicago, ông Summers được ban vận động tranh cử của ông Michael Dukakis giao cho dùng một cái xe hơi. Khi chui vào xe, ông ngạc nhiên thấy mình được chiều chuộng quá cỡ: trong xe có cả máy điện thoại! Thích quá, ông Summers phải gọi về nhà cho vợ, cốt để khoe mình đang gọi điện thoại từ trong chiếc xe hơi!

Thế rồi chín năm sau, năm 1997 đang làm Thứ trưởng Tài chánh, ông Summers đi thăm xứ Côte d'Ivoire ở phía Tây Phi châu. Ông tới một làng quê hẻo lánh dự lễ khánh thành một dự án y tế do Mỹ viện trợ, người ta chỉ có thể đến được ngôi làng bằng thuyền độc mộc khoét trong cả một thân cây, vì thiếu đường xá. Dân làng khánh thành cái giếng nước đào đầu tiên theo tiêu chuẩn vệ sinh, ông Summers được phong chức xã trưởng danh dự và được tặng bộ y phục cổ truyền sặc sỡ của dân làng. Nhưng điều khiến ông nhớ nhất là khi ông đang bước xuống chiếc thuyền, một viên chức chính phủ Côte d'Ivoire đưa ông cái cell phone và nói: Có điện thoại từ Washington gọi ông!

Thử so sánh Chicago là một thành phố lớn ở Mỹ với một làng nhỏ ở Phi châu. Thế mà, chỉ có chín năm trời bao nhiêu thay đổi! Chúng ta đang sống trong thời cách mạng thông tin. Internet, cell phone sẽ tới khắp hang cùng ngõ hẻm, khắp thế giới.

Nhưng phát triển thông tin để làm gì? Thông tin nhiều quá có trái với những điều tôi mới viết trên đây về mối tai hại khi mình bị thông tin tràn ngập hay không? Ở đây chúng ta có hai vấn đề khác nhau.

Muốn tu tâm dưỡng tính thì đừng để cho những tạp niệm xâm chiếm đầu óc. Đó là chuyện thông tin trong phạm vi tu dưỡng của mỗi con người. Nhưng một xã hội lại cần thông tin nhanh và đầy đủ, đó là dấu hiệu của tiến bộ trong nhân loại. Thế kỷ 15 người ta sáng chế máy in chữ rời ở Đức. Từ đó, kiến thức được truyền bá, các quyền lực bị thách đố, loài người có cuộc cách mạng khoa học, cách mạng công nghệ, cải cách tôn giáo, và biết thế nào là tự do, dân chủ. Internet và cell phone ở thế kỷ 21 cũng có vai trò như máy in sáu thế kỷ trước đây. Trước đây 40 năm người ta đo lường sự tiến bộ bằng tỷ lệ số điện thoại trong các gia đình, nước nào nhiều điện thoại chắc kinh tế phát triển cao hơn. Bây giờ người ta đo bằng tỷ số người có máy vi tính và dùng internet. Nước Việt Nam không biết có tỷ lệ cao hay thấp hơn Côte d'Ivoire?

TUYÊN NGÔN THIÊN NIÊN KỶ

Hơn 150 người đứng đầu các nước và các chính phủ gặp nhau ở một nơi trong ba ngày. Đáng gọi là một sự kiện lịch sử. Như ông Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc Kofi Annan nhấn mạnh, Bản Tuyên ngôn của Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ cần phải được các nhà lãnh đạo chính trị đem về thực hiện ngay ở nước họ. Nếu không, họ sẽ biến cuộc hội nghị lịch sử này thành một màn biểu diễn chính trị bình thường, nghĩa là chỉ thấy những lời hứa hẹn trống rỗng.

Bản Tuyên ngôn Thiên niên kỷ đóng góp điều gì mới hay không? Một điều quan trọng và mới mẻ là Tuyên ngôn này nói đến trách nhiệm liên đới của chính phủ các nước phải thực hiện các quy tắc như tôn trọng phẩm giá con người, bình đẳng trước pháp luật và bình đẳng về kinh tế, không những trong phạm vi quốc gia mà còn trên toàn thể thế giới: "Với vai trò những người lãnh đạo, chúng ta có bổn phận đối với nhân dân toàn thế giới, đặc biệt là những người yếu thế nhất, nói riêng là những trẻ em." Lời xác nhận này sẽ được dùng để biện minh cho các hành động mà trước kia có thể bị từ chối hoặc lên án, như khi một nước này phản đối chính quyền một nước khác vì họ đàn áp nhân dân trong nước họ. Từ nay, các hành động gọi là "can thiệp

nội bộ" đó có lý do để biện minh, nhân danh trách nhiệm liên đới của nhân loại.

Một điều mới mẻ khác, là bản Tuyên ngôn nhấn mạnh đến những hành động và đưa ra các mục tiêu cụ thể. Các nước hứa với nhau trong 15 năm nữa sẽ giảm bớt còn một nửa số người hiện đang thiếu nước lành sạch để dùng, cũng như giảm số người đang sống với lợi tức dưới một đô la mỗi ngày. Họ cũng hứa làm sao cho trẻ em khắp thế giới đều được đi học bậc tiểu học. Và trách nhiệm đạt tới các mục tiêu đó là của tất cả các nước cùng gánh vác.

Trong số những người sống với dưới một Mỹ kim một ngày chắc có nhiều người Việt Nam, vì lợi tức bình quân của người Việt ở trong nước là hơn 300 đô la một năm. Ở Việt Nam hiện có 50 ngàn người lợi tức từ 20 ngàn đô la một năm trở lên, theo tài liệu của các công ty đang muốn bán hàng vào nước ta. Cho nên chắc phải có rất nhiều đồng bào ta sống với lợi tức dưới nửa đô la một ngày. Hy vọng đến năm 2015 những đồng bào đó có lợi tức cao gấp ba, gấp bốn, có giếng nước sạch sẽ để dùng hằng ngày, nhất là con cháu họ được đi học xong bậc tiểu học. Trong vụ lụt tháng Chín năm nay ở vùng sông Cửu Long nước ta có hơn 100 người chết, đa số là trẻ em. Trách nhiệm trước những em bé chết oan đó rõ ràng là chung cho nhiều nước trong vùng, từ Trung Hoa xuống đến Việt Nam.

Bản Tuyên ngôn nói đến hai hiện tượng nổi bật của thế giới ngày nay, là cuộc cách mạng tin học và đời sống kinh tế toàn cầu hóa. Các nhà lãnh đạo thế giới hứa sẽ làm sao để loài người chia sẻ đồng đều lợi ích của nền kinh tế mới, sẽ lấp dần dần hố ngăn cách về việc sử dụng kỹ thuật tin học, gọi bằng thuật ngữ "digital divide" (hố phân chia kỹ thuật tin học.)

Hai vấn đề giảm nạn nghèo đói và phổ biến kỹ thuật tin học liên hệ với nhau. Ông James Wolfensohn, chủ tịch Ngân hàng Thế giới, cho biết một nửa nhân loại sáu triệu người hiện đang sống với lợi tức dưới hai đô la một ngày, và một phần tư trong nhân loại sống với một đô la mỗi ngày. Nhưng ông cũng hy vọng kỹ thuật mới sẽ giúp thay đổi tình trạng nghèo khổ đó. Ông nói rằng kỹ thuật tin học "thay đổi bản chất cơ cấu xã hội, từ Trung Quốc đến các nước ở Liên bang Xô viết cũ, và tôi tin là ngay cả ở nhiều nước Phi châu."

Ông Wolfensohn cho biết Ngân hàng Thế giới đang giúp phổ biến kỹ thuật truyền thông và tin học. "Nếu một nước muốn tiến bộ thì phải có chính quyền hữu hiệu, cần phải củng cố các hệ thống tư pháp, tài chánh, vân vân. (Nếu Ngân hàng Thế giới) chỉ ném tiền vào các nước (nghèo) trong khi họ chưa có một cơ cấu (hữu hiệu) thì thật là vô nghĩa lý."

Kỹ thuật tin học giúp cho sự thay đổi đó vì có thể dùng để đào tạo, huấn luyện. Ngân hàng Thế giới mới thiết lập 13 trung tâm hội thảo viễn liên khắp thế giới và đến cuối năm 2001 sẽ lập 100 trung tâm như vậy. Mỗi sáng Thứ Bảy có 300 ông, bà xã trưởng ở châu Mỹ La tinh cùng nghe những bài học về cách tổ chức chính quyền xã hữu hiệu, phát đi từ một Học viện Kỹ thuật ở Mexico. Một chương trình khác huấn luyện các viên chức hành chánh ở Phi châu về cách ngăn ngừa tham nhũng. Mỗi tháng, Ngân hàng Thế giới tổ chức 400 cuộc hội thảo qua truyền hình viễn liên nhờ vệ tinh nhân tạo. Ông Wolfensohn cũng nói "Chúng tôi đang giúp đặt máy vi tính vào các làng nếu họ muốn, ngay ở những làng chưa có hệ thống điện, nước."

Kỹ thuật tin học giúp kinh tế các nước giàu, như nước Mỹ phát triển suốt mười năm qua. Nhưng dân chúng các nước nghèo cũng được hưởng lợi ích nếu sử dụng internet. Một thí dụ là những người thợ thủ công ở Kenya, Phi châu. Trước đây họ xuất cảng mỗi năm được 10 ngàn Mỹ kim, nay nhờ biết tiếp thị qua internet do Ngân hàng Thế giới giúp đỡ, họ bán được 2 triệu Mỹ kim một năm. Kinh tế gia Nicholas Negroponte của Ngân hàng Thế giới tiên đoán rằng các nước nghèo sẽ áp dụng kỹ thuật tin học rất nhanh chóng, trong dăm năm nữa một nửa lưu lượng trên internet thế giới sẽ là ở các nước đang phát triển.

Còn Việt Nam thì sao? Gần đây chúng ta biết có hơn 70 ngàn người Việt Nam đã vào internet, chưa được một phần ngàn dân số. Ở Singapore, Na Uy và Mỹ, tỷ lệ đó là gần 50%. Ở Á Đông, Nam Hàn, Đài Loan cũng đạt tỷ lệ hơn 34%.

Nhìn vào những con số đó chúng ta hiểu nỗi lo lắng của nhóm các ông Hoàng Minh Chính, Phạm Quế Dương, Nguyễn Thanh Giang khi họ viết thư cho Quốc hội Hà Nội, yêu cầu thúc đẩy phát triển "nền kinh tế tri thức," dựa vào những tiến bộ tin học. Tất nhiên, các chính quyền độc tài không ưa tin học phát triển. Vì tin học là một dụng cụ để dân chủ hóa xã hội, bằng cách dân chủ hóa việc thông tin. Muốn phổ biến kỹ thuật tin học thì phải chấp nhận dân chủ hóa.

OLYMPIC: TINH THẦN QUỐC TẾ VÀ DÂN TỘC

Các lực sĩ không mang tính

cách cá nhân đi dự Thế Vận Hội. Họ xếp hàng đi sau những lá quốc kỳ. Có những quốc gia chỉ gửi được một lực sĩ duy nhất đi dự Olympic, như vương quốc Brunei. Có những nước sung sướng cử người đi dự Thế Vận Hội lần đầu, vì mới lập quốc được một năm, như xứ Đông Timor. Đây cũng là dịp để dân Đông Timor trình diện "mầu cờ sắc áo" của mình với cả nhân loại. Nam Bắc Hàn cũng biểu diễn tình tự dân tộc bằng cách cử chung một phái đoàn nhân danh Hàn quốc, mặc dù hai miền chưa thống nhất. Ít có cuộc tranh đua giữa các quốc gia nào lại lành mạnh, tử tế như ở Thế Vận Hội. Mỗi nước quyết thắng nước khác mà không cần dùng đến súng đạn. Một lực sĩ có thể dương cao ngọn cờ của nước mình mà không cần phải giết chết một người nước nào khác! Nhưng Thế Vận Hội tránh không chính trị hóa, vì nói chính trị tức là phân chia biên giới quốc gia, phân chia đảng phái, mà Thế Vận Hội cũng là dịp cổ võ cho Tình huynh đệ quốc tế.

Trong truyền thống nước ta, Tinh thần Dân tộc rất mạnh, rất bền bỉ. Nhưng chúng ta chưa thấm hai giá trị khác của Thế Vận Hội, là óc tranh đua, và tinh thần quốc tế. Người Trung Hoa có tinh thần quốc tế nhiều hơn, ít nhất từ đời Đường, khi vị thiên tử ở Trường An tự hào coi tất cả các giống man di đều là thần dân của mình, vì thế ông muốn tất cả phải đối đãi với nhau như là anh em! Nhưng người Việt Nam từ hai ngàn năm nay vẫn biết không thể nhận lấy tinh thần "bốn bể là anh em" đó mà không dè đặt, lo ngại và đề phòng. Vì biết rằng trong thực tế mình chỉ được đóng vai "em út" ở trong cõi bốn bể mà thôi!

Nhưng Tình Huynh đệ Quốc tế vẫn tiềm tàng sống. Vậy khi nào thì người ta mới thể hiện được tinh thần huynh đệ?

Khi mọi người giao đấu như ở Thế Vận Hội. Nghĩa là, thứ nhất, cần phải xác định luật giao đấu cho rõ ràng. Thứ hai, khi áp dụng các luật giao đấu đó, mọi người ai cũng được đối xử ngang hàng, không ai được ưu tiên, không ai bị người khác ép buộc.

NGƯỜI NHẬT CŨNG LO TRỪ THAM NHŨNG

Làm cách nào để bài trừ tham nhũng? Không phải chỉ có người Việt Nam đặt câu hỏi này, mà nhiều người Nhật cũng đang hỏi. Và có những câu trả lời nghe thì rất hay, nhưng chưa chắc đã đúng - nghĩa là chưa chắc đã giúp xã hội giảm bớt nạn tham nhũng. Chính vì vậy chúng ta nên coi người Nhật trả lời ra sao để rút kinh nghiệm cho người Việt Nam.

Câu chuyện tham nhũng đang làm xôn xao dư luận Nhật là vụ Dân biểu Joji Yamamoto, bị bắt trong tháng trước vì thâm lạm 23 triệu Yen (220 ngàn Mỹ kim.) Ông Yamamoto đã khai lương một "thư ký ma" phụ trách nghiên cứu cho văn phòng dân biểu, rồi bỏ túi số tiền lương đó bấy lâu nay. Ông đã chi tiêu cho mình và mua sắm áo kimono cho cô nhân tình - dân biểu Nhật cũng có nhân tình! Điểm đáng nói là ông Yamamoto thuộc đảng Dân Chủ đối lập, nổi tiếng với khẩu hiệu đòi "chính quyền trong sạch." Nhà báo Yoshimichi Hironaka viết trên tờ Yomiuri Shimbun: "Trong giới chính trị Nhật ai cũng thấy thương hại ông Yamamoto, vì ai cũng biết họ lem nhem như nhau cả, nhưng ông ta làm ăn kém khôn khéo, thế thôi." Chuyện tham nhũng của ông Yamamoto chỉ là một vụ nhỏ, so với các vụ chính trị gia bị giới tài phiệt, nhà thầu mua chuộc để làm ra những luật lệ có lợi cho họ, hoặc đề ra các chính sách chi tiêu của chính phủ giúp các nhà thầu xây cất phát tài, rồi các nhà thầu lại ủng hộ quỹ Đảng!

Trước tình trạng cả giới những người "lãnh đạo quốc gia" bị mang tiếng như vậy, một chính trị gia lão thành đã đưa ra những giải pháp "bài trừ tham nhũng." Cựu Dân biểu Hyosuke Kujiraoka phổ biến một tập tài liệu nhan đề "Chính trị trong tinh thần Võ Sĩ Đạo: Xưa, Nay và Ngày mai." Nghe tựa đề chúng ta có thể đoán vị cựu Phó Chủ tịch Quốc hội nói những gì. Ông kêu gọi các chính trị gia Nhật hãy phục hồi lại tinh thần trong sáng và những quy tắc đạo lý của các Samurai. Ông Kujiraoka làm chúng ta nhớ đến cuốn phim "Bẩy người Hiệp sĩ" của Akira Kurosawa: "Các nhà chính trị chuyên nghiệp, đại biểu cho quyền lợi của nhân dân, cần học hỏi, tiếp thu truyền thống của các võ sĩ... Có câu tục ngữ rằng: Samurai an bần lạc đạo!"

Nghe lời kêu gọi đó, ai cũng phải ngợi khen lòng thiết tha với quá khứ và sốt sắng với tương lai của tác giả. Nhưng những lời kêu gọi đó khi áp dụng có hữu hiệu hay không?

Lối suy nghĩ của ông Kujiraoka, năm nay ngoài 80 tuổi, nghe giống như khẩu hiệu "phục hồi nền văn minh tinh thần" của giới lãnh đạo ở Bắc Kinh. Cũng giống như chiến dịch "phê bình và tự phê bình" của đảng Cộng Sản Việt Nam. Nói chung, đó là truyền thống "Nhân Trị," làm tốt việc cai trị căn cứ trên đức hạnh của người cai trị. Trong quá khứ, tinh thần Nhân Trị

đó được áp dụng ở một xã hội như thế nào? Ở Việt Nam cũng như ở Trung Hoa, Nhật Bản, đó là những xã hội nông nghiệp, có vua chúa, có những nho sĩ hay kiếm sĩ để phục vụ vua chúa. Ở trên là một giai cấp lãnh đạo. Bên dưới là dân đen, đại đa số là nông dân. Và dân đen bị bóc lột một cách có hệ thống để nuôi vua chúa và giai cấp thư lại. Tinh thần Nhân trị đi đôi với một xã hội tập trung quyền hành. Những lời răn đạo đức có hiệu quả vì nó bảo vệ tiền thuế khóa được nộp đủ cho vua chúa, và dân đen không quá phẫn uất đến mức nổi loạn.

Nhưng xã hội ngày nay khác rồi. Đời sống kinh tế phức tạp hơn. Trí óc dân chúng cao hơn, họ biết rõ quyền lợi của họ hơn. Và hệ thống chính trị ở Nhật cũng theo lối Tây phương, dân chủ hơn. Cho nên, nhiều người Nhật cũng thấy là đề nghị trở về nguồn của Dân biểu Kujraoka là quá ngây thơ, không hiệu quả. Giáo sư Etsushi Tanifuji ở Đại học Waseda viết: "Ý thức chính trị của người Nhật đang thay đổi mạnh mẽ, giới truyền thông cũng như công chúng không còn chấp nhận chuyện các chính trị gia làm giầu nhờ chức vụ nữa. Các nhà chính trị thuộc lớp tuổi 30, 40 không còn được sống xa hoa như lớp đàn anh của họ nữa."

Lớp chính trị gia thời ông Kujiraoka thường vốn là những người giầu có, tự họ đã có tài sản để sống một cách sang trọng nếu muốn. Ngày nay nhiều chính trị gia thuộc tầng lớp nghèo hơn - nhờ thể chế dân chủ hơn. Vì thế, họ dễ chịu ảnh hưởng của các người đóng góp tiền bạc cho các đảng phái. Muốn giữ cho các nhà chính trị khỏi bị tiền bạc quyến rũ trở thành tham nhũng, cần có luật lệ minh bạch. Giáo sư Tanifuji viết, "Điều cần thiết ở Nhật Bản là thay đổi luật lệ về góp quỹ cho các đảng chính trị." Nghe quen quen, vì ở Mỹ cũng đang có một phong trào đòi cải tổ việc gây quỹ tranh cử, mà Nghị sĩ John McCain là một tiếng nói lớn bậc nhất.

Việc cai trị trong một xã hội dân chủ dựa trên luật lệ, còn gọi là Pháp trị. Có thể nói đó là một căn bản cho sự tiến bộ của loài người. Tinh thần Pháp Trị có hai ý nghĩa chính: 1) mọi quyết định của người cầm quyền đều căn cứ trên luật, và 2) mọi người đều phải theo luật lệ như nhau. Người La Mã đóng góp cho văn minh nhân loại ý niệm thứ nhất, nhưng văn minh La Mã bắt đầu sa sút từ khi các hoàng đế như Cesar, Nẻron tự coi mình là nguồn gốc của mọi luật lệ, họ đứng trên luật lệ. Ý thứ hai chỉ được đề cao từ bản Đại Hiến chương (Magna Carta, 1215) khi Vua John ở Anh quốc chịu đặt mình dưới những điều khoản đã thỏa thuận với các lãnh chúa. Từ đó, người nắm quyền cũng phải tuân theo một số luật căn bản, và người bị cai trị cũng được bảo đảm có những quyền của họ, chứ không chờ đợi vào từ tâm hay đức hạnh của cá nhân người cai trị. Đó là một bước tiến của văn minh nhân loại.

Tinh thần Pháp trị là một nền tảng của văn minh, điều này không ai chối cãi được. Con người vẫn sống với cảm xúc, vẫn đối xử với nhau có tình có nghĩa, vẫn đề cao lòng yêu thương, đức bao dung, hào hiệp, v.v.. Nhưng trong đời sống xã hội đông đúc và phức tạp với bao nhiêu quyền lợi xung khắc, người ta không thể trông cậy vào hảo ý hay đức hạnh của giai cấp cầm quyền. Mọi chuyện, cuối cùng phải dựa trên luật lệ minh bạch, công khai và do mọi người thỏa thuận đặt ra với nhau trong những thể thức dân chủ.

Vì vậy, ngay ở Nhật Bản, người ta cũng không trông chờ các nhà chính trị phục hồi tinh thần Samurai để giảm bớt tham nhũng. Các Samurai đã phục vụ lãnh chúa của họ để bóc lột dân đen, ngày nay dân Nhật không còn sống như các nông dân thời phong kiến nữa. Muốn bài trừ tham nhũng, phải bắt đầu theo tinh thần Magna Carta, đặt mọi người dưới luật pháp. Chỉ kêu gọi phục hồi Tinh thần Võ Sĩ Đạo thì quá ngây thơ, và còn tai hại vì không giải quyết tận gốc rễ tệ nạn tham nhũng. Những khẩu hiệu và chiến dịch kêu gọi các cán bộ thay đổi tư tưởng chỉ làm lạc hướng cuộc thảo luận trong xã hội, biến một vấn đề luật pháp thành một vấn đề đạo đức cá nhân, khiến người dân quên mất đâu là nhu cầu thật, giải pháp hữu hiệu thật.

Người Nhật Bản, cũng như Việt Nam, Trung Hoa, cần ý thức nhu cầu có những luật lệ minh bạch, công khai, một hệ thống truyền thông độc lập, với một guồng máy tư pháp độc lập. Cứ như thế, rồi dư luận sẽ đòi hỏi, luật pháp sẽ trừng trị nghiêm khắc những kẻ tham nhũng. Muốn cho dư luận được lên tiếng, muốn cho cảnh sát điều tra và thẩm phán xét xử độc lập, ai cũng biết, cần có một chế độ dân chủ, tự do. Đó cũng là đề nghị của tướng Trần Độ khi ông bàn về nạn tham nhũng ở Việt Nam năm ngoái. Giữa tháng Chín, Quốc hội Nhật đã đem bàn một dự luật rất nghiêm khắc bài trừ tham nhũng. Họ đang đi đúng hướng, vì nước Nhật đã có một hệ thống báo chí tự do, cảnh sát độc lập các thẩm phán có danh dự. Người Việt Nam cần bắt chước.●

TÒA THÁNH VATICAN VÀ VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG TÔN GIÁO

NGUYỄN HÙNG VŨ

dịch tóm lược từ các báo Los Angeles Times và Press Telegram phát hành ngày 6 tháng Chín 2000.

Hôm thứ ba vừa qua, tòa thánh Vatican đã cho phổ biến một thông điệp mang hình thức tuyên ngôn - declaration - dài 36 trang cho toàn thể giáo dân Công giáo. Mục đích của thông điệp nhằm tái xác định giáo quyền của Vatican, đòi hỏi giáo dân phải giữ vững cũng như xiển dương những giáo điều riêng của hội thánh, và nhìn nhận hội thánh là thẩm quyền duy nhất mang lại cứu rỗi cho toàn thể nhân loại. Bản thông điệp cũng tố lỗi một số nhà thần học Thiên Chúa giáo là đã có hành động cải cách quá trớn trong việc họ cho rằng tất cả mọi tôn giáo đều bình đẳng như nhau trước Thượng Đế, một thái độ bị tòa thánh xem là "xét lại" của một số tư tưởng cấp tiến trong giáo hội.

Mục tiêu chính của thông điệp này dường như để ngăn chặn bớt phần nào phong trào "bình đẳng hóa tôn giáo" đang diễn ra trên thế giới.

Bằng những lời lẽ cứng rắn, tòa thánh nhấn mạnh một số điểm chính như sau:

* *"...những tín đồ của những tôn giáo khác Ki-Tô giáo sẽ bị thiếu sót một cách nặng nề trong vấn đề cứu rỗi." "...non-Christian religions are gravely deficient as a means of salvation..."*

* *"Hội thánh Thiên Chúa giáo La Mã là phương tiện duy nhất đem lại sự cứu rỗi cho toàn thể nhân loại." "the Roman Catholic Church is the only instrument for the salvation of all humanity."*

* *Những vị thừa sai Công giáo phải có nhiệm vụ truyền bá và dạy bảo những tín đồ của những tôn giáo khác rằng: Chúa Jesus là đấng cứu chuộc duy nhất - sole redeemer - có khả năng cứu rỗi nhân loại.*

Trong những năm gần đây, nếu theo dõi, người ta nhận thấy có những dấu hiệu lạc quan trong vấn đề bình thường hóa quan hệ ngoại giao giữa một số tôn giáo trên thế giới. Gần đây, Công giáo và Tin Lành đã có những liên lạc cởi mở và ngay cả Do Thái giáo cũng đã bắt tay thân thiện với Công giáo, ít ra là của giới lãnh đạo hai giáo phái. Một thông điệp có tính cách bất thình lình như thế vào giai đoạn này là một biến cố khác thường, có thể dễ tạo nên sự nghi kỵ và hiểu lầm, nhất là khi thông điệp này lại được chính Đức Giáo hoàng John Paul 2 chuẩn nhận - endorsement. Điều này đã được Monsignor Tarcisio Bertone tiết lộ.

Sự kiện đáng ngạc nhiên là: Đức giáo hoàng JP2 là vị giáo hoàng đầu tiên đã tốn nhiều công sức trong hai thập niên vừa qua trong những nỗ lực cố gắng xóa bỏ những hiểu lầm giữa tôn giáo và đồng thời cũng để tạo ra một sự khoan dung và thông cảm giữa giáo phái (inter-religious tolerance, ecumenical movement) Tuy thế, JP2 cũng được biết đến là một vị giáo hoàng cương quyết và có uy tín trong việc giữ vững giáo

Đức Giáo Hoàng John Paul II và các nhà lãnh đạo Do Thái

điều của Thiên Chúa giáo và thế lực thần quyền của Vatican. Bản tuyên bố có tính cách tiêu cực này đã trở thành mâu thuẫn với những hoạt động tích cực của ĐGH

trong nhiều năm qua, cho thấy giới lãnh đạo thuộc thành phần bảo thủ trong Vatican có khuynh hướng muốn ngăn chặn sự đi quá trớn của phong trào bình thường hóa tôn giáo. Điều này là một nhận định của Marco Politi, một chuyên gia về tiểu sử giáo hoàng và là người theo dõi những nội bộ của Vatican. Ông cho rằng nội dung văn kiện này phản ảnh một nỗi lo âu và sợ hãi của nhóm bảo thủ cứng rắn, và nhóm này muốn tạo áp lực để vị giáo hoàng thừa kế JP2 sẽ có cùng một chính sách như họ.

Theo một số nhận định đọc được trên báo, như của phóng viên Jeffery Sheler trong tờ *U.S News,* số Sept. 18, 2000, thì đây là một nước cờ thiếu chính trị, kém tế nhị, và có thể gây hậu quả cho chính tiếng tăm cũng như quyền lực của Vatican. Bản tuyên ngôn chứa đựng những lời lẽ khẳng định cứng rắn gần như chuyên chế về quyền cứu rỗi, đã làm những nhà lãnh đạo tinh thần khác trên thế giới sửng sốt kinh ngạc. Hậu quả là nó có thể tạo ra những chia rẽ đưa đến sự ly khai giữa những giáo phái cấp tiến và bảo thủ vốn đã diễn ra trong quá khứ.

Trong một bài phóng sự của hai phóng viên Richard Boudreaux và Larry Stammer mới đây trên báo *Los Angeles Times,* độc giả đọc được một số phản ứng bất lợi đối với Vatican.

Giám mục Paul Egertson của hội thánh Lutheran cho rằng ngôn ngữ của Vatican có tính cách "ăn hiếp"-bullying. Ông nói rằng trong thời đại này, những ngôn từ có thái độ "bề trên và chuyên quyền"-domineering/magisterial statements- như thế của Vatican đáng lẽ ra phải giảm thiểu mới là điều hợp lý.

Công đồng thế giới của 337 hội thánh khác nhau, đặt trụ sở tại Geneva, đã tuyên bố rằng thái độ tự tôn về thần quyền của Vatican sẽ là một "thảm kịch"-tragedy- nếu thái độ này làm hỏng công xây dựng phong trào bình thường hóa mà các tôn giáo đã cố công tạo dựng từ 35 năm nay.

Chủ tịch Hồi giáo tại Bắc Mỹ, ông Muzammil Siddiqi, trả đũa Vatican như sau, "Chúng tôi từng biết rõ thái độ của giáo hội công giáo. Với họ, chúng tôi cũng có một nhận định tương xứng — đó là giáo hội công giáo của họ cũng bất toàn."

Monsignor Bertone đã phát biểu trong một buổi hội thảo với giới truyền thông rằng mục đích của bản tuyên ngôn này nhằm sửa đổi một số vấn đề "mù mờ và sai lầm" errors and ambiguities- của một số thừa sai Công giáo có tinh thần hòa giải. Vatican muốn chận đứng hẳn phong trào bình đẳng hóa tôn giáo này. Hồng Y Ratzinger, phát ngôn viên chính của Vatican, và là người ký bản tuyên ngôn, cho rằng chính sách "tôn giáo đề huề" và chế độ tự do tín ngưỡng của công đồng Vatican 2 đặt ra đã bị "lạm dụng và qua mặt" quá đáng. Ông nhấn mạnh rằng trên thực tế chỉ có hội thánh Công giáo duy nhất là có đủ thẩm quyền cứu chuộc bắt đầu từ thánh Peter.

Joseph Ehrenkranz, là một thầy cả Do Thái-Rabbi- và là chủ tịch trung tâm nghiên cứu thần học KiTô-Do Thái tại một đại học ở Fairfield, Connecticut. Ông đã gặp gỡ Đức giáo hoàng JP2 tất cả năm lần và ông đã tỏ ý nghi ngờ nội dung thông điệp này không thực sự phản ảnh quan điểm của ĐGH. Ông hỏi, "Ai đã tiếp xúc thẳng với Thượng Đế để mà biết tôn giáo nào là tôn giáo thiếu sót?" Sở dĩ ông nêu vấn đề tại vì bản tuyên ngôn của Vatican đã khẳng định rằng: những tôn giáo nào không thuộc giáo hội Công giáo là "bị hư hỏng"-suffer from defects.

Những tín hữu Ki-Tô giáo, Công giáo, Phật giáo, hay tín đồ bất cứ một tôn giáo nào có một lối suy nghĩ cởi mở, có lẽ sẽ quan niệm rằng: tôn giáo thực ra chỉ là những hình thức xã hội, một thứ áo khoác ngoài để phân biệt giáo phái, có tính cách chính trị và phe nhóm. Hành động tự tuyên dương này của Vatican có thể làm cho chính những giáo hữu Công giáo chân chính cảm thấy khó chịu khi đọc một văn kiện như thế. Với những tôn giáo phi Ki-Tô như Do Thái giáo hay Hồi giáo, thì hành động tự phong này có thể đưa đến những phản ứng không tốt cho Vatican và làm cho sự giao hữu về lâu dài trở thành khó khăn hơn trước.

Sự hiện hữu, thể hiện cũng như ý nghĩa của Thượng Đế không nằm ở quyền giải thích của bất cứ một giáo hội nào, mà nằm trong tâm linh của mỗi cá nhân và sự hành thiện trong đời sống mỗi người.

SỨ QUÁN MỸ TẠI HÀ NỘI CỬ NGƯỜI ĐI PHỎNG VẤN TT THÁI HÒA

Theo các tin tức từ Việt

Nam được loan truyền qua Internet, thừa lệnh Quốc Hội Hoa Kỳ, Bí Thư Thứ Nhất Đại Sứ Quán Hoa Kỳ tại Hà Nội, ông Paul Berg đã đến thăm Thượng Tọa Thích Thái Hòa tại Chùa Từ Hiếu, Huế, vào ngày 8 tháng 9 năm 2000, để phỏng vấn về việc nhà nước CSVN ngăn cản không cho Thượng Tọa đi họp Hội Nghị Thiên Niên Kỷ về Hòa Bình ở New York.

16 giờ 30 chiều ngày 8 tháng 9 năm 2000, tại Thất Lắng Nghe - Tổ Đình Từ Hiếu, Thượng Tọa Thích Thái Hòa đã tiếp ông Paul Berg. Ông Paul Berg đã đặt một số câu hỏi liên quan đến việc Thượng Tọa Thích Thái Hòa không được đi dự Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình Thế Giới Thiên Niên Kỷ tại Trụ sở Liên Hiệp Quốc ở New York vào ngày 28 tháng 8 năm 2000.

Sau đây, là nội dung cuộc mạn đàm giữa hai vị, do Từ Hòa và Thái Không ghi lại và được loan ra hải ngoại:

Ông Paul Berg: Thưa Thượng Tọa, vị nào trong Ban Tổ Chức Hội Nghị Thượng Đỉnh đã ký văn thư mời Thượng Tọa tham dự Hội Nghị?

Thượng Tọa Thích Thái Hòa: Trước hết, tôi xin cảm ơn Quốc Hội, Chính Phủ và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng như toà Đại Sứ Hoa Kỳ Tại Việt Nam và Ngài Paul Berg đã quan tâm đến vấn đề của tôi. Thưa Ngài, Ông Bawa Jain - Tổng Thư Ký Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình Thế Giới Thiên Niên Kỷ tại Trụ sở Liên Hiệp Quốc đã ký thư mời tôi.

Ông Paul Berg: Thưa Thượng Tọa, lý do nào mà Thượng Tọa không đi dự Hội Nghị?

TT Thái Hòa: Chính quyền Việt Nam không tạo điều kiện để cho chúng tôi đi tham dự Hội Nghị, mặc dù chúng tôi đã làm đủ mọi thủ tục căn bản để yêu cầu được cấp hộ chiếu xuất cảnh tham dự Hội Nghị.

Ông Paul Berg: Sau khi nạp hồ sơ tại Ban Tôn Giáo Chính Quyền Thừa Thiên - Huế, Thượng Tọa có thường xuyên liên lạc để theo dõi hồ sơ không?

TT Thái Hòa: Chúng tôi có cho người liên hệ thường xuyên với Ban Tôn Giáo Thừa Thiên Huế để theo dõi hồ sơ, nhưng Ban Tôn Giáo Chính Quyền Thừa Thiên - Huế đã trả lời: "Chúng tôi không có quyền hạn, phải đợi chỉ thị của Ban Tôn Giáo Chính Phủ, nhưng Ban Tôn Giáo Chính Phủ chưa có ý kiến." Từ đó đến nay, (8/9/2000) tôi vẫn chưa có một sự trả lời chính thức nào của Chính quyền Việt Nam bằng văn bản là cho đi hay không cho đi tham dự Hội Nghị. Và trước khi khai mạc Hội Nghị, vào ngày 25 tháng 8 năm 2000, tôi đã có một thư gởi đến ông Tổng Thư Ký Hội Nghị để báo cho Ban Tổ Chức biết rằng, đến giờ phút này tôi vẫn chưa có sự trả lời nào của Chính Quyền Việt Nam là cho đi hay không cho đi tham dự Hội Nghị. Và cũng ngày này, vào lúc 14 giờ, tôi đã nhận được một bưu phẩm từ Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Hà Nội gởi đến và hướng dẫn các thủ tục làm Visa nhập cảnh Hoa Kỳ để tham dự Hội Nghị tại New York. Và ngày 27 tháng 8 năm 2000, tôi lại gởi một bức thư đến Ông Tổng Thư Ký Hội Nghị Thượng Đỉnh báo cho Ông và Hội Nghị biết là tôi đã bị trở ngại bởi chính quyền Việt Nam nên không thể tham dự Hội Nghị được, tôi đề nghị Ban Tổ Chức cử cho một vị đại diện đọc bài tham luận của tôi đóng góp cho nền Hòa Bình Nhân Loại trước Hội Nghị, hoặc có thể cho phép tôi cử thầy Chân Pháp Ấn - là Tăng thân Làng Mai hiện đang có mặt tại New York thay mặt tôi đọc bài Tham Luận này trước Hội Nghị, đồng thời tôi cũng đã chia xẻ những gì tốt đẹp đến với Hội Nghị và chúc Hội Nghị thành công.

Thượng Tọa Thái Hòa

Ông Paul Berg: Sau khi Thượng Tọa không đi dự Hội Nghị được, Thượng Tọa có nhận được thông tin gì từ nước ngoài không?

TT Thái Hòa: Chúng tôi cũng có nhận được một số tin

tức từ nước ngoài báo cho biết một số kết quả của Hội Nghị. Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ tại Washington DC đã phỏng vấn tôi vào lúc 18 giờ - ngày 30 tháng 8 năm 2000 và Đài Á Châu Tự Do đã phỏng vấn vào lúc 7 giờ - ngày 7 tháng 9 năm 2000, Đài Tiếng Nước Tôi tại Hoa Kỳ đã phỏng vấn vào lúc 9 giờ cùng ngày, nhưng hai cuộc phỏng vấn này chỉ phỏng vấn tôi được vài câu thì liền bị trở ngại đường dây điện thoại và máy FAX cũng bị trở ngại.

Ông Paul Berg: Như vậy, Thượng Tọa cũng đã bị phong tỏa. Đây là lần đầu tiên Thượng Tọa bị chính quyền Việt Nam cản trở hay đã bị nhiều lần?

TT Thái Hòa: Tôi đã bị cản trở nhiều lần. Lần thứ nhất, vào năm 1998, Phật tử Việt Nam tại Lào mời tôi sang Lào để hướng dẫn khóa tu, chúng tôi đã bị trở ngại không đi được. Lần thứ hai, năm 1999, xin đi du lịch Trung Quốc và thăm Thiền sư Thích Nhất Hạnh - từ Pháp sang Trung Quốc hoằng pháp, nhưng cũng đã bị trở ngại. Và lần này, được thư mời của Ban Tổ Chức Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình Thế Giới Thiên Niên Kỷ tại Liên Hiệp Quốc, tôi cũng bị trở ngại.

TT Thái Hòa nói tiếp: Mặc dù, tôi là một công dân chưa bao giờ bị vi phạm luật pháp và can án.

Ông Paul Berg: Quốc Hội Hoa Kỳ đã hỏi tôi về vấn đề của Thượng Tọa không được đi dự Hội Nghị, nhưng tôi chưa có thể trả lời được với Quốc Hội Hoa Kỳ, vì chưa trực tiếp nói chuyện với Thượng Tọa. Hôm nay, tôi đã có cơ hội để nói chuyện trực tiếp với Ngài, như vậy là tôi đã có chứng cứ cụ thể để trình bày với Quốc Hội Hoa Kỳ về vấn đề này.

Thượng Tọa có yêu cầu gì không?

TT Thái Hòa: Chúng tôi rất mong Quốc Hội, Chính Phủ, Bộ Ngoại Giao và Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng như Ngài giúp cho Quê hương tôi phát triển toàn diện.

Ông Paul Berg: Vấn đề tự do Tôn giáo và Nhân quyền là vấn đề hết sức quan tâm của Quốc Hội và Chính Phủ Hoa Kỳ.

TT Thái Hòa: Vấn đề tự do Tôn giáo và Nhân quyền, thực sự có mặt trên Quê hương tôi khi nào Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được tự do sinh hoạt. Còn nếu Giáo Hội này chưa được tự do sinh hoạt thì vấn đề tự do Tôn giáo và Nhân quyền trên Quê hương tôi chỉ là một viễn ảnh. Trước khi kết thúc cuộc mạn đàm giữa hai vị, ông Paul Berg đã chúc TT Thái Hòa thành tựu những gì tốt đẹp và TT Thái Hòa cũng lại một lần nữa kính lời cảm ơn Quốc Hội, Chính Phủ, Bộ Ngoại Giao, Tòa Đại Sứ và ông Paul Berg đã quan tâm đến vấn đề này. Sau đó, ông Paul Berg đã bắt tay và hôn lên bàn tay của TT Thái Hòa một cách thành kính và chào tạm biệt vào lúc 17 giờ 15' cùng ngày.

GIỮ HỌ TÊN MÌNH, PHỤ NỮ NHẬT NGÀY NAY CHỌN GIẢI PHÁP LY DỊ ... RỒI LẠI KẾT HÔN VỚI CÙNG MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG

THANH THẢO

Một trong những nữ hoàng điện ảnh Hoa Kỳ một thời, Elizabeth Taylor, đã kết hôn và ly dị sơ sơ có... tám lần trong đời. Trong tám lần kết hôn chính thức đó, có một người đàn ông bà đã lấy rồi bỏ, rồi lấy lại, đó là tài tử nổi tiếng, đẹp trai, Richard Burton. Chuyện cưới nhau hai lần của hai người đã là đề tài của nhiều giai thoại tình yêu. Nhưng nếu lấy con số mà so với phụ nữ Nhật ngày nay thì kỷ lục cưới và... cưới lại của Elizabeth Taylor chẳng thấm vào đâu.

Trường hợp của nữ bác sĩ tâm thần trở thành chính trị gia Mizushima, 32 tuổi, là một trường hợp điển hình cho trào lưu mới tại Nhật ngày nay. Bà Mizushima đã kết hôn với người chồng hiện tại năm lần và ly dị ông ta đến bốn lần. Lý do đơn giản, mà đồng thời cũng phức tạp, bà Mizushima muốn giữ họ của mình, không theo họ chồng. Và người chồng cũng không muốn lấy họ vợ. Thế là họ cứ phải ra tòa án gia đình đều đều vì những sự cần thiết nhỏ nhặt, thông thường, như xin giấy phép xuất cảnh, đứng tên xe.... Chẳng qua chỉ vì luật hiện hành tại Nhật không cho phép một cặp vợ chồng xử dụng hai tên họ trong một gia đình. Trái với luật hiện hành tại Mỹ, trong một xã hội người vợ kết hôn chính thức có thể chọn trong hôn thú rằng không muốn lấy họ chồng.

Tại Mỹ, khi người vợ đã

không chọn theo họ chồng, cuộc hôn nhân có lâu bền, hay sau này có tan vỡ, cả hai người trong cuộc chỉ chịu đựng thiệt thòi về tình cảm hay con cái, của cải... còn vấn đề tên tuổi cá nhân và nhất là vấn đề tín dụng không bị ảnh hưởng. Sự chọn lựa không theo họ chồng ngày càng trở nên thịnh hành tại Mỹ vì theo thống kê mới nhất có được năm 1999, khoảng 50% các cuộc hôn nhân chính thức sẽ kết thúc bằng thủ tục ly dị; thêm vào đó là việc tỉ lệ phụ nữ đi làm ngày càng tăng. Hơn nữa, với một số ngành nghề, nhất là khi người phụ nữ đã được biết đến trước khi thành hôn, tên họ của người phụ nữ này đã gắn liền với chức vụ, thì việc không theo họ chồng lại càng trở thành chuyện đương nhiên. Một vài ngành nghề mà ngươi phụ nữ thường giữ họ mình là nghề tài tử, phóng viên truyền hình, hay báo chí, chính trị. Tại Mỹ ngày nay không ai nhướng mày khi nghe giới thiệu ông họ A và bà họ B là hai vợ chồng chính thức. Trái lại, dưới cái nhìn của những người tranh đấu cho nữ quyền, việc không theo họ chồng còn cho thấy cá tính độc lập và được khích lệ.

Nhưng trong một xã hội cũng tân tiến không kém Mỹ bao xa là Nhật, thì khoan hãy nhắc đến chuyện nhướng mày, cứ theo thủ tục pháp lý thôi, chuyện ông họ A và bà họ B, hai người có hôn thú chính thức, là chuyện không được công nhận. Theo phóng viên nhật báo The Wall Street Journal, cô Yumiko Ono, hiện nay luật Nhật Bản quy định rằng mỗi gia đình chỉ dùng một họ trong tất cả các hồ sơ liên quan đến pháp lý. Họ đó

Takaaki Anzai and Emi Miyashita

có thể là họ chồng, cũng có thể là họ vợ. Nhưng không thể có hai họ trong một gia đình; ngay cả việc dùng một họ kép, với dấu nối chẳng hạn như A-B, cũng không được chấp thuận. Thế là chính quyền cứ tha hồ cấm, người dân cứ tha hồ tìm biện pháp... đi vòng. Ở xã hội nào cũng thế, luật được đặt ra là để người ta tìm cách bất tuân hợp pháp mà! Nhất là khi luật đó không đáp ứng nguyện vọng người dân.

Thống kê mới nhất năm 1999 tại Nhật cho thấy 37% phụ nữ trong lứa tuổi từ 25 đến 29 có công ăn việc làm và có gia đình, tức là tăng 6% so với 10 năm trước đó, theo thống kê năm 1989, tỉ lệ này là 31%. Cùng với việc làm và sự thành công, người phụ nữ có niềm tự hào về con người và khả năng, nên những phụ nữ này càng muốn giữ họ riêng của mình. Tại Nhật ngày nay, việc theo họ nhà chồng đem cho người phụ nữ mới cảm giác họ bị đưa trở lại vào thời đại cũ khi cô con dâu về nhà chồng là mất họ, và mất luôn cả chính mình, để trở thành một phần tử của gia đình chồng, không hơn thân phận một người đầy tớ. Đó là cảm nghĩ của cô Akiro Orita, 25 tuổi, một nhân viên công ty điện toán. Cô Orita không phải là phụ nữ duy nhất có cảm quan này.

Xã hội đã thay đổi nhiều, tư tưởng con người cũng đổi thay, nhưng luật pháp chưa theo kịp trào lưu mới nên nhiều phụ nữ Nhật đã chọn luồn lách những kẽ hở luật pháp để vẫn đạt điều họ muốn mà không vi phạm luật, như trong trường hợp của cặp vợ chồng trẻ, cô Emi Miyashita, 29 tuổi, một công nhân nhà máy, và anh Takaaki Anzai, 30 tuổi, nhân viên công ty chế tạo đồ dùng điện tử. Trong ba năm qua, hai người đã cưới và bỏ nhau hai lần, nhưng chưa cưới lại vì còn chờ đợi hoàn tất một vài thứ giấy tờ gì đó. Cả hai vẫn chung sống, vẫn yêu thương và tin tưởng nhau, nhưng họ làm như thế vì cả hai đều không muốn mất họ của mình. Khi lấy nhau lần đầu, cả hai theo họ của cô Miyashita vì cô thắng lúc họ thảy đồng tiền để chọn họ. Lần đầu tiên họ ly dị là vì anh Anzai phải xin giấy xuất cảnh. Lần thứ hai họ ly dị là vì anh Anzai phải mua và đứng tên xe bằng họ mình. Họ cho biết sẽ làm hôn thú lại khi sửa soạn sinh con để hợp thức hóa rồi sẽ ly dị tiếp nếu có sự cần thiết trong tương lai. Họ giữ sẵn trong nhà nhiều đơn ly dị đã có sẵn chữ ký của cha mẹ chồng, là nhân chứng cuộc ly dị, và cặp vợ chồng trẻ cho biết sẵn sàng ký vào những đơn này khi thấy cần thiết. Đối với cặp vợ chồng trẻ Miyashita và Anzai, những cuộc hôn nhân và ly dị trên giấy tờ này chẳng có ý nghĩa nào khác hơn là một hình thức phản đối luật lệ vô lý tại Nhật.

Hình thức phản đối bằng những cuộc ly dị để đạt mục tiêu và để chứng tỏ sự bất mãn của người dân Nhật đã

được khởi đầu một phần bởi bà bác sĩ tâm thần trở thành chính trị gia Mizushima, người đã lấy năm lần và bỏ bốn lần cùng một người đàn ông, trên giấy tờ. Bà cho biết bà đã mở một trang vị trí điện toán để trình bày và kêu gọi những phụ nữ Nhật Bản khác làm theo bà để ít nhất là thay đổi được thống kê tỉ lệ ly dị tại Nhật. Tỉ lệ ly dị tại Nhật hiện đã cao hơn Mỹ, với 58% ly dị thông thường, vì những dị biệt không hàn gắn được. Nhờ vào sự tiếp tay của hàng ngàn cuộc ly dị trên giấy tờ, tỉ lệ ly dị sẽ tăng một cách đáng sợ khi thống kê kỳ tới được hoàn tất. Và với những con số làm cho chính quyền Nhật Bản, một nước thường tự hào về đạo đức luân lý, phải ngượng với các quốc gia khác, những phụ nữ mới hiện tranh đấu cho nguyện vọng được chính thức giữ họ mình hy vọng rằng chính quyền Nhật sẽ thức tỉnh và đổi luật xử dụng tên họ để mọi người được nhờ.

NEW YORK RỰC BÓNG CỜ VÀNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Ngày trọng đại

Một ngày mùa Thu tại thành phố Nữu Ước, 10 tháng 9 năm 2000, đại lộ Madison bỗng nhiên rực rỡ trong nắng Thu vàng, vì nơi đây 148 quốc gia đã nô nức tham dự ngày Văn Hoá Liên Hiệp Quốc (VH LHQ) để phô trương nét đẹp và đặc thù của văn hoá nước mình cho thế giới biết đến.

Đây không phải là lần đầu tiên ngày VH LHQ được tổ chức, mà ngày long trọng này

Hai Bà Trưng trên đường phố New York

đã được tổ chức hàng năm, trong vòng 15 năm vừa qua. Tuy nhiên năm nay, quan khách trên khán đài cũng như dân chúng đứng xem hai bên đường vô cùng sửng sốt khi thấy dọc suốt ba dẫy phố (blocks) cuả đại lộ Madison rợp bóng cờ vàng. Đoạn đường diễn hành dài hai mươi dẫy phố, và đại lộ Madison lên cao xuống thấp, nên khi cả ngàn người trong đoàn diễn hành di chuyển nhịp nhàng khiến mầu cờ linh động rợn sóng như một con rồng vàng uốn khúc. Căn cứ trên mầu cờ, người ta không khỏi thắc mắc tự hỏi: quốc gia nào đây? Vì tra trong danh mục những lá cờ của các quốc gia trên thế giới, người ta không biết lá cờ này đại diện cho quốc gia nào. Nhưng hình ảnh trước mắt họ đã trả lời cho câu hỏi đó. Ngay tại hàng đầu của đoàn diễn hành, dẫn đầu bởi chiến hữu Phạm Toàn (parade marshall), là tấm biểu ngữ (banner) với hàng chữ lớn nổi bật: Vietnamese-American Community căng ngang đại lộ do tám phụ nữ Việt khả ái trong mầu áo dài tha thướt. Một lá đại kỳ Việt Nam Cộng Hoà lớn nhất so với lá cờ của bất cứ quốc gia nào khác trong buổi diễn hành, được rước bởi các chiến hữu trong Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị tại New York.

Thật là một hãnh diện đặc biệt cho người Việt tỵ nạn, vì đây là lần đầu tiên, Ủy Ban tổ chức ngày VH LHQ đã bỏ qua yếu tố công pháp quốc tế để mời người Việt tỵ nạn chính thức tham gia. Lá cờ vàng ba sọc đỏ, lá cờ tượng trưng cho quốc gia Việt Nam tự do, với khát vọng dân chủ, ấm no đã tung bay trước hàng trăm ngàn con mắt của người tham dự, và trước sự hiện diện của gần 150 quốc gia trên thế giới. Ủy Ban VH LHQ đã công khai hứa với Cộng Đồng Việt Nam là sẽ không có một mầu cờ nào ngoài mầu cờ vàng ba sọc đỏ.

Lễ rước Hai Bà

Với gần một ngàn người

Việt tham gia trong đoàn diễn hành, trong khi các quốc gia khác khoảng trên dưới một trăm, đoàn Việt Nam đã gây một ấn tượng đẹp đẽ và hùng hậu trước mắt dân chúng New York và quan khách trên khán đài. Tiếng vỗ tay vang lên không ngớt, máy ảnh nháy lia lịa, máy video hướng ống kính về chủ điểm của đoàn diễn hành. Đó là ngay sau đoàn đại biểu cộng đồng đến từ các tiểu bang với ông Trần Văn Đang là chủ tịch Cộng Đồng Việt Nam tại New York, một chiếc xe hoa dài 21 feet kết hoa và cờ lộng lẫy, chễm chệ một thớt voi hùng vĩ, trên lưng voi là ngai vàng với cờ lọng, nghi biểu rực rỡ, hai thiếu nữ trong vai hai nữ anh thư Việt Nam là hai Bà Trưng Trắc, Trưng Nhị. Hai Bà trong áo khăn vàng của bậc nữ vương, vừa uy nghi vừa khả ái, chỉ ngọn gươm đánh đuổi giặc xâm lăng đến từ phương Bắc. Có ai ngờ được rằng lịch sử oai hùng của dân tộc Việt mấy ngàn năm trước hôm nay đã sống động ngay trung tâm thành phố New York, đề cao đức hạnh và lòng quả cảm của người phụ nữ, sáng chói chính nghĩa dân tộc chống ngoại xâm, khiến giới phụ nữ năm 2000 cũng thầm hãnh diện lây. Khí thế của lễ rước Hai Bà tưng bừng với tiền hô hậu ủng. Các thiếu nữ xinh tươi trong y phục tứ thân đẹp đẽ đóng vai nữ binh của Hai Bà, bước nhịp nhàng giữa tiếng trống thúc quân rộn rã. Các binh lính khác trong bộ y phục sặc sỡ cổ truyền, nghiêm cẩn vác binh khí, gươm giáo theo hầu. Cùng đứng trên xe hoa là các vị bô lão trong Cộng Đồng, có cả cụ Phan Vỹ đến từ Washington DC. Các cụ, râu tóc trắng như cước, áo thụng xanh lam, khăn đóng, vừa có dáng vẻ nho nhã của kẻ văn nhân, vừa có cái nghiêm túc của bậc trưởng thượng một cộng đồng Việt Nam thấm nhuần trên bốn ngàn năm văn hiến.

Loa phóng thanh giải thích cho khán giả những nét đại cương về văn hoá Việt Nam và ý nghĩa biểu tượng cuả xe hoa. Quan khách và dân chúng hai bên đường trầm trồ thán phục. Họ thì thầm nói thêm cho nhau những gì họ biết về quốc gia Việt Nam và đặc biệt là Cộng Đồng Việt tỵ nạn đang lớn mạnh tại New York và khắp nơi trên thế giới sau 25 năm chối bỏ chế độ Cộng Sản. Nhân dịp này, thảm trạng thuyền nhân Việt cũng được đề cập tới và nhân đó mọi người càng chán ghét chế độ Cộng Sản vô nhân đang tàn tạ trên quốc gia nghèo khổ Việt Nam. Cảm tình của dân New York (đa số cũng tỵ nạn như người Việt) dành cho người Việt hải ngoại gia tăng trong tinh thần thông cảm, ngưỡng phục những hy sinh quả cảm để đến được bờ bến tự do và phát triển nơi đất tạm dung, bằng chứng là suốt dọc lộ trình tiếng vỗ tay reo hò hỗ trợ vang lên không dứt, những lá cờ trên tay khán giả nồng nhiệt phất theo, và những ánh mắt đầy cảm tình thương mến được trao gửi đến đoàn người diễn hành khiến lòng người Việt sung sướng, cảm động và hãnh diện.

Nhà ai có ông rể quý

Nhưng chưa hết, ngoài ý nghĩa lịch sử của xe hoa Hai Bà Trưng, dân chúng New York còn chứng kiến một đám cưới Việt Nam cổ truyền gồm đầy đủ cô dâu, chú rể, quan viên hai họ tháp tùng với lễ phẩm heo gà, mâm xôi, cau trầu. Cô dâu xinh đẹp e lệ tha thướt đi bên cạnh chú rể hào hoa (do một luật sư trẻ tuổi Việt thủ vai này) dưới hai chiếc lọng che lộng lẫy. Quan viên hai họ nghiêm trang chậm bước và đoàn tùy tùng vui tươi bưng lễ vật theo sau.

Chưa bao giờ nét văn hoá Việt được biểu tượng một cách đầy đủ như thế, nhất là trong một buổi diễn hành có tính cách một đơn vị quốc gia chính thống. Tư thế của người Việt tỵ nạn hải ngoại đã vươn cao và đạt vị trí vững chắc trên bình diện thế giới. Kể từ nay tiền lệ này sẽ khó mà chối bỏ được trong các buổi lễ quốc tế do Liên Hiệp Quốc tổ chức. Và đây cũng là câu trả lời đích đáng cho những người thường rêu rao là lá cờ vàng ba sọc đỏ không hiện hữu nữa sau ngày 30 tháng 4, 1975, trên phương diện công pháp quốc tế, chỉ có lá cờ của Cộng Sản Việt Nam là đại diện chính thức của nước Việt Nam ngày nay mà thôi. Thực tế đã cho thấy, lá cờ không phải là biểu tượng có thể dùng bạo lực áp đặt mà được. Lá cờ chỉ có ý nghĩa, tồn tại và có sức sống thực sự khi được sự yểm trợ cuả lòng người.

Đến cuối đường diễn hành, đồng bào tham dự tay bắt mặt mừng chúc tụng nhau trong niềm hân hoan. Nhiều người ôm nhau mà nghẹn ngào cảm động qua màn lệ.

Những chi tiết bổ túc

Ở đây phải ghi nhận công

sức, nỗ lực và thiện chí của cộng đồng Nữu Ước. Ngay khi được thông báo chính thức của Ủy Ban tổ chức ngày VH LHQ về sự tham dự trong buổi diễn hành, ông Trần Văn Đang chủ tịch cộng đồng triệu tập buổi họp trong cộng đồng. Mọi người đều cảm nhận ngay được tầm quan trọng của dịp may hãn hữu này nên đồng thanh quyết định phải thực hiện cho bằng được. Tuy nhiên trở ngại đầu tiên là tài chánh, sau đó là nhân lực vì mọi người đều bận việc mưu sinh. Rồi vấn đề nan giải nữa là làm sao chọn được một đề tài văn hóa tiêu biểu cho dân tộc Việt. Nhưng rồi với quyết tâm, mọi việc cũng phải xong vào giờ phút chót, với sự ủng hộ cuả đoàn thể, hội đoàn từ các tiểu bang và tiền bạc của đồng bào từ khắp nơi gửi về.

Thay cờ

Trong số 148 lá cờ được rước đi hàng đầu đại diện 148 quốc gia trong Liên Hiệp Quốc, một thanh niên Mỹ được giao cho nhiệm vụ cầm lá cờ của Cộng Sản Việt Nam. Đồng bào liền báo động cho Ban Tổ Chức Việt Nam. Tức khắc một vị trong hội Cựu Tù Nhân Chính Trị New Jersey đã nhanh trí đến gần, đưa cho anh thanh niên kia cây cờ vàng ba sọc đỏ để thay thế. Nhìn quanh thấy mầu cờ vàng rực rỡ khắp nơi, anh này không thắc mắc, vui vẻ đổi cờ. Thế là suốt cuộc diễn hành, ngay cả lúc đi ngang khán đài danh dự, chỉ toàn mầu cờ vàng ba sọc đỏ chính nghĩa.

Mỗi người mỗi vẻ

Quốc gia nào cũng nỗ lực phô trương cái hay, cái đẹp của đất nước mình, nên người xem chứng kiến không chán mắt những sản phẩm văn hoá đẹp đẽ mới lạ của nhiều nền văn minh tân cũng như cổ. Các quốc gia thuộc Châu Mỹ La Tinh biểu diễn các vũ khúc sống động, quần áo mầu sắc sặc sỡ. Các nước thuộc Phi Châu với các điệu múa man rợ của rừng thiêng. Về phía Âu Châu nước nào cũng có xe hoa trưng bày những nét đặc thù văn hóa dân tộc. Á Châu thì có Đại Hàn múa trống trong y phục rộng thùng thình cổ truyền và đặc điểm là đội võ thuật Thái Cực Đạo. Xe hoa Thái Lan trưng bầy toàn loại lan tím quí hiếm, khiến khán giả phải trầm trồ ngợi khen. Riêng Trung Cộng thực hiện nguyên con rồng múa lượn trên đường phố trông rất đẹp mắt, công phu và lạ lùng. Có một chi tiết nực cười là tấm biểu ngữ mang tên Trung Quốc Phụ Nữ Hội được phụ đề bằng hàng chữ Chinese Woman Ass (chữ tắt của Association) ngay phía dưới. Sau tấm biểu ngữ này, mấy cô xẩm mặc đồ sường sám chật căng nhún nhẩy mông, múa lượn làm khán giả hai bên đường đồng loạt kêu 'wow'.

Chính nghĩa về ta

Thật ra không phải Ủy Ban tổ chức ngày VH LHQ không biết Cộng Sản Việt Nam mới chính là quốc gia phải được mời tham dự vì Cộng Đồng Việt tỵ nạn chỉ là một cộng đồng không có chính danh. Bằng chứng là Đài Loan không được tham dự và gần đây nhất, trong Đại Hội Tôn Giáo bàn về Hòa Bình Thế Giới do Liên Hiệp Quốc tổ chức Đức Đạt Lai Lạt Ma thuộc xứ Tây Tạng không được mời, vì áp lực của Trung Cộng.

Nhưng sau khi cân nhác kỹ lưỡng, Ủy Ban tổ chức đã mời Cộng Đồng Việt tỵ nạn tham dự như một đơn vị quốc gia, tương đương với những quốc gia khác. Đây quả là một chiến thắng bất ngờ và là một vinh dự đặc biệt cho cộng đồng ta.

Vinh dự cũng về ta

Vài ngày sau, Ủy Ban tổ chức ngày VH LHQ chính thức công bố xe hoa và đoàn diễn hành của cộng đồng Việt Nam chiếm giải nhất vì đã trình bầy một sắc thái văn hóa đặc thù đầy ý nghĩa và đẹp đẽ hơn cả. Thái Lan chiếm giải nhì. Cộng Đồng tỵ nạn đang sung sướng hãnh diện vì được tham dự diễn hành, nay lại gặt hái thêm thành quả nầy khiến niềm vui mừng và phấn khởi lên cao đến tột đỉnh.

Ai cũng biết rằng, trong 148 quốc gia tham dự, nước nào mà chẳng muốn mình vượt trội, chiếm giải để mang vinh quang về cho đất nước và cũng là một thắng lợi về ngoại giao. Họ có ngân quĩ quốc gia đài thọ dồi dào, có nhân lực phong phú để thực hiện, và có kinh nghiệm từ những năm trước.

Trong khi đó cộng đồng Việt New York với ngân quĩ ít oi, chỉ trông cậy vào sự ủng hộ của tư nhân và các đoàn thể. Nhân sự hoàn toàn tình nguyện và hạn hẹp vì mọi người đều bận làm ăn kiếm sống, thêm vào đó lần thực hiện này là lần đầu tiên. Thế nhưng chúng ta đã thành công vượt bực, quá sức tưởng tượng.●

VẤN ĐỀ TRÍCH DẪN TÀI LIỆU

TRẦN GIA PHỤNG

Trong mục "Bạn đọc viết," *Thế Kỷ 21* số 137, tháng 9-2000, tt. 7-9, có bài "Vấn đề trích dẫn tài liệu" của ông Nguyễn Khiêm (Sydney, Úc), đề cập đến bài viết của tôi nhan đề: "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh" (LTHTHCM), đăng trên *Thế Kỷ 21* các số 133 (tháng 5), 134 (tháng 6) và 135 (tháng 7-2000).

Trước hết, tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Khiêm đã theo dõi và cho biết nhận xét của ông về bài viết của tôi. Nhân đây, tôi cũng xin cảm ơn ý kiến của ông Trần Anh Việt (Germany) trên số 135 (tháng 7-2000), và của ông Phạm Cây Trâm (Arlington, Texas) trên số 136 (tháng 8-2000). Điều nầy chứng tỏ báo *Thế Kỷ 21* được phát hành rộng rãi khắp thế giới, và đề tài Hồ Chí Minh được nhiều người chú ý theo dõi. Sau đây, tôi xin lần lượt trả lời từng điểm theo thứ tự ông Nguyễn Khiêm viết:

1.- Danh xưng đảng Cộng Sản Việt Nam: Năm 1943, trong lúc quân Đức tấn công dữ dội vào Liên Xô và tiến gần đến Moscow, để lấy lòng các nước Tây phương, Stalin (Joseph, 1879-1953) tuyên bố giải tán Đệ tam Quốc tế ngày 15-5, nhưng trên thực tế tổ chức nầy vẫn hoạt động. Theo công thức trên, trước tình hình nguy ngập của chính phủ Việt Minh vì các đảng phái Việt Nam theo khuynh hướng quốc gia từ Trung Hoa trở về, và vì sự hiện diện của quân đội Trung Hoa và Pháp, Hồ Chí Minh (1890?-1969) tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản Đông Dương ngày 11-11-1945 để có thể tiến tới thành lập một chính phủ liên hiệp. Điều đó không có nghĩa là đảng nầy ngưng hoạt động, và mặt nổi của đảng nầy lúc đó là Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác Xít do Trường Chinh (tên thật là Đặng Xuân Khu, 1909-1988) làm chủ tịch. Khi Hồ Chí Minh qua Liên Xô xin viện trợ năm 1950, Stalin đã thúc bách Hồ Chí Minh thực hiện ngay hai việc: thứ nhất tái công khai đảng cộng sản và thứ nhì tổ chức cải cách ruộng đất. Sau cuộc gặp nầy trở về, Hồ Chí Minh triệu tập đại hội lần 2 đảng Cộng Sản Đông Dương tại chiến khu rừng núi Tuyên Quang, ra mắt công khai trở lại đảng cộng sản dưới danh xưng mới là đảng Lao Động ngày 19-2-1951, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trường Chinh làm tổng bí thư. Sau cuộc Cải cách ruộng đất ở Bắc Việt, để thoa dịu sự phản đối của dân chúng, Hồ Chí Minh cất chức tổng bí thư của Trường Chinh, rồi tự họ Hồ kiêm nhiệm luôn chức nầy ngày 30-10-1956. Tại Đại hội III đảng Lao Động, ngày 10-9-1960, Hồ Chí Minh làm chủ tịch đảng, Lê Duẩn (1908-1986) làm bí thư thứ nhất. Sau biến cố 1975, trong Đại hội từ 14 đến 20-12-1976, đảng Lao Động đổi tên lần nữa thành đảng Cộng Sản Việt Nam và Lê Duẩn làm tổng bí thư.

Như vậy, từ khi thành lập, đảng Cộng Sản Việt Nam có ít nhất ba tên khác nhau. Dù dưới tên gì, thực chất đảng nầy vẫn theo Quốc tế Cộng sản, nên thường có một tên chung là đảng Cộng Sản. Ví dụ: ngay trong cùng số *Thế Kỷ 21* đăng bài góp ý của ông Nguyễn Khiêm, phần tài liệu, có bài "Về cái chết của nhà văn Nhượng Tống", tt. 108-109, tác giả Lê Nguyễn Thái Thuận dẫn chứng một quyển sách của Thành ủy Hà Nội đảng Cộng Sản Việt Nam nhan đề là *Lịch sử đảng bộ đảng Cộng Sản Việt Nam thành phố Hà Nội - Sơ thảo 1926-1954.* Đọc tiểu sử một số nhân vật đã gia nhập đảng Cộng Sản từ cuối 1945 đến đầu 1951, trong giai đoạn Hội Nghiên Cứu Chủ nghĩa Mác Xít, các tài liệu trong nước Việt Nam hiện nay vẫn ghi là "gia nhập đảng Cộng Sản năm 1946, hoặc 1947..."

Tuy nhiên, nếu tách bạch rõ ràng như ông Nguyễn Khiêm đề nghị, gọi đảng Cộng Sản theo tên từng giai đoạn, cũng là một ý kiến

hay mà chúng ta nên áp dụng. Ngoài ra, tên đảng Cộng Sản Việt Nam thường được gọi là đảng Cộng Sản Hà Nội (như kiểu gọi nhà cầm quyền Hà Nội), để có thể vừa tránh tên Việt Nam, vừa phân biệt với các đảng Cộng Sản các nước khác trên thế giới, và tôi cũng không phải là người đầu tiên sử dụng nhóm từ nầy.

2.- Trong bài LTHTHCM, tôi viết: *"Bộ chính trị đảng Cộng Sản Hà Nội đã đưa một cô gái thuộc sắc tộc Nùng ở Cao Bằng là Nông Thị Xuân về phục vụ Hồ Chí Minh."* Ông Nguyễn Khiêm phản bác: *"trong cuốn hồi ký của Vũ Thư Hiên và bài viết của ông Nguyễn Minh Cần, không có chi tiết nào để viết là* [như thế]". Ngay sau đó, ông Nguyễn Khiêm lại trích dẫn lời của ông Vũ Thư Hiên: *"Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương tuyển vào trông nom sức khỏe cho bác Hồ;"* rồi sau đó ông Nguyễn Khiêm trích dẫn thêm lời ông Nguyễn Minh Cần: *"Được mấy tháng thì uỷ viên Trung ương Đảng, chủ nhiệm Tổng Cục Hậu cần Trần Đăng Ninh, gặp cô Xuân nói chuyện vài lần, rồi đầu năm 1955, cho xe đón cô Xuân về Hà Nội, nói là để phục vụ Bác Hồ."* Theo cách thức tổ chức chặt chẽ của đảng Lao Động (hay Cộng Sản), **Ban bảo vệ sức khỏe trung ương, cũng như uỷ viên Trung ương đảng Trần Đăng Ninh đều trực thuộc Bộ Chính trị Trung ương đảng và phải thừa lệnh Bộ Chính trị Trung ương Đảng** mới lo việc tuyển người săn sóc Hồ Chí Minh, chứ không khi nào họ dám tự ý làm. Để cụ thể hơn, có lẽ nên trích thêm bài viết của Nguyễn Minh Cần. Theo ngòi bút của Nguyễn Minh Cần, sau đây là lời cô Xuân nói với cô Vàng: *"Sau ngày sinh cháu Trung, chị* [cô Xuân] *thưa với Bác* [Hồ Chí Minh]: *bây giờ đã có con trai, xin Bác cho mẹ con ra công khai. Bác nói: cô xin như vậy là hợp tình hợp lý. Nhưng phải được Bộ Chính trị đồng ý, nhất là mấy ông Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Hoàng Quốc Việt đồng ý mới được..."* (Nguyễn Minh Cần, "Thêm vài "mẩu chuyện" về cuộc đời Hồ Chí Minh," *Thế Kỷ 21*, số 96, 4-1997, tr. 37) Xin ra công khai mà còn phải có ý kiến của Bộ Chính trị, huống gì đưa một cô gái xa lạ về làm vợ ông Hồ mà không có ý kiến và điều tra kỹ càng của bộ Chính trị, thì đời nào có chuyện cô Xuân gặp ông Hồ. **Bộ Chính trị chắc chắn phải quyết định về vấn đề nầy vì điều mà họ lo ngại nhất là tình báo địch lọt vào ngay trung tâm của đảng họ.** Đảng Cộng Sản Việt Nam là một đảng độc tài tuyệt đối, tổ chức chặt chẽ, chứ không phải theo lối các đảng dân chủ Tây phương, nên mọi việc đều phải do đảng ủy quyết định. Ở trung ương tất cả mọi vấn đề phải do bộ chính trị, nhất là chuyện liên quan đến chủ tịch nước. Ví dụ vụ bà Phương Mai. Sau năm 1954, theo yêu cầu của Trung ương, người ta đưa một phụ nữ tên Nguyễn Thị Phương Mai, tỉnh uỷ viên Thanh Hóa, ra Hà Nội tiến cử lên ông Hồ. Ông Nguyễn Minh Cần viết: *"Cô ấy muốn đặt vấn đề đàng hoàng, nhưng mà ...Bác và các anh (ý nói Bộ chính trị) cho rằng Bác không lấy vợ thì lợi cho uy tín chính trị."* (Nguyễn Minh Cần, *bđd.* tr. 36). Vậy không thể nói rằng tôi sai khi viết: *"Bộ chính trị đảng Cộng Sản Hà Nội đã đưa một cô gái thuộc sắc tộc Nùng ở Cao Bằng là Nông Thị Xuân về phục vụ Hồ Chí Minh."*

3.- Tôi đồng ý với ông Nguyễn Khiêm là theo ông Nguyễn Minh Cần, "cô Nguyễn Thị Vàng 22 tuổi." Tôi nghĩ rằng cô Xuân có lẽ cũng vào tuổi đó hoặc trên dưới không nhiều. Nếu muốn thật chính xác, tôi sẽ sửa chi tiết nầy lại, và thêm lời mô tả của Vũ Thư Hiên *"cô Xuân rất xinh gái, da trắng nõn, miệng tươi như hoa."* (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày, hồi ký chính trị của một người không làm chính trị,* Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 606.)

4.- Về điểm thứ tư, ông Nguyễn Khiêm viết: *"Cả hai tài liệu* [của Vũ Thư Hiên và Nguyễn Minh Cần] *mà ông Trần Gia Phụng dẫn chứng, không có chi tiết gì để cho rằng 'sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân.' Ngược lại, ông Vũ Thư Hiên viết 'Cô Xuân rất được lòng Bác Hồ.' Ngoài ra, theo ông Vũ Thư Hiên, ông Hồ Chí Minh không sống chung với bà Xuân."*

Điểm nầy xin tách ra làm hai phần: Thứ nhất, có lẽ ông Nguyễn Khiêm muốn dùng lời của ông Vũ Thư Hiên, theo đó *"cô Xuân rất được lòng Bác Hồ"* để phản bác lại điều tôi viết: *"... Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân."* Về điều nầy, lần nữa tôi xin mượn lời của ông Nguyễn Minh Cần để trả lời. Cũng trong bài báo đã dẫn, ông Nguyễn Minh Cần viết: *"Theo tôi, thật khó mà bác bỏ ý kiến cho rằng từ đầu đến cuối, ông Hồ cùng đám cận thần của ông, những uỷ viên Trung ương, uỷ viên Bộ chính trị, đã đánh lừa tệ hại cô Xuân, một cô gái quê ngây thơ ở miền núi, làm cho cô tưởng lầm rằng ông định lấy cô làm vợ thật. Khi có con với ông rồi, cô xin cho hai mẹ con 'được ra công khai' (chắc ý nói hợp thức hóa) thì một mặt ông làm ra vẻ thông cảm, thừa nhận yêu cầu đó là hợp tình hợp lý, nhưng mặt khác ông lại chỉ vào các ông trong Bộ chính trị mà nói các ông kia có quyền*

quyết định chứ không phải ông, phải chờ ý kiến của các ông kia, làm như ông không phải là "lãnh tụ tối cao", không phải là chủ tịch đảng, làm như ông ở dưới quyền mấy ông kia trong bộ chính trị..." (Nguyễn Minh Cần, *bđd.* tr. 39.) Ngoài ra, khi Trần Quốc Hoàn đòi hiếp dâm bà Xuân, bà Xuân nói: *"Không được hỗn, tôi là vợ Chủ tịch nước."* Nó nói: *"Tôi biết bà to lắm, nhưng tính mạng bà nằm trong tay tôi."* (Nguyễn Minh Cần, *bđd.* tr. 37.) Điều đó có nghĩa là Trần Quốc Hoàn **biết rõ bà Xuân đã bị Hồ Chí Minh sa thải** mới dám làm hỗn với bà Xuân. Nếu ông Hồ còn thích bà Xuân, chưa sa thải bà ta, thì chắc chắn Trần Quốc Hoàn phải nhỏ nhẹ hoặc nịnh bợ bà Xuân để tâng công với Hồ Chí Minh.

Ở đây, tôi xin mở ngoặc để thêm về đặc tính của ông Hồ Chí Minh. Theo Bernard Fall, trong sách *Les deux Viet-Nam,* Nxb. Payot, Paris, 1967, tr. 102 đã viết: *"Người ta biết rằng Hồ là một kịch sĩ có biệt tài đánh lừa kẻ đối thoại."* [tôi tạm dịch] Ông Hồ bề ngoài trông "hiền từ" chẳng làm gì hại ai cả, chỉ có cái đầu ông làm việc, và thế là những người khác phạm tội vì làm theo chỉ thị của ông, còn ông khi nào cũng nhẹ nhàng ngọt ngào. Cho nên khi bà Xuân muốn hợp thức hóa cuộc sống giữa hai người, ông Hồ vẫn ngọt ngào *"thừa nhận yêu cầu đó là hợp tình hợp lý,"* nhưng chính lúc đó ông bắt đầu kiếm cách rút lui, rồi đưa đến tai nạn của bà Xuân mà ai cũng hiểu là vì ông Hồ đã sa thải ba mới ra nông nỗi đó. Đọc thật kỹ đoạn viết có vẻ "tức tưởi" của ông Nguyễn Minh Cần về việc kết thúc cuộc đời bà Xuân cũng trong bài báo đã dẫn sẽ thấy rõ điều nầy.

Thứ nhì: theo ông Nguyễn Khiêm, ông Hồ Chí Minh không sống chung với bà Xuân. Sau khi nêu điểm nầy, ông Nguyễn Khiêm lại trích tiếp lời Vũ Thư Hiên: *"...Trần Quốc Hoàn tự thân đưa cô Xuân vào gặp bác rồi đưa về...Có khi chỉ một đêm, có khi đôi ba hôm..."* Câu trích nầy vô

ĐẠM THẠCH

GỌI EM

Bìm bịp gọi con nước lớn
Anh gọi em
Nước lớn, nước ròng
Con tắc kè gọi miếu đình hoang vu
Anh gọi em
Đền đài thần tượng
Loài thú hoang gọi rừng sâu thẳm
Còn anh gọi em
Đồng ruộng miệt vườn

Trong tiếng gọi
Con bìm bịp chào mừng hớn hở
Con tắc kè u uất, mặc trầm
Con thú hoang nghe hoài khát vọng

Sao anh gọi em
Như có điều gì mâu thuẫn
Trong khát vọng đã nghe chừng tuyệt vọng
Giọng u trầm mà tha thiết ngân cao
Nỗi hớn hở lại rút lòng anh sát cạn

Chừng nào,
em còn đựng trong anh
Hình ảnh của em vẫn có điều gì mâu thuẫn
Em
Áo bà ba chơn chất hay chiếc áo dài kiêu sa thị thành
Em
Dòng sông phẳng lặng hay rừng già bí hiểm ngàn năm
Và em
Đền đài tôn vinh hay miếu đình sụp đổ.

Phải chăng,
Khác với tiếng gọi đơn điệu của loài thú
Tiếng gọi của con người có tiếng dội bi thương.

tình trả lời cho chúng ta rằng ông Hồ đã sống chung với bà Xuân *"Có khi một đêm, có khi đôi ba hôm..."* Và kết quả cuộc sống chung nầy là em bé Nguyễn Tất Trung ra đời mà chắc là ông Nguyễn Khiêm cũng đã biết. Vậy thì rõ ràng hai tài liệu của Vũ Thư Hiên và Nguyễn Minh Cần đều có đề cập đến vấn đề mà tôi viết *"sau một thời gian chung sống, Hồ Chí Minh sa thải bà Xuân."*

Cuối cùng, theo tài liệu của ông Trần Trọng Kim, Hồ Chí Minh có một người con gái với bà Đỗ Thị Lạc trong thời gian hoạt động ở Pắc Bó. (Trần Trọng Kim, *Một cơn gió bụi,* Sài Gòn 1969, tr. 75). Ông Nguyễn Khiêm viết: *"Ông Trần Trọng Kim cũng không có viết gì để có thể khẳng định là ông Hồ Chí Minh 'sống chung tạm bợ với Đỗ Thị Lạc' như ông Trần Gia Phụng viết." Ở với nhau một thời gian và có với nhau một đứa con, rồi đường ai nấy đi; nếu không phải là cuộc sống chung tạm bợ, thì thật tình tôi không biết nên gọi là gì cho đúng? (Hay là ông Nguyễn Khiêm cho rằng viết như vậy còn quá nhẹ về cái tội giải quyết nhu cầu sinh lý, lấy người ta có con rồi vô trách nhiệm bỏ đi.) Về bà Đỗ Thị Lạc, bí danh là "Thuần," có thể xem thêm Chính Đạo, Hồ Chí Minh, con người và huyền thoại, tập II: 1925-1945,* Nxb. Văn Hóa, Houston, Texas, 1993, tr. 305-306.

Tôi đã trả lời cụ thể từng điểm một trên đây do ông Nguyễn Khiêm đưa ra, để làm sáng tỏ tính khách quan và khoa học trong bài viết mà ông Nguyễn Khiêm nhấn mạnh, nhất là cần *"trích dẫn một cách chính xác và trung thực."* Tôi rất tôn trọng mọi ý kiến phê bình những bài viết của tôi, dù chỉ là những ý kiến nhỏ về cách hành văn, để từ đó tôi học hỏi thêm. Tôi xin nhận tất cả những sai sót và khuyết điểm nếu có để sửa lại bài viết cho tốt hơn. Tôi đã đưa ra sáu huyền thoại về Hồ Chí Minh, và tôi cũng đã lần lượt lột trần sáu huyền thoại đó. Tôi chỉ xin trả lời những điểm gì liên quan đến bài tôi viết, từ sự kiện lịch sử, tài liệu sách vở, cũng như những nhận xét của tôi về các tài liệu. Nếu cho rằng tôi viết thiếu, hay sai, hay chủ quan, thì xin vui lòng cho biết tôi thiếu chỗ nào, sai chỗ nào, chủ quan chỗ nào, để tôi sửa đổi, chứ nói chung chung, và phê bình theo cảm tính thì tôi không biết làm thế nào để sửa đổi hoặc trả lời. Tôi rất tâm đắc với ông Nguyễn Khiêm khi ông nhấn mạnh đến tính khách quan và khoa học trong khi viết bài, nên tôi xin miễn trả lời những phê phán thiếu khách quan và thiếu tính khoa học, không căn cứ trên tài liệu nghiên cứu.

Nhân đây tôi xin nhờ *Thế Kỷ 21* cho tôi được thưa với bạn đọc một điều: Hồ Chí Minh là một nhân vật lịch sử hiện đại có nhiều hoạt động vẫn còn trong bóng tối, đôi khi những hành động của ông đã được đưa ra ánh sáng, nhưng vẫn chưa giải mã hết ý nghĩa được. Sở dĩ chưa giải mã hết được vì lối suy nghĩ và những hành động chính trị bí hiểm của ông như những nước cờ kỳ lạ khó lường được. Ví dụ: giáo sư Lê Hữu Mục đã chứng minh rằng *Ngục trung nhật ký* không phải là của Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, có một câu hỏi chưa được lý giải là tại sao *Ngục trung nhật ký* lại do nhà xuất bản Văn Học phát hành năm 1960 ở Hà Nội, và được dịch thành nhiều thứ tiếng phát hành rộng rãi khắp thế giới, và tại sao trong suốt các tác phẩm của họ Hồ, ông hoàn toàn không đề cập đến *Ngục trung nhật ký*?

Như tôi đã viết trong phần kết luận bài "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh: *"Phải thẳng thắn thừa nhận rằng Hồ Chí Minh là một nhân vật lớn của lịch sử hiện đại Việt Nam. Ông đã lập nhiều thành tích đáng kể và đáng nể."* Đề tài lịch sử về Hồ Chí Minh là một đề tài thú vị, vì ở nơi nhân vật nầy còn nhiều vấn đề trong bóng tối để những người viết sử tìm tòi, khám phá.

Chúng tôi mong được các bạn đọc cùng mạnh dạn viết về toàn bộ những vấn đề còn trong bóng tối của Hồ Chí Minh một cách khách quan và có căn cứ tài liệu, để cùng nhau làm sáng tỏ về nhân vật bí hiểm nầy. Dĩ nhiên, Hồ Chí Minh, như những nhân vật lịch sử khác, có người thương và cũng có kẻ ghét. Xin đừng nghĩ rằng lột trần những huyền thoại của ông Hồ là "hằn học và thiếu bình tĩnh," cũng như đừng nghĩ rằng khen ông Hồ là vì thân "cộng sản". Vội vàng phê phán một trong hai ý kiến như vậy, trước hết chỉ chứng tỏ bản thân mình "hằn học và thiếu bình tĩnh" mà thôi. Chúng ta có thể viết đúng, chúng ta có thể viết sai, chúng ta cứ thẳng thắn đưa vấn đề lên mặt báo, rồi mọi người sẽ cùng nhau gạn lọc. Xin đừng chụp mũ, và luôn luôn giữ sự tương kính trong lúc tranh luận, chúng ta mới dần dần tìm đến gần được sự thật lịch sử, còn hơn cứ để vấn đề chìm mãi trong bóng tối.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn ông Nguyễn Khiêm đã nêu vấn đề để tôi có cơ hội trở lại "Lột trần huyền thoại Hồ Chí Minh," và cảm ơn *Thế Kỷ 21* đã tạo cơ hội cho chúng tôi thảo luận.●

BẢN THẢO

truyện

NGUYỄN HỮU NHẬT

(Gửi những ai từng bị họa văn tự)

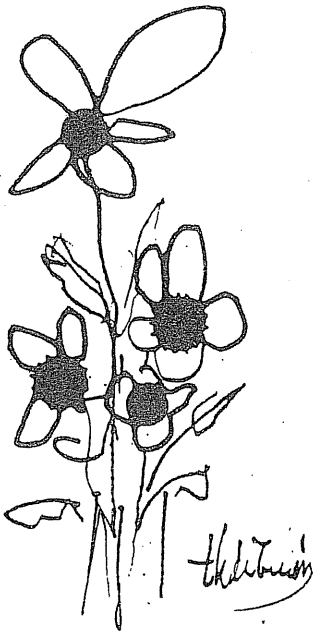

Hơn nghìn trang bản thảo của Bôi, thật ra, chỉ gói tròn trong một lời than thân, trách phận. Thân phận người dân. Vậy mà chúng làm anh khổ. Nhà Bôi ở quận Ba, Sài Gòn, đường Kỳ Đồng, gần dòng Chúa Cứu Thế. Bôi ra tù, bẩy năm sau ngày thành phố đổi tên, vào lúc vợ con anh vừa mới đi nước ngoài. Nhà chỉ còn bà mẹ và cô em gái út. Tất cả đều sống nhờ vào những thùng thuốc tây do Cẩm, vợ Bôi, gửi về mỗi ba tháng. Bà mẹ và cô em còn làm thêm nghề may thuê. Từ khi cô em gái đi lấy chồng, rồi được hai đứa con trai sinh đôi, bà mẹ tới ở hẳn nhà con gái và con rể, nên căn gác tại lầu ba chung cư trở nên yên tĩnh và rộng rãi hơn trước. Mỗi cuối tuần, anh đạp xe sang xóm Gà, Gia Định, thăm bà mẹ một lần.

Hàng ngày, trừ hôm phải tới xưởng sơn mài hoặc lo giấy tờ, Bôi ít khi ra khỏi nhà. Anh khóa trái cửa, ngồi ở trong phòng một mình, không hẳn vì chứng bệnh sợ đám đông. Chỉ người bạn nào rõ thân mới biết ám hiệu của tấm bảng nhỏ, thường treo ngoài cửa, đề hai chữ "đi vắng". Viết bằng mực đỏ có nghĩa là Bôi vắng nhà thật. Thấy mực xanh thì gõ cửa.

Bôi cũng đã năm lần, bảy lượt xuống thuyền, song chẳng lần nào ra được tới cửa biển. Anh nôn nóng, muốn gặp vợ con sớm, cùng nỗi khao khát mau chóng được vẽ, được viết tự do. Sau những chuyến ra biển chẳng thành, Bôi tiếc thời gian qua mau, nên phải bắt tay ngay vào cái công việc, mà hồi còn ở trong tù, gần như lúc nào anh cũng nhớ tới. Người ta bác đơn xin đi đoàn tụ gia đình vì Bôi chỉ có giấy tạm trú. "Chi bằng mình cứ liều viết rồi sẽ tính sau." Bôi nghĩ càng không được viết tự do thì mình càng phải viết về tự do. Chết cũng đành.

Buông bút lâu quá, giờ Bôi phải tập viết lại, không biết bắt đầu từ đâu và viết như thế nào, song ngồi viết ở đâu mới thật là điều đáng kể. Ngọc, bạn của Bôi, chúa là nói tục, có lần đã bảo:" Ngay cả cái dái, để không mãi, cũng hỏng!" Bao ý tứ trong đầu tràn đầy, mà muốn trải hết lên trang giấy, quả thật khó khăn. Chật vật hơn nữa, sau những năm dài sống trong một thứ địa ngục có thật, nguồn rung cảm thơ mộng của Bôi về tình yêu, con người, thiên nhiên dường như sớm cạn. Giờ anh đọc lại Les Misérables, những kẻ khốn cùng, của Victor Hugo, chỉ thấy các nhân vật tiểu thuyết, tuy khốn đốn song chưa tận cùng, trong đó chẳng một ai vì tư tưởng riêng hay vì khác chính kiến mà phải khốn thân. Bi kịch thời nào cũng chẳng bằng bi kịch thời này. Thế nên Bôi khó có thể viết như những gì đã viết trước năm 1975. Người mới viết không khổ bằng người viết mới. Chưa bao giờ Bôi đặt câu hỏi "viết cho ai?" Ngay cả những người nổi tiếng, từng trải nhiều năm cầm bút đã chắc gì trả lời gẫy gọn được câu hỏi đó. Anh cũng không bao giờ nghĩ là "viết cho mình". Nguyễn Du, khi thuê người khắc chữ truyện Kiều, vỗ bản in, đóng thành sách cũng không viết cho riêng ông. Đọc cho người khác nghe một bài thơ, còn trong bản thảo của mình, đã là dấu hiệu không "viết cho mình". Chưa kể, người ta kể lại cho nhau nghe một câu chuyện, bị coi là quốc cấm, cũng chính là một hình thức phát hành giữa thời nhà in, nhà giấy và nhà xuất bản không thuộc quyền tư nhân. Chuẩn, một bạn văn, từng trả lời Ngọc bằng một câu hỏi: "Viết cho mình? Phải viết lén mà là viết cho mình ư? Nếu cho mình thì chỉ cần nghĩ thôi, cũng chưa đủ sao?" Khi cần phải cãi ai, Ngọc cũng chẳng kém: "Viết cho mình, đâu khó hiểu, là không viết theo ý chủ báo, chủ nhà xuất bản như trước Bẩy Lăm và bây giờ, dễ hiểu thôi, là không viết cho nhà nước độc quyền in sách! Nói với ai, dẫu một điều tử tế, cũng là vì mình cả đấy. Huống hồ lại viết... Và có thể bị giết!"

Bạn bè Bôi, nơi thành phố cũ ngày anh trở về, lớp còn, lớp mất, lớp đi xa, giờ đếm không quá năm đầu ngón tay. Các ngón tay, đôi khi chụm lại, cũng chẳng co vào thành nắm đấm. Chúng thường doãi ra, buông suôi, vẫn không rời khỏi bàn tay che chở, đùm bọc lẫn nhau. Những người đi chân đất, lê dép rách, mang giầy thủng đế, hàng ngày lo chạy gạo không xong. Sao hễ gặp nhau lại nổ như bắp rang, chuyện viết lách, khiến bà mẹ Bôi thường bảo: "Rõ là một lũ đi trên mây. Chỉ mượn khói xây thành!" Song, chẳng hiểu sao, cụ vẫn đãi họ cà phê và thuốc lá, lại còn tỏ vẻ thích nghe kể "mấy chuyện không đâu." Phải chăng những chuyện về nhà văn thường lôi cuốn hơn những truyện của nhà văn, hư cấu thua xa hiện thực?

Cô Nga, người Hà Nội hiện làm nghề sửa bản in trong một nhà xuất bản ở Sài Gòn, mà Bôi tình cờ quen được, tới lúc thân mật đã nói: "Văn nghệ sĩ ở trong Nam, so với ngoài Bắc, mới giáp mặt 'hiện thực,' khổ nào đã thấm vào đâu. Dẫy lên như đỉa phải vôi... Như công chúa đứt tay, ăn mày sổ ruột, phải ăn hết ít ra là một yến muối họa may mới biết 'hư cấu'!".

Phần đông người Bắc, sau năm 1975, mà Bôi có dịp gặp gỡ, ít học nhưng hiểu nhiều, nhìn thấu bản chất tàn nhẫn của cuộc sống. Tàn nhẫn ở chỗ cuộc sống quen dần với mọi tàn nhẫn. Mỗi con người phải hai bộ mặt. Thật và giả. Nga còn dặn riêng với Bôi: "Các anh chưa quen, dẫu có muốn giả, viết như thật, vẫn lòi giả ra. Các anh có thật lòng, như Tố Hữu đối với một người Nga, ngay đến thân mình, cha mẹ và chồng mình, nói chung là cả nhà mình đều chỉ được thương có một? Giả hết đấy! Ai không sống thật với cái giả ấy thì chết ngay!"

Cho tới nay, Bôi đã nhiều lần giả làm quen với cái lối sống thật của Nga, vẫn không xong. Như: "Chuyện ăn nằm, không xấu hay tốt, vấn đề là có cần hay không? Một trong hai người cần? Chưa đủ! Phải đúng lúc cùng cần cơ!"

Bôi và Nga, người này là lửa, người kia là rơm hoặc ngược lại, mới gần nhau khi xế chiều tới lúc chập tối đã bén cháy, ngay buổi đầu. Rồi bao nhiêu lần sau đó nữa, lần nào Nga cũng đòi cho bằng được việc lửa rơm phải ở ngoài trời. Dưới các vòm cây trái Nhị Bình, trên đường đi Lái Thiêu, qua những khu vườn hoa ngâu hương thơm bám cả vào sống áo. Trên cánh đồng hoang dại ở Thủ Đức, làm đạt những đám lá chua me, bóp nát giữa hai đầu ngón tay, ngửi thấy cả mùi nem nướng chợ Nhỏ. Trong vườn trầu không, màu vàng chen sắc lục, các dàn dây leo bám vào những thân cau xòe tán xanh tối nơi vòm hốc cho riêng hai người. Nga mềm người như bánh hỏi, tiếng cười ròn bì thịt quay Hốc Môn, trong suốt như rượu đế mối cảm tình với thiên nhiên. Bởi thói quen Hà Nội người đông, nhà chật, Cô ấy bảo: "Chả thà nhịn, chứ cái cảnh - Giường

nằm sát vách, cót che. Cơn vui nín tiếng, buồn chia lệ thầm- Chán lắm." Rồi sớm mai trên bờ sông Hồng, vã mồ hôi nhìn mặt trời mọc, đêm hôm trong chùa Láng, gần Am Sông Tô, nơi ngày trước ông Nguyễn Tuân ngồi viết Vang Bóng Một Thời..., nghe muỗm chín rơi xuống ao bèo, tiếng động xui bày cá quẫy. Nghe vui tai.

"Mãi đâm ra quen!" Nga sung sướng: "Anh chiều em như thế mới là chiều." Còn Bôi, mỗi lần chiều là một lần sợ sệt, nơm nớp lo ai đó bắt được. Anh thường tự hỏi: "Lỡ họ gài người thì sao?" Dù Bôi chưa bao giờ dám đá động tới chuyện bản thảo, ghê quá, sao Nga vẫn biết: "Lần nào đi chơi với em, anh cũng mua vài cái bút chì, dăm ngày sau em đến nhà anh, vào bếp thổi cơm, lại thấy chúng ở trong thùng rác, tất nhiên là các mẩu. Viết gì mà lắm thế! Đừng sợ em. Chưa bao giờ em thấy cần phải tố ai. Nhưng em cần phải cho anh biết: Đối tượng như anh, khi cần, người ta khám cả thùng rác."

Bôi chỉ biết cảm ơn Nga, không cãi cũng chẳng nhận là anh đang sáng tác. Bộ truyện dài Chuông Người, viết tới đâu, Bôi đem gửi mẹ cất giùm tới đấy. Phòng khi người ta bất ngờ ập vào khám nhà. Em gái Bôi nói bóng gió: "Dạo này đêm mẹ thường mất ngủ. Nghe tiếng chó sủa cũng giật thót mình. Thức tới sáng..." Nhưng người em rể thì bảo thẳng anh: "Bác để đây lâu không tiện. Chúng em còn phải nuôi các cháu!" Trước đó, Bôi cũng tính chuyển bản thảo đi chỗ khác, nhưng anh chưa tìm được nơi đáng tin cậy. Cuối cùng lại

ĐYNH TRẦM CA

LÝ SỰ VỚI CON CÁ MẮC LƯỚI

Sáng nay ta bắt đầu kéo lưới
giòng họ nhà ngươi chịu khó lên thuyền
ngươi giẫy giụa làm chi lắm vậy
có giận hờn rồi cũng phải nằm yên

hãy nằm yên kẻo trầy vi tróc vảy
phải biết điều khi hết chỗ dung thân
ở dưới nước ngươi tự do quẫy, lội
mà lên thuyền là đã mất giang san

chuyện rõ thế cớ sao còn phẫn hận
ta nhìn ngươi giẫy đập thấy cũng thương
nhưng biết làm sao? tại vì ngươi mắc lưới
cũng như ta mắc cạn giữa đời thường

thật tình ta đâu phải tên hiếu sát
"tránh dữ làm lành" ta học nhập tâm
nhưng khổ nạn đã đến trong trời đất
tự thuở muôn loài cần có miếng ăn

vì vậy, ta mới dong thuyền ra biển
thộp được cổ ngươi vì ngươi tận số rồi
biển cả mênh mông khối chi đường rong ruổi
hà cớ làm sao lại vào lưới ta chơi?

vào lưới ta chơi thì ta phải kéo
kéo lỡ lên rồi không lẽ thả ngươi
đời sống của ta còn nhiều thứ thiếu
ngươi cảm thông nhu cầu con người!

giờ thả ngươi ra thì ta không đủ no đủ ấm
mà không ấm no thì không thể thành người
sẽ thành con-quỷ-đói-lòng-nhòng
hoặc con-ma-cà-bông gì đó
làm mất mỹ quan, mỹ cảm cho đời

lý sự với ngươi
là để ngươi giác ngộ
trời sinh muôn loài cốt ý giúp nhau thôi
nên ta có "chén" ngươi hay có bán ngươi cũng tự
nhiên như người làm việc thiện
ngươi cũng hãy tự nhiên
lên thớt nằm chơi!...

phải tha "của nợ" về nhà. Người em rể còn bảo: "Em có bà chị họ, mới ở ngoài Bắc vào, hiện làm việc tại Thị Nghè, chức vụ cũng thuộc loại khá, nếu bác không ngại... Em nghĩ để ở nơi chẳng ai ngờ, may ra mới yên, bác tính thế nào?" Bôi sợ. Ngoài mẹ ra, anh chẳng tin ai hết, dù ở đâu và lúc nào cũng chỉ người mẹ mới che chở con cái với tất cả tấm lòng thương yêu, thua thiệt. Bà mẹ, dẫu thế, vẫn có lần khuyên con: "Sang đấy. Làm gì thì làm. Còn ngày nào ở đây, anh cố mà giữ lấy cái thân. Cho vợ con nhờ. Các em... Mẹ già rồi."

Bấy lâu, Bôi chỉ nhìn-thấy mà không nhìn-ra mái tóc mẹ đã bạc. Không nhìn ra suốt đời một người đàn bà vất vả vì chồng con, nay còn khắc khoải trông tin các cháu. Lòng bà nhớ thương những cháu đi xa. Thương nhớ những cháu ở lại. Trẻ sinh đôi hễ đứa này ốm thì đứa kia cũng yếu. Chạy sữa kinh hơn chạy giặc. Xót con, yêu cháu mà một người đàn bà vốn nhút nhát, bà mẹ của Bôi, chẳng phe này phái nọ, thỉnh thoảng lại chặc lưỡi: "Chúng nó ăn ở bạc ác thế, chẳng bền đâu! Trời còn có mắt!"

Bôi cũng phải có mắt, canh chừng lúc đang viết, ngó chừng khi cất giấu bản thảo và trông chừng tìm cách gửi ra nước ngoài. Anh chẳng những đã không vâng lời mẹ, mà say mê hơn, lại dự tính đổi tên truyện ra Trời Còn Có Mắt. Nhưng ngoài bìa, Bôi vẫn kẻ hai chữ tựa Thời Tây, nể lời Ngọc: "Cốt đánh lạc hướng để khi bị bắt vẫn có thể cãi được." Bôi nghĩ vô ích!

May sao, tuần trước Ngọc đến báo một tin vui, có thể giúp Bôi gửi bản thảo sang Mỹ. Cô ca sĩ, người tình cũ của Ngọc, mới từ Hawai về thăm nhà tại Bà Điểm và đi tìm Ngọc ở Bến Tắm Ngựa "coi giờ ảnh sống, chết ra sao?" Ngọc kể: "Vân quen thân một thằng tây ở Trung tâm Văn hóa Pháp, Sài Gòn. Thằng này lối đời, thích Hồ Xuân Hương, nói sẵn lòng mang giúp bản thảo sang thẳng Paris, rồi từ đó nó sẽ chuyển tới địa chỉ mà mình muốn gửi. Sẵn lòng giúp nghĩa là, bù lại, cậu phải chụp cho nó một số hình ảnh người sống không nhà. Lề la ngoài hè phố. Chắc là nó sẽ mang bán lại cho các báo Pháp. Vậy còn tin được."

Trước hôm hẹn gặp Vân tại làng trầu cau, Bà Điểm, khoảng vài ngày, Bôi được Chuẩn đón đường cho biết tin: "Nhiều anh chị em văn nghệ sĩ, nhà báo cũ bị bắt, một đêm đầu tháng Năm, nghe đâu do việc các bạn gửi bản thảo ra nước ngoài bị lộ. Cậu nhớ 'dọn' sạch nhà !"

Nói xong, Chuẩn tất tưởi đạp xe đi ngay, Bôi đứng bên lề đường Yên Đổ cũ được một lát vội quay về nhà, không sang xóm Gà thăm mẹ ốm nữa. Trời lặng gió mà anh thấy mát rượi vì xe phóng nhanh. Nước đã đến chân. Phải nhẩy!

Chạy bộ lên cầu thang, bước dài hai bậc một, mở khóa, vào nhà. Bôi ấn vội chồng bản thảo vào một cái giỏ lác tưa quai, vẫn dùng đựng rác, rồi lại đạp xe như bay ra ngoại ô, tới Cổ Sơn Tự. Anh chơi thân với một nhà sư trẻ, Hồi Hướng, ở trong chùa. Hai người viết chữ đẹp có tiếng và cùng mê họa phái Vương Duy. Nhà sư đã ra Huế để dự lễ Vu Lan và sưu tầm một số bút tích của các ông vua triều Nguyễn.

Bôi đành phải trở về nhà. Ăn uống qua loa xong, anh ngồi mải miết chép nốt hai trăm trang cho một bản sao của bộ sách hơn nghìn trang, gồm năm cuốn, mỗi cuốn trên ba trăm trang. Giấy than ở thành phố hồi này khan hiếm. Kiếm mua không ra. Chiếc máy chữ cũ đã bị tịch thu. Bôi phải viết tay vì sợ, lỡ mất bản chính, uổng công lắm, dù anh vẫn lo: "Dễ gì mình đã giấu thoát trên ba ngàn tờ giấy?"

Ngày mai là ngày hẹn với Vân, hôm nay Bôi đã chép xong trang bản sao cuối cùng, mỏi tay rời rã, nhưng anh thấy lòng mình dâng lên một niềm vui như thời trai trẻ mỗi lần săn được tấm ảnh đẹp. Biển miền Trung, với bao đồi cát trắng, nâu chen vàng, những con còng lanh lẹ. Hồi chiều, Bôi đã chuyển được hết bản thảo tới xưởng sơn mài, bà chủ và thợ thuyền ở đấy không ai biết chỗ anh giấu. Hiện ở nhà chẳng còn tỳ vết gì chứng tỏ nơi ở của một người viết lén. Anh cảm thấy nhẹ người. Rồi ngủ thiếp đi.

Lúc tỉnh dậy, đầu óc ngầy ngật, Bôi lại sợ. "Nếu mình bị bắt tối nay, lấy ai để báo tin cho Được, người học trò sơn mài, để cậu ấy tìm giùm bản thảo. Cần phải báo tin cho Ngọc."

Như bông lau trắng ngả rạp trên bờ đá biếc, ngọn lá vừa mới ngóc bổng đầu lên đã bị gió đè nghiến ngay xuống, Bôi cố vùng ra khỏi cơn sợ hãi khi nghĩ tới chuyện có thể người ta sẽ đến khám nhà nội đêm nay. Cơn sợ hãi, không nói ngoa, y hệt những làn sóng cát trên một đồi cát ở Phan Thiết năm nào. Lúc Bôi tưởng là cát dâng lên lại là khi cát lún xuống. Thật ra, cát chuồi để lấp khoảng trống trong bộng cát, anh bị lún xuống sâu, nhanh, nên ngỡ mình vẫn đứng yên một chỗ mà bờ cát chung quanh mỗi lúc một nhô cao. Người trôi dần xuống huyệt. Không kêu lên được tiếng nào.

Bôi sợ. Tưởng chừng tim anh thôi đập. "Làm cách nào giữ được nguyên vẹn bản thảo mà mình vẫn không bị bắt. Thà gửi bản thảo ra nước ngoài xong rồi dẫu có bề gì cũng được. Tốt hơn hết đừng để bị tù thêm lần nữa!"

Cơn sợ hãi nào cũng có mùi vị của riêng nó.

Đắng và tanh. Hơi thở đứt quãng. Nhịp tim đập mạnh. Máu dường đông cứng trong lồng ngực hẹp. Lại nhớ tới Phan Thiết lần ấy. Hai ống chân Bôi lạnh không vì cát ở dưới ướt. Cũng chẳng do cát ở trên nóng bỏng mà đầu anh hâm hấp sốt. Chỉ thấy trời xanh thoáng cái đã dâng cao. Tiếng cát lạo xạo dưới hai cánh tay vùng vẫy. Càng rãy mạnh. Càng lún sâu. Bôi toát mồ hôi. Choáng váng và nghẹt thở. Anh biết mình sẽ chết. Buổi chiều hôm đó, đang trên đường trở về nhà trọ, vắt trên vai hai con cá biển dài ngoẵng. Bôi nghĩ bụng: "Sau bữa cơm khách ở nhà một cô bạn nhiếp ảnh, mình sẽ chui ngay vào phòng tối tráng phim gấp. Chưa bao giờ biển lại đẹp như bấy giờ."

Ngờ đâu, chân bước đều bỗng hụt nhanh, hẫng, mất đà, thoáng cái đã sa vào bộng cát. Bôi sợ lắm. Run. Một mình giữa biển sóng cát.

Như chiều nay, Bôi lặng ngồi nhìn những giòng chữ do anh viết ra, cũng một mình. Căn phòng chật chội nhưng nỗi vắng lặng của nó lại quá đỗi mênh mông. Cửa sổ lầu nhìn ra những ngọn điệp nở hoa chùm. Sắc vàng nhạt chợt ửng lên trong lúc chiều xuống, tối sầm, bóng nắng cuối ngày hắt vội từ những phiến mây rọi nghiêng mái chùa Vĩnh Nghiêm, trước khi tắt hẳn. Thêm tiếng đổ hồi chuông ngân. Mùi thuốc bắc, của nhà ai bên hàng xóm, đang ngấm cả vào chăn gối phòng anh. Loa, gắn trên ngọn cột điện bên kia đường, oang oang giọng người nói ngọng, ồn ào loan tin "... địch đang tung lọc độc văn hóa phản động..." Âm phát ra đúng, nọc; hay sai, lọc, có đâu làm anh bận lòng. Bôi chỉ hướng tới chồng bản thảo, mấy năm qua đã lần lượt gửi hết nhà bạn thân, mỗi nơi dăm ba tháng, ngày nào cũng sợ mất.

Bôi nghĩ, thà mất hẳn một người yêu mến hay một vật quý giá, còn dễ chịu hơn là lúc nào cũng lo không giữ được lâu. Mai, bạn anh, từng dốc hết cả niềm tin và vốn liếng cho người chồng chưa cưới, là Bảo, vượt biển, đi trước. Bảo, sang được đến bờ bên kia, viết thư về, báo tin: "Anh bình yên. Giấy tờ của em mất hết rồi. Nhớ em." Lá thư đầu tiên và cuối cùng ấy, Mai còn giữ, tới ba năm sau ngày nhận được. Nó chỉ bị đốt đi khi ba má cô, ở Mỹ, cho biết là Bảo đã lấy vợ, nhà giàu ở Cali.

Cho tới nay, Mai sống bất cần đời, lãnh cảm với mọi chuyện. Mai kể: "Bôi có biết không? 'Giấy tờ của em' tức là tập bản thảo bốn trăm trang. Mai viết về 'nhà thương, một địa ngục' sau Bẩy Lăm. Mất người... còn chẳng tiếc..."

Bôi và những người bạn của anh, mạnh ai nấy sống, chỉ mỗi khi có dấu hiệu nguy nan cho người nào thì những người khác mới vội xúm lại hỏi han, chia xẻ, tìm cách giúp đỡ. Nhưng vẫn có một cái gì đó, giữa thời của quỷ, dẫu thân nhau thế nào, cũng chẳng ai nói ra hết ý nghĩ, việc làm của mình. Sợ chuyện vỡ lở sẽ kéo bạn mình vào vòng bắt bớ, tù tội. Cuối cùng ai cũng biết chuyện cả. Bởi người này chỉ-nói với người kia và người kia chỉ-nói với người nọ và rồi người nào cũng làm như không hay biết. Như chuyện tối nay ở nhà Bôi, Chuẩn hỏi Mai: "Bệnh của ông Bôi liệu có hết được không?" Mai, nữ bác sĩ và là người dịch truyện của Kafka rất hay, bảo: "Hễ còn viết thì còn bệnh. Giảm sao được. Lúc đầu ông Bôi bị chứng sợ khoảng không. Cả khoảng không mở rộng lẫn khoảng không đóng kín. Cũng cần phải nói thêm rằng ai cũng có cảm giác sợ hãi. Nhưng chỉ là bệnh khi nào sợ điều không đáng sợ. Tưởng tượng ra mối nguy nào đó rồi sợ. Còn sợ bị bắt. Sợ ở tù là những cái có thật, hiện nay, ai sống mà không sợ. Tiếng Việt mình có câu rất hay, 'sợ bóng, sợ gió,' sợ cả cái bóng của chính mình mới là bệnh sợ hãi."

Chuẩn gật đầu: "Khi người ta muốn bắt ai thì bắt. Ai cũng phải sợ. Nhất là bắt dễ, thả khó!"

Mai cắt nghĩa thêm: "Bệnh sợ hãi thường do di truyền. Hai cụ thân sinh ra ông Bôi, theo tôi biết, không mắc chứng trầm cảm. Người tránh đám đông khác với người sợ đám đông. Tránh công an không phải là sợ công an. Đám đông, đối với người mắc bệnh sợ hãi, là 'không gian mở,' gây cho họ cái cảm giác nguy cơ đến từ bên ngoài. Nhưng xưởng sơn mài, nơi ông Bôi làm việc, tới mấy chục người thợ, khách ra vào nườm nượp cả ngày, chứng tỏ ổng không sợ 'không gian mở.' Việc gần như suốt ngày ngồi một mình ở trong phòng cũng cho biết ổng không sợ 'không gian kín.' Tuy nhiên, người nào mà hầu như năm này qua tháng khác phải đối đầu với bao nguồn gốc gây ra sợ hãi đủ để mắc bệnh sợ hãi. Thời trước, có 'những điều trông thấy làm đau đớn lòng' cụ Nguyễn Du, nhưng giờ đây có nhiều điều

không trông thấy, cũng có thể làm chúng ta đau lòng, lo sợ. Như nước mình bẩy chục triệu dân, các ông có biết hàng năm bao nhiêu thai nhi bị phá không? Gần hai triệu. Chỉ nghĩ thôi, khỏi cần thấy, cũng đủ hãi. Nhìn mãi cảnh giết người hàng ngày, mỗi giờ ở nhà thương, lâu dần có thể chính tôi cũng mắc bệnh sợ hãi."

Ngọc kêu to: "Cỡ hai triệu bản thảo bị hủy!"

Chuẩn chép miệng: "Tín ngưỡng độc tôn và chính trị độc tài, khống chế đám đông bằng sự sợ hãi, đứng về mặt y học bà có cho là bệnh không?" Mai gật đầu. Trả lời gọn lỏn: "Bệnh!"

Họ nói chuyện tới khuya. Nhiều chuyện. Rồi ai về nhà nấy. Đêm trăng, căn phòng của Bôi vắng lặng, ánh vàng ngoài cửa sổ như nhẩy múa theo sắc hoa vàng rung rinh trước làn gió. Anh nhớ tới cái áo dài lụa tơ tằm của con gái, năm lên sáu nó đã đòi mặc, giờ còn ở trong tủ.

Giữa cái trống trải của những đồi cát ngày xưa, trong cơn hoảng loạn, thoáng chốc Bôi nhớ lại lời chú Tỉnh, một ngư dân giỏi: "Phải dang cả hai tay ra. Thẳng cánh. Bất động. Không được nhúc nhích. Cát sẽ tuồn nhanh xuống phía dưới. Nếu giơ hai tay lên trời và vùng vẫy là bị chôn sống ngay." Bữa cơm chiều, canh cá dấm, ánh mắt vui tươi mà hay giận hờn của Cẩm. Bẩy cuộn phim đã chụp. Bôi cho là ngày hôm đó anh chụp được nhiều tấm ảnh đẹp. Tất cả như cùng lúc dồn thêm sức mạnh vào hai cánh tay bơi. Cát lấp nhanh. Mùi hăng nồng, cát ẩm, phả luồng hơi lạnh. Khoảng trống trong bộng không còn là sóng cát. Suối đổ ầm xuống vực. Nước thành thác.

Nước non gì mà người dân hốt hoảng đêm nghe tiếng gõ cửa? Tiếng gõ cửa dồn dập. "Lệnh bắt và khám nhà!" Những đêm như thế lòng Bôi như đau thắt lại, vã mồ hôi, mắt hoa và lưỡi đắng. "Việc mình trông chờ đã đến." Nhanh như cắt, anh chạy vào bếp, ấn chồng bản thảo vào thùng than đước, cạnh chai dầu hỏa. "Ai nhóm lửa mà chẳng cần tới giấy? Không được! Nét chữ mình rành rành ra đó. Các tờ giấy phẳng phiu quá. Nguy to rồi!"

Bôi nhớ tới một truyện ngắn tự sự của Ngọc, Mảnh Giấy Phẳng Phiu, kể chuyện một người tù miền Nam bị đầy ra đất Bắc. Ở trại giam dù đói khổ, mỗi đêm anh vẫn làm một bài thơ ngắn, viết vào các mảnh giấy bao thuốc lá mà ban ngày lượm được. Anh giấu các bài thơ ấy vào một cái gối. Sau có kẻ mật báo cho cán bộ an ninh. Tại nơi điều tra, gọi là phòng "làm việc," người tù cầm chắc mình sẽ bị cùm hai chân, trong phòng biệt giam, ít nhất mười bốn ngày về tội làm thơ, một "diện tư tưởng phản động." Cuối cùng anh chẳng bị một ngày giam phạt nào cả. Nhưng anh buồn lắm. Cứ than thở: "Sông bồn đầy chốn cát lầm!" Hỏi ra mới biết: "Cán bộ lấy các mảnh giấy phẳng phiu của tôi, gấp lại, vuốt thẳng thành nhiều que giấy. Suốt mấy buổi làm việc, trăm bài thơ của tôi ra khói. Cán bộ hết đóm hút thuốc lào..."

Một thời cát lầm. Sức đổ của cát mạnh hơn vì nó đặc. Bôi dang hai tay ra rất khó khăn giữa giòng thác cát. Chú Tỉnh đã dặn: "Hai bàn tay và hai bàn chân phải xòe ngang. Khuỳnh hai cánh tay như người thi lễ. Song mới từ từ dang thẳng hai cánh. Phải bình tĩnh."

Chẳng hiểu sao, lúc này, Bôi lại nhớ tới bài học dạy cách thoát khỏi các miệng hố cát nuốt người ở vùng biển ngày nào. Hãy bình tĩnh!

Suốt mấy năm liền, hôm nào Bôi cũng viết. Từ chập tối. Tới nửa đêm về sáng. Đôi khi anh phải nhịn ăn để có tiền mua giấy pelure. Muốn viết nhiều và dễ cất giấu bản thảo thì giấy cần thật mỏng. Chữ phải thật nhỏ. Bôi có đôi chút kinh nghiệm là chẳng loại mực nào tốt bằng bút chì. Ngâm nước bao lâu cũng không nhòe. Thoảng hoặc, anh vẫn ghen với những người làm thơ, nếu họ viết khoảng hai nghìn trang giấy thì đứa con tinh thần của họ đã khá lớn lao. Chữ nhiều mà giấy hết ít. Bôi viết một loại văn không ra văn, sử chẳng ra sử, về đời sống của nhiều văn nghệ sĩ miền Nam sau ngày Sài Gòn đổi chủ. Những "liệt truyện" của Bôi, không giống của Tư Mã Thiên, trong Sử Ký. Các nhân vật của anh chẳng vung gươm, chỉ phóng cây cọ hoặc múa bút, đáng được "ký" để thành "sử" vậy. Viết loại này tốn kém lắm. Anh thật xấu hổ mỗi khi có ý nghĩ so đo. Tủn mủn. Thật như tình cảnh của anh, suốt từ năm Bẩy Lăm vào tù cho đến ngày ra nước ngoài, độc ăn nhờ cơm nhà, quà vợ. Giờ đây Bôi cũng đang sống chui vì chưa có hộ khẩu. Chưa hộ khẩu vì chưa được trả quyền công dân. Người không hộ khẩu, trong cõi mê muội này, đồng nghĩa với cá sống không có nước. Kế độc của Thương Ưởng đời nhà Tần, người đẻ ra lối trị dân bằng hộ khẩu, sống lại thì bao kẻ như Bôi giờ này ắt chết đi. Mới phải. Viết thì sợ bị bắt. Không thì sợ mình sớm hóa điên.

Bôi đã sống với những sự thật của đất nước mình về đêm. Chữ viết nhỏ như con kiến. Bò hết gần bẩy cân giấy mỏng, như ngàn lẻ một đêm, không cách nào dứt ra khỏi câu chuyện.

Đêm. Bóng tối làm mất đi cái khoảng không bao la. Khoảng không của nỗi sợ hãi. Leo lét ngọn đèn đầu. Phải giấu bản thảo, thật nhanh, ở đâu nếu nửa khuya người ta bất ngờ ập tới?

Chủ nhà không ngái ngủ cũng là dấu hiệu của thức đêm. "Chỉ người bệnh hoặc kẻ bất lương mới thức sáng đêm!" Tính ranh ma và thói cửa quyền đã giúp họ nói thẳng ra thế. Giữa thời buổi giá một lít máu rẻ hơn một lít dầu, thắp đèn suốt đêm cũng là cách xưng tội, từ đó họ phăng ra tập thơ viết lén của Ngọc.

Ngọc, bạn của Bôi, lúc ra tù đã cừ hơn, làm thơ giữa ban ngày. Đánh số thứ tự chữ nào cần trong cuốn sách in, như đoạn mà Kim Ân dịch ra tiếng Việt, từ cuốn Bông Hồng Vàng của Paustovski, qua truyện ngắn Lẵng Quả Thông:

"Phải, đó là cánh rừng của nàng, quê hương nàng. Đó là những ngọn núi của nàng, những bài hát của những chiếc tù và, tiếng động của biển quê. Những con tàu bằng thủy tinh làm nước sủi bọt. Gió reo ca trong những dây buồm. Từ lúc nào không biết, tiếng hát đó đã chuyển thành tiếng những quả chuông nhỏ trong rừng đổ hồi, tiếng đàn chim đang nhào lộn trên không huýt gió, tiếng trẻ con hú gọi nhau trong rừng thành bài hát về người con gái: lúc bình minh người yêu của nàng đã ném một vốc cát vào cửa sổ phòng nàng. Bài hát đó Đanhi đã nghe thấy trên những ngọn núi quê hương." Chỉ đoạn văn trên cũng đủ cho Ngọc, người làm thơ và sắp chữ, làm ra, ghi lại được bài thơ nói lên tình cảnh. Rất buồn. Cả nước ra đi. Đi! Người vào rừng. Ra biển. Lên núi. Đi, đi và đi! Cải tạo, vượt biên và kinh tế mới:

Người tù nghe bài hát
Ném vào phòng, thủy tinh
Hồi chuông đổ bình minh,
Đàn trẻ reo, cửa gió
Người rừng động tiếng hú
Biển sủi bọt trong nhau
Từ hồi chim và cát
Nhào lộn trên con tàu
Người con gái lên núi,
Tiếng hát thành tiếng chuông,
Gọi người yêu quê hương
Lúc nào, nàng không biết...

Nhưng Bôi biết. Tủ sách nhà Ngọc từ đó toàn loại sách dịch văn học nước Nga do nhà nước in. Mỗi cuốn chứa một "tập thơ" của Ngọc. Bôi không làm thơ, thật đáng tiếc, biết sao được. Văn chương, truyện dài truyện ngắn, thứ quốc cấm, thời nào cũng khó thoát. Thơ truyền miệng được. Văn thì không. Bôi còn sợ!

Giữ mình? Mơ hồ mà thực tế như một công án Thiền. "Giữa đi ngủ và trở dậy, lòng bình yên, không sợ chi cả." Giữ sách? Thực tế mà mơ hồ như viết về lòng khao khát của nhiều người chỉ muốn: Sống hàng ngày, đêm đi ngủ và sáng trở dậy. Đêm nay Bôi lại mất ngủ. Anh chỉ thấy yêu căn phòng khi nó có người thân.

Cửa vào phía trước. Cửa sổ phía sau. Mái nhà phía trên. Khu vườn phía dưới. Bôi đã bị giam ở giữa căn phòng. Chung quanh nhà, nơi họ đến khám, đều có ánh đèn pin và những ánh mắt. Không thể ném tang vật qua cửa sổ.

Căn phòng, vẫn khoảng không gian kín mít, bộng cát. Vực sâu hoặc giếng chôn người? Bôi chợt hiểu ra vì sao họ thích nhốt tù vào xà-lim. Chở tù trên xe bít bùng. Những trại giam bưng bít. Tối. Khoảng không càng chật chội, con người càng hốt hoảng. Mất hết ý niệm nơi chốn, ngày giờ. Bịt mắt vào phòng biệt giam. Bịt mắt đem ra bãi bắn. Không chỉ vì bảo mật.

Ngọc kể, bạn từng bị nhốt trong một căn phòng sáu bề sơn đen, trần và sàn nhà xi măng cùng bốn bức vách, trong đó không có đồ đạc gì cả, ngoài một chiếc ghế đẩu cũng sơn đen. Ngọc phải ngồi một mình trên ghế, ngày tám tiếng, suốt ba tháng. Ngồi nghe tiếng nước róc rách. Từ đó Ngọc mắc bệnh sợ nước. Bạn còn bảo: "Chỉ còn cách chạm trán với chính nỗi sợ của mình!" Sau được về nhà, Ngọc phải tập úp mặt vào thau nước. Nín thở chừng hai phút mỗi bận. Làm vậy nhiều lần. Lâu dần, khoảng mười tám tháng sau, thành quen. Phải cố tập.

Sao dám ra sông, lên thuyền, vượt biển nếu còn sợ nước? Tìm cách thoát ra khỏi cái cảm giác choáng váng, nghẹt thở khi nghe tiếng nước vỗ. Kéo luồng sóng lạnh tanh làm rùng mình. Sợ cả cơn mưa chiều miền Nam. Giòng nước, ghê như lưỡi rắn, liếm láp tê ống chân.

Bôi giật mình. Tiếng gõ cửa. Mười giờ đêm. Tiếng gõ nhỏ. Con cua co rúm chân càng khi bị con ếch vỗ nhẹ lên mai và nuốt? Bôi run tay mở then cài. Không có ai cả. Dọc hành lang lầu ba vắng lặng. Hai bên hàng xóm yên ắng. Trăng soi lòng sân chung cư. Có con cún đang đùa với cọng rác, bị gió xoáy tít, chạy vòng

vòng. Đêm mát rười rượi. Bôi tỉnh táo. Rồi một cơn buồn đến nhanh. "Thật ra mình không sợ. Mình chỉ muốn cố tránh nỗi đau đớn." Đốt bản thảo? Rồi, năm Bẩy Lăm, nay chỉ mới nghĩ tới thôi, lòng đã quặn lại. Cái đau sinh nở, dữ dằn, song quên mau được nên người ta mới con đàn, cháu đống. Cái đau phá thai, đau giết con, thường làm cho các bà mẹ về già còn nhói. Bản thảo, trước sau, vẫn là con của Bôi. Có thể anh đã chớm điên từ ngày còn trẻ. Lúc sẩy chân sa vào bộng cát. Bôi vừa sợ chết vừa sợ mất những cuốn phim đã chụp đồi cát. Hồi mới ở tù ra, Bôi sợ nằm giường rộng và sợ đám đông. Chỉ muốn ngồi lì trong phòng vắng một mình. Nghĩ mà sợ. Rót trà, kê vòi ấm vào miệng tách, sao tia nước vẫn chệch ra ngoài? Nhớ mãi xà-lim, sớm cũng như khuya, không trông thấy gì, chỉ sờ, chỉ ngửi mà biết là khoai hay sắn. Sợ bất cứ chốn nào ràn rụa ánh sáng.

Trong bộng cát, thời Bôi đi săn ảnh những đồi cát Phan Thiết, lần gặp nạn. Nhớ tới lúc trăng lên, anh vẫn còn bị chôn nửa người trong huyệt. May bộng cát không lớn. Nhưng cơn sợ hãi vẫn trải dài cho đến khi Bôi dang được cả hai chân và hai tay ở thế nằm ngang, bơi ngửa.

Tuần trước, Mai nói riêng cho Bôi biết, anh vẫn mắc chứng sợ cái khoảng không bị giới hạn."Nhà ở lầu ba chung cư, đâu có ngả sau, nếu họ tông vào lối cửa độc nhất chắc là tôi không có đường thoát. Tôi sợ. Tôi thường sợ!"

Bôi đã nói với Mai như thế. Anh còn tâm sự: "Người xưa bảo - Gặp cảnh sỉ nhục là điều quyết định của dũng - Bao năm qua, bị người ta chửi mắng, đầy ải, tôi chỉ biết câm họng. Nhịn nhục, mong ngày gặp lại bố mẹ, vợ con, anh em, bạn bè... Có phải là hèn không, Mai?"

Mai lắc đầu: "Nay hay xưa thì người vẫn là người. Kẻ sĩ, như Tư Mã Thiên đâu có hèn, nên mới viết thư cho Nhâm An, một người bạn đang ở trong tù, đại ý nói về cách chết. Coi cái chết nặng nề như núi Thái hoặc nhẹ tênh như lông chim Hồng đều do mình cả. Mỗi người có một cách riêng dùng cái chết của mình vào việc gì đó. Nỗi nhục cũng vậy. Có chắc là vì những người thân mà Bôi đành chịu nhục không? Hay cũng chỉ như tấm lòng người xưa lúc đang ngồi viết bộ Sử Ký. Câu này thì từ lâu Mai vẫn thuộc nằm lòng: "Giả tôi đã làm xong sách ấy rồi; cất nó vào nơi danh sơn, truyền cho con người của nó, phát khắp các ấp lớn, thành to, thì tôi cũng xin liều với cái nhục kia, dù bị giết vạn lần cũng có lấy gì là hối hận."

Bôi vẫn hối hận. Tiếc mình không có tài như bao người. Anh chỉ là kẻ gặp nạn, muốn thoát khỏi và kêu lên để may ra có ai đó tránh được, Bôi sợ chưa kịp kêu hoặc kêu không ra tiếng...

Như cái khoảng không được lấp đầy trong bộng cát năm xưa thật đáng sợ lắm. Khoảng không trong bộng cát bị giới hạn lần lần, thu nhỏ tới liền khít, chỉ còn là những thước khối cát. Hạt nọ chen hạt kia. Nén chặt. Giữa đó là một sinh vật tắt thở. Chết tươi vì thiếu khí trời.

Cát nén cát hay người ép người? Bị bắt, chỉ vì thơ văn, cũng không kêu vào đâu được. Báo chí, luật sư, nghĩa hiệp, đối lập... đều không!

Cát thì có chi đáng nói? Sau hôm suýt mất mạng, lạ thay, đồi nằm như một thách thức lượn sóng vàng buổi trưa đổ nắng. Cơn bão bụi ngày gió lộng hay đêm mưa hạt tiếng bay rào rạo. Cho dù thời ấy Bôi sợ cả cái khoảng không gian không giới hạn. Cảnh báo la của những đồi cát, nhìn ra biển từ cửa sổ nhà trọ cuối chiều mặt trời vỡ trong sương, như liền với sóng biển nhòa xa. Chung một đường chân trời. Dường như sự thách thức nào cũng có ma lực. Sáng hôm sau Bôi mang theo máy ảnh trở lại nơi chiều hôm trước bị nạn. Chụp bộng cát. Tấm hình ấy được hội đồng chấm giải, trong cuộc thi nhiếp ảnh chủ đề Biển và Cát, cho là đẹp. Những dấu chân. Hố cát. Những dấu tay. Nói lên hình ảnh một người gặp nạn cố vượt thoát. Bức hình của anh là tấm tranh tĩnh vật.

Bôi cố vượt nhưng chính Mai, người bạn tốt, đã giúp anh thoát. "Hình ảnh thai nhi chất đống, sau nhà thương Nhi Đồng, là tĩnh vật hay chân dung, Bôi nói đi? Bôi không nhận ra phần đông giới trí thức, văn nghệ sĩ nước ta hiện nay, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc, nào có thua gì các tay thực khách hay thuyết khách thời Chiến Quốc? Hèn hạ và lươn lẹo. Tột độ! Lịch sử, theo Mai, đâu chỉ mãi là truyện kể về mọi triều đại cùng thâm cung bí sử của nó, nơi mà các vua chúa được biết đến là minh quân hoặc bạo chúa. Tư Mã Thiên, hai ngàn năm trước, còn giành hẳn một chương cho Khuất Nguyên, tác giả tập thơ Ly Tao. Bôi viết đi!"

Viết cho thật, Bôi nghĩ, đâu phải chỉ toàn viết ngược lại với những gì bị-cấm-viết, mà còn là viết về mặt trái những gì được-phép-viết. Trước hết, những gì mình viết

ra, phải cố giữ lấy, như người mẹ sinh con, nuôi nấng tới ngày khôn lớn. Lúc bản thảo tới trang thứ bảy trăm, anh mới hiểu rõ là mình đã viết loại văn nhân sử, không phải văn học sử. Vì sợ mà viết. Sợ từ câu nói như của ông Nguyễn Hoạt, tức nhà văn Hiếu Chân, người bị giam tới chết, "sống trong cái chế độ này mà ai chưa phải vào tù mới là chuyện lạ," sẽ mai một đi hoặc ít được đời biết đến. Tới việc nhà văn và nhà thơ Thụy An Lưu Thị Yến tự chọc một mắt cho mù và lấy thuốc ghẻ viết lên tường xà-lim: "Nhìn cái chế độ này bằng một con mắt cũng đủ!" Bao người làm nên lịch sử và anh chỉ chép lại. Việc gom góp và đãi lọc các nguồn tin, về từng người một, cũng làm cho Bôi nhiều phen hoảng sợ. Giáp mặt phải một số ít bạn văn đang ngầm làm việc cho công an mà sau đó tình cờ anh mới biết. Người cầm súng ngoài mặt trận một sống, hai chết và giữa đó là bị thương. Ở đây, trong công việc của Bôi, chẳng biết chắc ai là bạn. Mất bản thảo còn đáng sợ hơn mất mạng. Bản thảo, vốn là một phần đời sống được tái tạo, thường không thể phục sinh lần thứ hai. Nhưng Mai, khi mối tình đầu lỡ mất, hồi này cô đã làm sống lại thứ rung cảm tuyệt đẹp và ý nghĩa nhất: "Mai phải làm mẹ!"

Hôm cưới Mai, pháo đốt bằng tay vỗ, tiệc vui không áo khăn voan, cô dâu tươi tắn như màu chiếc áo dài tơ tằm đứng cạnh chú rể, cựu quân y sĩ, có miệng cười như bác sĩ Zhivago. Nhà hàng, một quán cà phê nhà sàn bên Thủ Thiêm gần chỗ Mai ở, với sữa đậu nành, bánh da lợn và hoa cúc vàng. Có lúc, Mai nói nhỏ với Bôi: "Đánh mất sự thật của đời sống là đánh mất chính mình. Anh Xuân thương Mai thật tình." Dè dâu Chuẩn, đứng cạnh đó nghe thấy, vội góp ý: "Đánh mất sự thật của chính mình cũng làm cho đời sống thêm giả dối! Lấy chồng, chửa đẻ và nuôi con, chính là sự thật."

Vân, hôm Bôi gặp ở Bà Điểm, cứ nhắc mãi: "Thầy Hồi Hướng bảo cuộc đời vốn đã không thật, tội gì mà sống giả, lồng cái giả nọ vào cái giả kia chỉ khổ thân mình vì tâm vọng động."

Bôi ngồi trong nhà Vân nhìn ra vườn xem hái cau, người ta chỉ cần leo lên một cây, rồi truyền qua bao cây khác, ngay từ trên ngọn. Anh chợt vỡ lẽ Viên Dung của nhà Phật. Một. Tròn đầy và hàm chứa. Tất Cả. Lát sau Bôi xin phép về trước. Anh không quên mang theo bản thảo. Ngọc chạy theo ra cổng, giữa hai hàng bông bụp nở đỏ, Bôi vừa đi vừa nói cho Ngọc đủ nghe: "Không xong. Nên dè chừng. Tôi đã thử. Cô ta không biết Pháp văn, kể cả những tiếng thông thường." Ngọc nghe nhưng không theo: "Lại bệnh sợ hãi nữa. Nó với thằng tây không biết tiếng Anh hay sao? Thôi. Tùy cậu!"

Tới mùa mưa Ngọc bị bắt. Bà mẹ Bôi mất vì bệnh già. Mai đến đưa đám và nói nhỏ: "Ngọc khá, biết Mai giữ giấy tờ của Bôi, không khai. Hiện giờ chúng đang ở nhà cụ ông. Chắc cụ bà kể với Bôi rồi?" Mai, bụng đã bầu, đứng khóc.

Mãi nửa năm sau ngày tang lễ, Bôi mới khóc được, trên bàn thờ của cụ có bài thơ nhỏ, Ngọc chép tặng Bôi độ nào: "Mẹ là suối, mẹ là hoa. Giọng êm tóc lượn, hương sa nụ cười. Mẹ là đất, mẹ là trời. Nuôi con vất vả một đời lặng câm." Mẹ Bôi không câm lặng. Lúc hấp hối cụ còn thều thào: "Tất cả bản thảo... mẹ chôn tạm phía sau mộ bố con... Xây mộ cho mẹ... Dưới chỗ để bát nhang... Nhớ kín đáo làm một cái hộc. Nhà... nhà mẹ. Mẹ sẽ giữ giùm con..."●

Na Uy / Oslo, 8.2000.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

HỒN TAN BÓNG NGUYỆT

Truyện

VÕ DOÃN NHẪN

Tàn đêm sương động trong cây
Bên trời bóng hạc theo mây về ngàn
Gối chăn tỉnh giấc mơ màng
Tìm người thấy nguyệt võ vàng ngoài song

*

Công tử An, họ Lý, con quan ngự sử triều nhà Ngu nước Trâu. Lúc Lý lên năm, thân phụ mắc bạo bệnh thác. Gặp thời nhiễu nhương loạn lạc, gian hùng hào kiệt tranh bá đồ vương, người trong nước chém giết đày đọa nhau, đối xử nhau tệ hại còn hơn ngoại địch. Mẹ con Lý dắt díu nhau chạy qua lân quốc lánh nạn, đùm bọc chắt chiu qua ngày đoạn tháng. Năm Lý hai mươi, thân mẫu mãn phần, để lại Lý một mình nối tiếp cuộc tha hương. Tuy Lý phải rời nước từ ngày còn nhỏ, bao nhiêu kỷ niệm ấu thời trên quê hương Trâu vẫn còn đậm nét. Sầu ly hương là một ám ảnh dài dài, một bóng liêu trai tiền kiếp và truyền kiếp. Nước Gấu, xứ sở lưu dung cảnh đẹp người xinh vẫn không quyến rũ được con tim người bỏ xứ. Thế cho nên đang tuổi thanh niên tràn đầy sức sống, Lý như một gã đàn ông luống tuổi, chẳng bận lòng đến chuyện đó đây ngao du sơn thủy, chẳng tha thiết gì chuyện nam nữ yêu đương. Bao nhiêu kỳ quan, bao nhiêu bóng hồng chẳng lọt mắt xanh lấy một. Ngày ngày đêm đêm sau việc mưu sinh Lý chỉ biết bạn bè cùng sách vở cây cỏ trăng sao. Lúc đầu chòm xóm còn lân la, láng giềng còn thăm hỏi, riết rồi cũng ngại. Một gian nhà vắng giữa một khu vườn u tịch quanh năm ngập xác lá vàng là giang sơn, lãnh địa của Lý.

Bấy giờ Lý đã ba mươi và đã hai mươi lăm năm từ ngày Lý bỏ trốn qua nước Gấu. Người nước Trâu đã từ lâu ngưng chém giết vì... không còn chiến sĩ. Người nước Trâu được hưởng thái bình nhưng không được hưởng sự giàu có thịnh vượng nay chỉ dành riêng cho giai cấp thống trị. Giai cấp này có vẻ quên thù hận nồi da nấu thịt vì mải bận lo làm giàu. Làm giàu là một cơ hội và cơ hội nào cũng khó đến lần thứ hai. Phải chụp giựt, tranh giành, đấm đá, phải đánh đĩ nếu cần. Phải vừa nâng bi vừa khoác lác. Nâng bi ban đêm và khoác lác ban ngày. Nâng bi kẻ thù và khoác lác với thần dân. Ngoài ra vua quan triều đình nước Trâu ra sức kêu gọi dụ dỗ đám người Trâu lưu vong — được gọi là Trâu kiều yêu nước— về nước xây dựng quê hương, kỳ thực đem vàng bạc châu báu về nộp vua quan triều đình chia nhau bỏ túi.

Lý công tử trở về Trâu trong bối cảnh tranh tối tranh sáng ngày đêm lẫn lộn bát nháo ấy.

Hành trang tiền bạc thu gọn đầy một túi, Lý thuê một chiếc thuyền nhỏ xuôi dòng sông Hoàng từ nước Gấu. Kẻ chèo thuyền là một gã đàn ông tuổi ngoài bốn mươi cũng lầm lì ít nói như Lý. Ngày đi đêm nghỉ. Ngày, Lý ngắm nhìn cảnh vật hai bên bờ, nghe gió vi vu ngoài mui thuyền. Đêm, Lý ngửa mặt nhìn bầu trời trăng sao, mơ màng nghe tiếng nước róc rách vỗ mạn thuyền mà nhớ đến mấy câu thơ của nhà thơ Trung Hoa cổ đại Tưởng Tiệp: ...*Khi luống tuổi, nghe mưa rơi gõ cung đàn trên mui thuyền bé bỏng. Sông rộng mây vần, nghe con nhạn lìa đàn gọi gió*... Tuy mang tâm trạng của kẻ trở lại quê hương sau một phần tư thế kỷ, Lý thấy lòng mình dửng dưng, không nôn nao, chẳng xúc động, bởi Lý chẳng còn một ai thân thích trên quê hương và Lý vốn không ưa thích gì bọn người đầu tuy vẫn trâu nhưng mặt đã là mặt ngựa.

Về đến quê xưa mà như đặt chân lên một chốn lạ. Nhà cửa đổi thay, san sát như bát úp. Những tên đường lạ hoắc, lạ hơn tên những nhân vật nước ngoài. Những bức tượng, Lý thấy đầu tóc mặt mũi không phải người Trâu, nhưng giống người nước Bò, nước Cọp, đứng thị oai trong các công viên và mấy ngã tư đường. Dân chúng nhìn Lý như nhìn người từ cung Trăng hay từ một hành tinh nào khác khiến Lý có cảm tưởng mình như Lưu Nguyễn trở lại trần gian sau "nửa năm tiên cảnh." Lý hỏi thăm đường tìm nhà, cũng may sau hai mươi lăm năm, Lý còn nói được tiếng Trâu tuy đã hơi cứng.

Ngôi nhà xưa của cha mẹ Lý không còn nữa. Thay vào đó là một biệt thự khang trang, tường cao cổng kín. Ngại ngùng, hoang mang, Lý bấm chuông và cho người đàn ông ra mở cổng biết Lý là chủ nhân ngôi nhà... cũ. Trước thái độ nghi ngờ của gã đàn ông gia chủ, Lý mở túi xách lấy tờ giấy sở hữu chủ nhà đất của cha mẹ Lý cho y xem. Y xem qua, trả lại Lý, lắc đầu:

"Giấy không có giá trị gì. Không ai ở đây đọc được thứ chữ này. Văn tự, luật pháp đã đổi từ lâu. Chỉ tên nước Trâu còn giữ lại. Ông đã bỏ nước ra đi thì còn quyền lợi gì trên đất nước này nữa. Ngôi nhà cũ và khu đất này tôi mua lại từ một viên chức triều đình. Vả lại, hai mươi lăm năm, lâu quá rồi."

Thấy dáng điệu cốt cách phong sương của một người từ một nơi có lẽ rất xa đến, người chủ nhà bỗng nhiên niềm nở hiếu khách:

"Mời ông vô nhà nghỉ chân ít lâu đã rồi chuyện gì tính sau."

Vừa mỏi mệt vừa chán nản, Lý cần một nơi không phải ngôi dã thự này để nghỉ ngơi. Lý cám ơn từ chối, hỏi thăm đường đến một khách sạn gần đó. Khi đến khách sạn, trời đã tối và trăng đã lên cao. Lý chọn một phòng vừa có gió biển, vừa có ánh trăng đọi vào khi Lý mở toang các cửa. Quá mệt mỏi, Lý nằm lăn ra ngủ thiếp đi, quên cả tắm rửa ăn uống và thay quần áo.

*

Khuya, một mùi hương lạ đánh thức Lý dậy. Dưới ánh trăng tà xuyên qua khung cửa, Lý thấy một hình người nữ, toàn thân y phục trắng, tóc xõa bờ vai, đường nét mờ ảo nhưng cực kỳ thanh tú, ngồi bên cạnh Lý từ hồi nào. Mùi hương lạ như có sức mạnh đánh tan niềm sợ hãi, giúp Lý thêm bạo dạn. Bèn cất tiếng hỏi:

"Nàng là ai? Đêm hôm... không ngại thị phi nam nữ thọ thọ bất thân sao?"

Bóng trắng như thách thức ngả mình nằm xuống sát bên Lý:

"Thiếp là... thiếp. Trả lời thế được không? Nam nữ thọ thọ bất thân! Chàng năm nay đã 'thất thập cổ lai hi' chưa và đang sống ở thời đại nào mà có câu hỏi cổ lỗ làm vậy?"

Đoạn cười rúc rích, nằm sát vào Lý thêm chút nữa. Mùi hương càng thêm ngây ngất, quyến rũ không chịu được. Lý nghiêng người, quàng tay ôm tấm thân sương khói ngà ngọc, lần đầu tiên trong đời biết thế nào là da thịt nữ nhân. Người ngọc vẫn nép sát vào Lý:

"Chàng từ xa đến, phải không?"

"Sao biết?"

"Đứa con nít lên ba quanh đây cũng biết huống hồ thiếp. Tuy y phục chàng giản dị bình thường nhưng phong cách điệu bộ của chàng tố cáo chàng không phải dân bản xứ. Thiếp để ý từ lúc chàng đặt chân đến đây, ngơ ngơ ngáo ngáo trông đến tội nghiệp. Vả lại..."

"Vả lại gì?"

"Chàng rất mỏi mệt sau một hành trình dài phải không?"

"Sao nàng biết?"

"Còn phải hỏi tại sao! Chàng ngủ mê ngủ mệt không còn biết trời đất gì nữa. Thiếp vào ngồi ở giường này đã lâu nhưng chẳng 'ma' nào biết, mãi đến lúc thiếp cho mùi hương tiết ra để đánh thức người mê ngủ. Còn quần áo chàng vẫn để nguyên như thế và chàng cũng chẳng tắm rửa gì, mùi mồ hôi nồng nàn. Thiếp chẳng biết..."

"Nàng nói tiếp đi."

"Thiếp chẳng biết giờ đây chàng có thích yêu thiếp hay không."

Một hoài nghi, một nghi vấn mà Lý thấy có sức mạnh như một mệnh lệnh.

Mây mưa dồn dập bên trong, trời đêm trăng sao vằng vặc bên ngoài.

Bạch y nữ lùa bàn tay vào mớ tóc bồng bềnh của Lý, thì thầm:

"Chàng là trai tân phải không?"

"Sao nàng hỏi vậy?"

"Thiếp thấy chàng vừa hăm hở vừa vụng về lúng túng trông đến buồn cười."

"Nàng là người đàn bà đầu tiên cùng ta chăn gối."

"Thiếp biết. Và chàng là người đàn ông đầu tiên thiếp tìm đến." "Nhưng sao ta thấy nàng có vẻ thành thạo hơn ta nhiều..."

"Chẳng qua thiếp đoán biết những ham muốn sâu kín ẩn ức của chàng mà chiều chàng đó thôi. Biết được những ước muốn thầm kín mới khó, chiều theo những ước muốn ấy, không khó. Hiểu nhau thì làm gì cũng được."

"Ôi, nàng là trinh nữ mà hành xử như một người đàn bà lão luyện trong chốn tình trường, ta không hiểu nổi."

"Chàng làm sao hiểu được, bởi thiếp không phải người trần xác phàm. Thiếp chỉ là một hồn ma. Ma có thể hiểu người nhưng người không thể hiểu ma. Nhưng chàng đừng sợ. Thiếp không lấy nguyên khí của chàng đâu. Tình yêu của thiếp không đến nỗi quá ích kỷ."

Nằm im một lát, bạch y nữ lại hỏi:

"Chàng định lưu lại xứ này bao lâu?"

"Trong vòng hai tuần. Nàng cần ta giúp đỡ gì không?"

Hồn ma thở dài:

"Thiếp không cần tiền bởi thiếp không thể, không biết xài tiền, dù tiền đó là tiền nước Gấu. Thiếp cũng không cần nữ trang châu báu để làm đẹp. Nhưng có lẽ thiếp phải nhờ chàng giúp thiếp một tay, một điều thâm tâm thiếp không muốn. Thiếp thấy có vẻ như lợi dụng tấm tình yêu của chàng... Nhưng ngoài chàng, thiếp biết nhờ ai."

"Nàng cứ nói đi, đừng ngại. Ta chỉ ngại ta không đủ sức giúp nàng thôi."

"Câu chuyện của thiếp như thế này: cách nay hai mươi lăm năm, thiếp bỏ mạng trong một cơn chạy loạn toàn cả nước. Lúc ấy thiếp vừa tròn hai mươi tuổi. Đến nay, hồn thiếp vẫn chưa siêu thoát, vẫn chưa đi đầu thai kiếp khác vì nắm xương tàn của thiếp bị vùi dập ở một nơi không hợp phong thủy. May thay gặp chàng, thiếp tin chàng có thể rũ lòng thương cứu giúp một linh hồn vất vưởng. Thiếp xin chàng cho người đến bờ sông Xanh cách đây non trăm bước, cứ hướng từ cây đa đi thẳng ra bờ sông, thấy cái trũng khá sâu, đào xuống độ nửa mét sẽ gặp xương thiếp. Chàng cho người thu nhặt tất, gom lại, cho hỏa thiêu, đem nắm tro tàn rải xuống sông Xanh. Được vậy, hồn thiếp sẽ nhập với Đại Ngã làm một. Thiếp sẽ được siêu thoát, không bị tái sinh luân hồi. Để lâu hơn nữa, thiếp chẳng những không được siêu thoát mà còn hóa thành hồ ly tinh, lúc đó trần gian sẽ khổ với thiếp, nhất là đám đàn ông hảo ngọt. Chàng thi ân, thiếp xin kết cỏ ngậm vành..."

"Ta nghĩ có thể giúp nàng toại nguyện, nhưng hiện giờ nàng là một bà sồn sồn... bốn mươi lăm tuổi?"

"Tính theo niên lịch dương gian là vậy, nhưng như bao nhiêu người chết khác, thiếp vẫn tiếp tục giữ số tuổi khi lìa đời. Thiếp vẫn là con gái tuổi đôi mươi. 'Một bà sồn sồn'... nói nghe dễ ghét! Vả, với chàng, thiếp bốn mươi lăm hay là thiếp hai mươi không có gì khác nhau. Nói cho đúng, ban nãy thiếp đã lấy thân thể người con gái hai mươi và lấy kinh nghiệm của một thiếu phụ bốn mươi lăm ra thù tiếp chàng. Chàng không thấy điều đó sao?"

"Có thấy, có thấy. Nhưng với tuổi bốn mươi lăm nàng có thể làm mẹ ta được. Lúc nàng hai mươi, ta mới lên năm, có thể ở truồng trước mặt nàng mà không biết mắc cỡ."

"Chàng nói như thế khi nãy chàng biết mắc cỡ! Vả lại thiếp nhớ có đọc truyện thần thoại Hy Lạp, một ông nào đó vì vô tình đã lấy làm vợ người đàn bà sinh ra mình."

"Ông đó tên Oedipe. Nàng nói cũng đúng: có những người lấy vợ bằng tuổi bà ngoại và lấy chồng bằng tuổi ông nội, không vô tình chút nào. Tình yêu trên tất cả. Tiên cũng kết và ma cũng không ngán, tự nguyện hết mình. Nhưng nàng vừa bảo sẽ kết cỏ ngậm vành để trả ơn. Ta nghĩ, một khi đã siêu thoát, đã nhập làm một với Đại Ngã thì kết cỏ ngậm vành sao được..."

"Chàng vẫn chưa hiểu ý thiếp. Kết cỏ là kết cỏ ở đây; ngậm vành là ngậm vành bây giờ, trong thời gian chàng còn lưu lại trên đất Trâu này, hiểu chưa? Thôi, trời sắp sáng, thiếp người cõi âm phải về nhà trước khi mặt trời mọc. Nói về nhà chứ thực ra thiếp làm gì có nhà. Cây đa gần bờ sông là nhà thiếp đấy. Đêm mai, thiếp trở lại, chàng nhé!"

Bạch y nữ đi rồi, Lý định ngủ tiếp nhưng không thể. Sự việc xảy ra trong đêm như thực, như mộng. Chăn gối nhàu nát xô lệch thế kia là một chứng thực. Mùi hương lạ còn phảng phất đâu đây và nhất là cảm xúc ái ân còn vương đọng trên da thịt, không thể bảo là mộng.

Lý choàng dậy mặc quần áo đi xuống phố. Sinh hoạt một ngày của thành phố đã bắt đầu nhưng lạ lẫm đến nỗi Lý có cảm tưởng đây không phải thành phố người, một thành phố không thuộc thế gian. Lý thấy sinh hoạt đêm qua giữa Lý và bạch y nữ có vẻ "thực" hơn, gần gũi hơn và thân mật hơn sinh hoạt lúc này của thành phố. Thành phố đèn kéo quân. Thành phố ma. Bất giác, Lý nhớ lại hai câu

thơ đã đọc trong một tác phẩm nào:

Nghĩa địa thiên đường nắng quái
Thành đô âm phủ trăng mờ.

Lý thơ thẩn thả bước ra vùng ngoại ô, phía bờ sông, nơi bãi cỏ có cây đa — nơi cư ngụ của bạch y nữ— cây đa ngày xưa Lý cùng chúng bạn ra tìm bóng mát. Như ngày nào, cây cổ thụ vẫn còn vẻ gần gũi thân mật, tuyệt nhiên chẳng có vẻ gì liêu trai ma quái. Vẫn lác đác lá vàng rơi, vẫn chim chóc trên cành cao ríu rít. Lý đi ra bờ sông Xanh: vẫn một dòng êm xuôi về biển và xa xa dãy núi Đỏ vẫn chập chùng mây trắng. Lý nghiệm ra rằng cảnh sắc thiên nhiên đất trời trên nước Trâu này không thay đổi; chỉ đổi thay những công trình kiến trúc nhân tạo và những sinh hoạt của con người. Quê hương giờ đây vừa gần gũi vừa xa cách, trong gang tấc mà thăm thẳm ngàn trùng.

Đêm ấy bạch y nữ giữ lời hứa. Tuy nhiên nàng đến muộn hơn đêm hôm trước một ít và điều này chỉ một mình nàng biết. Lý không nhận biết vì Lý đâu biết đêm hôm trước nàng đến lúc nào, chỉ biết khi tỉnh giấc vì mùi hương lạ, Lý đã thấy nàng ngồi bên cạnh từ bao giờ. Cũng với mùi hương ngây ngất ấy, bộ y phục trắng mềm mại tha thướt như sương khói ấy, nàng sà vào lòng Lý:

"Lúc ban ngày thiếp ở trên cây thấy chàng đến... thăm thiếp. Thiếp muốn nhát dọa đùa chàng một phát nhưng thấy tội nghiệp, không nỡ."

"Nàng định nhát ta bằng cách nào?"

"Cách nào ư? Thiếu gì cách. Chẳng hạn thiếp biến thành con chim cú bay đến đậu trên vai áo chàng đồng thời kêu 'cú, cú;' chẳng hạn thiếp hóa thành con bướm đêm sà xuống đậu lên mái tóc bờm xờm của chàng; chẳng hạn thiếp hóa thành con mèo mun hai mắt xanh lè đến cạ đầu cạ vai lên chân chàng, miệng thì kêu 'meo meo'... Nhưng rồi thiếp không làm, thiếp không muốn làm rộn chàng. Đôi khi cũng dành cho người yêu những giờ phút yên tĩnh chớ."

"Chẳng có cách nào làm ta sợ cả. Đã biết nàng là ma, ta vẫn cùng nàng ân ái thì còn sợ gì ba thứ vớ vẩn đó. Giả dụ nàng có hóa thành một con ma xấu xí lưỡi đỏ lòm răng trắng nhởn nhơn hoặc ta cũng chẳng núng."

"Thôi, thiếp không có khả năng làm chuyện đó. Vả lại dương gian đầy dẫy những xấu xí vật chất, xấu xa tinh thần, chàng thấy chưa đủ sao còn bảo thiếp đưa thêm những thứ đó vào.

Đời thiếp có một bí mật thiếp tưởng... chết sẽ đem theo, nhưng đêm nay thiếp xin được thố lộ cùng chàng, bởi thiếp không muốn giấu chàng điều gì. Chàng còn nhớ không, đêm hôm qua, chàng hỏi thiếp là ai và thiếp đã trả lời thiếp là thiếp. Đó không phải là câu trả lời, mà chỉ là một cách tránh né, không muốn

HỒNG KHẮC KIM MAI

LỜI NGƯỜI XA XỨ

Ở đây
Trời chìm trong sương khói mùa thu
Lòng người miên man miên man buồn
Ở đây
Hồn tôi rưng rưng theo hơi gió
Gió thổi phương nào hỡi gió xưa?

Cùng với mây lơ lửng trên kia
Tôi đưa tôi về thăm quê nhà
Tận chân trời mưa tuôn như lũ
Tận hồn tôi sóng vỗ lao xao

Em đứng mừng tôi bên ven sông
Đôi mắt trách móc những tiếng thầm
Tôi nhìn trăng trăng già quá lứa
Em nhìn tôi đầu bạc phong sương

Dẫu còn đây
Mà lòng đã rách tang thương
Dẫu nát xương
Đời tôi dâu biển
Tôi vẫn nhìn lại quê hương
Ruộng lúa cò bay cò bay
Để mai kia theo cơn say tôi vào cát bụi
Hỏi có còn chi?

Còn một tiếc thương

trả lời thẳng câu hỏi của chàng. Giờ đây thiếp xin thưa: cha mẹ thiếp đặt tên thiếp là Nguyệt. Có một liên hệ đặc biệt giữa Nguyệt — tức thiếp— và Trăng. Cứ từng tháng, trăng trên trời càng tròn, những ham muốn tình dục trong thiếp càng thôi thúc đòi hỏi. Đêm rằm, đêm mười sáu, những đòi hỏi ham muốn trở nên bức xúc tột độ để rồi nguôi dần, nguội dần những đêm sau đó trăng mỗi đêm một khuyết. Những đêm tối trời thiếp như người mắc chứng lãnh cảm, chỉ thích ngủ và lắm lúc ngủ say như chết. Chu kỳ cứ thế tiếp diễn. Cũng may, thiếp không có chút kinh nghiệm nào về... đàn ông cho đến đêm hôm qua. Nếu khác đi, thiếp sẽ khổ sở đến đâu. Thiếp vẫn không biết có liên hệ gì giữa tên thiếp và nếp sống cùng sinh hoạt hằng ngày của thiếp. Lẽ nào tên một người có ảnh hưởng lên nhân cách người đó như thế. Đêm qua là đêm mười sáu... nhưng chàng đừng nghĩ thiếp đến với chàng chỉ vì đêm qua là đêm mười sáu. Đêm nay trăng lên muộn, chàng có thấy thiếp đến cũng hơi muộn không? Thiếp thổ lộ điều bí mật đó để chàng đừng lấy làm lạ về thiếp. Thực ra điều đó cũng thường tình bởi người đàn bà bình thường nào cũng có những ngày sinh hoạt không bình thường trở trời trái gió."

"Ta vốn trai tân, lần đầu nghe nàng nói. Nhưng này, cái gì mà cứ chàng chàng thiếp thiếp, nghe cải lương thế nào. Nhân vật trong những phim bộ Tàu cũng không có lối xưng hô như thế. Thế kỷ hai mươi mốt rồi."

"Máu liêu trai vẫn còn chảy trong người... em nên em thích lối xưng hô khác người đời một chút. Còn 'nàng' với 'ta' thì sao, có cải lương không anh? Nhưng này anh, bao giờ anh bắt đầu công việc đó giúp em?"

"Ngày mai thôi. Anh thuê người tìm nhặt xương em, rồi hỏa thiêu, rồi đem rải trên dòng sông Xanh, trên triền núi Đỏ, rồi em được siêu thoát, rồi em sẽ không nhớ, không biết gì về người đàn ông này là anh nằm bên cạnh em nữa."

"Thực tình em không biết một khi đã siêu thoát, em còn nhớ đến anh không, có còn yêu anh nữa không. Nếu siêu thoát là không còn yêu, không còn nhớ gì nữa thì hình như chưa phải là cực lạc. Em ước gì có anh cùng lên cõi cực lạc với em."

"Vô ích. Ở cõi cực lạc không có giới tính. Ở đó, anh, em, không còn là anh, là em bây giờ. Ở đó, anh, em, không còn gì phân biệt nữa. Ở đó chỉ có cái 'bất nhị.' Mình với ta tuy hai mà một rồi, em ơi."

"Càng hay. Đôi ta hòa nhập làm một, đó chẳng phải là khao khát thầm kín những lúc ta yêu nhau sao?"

"Em nói đúng. Nhưng em đừng dựa vào trần gian để suy diễn cực lạc, hai trạng thái hoàn toàn khác nhau. Khi hai kẻ ngoài đời yêu nhau, tuy hai mà một thật, nhưng mỗi người vẫn còn giữ được cái độc đáo, cái bản ngã riêng tư của người đó. Anh vẫn là anh, em vẫn là em. Ta với mình tuy một mà hai. Ở cực lạc không có chuyện đó. Tất cả mọi tiểu ngã đều hòa nhập làm một với Đại ngã. Hết cái riêng tư. Không còn cái độc đáo. Chỉ còn Vô ngã. Chỉ còn Đại ngã. Vô ngã là Đại ngã. Nhưng... còn trong quả trứng, em chỉ cần biết quả trứng, thắc mắc về bầu trời bao la cao rộng bên ngoài cái vỏ trứng chi cho mệt óc."

"Và quả trứng là gian phòng này, phải không anh?"

Buổi sáng trời đột nhiên âm u, chuyển mây mù xám xịt và mặt đất thì sáng hơn bầu trời, gió giật từng cơn, âm dương như giao hòa kết hợp. Giữ lời hứa, Lý khởi sự thuê người đào tìm hài cốt bạch y nữ. Công việc không khó, chỉ một điều không đúng như lời bạch y nữ. Trải qua hai mươi lăm năm, nắm xương tàn không ở độ sâu nửa mét mà là hơn một mét. Trải qua thời gian, sông cũng cạn, núi cũng mòn huống chi một bộ xương người bị vùi dập dưới lòng đất lạnh suốt một phần tư thế kỷ. Chỉ còn chiếc sọ, mấy lóng xương tay, xương đùi. Đem rửa sạch. Rồi hỏa thiêu, thân tứ đại giờ đây là một nhúm tro tàn. Tro rải trên dòng sông Xanh lượn lờ về nơi vô tận, trên triền núi Đỏ chạy dài đến chân mây vô định. Đường sông nét núi trên thân thể quê hương, và đường sông nét núi trên thân người áo trắng.

Trăng hạ tuần ủ dột và vàng vọt như một nét mây úa lọt qua song cửa vào phòng. Không khí đượm màu chia ly đất trời đôi ngã. Lý vuốt tóc người tình, khẽ hỏi:

"Bao giờ em đi?"

"Tối nay, vào lúc nửa đêm, giờ Tí, canh ba."

"Anh hỏi thật: em có tin chắc linh hồn em sẽ được siêu thoát, sẽ về thượng giới không?"

"Em tin. Các đấng bề trên cho em biết thế từ lâu."

"Vậy thì tốt. Anh cũng cầu mong điều ấy đến với em. Riêng trong cuộc đời này, không thiếu những 'bề trên' hứa hẹn một thiên đường với chúng sinh, nhưng rốt cục hầu hết bị lùa vô hỏa ngục. Anh hi vọng thượng giới

có khác cuộc đời."

Nguyệt có vẻ dỗi:

"Anh thì lúc nào cũng hoài nghi. Thế anh có hoài nghi tình yêu của em không?"

"Cái đó... chắc không. Nhưng, em cho anh xin cái này..."

"Cái này là cái gì?"

"Cái áo em đang mặc đây. Lên thượng giới em đâu cần y phục lỉnh kỉnh nữa."

"Anh chỉ được cái ăn nói bậy bạ. Ở đâu cũng phải quần áo tươm tất. Mà anh xin cái áo này làm gì?"

Lý cất giọng khao khao vịt đực, ngâm:

"Xếp tàn y lại để dành hơi."

Hồn ma xúc động, thở dài, ôm đầu Lý vào lòng, vuốt má:

"Anh làm em khổ quá!"

Lý bỡn cợt, cốt để đánh tan bầu không khí buồn thảm giữa hai người trước giờ vĩnh biệt:

"Thôi, em đừng vờ vĩnh, sắp được về cõi vĩnh hằng, tuyệt vời, còn than thở nỗi gì."

"Em đồng ý để cái áo lại cho anh, nhưng anh phải cho em mượn tạm một bộ đồ của anh. Em không thể... kỳ lắm."

"Anh tặng em luôn. Em bảo em mượn rồi làm sao em trả lại anh?"

"Anh coi: bộ quần áo anh làm em chẳng giống ai."

"Anh đã nói rồi, về thượng giới em sẽ giống tất cả. Tất cả sẽ giống em. 'Vạn vật nhất thể' mà."

Sáng hôm sau, Lý cầm chiếc áo Nguyệt để lại lên săm soi ngắm nghía: áo nhỏ và xinh như cái áo đầm xòe của búp bê, áo vẫn đượm mùi hương đêm trước, nhưng có mấy vệt màu hồng thấm qua lần vải.

Lý lẩm bẩm:

"Dù muốn dù không, Nguyệt cũng phải để lại trần gian tấm áo này. Nàng cũng không thực hiện trọn vẹn lời nguyền kết cỏ ngậm vành cùng ta. Trăng tàn sớm quá và em ra đi vội vã quá. Lắm cảnh chia tay mang dáng dấp những lần trốn chạy."

Tuy chưa đáo hạn trở lại Gấu, Lý thấy không còn gì để lưu luyến Trâu, một sớm xách túi hành trang trong có chiếc áo trắng cất kỹ, thuê thuyền ngược dòng sông Hoàng từ giã quê hương.

Và vĩnh biệt một tuần trăng ngắn ngủi.●

Đã Phát Hành Khắp Nơi

Đặc San

QUẢNG ĐÀ

năm 2000

- Bìa tranh:
  Hội An Trước Ngưỡng Cửa
  Mùa Xuân 2000 của Đinh Cường
- Chủ trương:
  ÁI CẦM - THÁI TÚ HẠP
- Dày trên 560 trang
- Giá 15 Mỹ kim.

Mọi liên lạc và mua Đặc San xin gởi về:
SAIGON TIMES
P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696 - Fax: (626) 288-2033

● *Với sự cộng tác:*

Kiêm Đạt, Thy Hảo Trương Duy Hy, Trần Gia Phụng, Hồ Dzếnh, GS. Vũ Ký, Phương Vân, Nguyễn Văn Xuân, Linh Quân Lê Bá Năng, Lý Trường Trân, Cảnh Bình Nhung, Nguyễn Phước Tương, Hồ Thành Đức, Vũ Hối, Ái Cầm, Tâm Huỳnh, Vô Tình, Tường Linh, Luân Hoán, Huy Tưởng, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Đynh Trầm Ca, Lê Đình Phạm Phú, Nguyễn Kim Sắc, Hoàng Thị Bích Ni, Phùng Minh Tiến, Hà Nguyên Dũng, Hà Quốc Huy, Dư Mỹ, Nguyễn Trọng Khôi, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Hưng Quốc, Trần Văn Nam, Lý Thế Hoành, Du Tử Lê, Duy Lam, Trần Trung Đạo, Trần Hoài Thư, Lâm Chương, Lưu Nguyễn, Nguyễn Mạnh Trinh, Trần Lộc, Phạm Cây Trâm, Nguyễn Đông Giang, Nguyễn Tam Phù Sa, Trần Yên Hòa, Nguyễn Hữu Thuy, Kiều Hạnh, Vũ Gia Sắc, Hoàng Ngọc Hiển, Lê Văn Bá, Tường Phương, Lê Thị Tường Loan, Đặng Hiền, Xuân Đà, Hoàng Vũ, Nguyễn Thị Thế, Đào Thanh Khiết, Anh Vũ, Bích Xuân, Quan Huỳnh, Đức Phổ, Điểm Nguyên, Lê Hữu Lân, Huỳnh Nhâm, Nguyễn Phúc Vĩnh Tung, Nguyễn Hương Nhân, Hà Kỳ Lam, Vương Trùng Dương, Mạc Phi Hoàng, Nguyễn Triệu Nam, Ng. Phương Tuấn, Bùi Giáng, Đynh Hoàng Sa, Phan Như Thức, Tạ Ký, Vũ Hữu Định, Nam Xuyên, Nguyễn Nho Sa Mạc, Nguyễn Nho Nhượn, Phan Trước Viên, Phạm Phú Hay, Phan Xuân Sinh, Đoàn Ngọc Nam, Nguyễn Thị Ngọc Liên, Trương Duy Cường, Lê Thị Hàn, Hoa Hoàng Lan, Thái Tú Hạp...

ĐẾN VỚI NƯỚC NGA

PHẠM XUÂN ĐÀI

(Tiếp theo)

Buổi sáng mưa, anh Cần đến, chúng tôi hoạch định chương trình hôm đó, gồm đến thăm Niệm Phật đường của hội Phật giáo Thảo Đường, đến thăm nhà anh Cần, rồi thực hiện ngay một việc "hệ trọng," là ra ga mua vé tàu lửa để đi St Petersburg ngay khuya ngày hôm nay.

Anh Cần không có xe hơi, mọi việc di chuyển của anh đều dựa vào xe buýt và xe điện ngầm. Như các nước Âu châu khác, hệ thống chuyên chở công cộng của Nga khá tốt. Các nước Tây Âu phải hoàn thiện hệ thống chuyên chở công cộng vì đất đai hẹp, không thể phát triển đủ đường sá để thỏa mãn nhu cầu đi xe hơi của tư nhân. Một nước như Pháp, các hãng xe sản xuất nhiều, còn nhập cảng thêm xe ngoại quốc, nhưng hình như người ta vẫn muốn hạn chế số xe hơi tư nhân lưu thông. Tình trạng không khí ô nhiễm cũng đã nặng nề lắm cho vùng đất có kỹ nghệ phát triển sớm nhất thế giới, từ cái thời mà nhiều vùng khác trên trái đất chưa biết đến "nhà máy" là cái gì, hoặc chỉ mới có thưa thớt, thì tại Tây Âu, các ống khói khổng lồ đã ào ạt tuôn chất độc lên trời rồi. Bây giờ người ta muốn hạn chế những ống khói tí hon mỗi ngày tiếp tục phun khói xăng bị đốt trên khắp các nẻo đường đất nước, nên chủ trương bớt số xe lưu thông chừng nào hay chừng nấy. Tại Pháp, muốn thi lấy bằng lái xe phải tốn ít nhất 1500 đô la, trong khi ở Mỹ lệ phí chỉ mấy chục bạc, điều đó cho thấy khuynh hướng khuyến khích hay không khuyến khích cá nhân tự cầm lái lấy một chiếc xe hơi. Tại Tây Âu lấy bằng lái tốn kém như thế, đường sá lại chật hẹp hay bị kẹt xe, chỗ đậu xe thì quá khó khăn, trong khi xe buýt và xe điện ngầm vừa nhanh, vừa đúng giờ vừa rẻ và ở đâu cũng có, thế thì tội gì không dùng phương tiện công cộng! Nhưng ở nước Nga trước đây tuyệt đại đa số dân chúng phải dùng phương tiện di chuyển công cộng vì không dùng nó thì chẳng biết dùng món gì khác.

Về giao thông, nước Nga có một thuận lợi giống như Mỹ là đất đai rộng, tiềm năng làm đường sá, chỗ đậu xe rất nhiều, nhưng lại khác Mỹ ở chỗ bảy chục năm qua theo chế độ xã hội, kinh tế không phát triển, chỉ loay hoay thỏa mãn những nhu cầu căn bản của dân chúng đã thấy đuối hơi. Một sản phẩm thông thường cho việc di chuyển là chiếc xe hơi mà đã được coi là một cái gì quá sức quan trọng, tư nhân muốn sở hữu một chiếc xe phải chờ mất mười năm, thì các tiêu chuẩn căn bản để người dân được sống một đời sống thoải mái bình thường có lẽ không bao giờ đạt được trong xã hội đó. Nga đã thế, nói gì đến Việt Nam miền bắc xã hội chủ nghĩa! Nhớ vào khoảng năm 1980, trong trại Thanh Cẩm, chúng tôi được lệnh liệt kê những "nghề tay trái" mà chúng tôi biết (ngoài "nghề tay phải" là tay sai Mỹ ngụy). Độ nửa tháng sau khi nộp tờ khai, chúng tôi được tập họp để nghe nhận xét của cán bộ trại: "Anh nào cũng khai biết chụp ảnh và lái xe, đúng là tụi Mỹ nó đào tạo các anh để làm gián điệp. Không làm gián điệp thì biết những món ấy để làm gì?" Lúc nghe câu ấy, tôi nghe lạnh cả sống lưng, vì không ngờ ở miền Bắc chế độ gọi là "xã hội" đã kéo đất nước và con người thụt lùi xa đến thế, và ngay cả trong giờ phút đang viết những dòng này, tôi vẫn còn liên hệ tình trạng xã hội đó với vị trí nghèo khổ mà Việt Nam hiện được xếp hạng trên thế giới.

Nhưng hãy trở về với ngày đầu tiên của chúng tôi trên đất Nga. Từ khách sạn, chúng tôi che dù lội mưa đi bộ cùng anh Cần sang khu phố bên kia đường để đổi tiền. Ở Mạc Tư Khoa, chắc mới bắt chước theo kiểu Tây Âu, có nhiều điểm đổi tiền ngoài các ngân hàng, nằm lẫn trong những khu buôn bán, rất tiện cho du khách. Đó không phải là chỗ đổi tiền tư nhân, mà như là đại lý cho các ngân hàng, giá thị trường tiền bạc được niêm yết rõ ràng,

khách phải trình thông hành, và muốn đổi bao nhiêu cũng được.

Từ mái hiên của tiệm đổi tiền nhìn ra màn mưa nhỏ phơi phới, tự nhiên tôi có cảm tưởng đây là một cảnh mình đã trải qua, đã lâu rồi. Một khu phố lạ đìu hiu dưới trời mưa, đã bao nhiêu lần trong đời một người đã gặp? Ở đâu nhỉ, phải chăng tôi đã đứng dưới một mái hiên như thế này một ngày mưa dầm ở Huế khi còn ở tuổi học trò, hay trong cơn mưa rào rạt tại một tỉnh miền Tây, Cần Thơ hay Châu Đốc, và chắc chắn nhiều lần trước cửa cà phê Tùng ở Đà Lạt nhìn mưa bay mé đồi bên kia, và gần hơn cả, cách đây ba năm lần đầu tiên đến với vỉa hè mưa Paris mà nhớ tới Sài Gòn... Hình như bất cứ hè phố nào trên trái đất này dưới mưa cũng có thể thành một loại phố cũ hè xưa, gợi những hình bóng nào đã xa trong lòng một kẻ "lữ thứ." Phố xá có thể khác nhau, địa điểm có thể cách xa nhau vạn dặm, nhưng màn mưa có khả năng xóa nhòa mọi ranh giới để chỉ còn giữ trong lòng ta một cảm tưởng chung rất cổ điển, một "nẻo quê chung" như câu thơ Huy Cận

Tâm tình một nẻo quê chung
Người về cố quận muôn trùng ta đi.

Từ trái: Anh Nguyễn Minh Cần, chị Inna, tác giả, thân mẫu chị Inna tại nhà của anh chị, 7-2000

Bên kia đường là khách sạn của bộ Quốc phòng nằm sâu vào trong, khuất sau rừng cây cao. Khu phố mà tôi đang đứng cũng không phải là nơi thị tứ, dù là ở giữa Moscou nó cũng lẻ loi như nơi tỉnh nhỏ. Một tiệm đổi tiền, một nhà thuốc, đôi ba chỗ bán tạp hóa, và đặc biệt trên mảnh đất trống trước dãy nhà, có mấy người bày bán một ít rau cải và trái cây có lẽ hái từ vườn nhà. Họ là những người đàn ông đàn bà đã có tuổi, đứng co ro trong tấm áo mưa, nét mặt thản nhiên chờ người hỏi mua như đây là một công việc tuy bất đắc dĩ nhưng cũng không phải là xa lạ đối với họ. Một thời trong chế độ trước loại công việc này từng được gọi là "kinh tế cá thể," có khi bị cấm đoán khinh miệt, có khi được nới lỏng cho làm, và bây giờ thì họ hoàn toàn có quyền làm để đắp đổi cho nền kinh tế gia đình yếu kém trong thời kỳ "quá độ ngược vào chủ nghĩa tư bản" như hiện nay. Đất đai Nga còn quá rộng mà cứ phải khổ sở vì thiếu những sản phẩm do đất đai cống hiến cho con người thì cũng là điều lạ, chỉ có thể giải thích bằng cái chủ nghĩa xã hội ưu việt một thời của họ thôi.

Một số người Nga đi qua khu phố tôi đang đứng, có thể họ trên đường đi làm, hoặc ghé mua vài thứ lặt vặt. Tôi ngạc nhiên về phong cách của họ: ngoại hình cao lớn, đi đứng chững chạc, trang điểm kỹ lưỡng và ăn mặc chải chuốt, đầy vẻ trâm anh thế phiệt. Liên hệ những con người mình mới lần đầu thấy trước mắt với cái thế giới tinh thần và tư tưởng mà người Nga đã hiến cho thế giới qua văn học, đồng thời không quên là họ thuộc vào một trong những cường quốc hàng đầu của thế giới, tôi không khỏi nhủ thầm trong bụng, ngay dưới cái hiên mưa ấy: "Đây quả là một dân tộc rất có phẩm cách."

Dostoievski trong thế kỷ 19 đã tiên đoán nước Nga sẽ không tránh được một cuộc cách mạng. Trực giác của những nghệ sĩ lớn tiên cảm được những gì sẽ đến với dân tộc mình là điều vẫn xảy ra. Đó chẳng qua là những động não, động tâm do một tình trạng nào đó trong hiện tại tạo nên, khi những cái *nhân* đã dồn ứ với một tính cách rõ rệt thì một vài người sẽ thị kiến được cái *quả* sẽ đến. Và quả nhiên người Nga đã đủ sức xoay vần để tạo nên một

cuộc cách mạng, không những chỉ cho dân tộc Nga, mà còn cho cả thế giới nữa. Không có một tâm hồn lớn lao với một nét lãng mạn cũng rất lớn lao thì không thể làm nổi việc như thế. Nhưng người Nga cũng rất vĩ đại khi nhận ra mình đã lao vào một công cuộc sai lầm, sai lầm kinh khủng cho chính mình và cho nhân loại, thì cũng tự tay mình chứ không ai khác, làm một hành động nhanh chóng và dứt khoát để sửa chữa lại, dù cho cái sai lầm đã hằn quá sâu trên đất nước này đến độ giống như những vết tích hóa thạch trong các tầng địa chất. Nhưng không sao, không có lầm lẫn nào mà không chữa được, và con người kế tiếp nhau sống trên mặt địa cầu không bao giờ xơ cứng đến hóa đá. Nhất là đối với một dân tộc đầy tiềm năng và đầy cảm hứng như dân tộc Nga.

*

Sáng nay chúng tôi sẽ trả phòng khách sạn để khuya nay đi St Petersburg. Công dụng của khách sạn bộ Quốc Phòng đã hết: giấy tờ chúng tôi đã được công an thị thực xong xuôi. Sau khi đổi tiền, chúng tôi về lại khách sạn với một chiếc taxi kêu được trên đường. Ở Mạc Tư Khoa bạn có thể có thể đứng bên lề và ngoắc bất cứ chiếc xe nào chạy trong lòng đường, hễ nó tấp vào thì đó là taxi. Bởi vì ngoài số taxi chính thức không nhiều lắm mang dấu hiệu riêng trên mui, có vô số người tậu được xe cũ chạy kiếm khách trên đường. Tôi không biết làm ăn như thế họ có vi phạm luật lệ gì không, nhưng tất cả có vẻ công khai bình thường, không lén lút gì cả. Khi thấy chúng tôi khệ nệ mang mấy cái va li to tướng từ khách sạn ra, người tài xế taxi có vẻ bối rối. Tôi bảo anh ta mở cóp xe để xếp hành lý, thì hỡi ôi, cóp xe đầy những thanh gỗ vụn, không còn chỗ đâu mà cho va li vào nữa. Tôi không tin là giữa Mạc Tư Khoa ngày nay người ta còn đun nấu bằng củi, những thanh gỗ này chắc người tài xế nhặt ở đâu đó để dành sửa chữa vật dụng trong nhà hay ngoài vườn, hoặc để đốt lò sưởi vào mùa đông. Có lẽ vì không phải là dân lái taxi chuyên nghiệp, anh ta xớ rớ không biết giải quyết vấn đề hành lý ra sao, khiến tôi phải ra tay, nhét tất cả vào băng sau để người và va li cùng chen chúc rất là thân mật trên một chỗ ngồi. Rồi xe cũng lăn bánh được, và chúng tôi trực chỉ niệm Phật đường trụ sở của Hội Phật giáo Thảo Đường.

Cũng giống như nhiều ngôi "chùa" ở Mỹ trong thời kỳ đầu người Việt mới tới định cư, ngôi niệm Phật đường này cũng chiếm một đơn vị nhà ở, là appartment trong một chung cư nhiều tầng. Một phòng thờ, nơi để Phật tử đến tụng niệm làm lễ với đầy đủ bàn thờ và kinh sách theo kiểu một ngôi chùa Việt Nam, một căn bếp, và hai phòng ngủ để phòng đón khách phương xa, thường là các thầy từ các nước Tây phương — nước Tây phương chứ không phải Tây Phương Cực Lạc. Ý nghĩ hơi đùa bỡn vừa rồi nhắc tôi nhớ Nga vẫn là một nước thuộc phương Đông, và hình ảnh Tây phương trong đạo Phật đối với người đang ở nước này cũng không khác với người đang ở tại Việt Nam.

Nói đến Hội Phật giáo Thảo Đường thì không thể không nhắc đến một con người rất đặc biệt, bà Inna Anatolievna Malkhanova, vợ của ông Nguyễn Minh Cần, một người Việt Nam tị nạn chính trị tại Nga từ bốn chục năm nay, mà trong chốn thân mật trong bài này tôi xin gọi là anh chị. Và mặc dù đã gặp gỡ, trò chuyện với anh chị nhiều trong chuyến đi Nga vừa rồi, trong việc giới thiệu chị Inna ở đây tôi không thể không mượn rất nhiều đoạn của một nữ sinh viên Việt Nam du học tại Nga viết về chị. Bài viết của tác giả Tâm Diệu Hương (đăng trên tờ *Viên Giác* xuất bản tại Hannover, Đức Quốc vào số 102 Tết Mậu Dần) đã phản ảnh một cách trung thực và sâu sắc nhất con người của chị Inna.

Nhưng hôm nay [...] tôi chỉ vẽ nên một cái nền cho một chủ đề hoàn toàn khác: khía cạnh con người trong việc thịnh suy, phát triển của một Hội đoàn, của một tập thể con người, và cụ thể hơn là vẽ nên bức chân dung của một người mà tôi vô cùng khâm phục, người đứng đầu Hội Phật Giáo của người Việt ở Nga. Đó là Inna Anatolieva Malkhanova. Vâng, bà là một người Nga, nhưng mang một tâm hồn rất Việt Nam, một lòng thương rộng vô bến bờ.

... Tôi biết bà Inna (mà từ đây tôi muốn được gọi bà một cách thân thiết hơn là cô Inna), đã gần mười năm. Cô dạy tiếng Việt ở khoa tiếng Trung Quốc-Miến Điện-Việt Nam trường quan hệ quốc tế Moscow, nơi tôi sang học đại học. Mặc dù cùng trong một trường đại học, tôi và cô cũng không có nhiều cơ hội tiếp xúc gần gũi. Nhưng từ hồi đó sinh viên chúng tôi đã hết sức yêu quý cô, và đặt cho cô cái tên "Bà Việt Nam," "bà" ở đây không phải là một đại tự nhân xưng để gọi người lớn tuổi mà là một "NGƯỜI BÀ," như bà nội, bà ngoại, hết sức gần gũi và thân

quen. Hầu như người Nga nào nghiên cứu về Việt Nam (ở Nga gọi là nhà Việt Nam học), cũng mang một nét, một tính cách nào đó rất Việt Nam. [...] ở cô Inna các tính cách đó hết sức Việt Nam: giản dị, đôn hậu, hy sinh, và tảo tần hệt như các bà nội hay bà ngoại chăm lo cho gia đình, con cháu.

Vài nét về tiểu sử, sự nghiệp của chị Inna, vẫn mượn lời của Tâm Diệu Hương:

Cô sinh ngày 6 tháng 7 năm 1939. Năm 1957 cô thi vào khoa địa lý trường đại học tổng hợp Lomonosov. Cũng như tất cả mọi sinh viên khác, cô phải chọn một nước làm đề tài nghiên cứu viết luận án tốt nghiệp. Chỉ có điều thay vì chọn các nước châu Âu có nhiều tài liệu nghiên cứu, vừa dễ vừa có cơ hội sang các nước đó thực tập, cô lại chọn một nước thật xa lạ là Việt Nam. Cũng chính nhờ cô là sinh viên duy nhất và đầu tiên nghiên cứu về địa lý Việt Nam nên năm 61-62 cô được sang Việt Nam lấy tài liệu. Đó là lần đầu tiên cô làm quen với tiếng Việt, với đất nước Việt Nam. Gần một năm đi lấy tài liệu tại các tỉnh khác nhau ở miền Bắc Việt Nam, cô đã hoàn thành hàng chục tấm bản đồ hết sức cặn kẽ về phân bố cây trồng nông nghiệp, gia súc, lúa, qua sản lượng trong nhiều năm ở Bắc. Những tấm bản đồ này đã là giáo khoa về địa lý Việt Nam cho các sinh viên nghiên cứu về kinh tế miền Bắc Việt Nam hồi đó.

Điều thú vị là ngay từ dạo đó, với một cái nhìn từ phía ngoài, cô đã viết luận án phó tiến sĩ về kinh tế địa lý Việt Nam với một góc độ hết sức khách quan, phê phán cách "cưỡng ép" nông dân vào các hợp tác xã nông nghiệp, phân tích những thiệt hại to lớn do cải cách ruộng đất gây ra đối với nông thôn. Những đánh giá của cô thật quá nên đã không được chính phủ Liên Xô hồi đó chấp nhận, năm 1970 cô đã phải bảo vệ luận án một cách bí mật, và bản lưu luận án cũng phải cất giữ tại kho lưu trữ sách bí mật thuộc thư viện quốc gia lớn nhất Liên Xô mang tên Lênin. Sau này có nhiều người khuyên cô nên sửa lại bản luận án cho phù hợp với "đường lối hữu nghị" hơn, như thế sách của cô sẽ được in và phát hành rộng rãi, cô chắc chắn sẽ thành một chuyên gia nổi tiếng về Việt Nam. Nhưng cô chỉ cười, cứ để những hạt bụi của thời gian phủ trên cuốn sách, sẽ đến một khi nào đó người ta sẽ lau chúng và trân trọng đặt lên bàn mà chiêm ngưỡng sự thật, còn cô không thể sửa cong ngòi bút của mình.

Nhưng xong luận án về địa lý, chị Inna lại chuyển sang một lãnh vực khác, vẫn Việt Nam: ngôn ngữ.

Trong suốt 16 năm từ 1971 đến 1986 giảng dạy tiếng Việt ở học viện các nước Á-Phi thuộc trường đại học tổng hợp Lomonosov, và sau này ở trường đại học quan hệ quốc tế của Bộ ngoại giao Nga, cô đã biên soạn hơn ba mươi đề tài khác nhau về kinh tế địa lý Việt Nam, hàng chục cuốn sách giáo khoa và từ điển quan trọng cho sinh viên. Những công trình lớn nhất của cô là những nghiên cứu về tài nguyên thiên nhiên và sự phát triển nông nghiệp Việt Nam, bộ từ điển Nga-Việt đồ sộ hai tập với tổng số 1352 trang, từ

HOÀNG KHANH

MỘNG CUỐI

Hãy mơ làm sóng cả
Để một lần đi xa
Đất trời bao la quá
Đâu là bóng quê nhà?

Hãy mơ làm mây cao
Bay đến tận phương nào
Ở nơi chiều vẫn đợi
Ngủ quên cùng trăng sao

Hãy mơ là giòng sông
Xuôi biển cả mênh mông
Chở thuyền sang viễn xứ
Nơi nghìn trùng chờ mong

Hãy mơ một lần thôi
Vòng tay ai chờ đợi
Mộng cuối cùng đã vỡ
Tình yêu đầu khôn nguôi...

điển kinh tế chính trị Nga-Việt, từ điển thuật ngữ thể thao Nga-Việt, giáo trình dạy phát âm tiếng Việt v.v...

... Tôi biết cô hết sức gần gũi đã hơn ba năm rồi. Tôi biết cô là người vô cùng tốt bụng, tôi biết cô dành nhiều tâm sức để cứu chó mèo hoang, tôi biết cô dành toàn bộ sự lo lắng cho hội Phật giáo Thảo Đường. Nhưng chưa bao giờ tôi biết cô là một nhà khoa học hết sức nghiêm túc và sâu sắc.

Nhà khoa học nghiêm túc và sâu sắc ấy có một tâm đạo bao la. Phải làm một người vô thần từ thời trẻ (hay đúng hơn là phải theo "đạo vô thần" của các giáo chủ Marx-Lenin), tâm hồn chị vẫn mang một nỗi trống trải, thiếu thốn về mặt tâm linh, thậm chí có nhiều thời kỳ chị bị khủng hoảng. Cuốn sách tôn giáo đầu tiên chị được đọc là là một cuốn Kinh Thánh rất xưa của bà nội chị còn giữ được, *chúng tôi đọc thấy nhiều điều rất hay, nhưng mà cũng có những chỗ thấy khó đồng ý. Chẳng hạn,* "ai không theo ta thì người ấy chống ta, *nghe không khác mấy cách nghĩ và làm của những người cộng sản. Nên thấy ngần ngại thế nào ấy.*

Tuổi thanh xuân đầy thắc mắc và cảm hứng siêu hình của chị Inna đã đụng phải sa mạc khô cằn về tinh thần và ê chề về xã hội trong chế độ xô viết bấy giờ. Chị cho biết thời ấy đã âm thầm thành hình một quan niệm sống trong giới phụ nữ có học thức ở Nga: không lập gia đình. Lý do trực tiếp: gia đình Nga là một cõi địa ngục cho người phụ nữ. Có lẽ bắt nguồn từ thời phong kiến, người đàn ông Nga, theo chị, vẫn trút mọi gánh nặng gia đình trên vai người đàn bà, người vợ phải lo toan mọi thứ trong nhà, và đổi lại, luôn luôn gặp phải thái độ rất trịch thượng của người chồng, như đó là cái quyền trời cho của phái mày râu vậy. Chế độ cộng sản tuy nói nhiều về quyền bình đẳng này nọ, nhưng trong thực tế tình hình gia đình không những không cải thiện mà còn xấu hơn, vì ý thức cá nhân của con người ngày càng sút giảm, và tệ nghiện rượu trong dân chúng đã lên đến mức kinh khủng. Người đàn ông Nga uống rượu như hũ chìm, và chuyện chửi mắng đánh đập vợ thì xảy ra như cơm bữa. (Xin mở một dấu ngoặc để đưa ra một minh họa cho hiện tượng này: những năm sau 1975, nhiều đội bóng đá Liên Xô đã đến thi đấu tại Sài Gòn. Trong những giờ giải lao, cầu thủ Liên Xô giải khát bằng cách cầm nguyên chai rượu Lúa Mới, một loại rượu đế nặng, uống ừng ực. Dân nhậu chuyên nghiệp Sài Gòn thấy thế cũng phải lắc đầu le lưỡi). Đời sống của người phụ nữ Nga là một đời sống cam chịu nỗi bất công đằng dặc trong gia đình không biết khi nào mới thoát ra được.

Tôi hỏi chị Inna ngoài sự chống đối tiêu cực của một thiểu số trí thức bằng cách từ chối không lập gia đình, phụ nữ Nga có tổ chức tranh đấu cho quyền bình đẳng như tại Âu Mỹ không, thì chị trả lời rằng không. Không hề có mầm mống một tổ chức nào như thế trong xã hội. Có lẽ một phần do tính cam chịu thụ động cố hữu của phái nữ, phần nữa quan trọng hơn là chế độ cộng sản cấm đoán mọi hoạt động kiểu như thế. Trong một cơ chế phủ nhận mọi quyền sinh hoạt công dân thì làm sao một phong trào như thế có thể nhen nhóm được?

Kịp đến thời *perestroika* nỗi khát khao tâm linh đã đưa chị đi nghe các mục sư Tin Lành người Mỹ và Nam Hàn giảng đạo, rồi đi theo *Krishna-it* của người Ấn Độ, rồi học thiền định với một ông người Ấn, nhưng chỉ thật sự cảm thấy đến gần đạo Phật khi đi nghe nhà sư Nhật Bản Terasava giảng, mặc dù chỉ hiểu lõm bõm qua những lời phiên dịch không trôi chảy. Phải chờ đến tháng Tư năm 1993, trong cuộc hội thảo về "Vấn đề nhân quyền cho Việt Nam" tại Mạc Tư Khoa, chị với anh Nguyễn Minh Cần mới lần đầu tiên được gặp các vị sư Việt Nam, là các thầy Minh Tâm từ Pháp sang, thầy Minh Tuyên từ Hoa Kỳ, và thầy Nguyên Lạc từ Canada đến. Các thầy đã khuyến khích, giúp đỡ để một tổ chức học Phật được ra đời.

Chúng tôi mời quý Thầy đến nhà. Hôm đó, chỉ có hai thầy Minh Tâm và Minh Tuyên đến, còn thầy Nguyên Lạc thì phải bay về Canada. Chẳng hiểu duyên may thế nào, khi hai Thầy đến nhà, tôi mới mạnh dạn xin hai Thầy tụng cho một bài kinh... Hai Thầy không từ chối. Lần đầu tiên tôi nghe tiếng tụng kinh của quý Thầy Việt Nam ở trên đất nước Nga, ngay ở nhà mình, thật là xúc động, thấm thía không thể tả được... Đấy, tôi đã đến với đạo Phật như thế đó.

Sự "đến với đạo Phật" của anh chị Nguyễn Minh Cần-Inna không phải chỉ nhằm tìm lối giải thoát các bế tắc của riêng mình, mà còn nhằm đến người Việt tại Nga và cả người Nga nữa. Người Việt Nam tại Nga là một tập thể chịu nhiều khốn khổ, và mọi người ai nấy đều lao vào đường lo làm ăn, chẳng ai nghĩ đến những vấn đề tâm linh. *Chúng tôi thấy cộng đồng Việt Nam ở đây rất đông, họ làm việc vất*

và kinh khủng, bị bóc lột, bị áp bức nặng nề, tinh thần thì luôn luôn căng thẳng, họ sợ sệt đủ điều, sợ đủ hạng người, sợ bọn cướp "đầu đen," sợ bọn trấn lột người Việt, sợ lưu manh Nga, sợ công an Nga, sợ sứ quán Việt nam, sợ đủ thứ... thế mà về mặt tâm linh của họ thì hoàn toàn trống rỗng.

Chính vì thế anh chị đã cố hết sức đem đạo đến với họ, để lấp khoảng trống tâm linh đó, giúp họ an ổn tinh thần hơn, hướng về điều thiện hơn. Nếu nhu cầu ở miền Bắc Việt Nam là "Chùa là cái thiện của làng" thì ở Nga, nhất là người Việt ở Nga vốn phần lớn ra đi từ miền Bắc, thì vấn đề cũng y nguyên như thế, chỉ nặng nề thêm vì lâm vào một hoàn cảnh đặc biệt. Khoảng trống trong tâm khảm họ không phải chỉ có trong cuộc vật lộn mưu sinh kinh hoàng nơi xứ người, mà đã được thâm nhiễm từ lâu trên đất mẹ của họ, nơi mấy mươi năm qua luôn luôn được thôi thúc tiến nhanh tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội với vũ khí duy nhất là cái đạo vô thần. Mảnh đất của mấy ngàn năm Phật giáo mà thoắt chốc trong cái kỹ thuật nghiền nát đời sống tinh thần của con người, đã tạo nên những đứa con "về mặt tâm linh hoàn toàn trống rỗng."

Anh chị Cần-Inna và những người đồng chí hướng đã làm được một việc lớn lao, là phục hồi đời sống tâm linh cho những con người đã mất nó. Sứ quán Việt Nam tại Nga chẳng ưa gì công cuộc này, họ vẫn muốn tâm linh người Việt Nam càng rỗng càng tốt. Lại những ngón đòn phá hoại cổ điển: đe dọa, ngăn chặn người Việt đến với hội Phật giáo Thảo Đường. Hầu như người cộng sản không xây dựng được một cái gì tích cực cho loài người trên mặt đất này, ngoài việc dựng nên những công tác phá hoại. Đó là khả năng xuất sắc duy nhất nằm trong bản chất của họ. Một thứ bản năng mang trong nó tính hủy diệt. Và cũng chính vì thế mà hội Phật giáo Thảo Đường vẫn tồn tại và phát triển với đông đảo người Việt và người Nga đến với mình.

Anh Lê Đình Điểu, cựu chủ nhiệm báo *Thế Kỷ 21*, bị bệnh ung thư từ khoảng đầu năm 1998, qua đời vào tháng Năm năm 1999, có lẽ đã dùng hơn một năm nằm bệnh ấy để soát xét lại nhiều loại hoạt động đang diễn ra của người Việt khắp nơi. Trong lần gặp nhau cuối cùng trước khi anh vĩnh viễn đi vào hôn mê, anh đã nắm tay tôi và nói rằng: "Công việc tôn giáo anh Nguyễn Minh Cần đang làm bên Nga là công việc đáng làm nhất hiện nay. Nên hỗ trợ tích cực những việc làm như thế." Tôi tin thần thức của Điểu trong thời gian sắp ra đi ấy đã đạt mức độ trong suốt, có thể nhìn thấu thực chất của nhiều sự việc mà một người bận rộn lăn lộn trong đời không nhìn ra được. Khi tôi đến với đất Nga, gặp gỡ, trò chuyện với anh chị Nguyễn Minh Cần-Inna cùng những người bạn Việt Nam ở đấy, rồi thăm niệm Phật đường của hội Phật giáo Thảo Đường, thì tôi mới thâm cảm tất cả những lời có thể coi là trối trăn của Điểu nói với tôi. Bạn với nhau từ thời Trung học, ra đời cùng hoạt động qua bao thời kỳ, tôi vẫn phục Điểu là người có cái nhìn xa, nhiều sáng kiến và tài tổ chức, nhưng chưa bao giờ tôi thấy bạn nắm một vấn đề đúng một cách sâu xa như thế. Sâu thăm thẳm như chính tâm linh của mình hiển lộ ra lúc sắp lìa đời. Tâm linh của Điểu cũng chính là tâm linh của bao người Việt, đang trong cơn lận đận lao đao đâu đó trên quả đất này. Điểu đã dùng lần gặp nhau cuối cùng còn tỉnh táo ấy để mách bảo cho tôi điều Điểu đã thấy rất rõ, và biết có thể tôi chỉ mới thấy lờ mờ.

(Còn tiếp)

Tìm đọc

ĐẠO PHẬT VÀ TRUYỆN KIỀU

của TÂM HUỆ ĐỖ HOÀI NAM

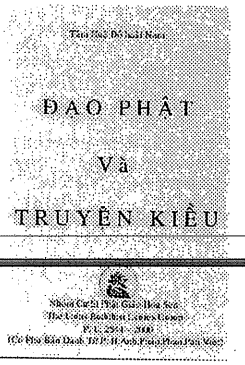

do Nhóm Cư Sĩ Phật Giáo Hoa Sen xuất bản.

(Có Phụ Bản danh từ Phật học Anh, Pháp, Phạn, Pali, Việt)

Liên lạc:
Tony Nguyễn
P.O. Box 183,
Garden Grove, CA 92842 - USA
Tel: (714) 265-9991

TÌM MỘT QUÊ HƯƠNG

ký sự tùy bút

ĐOÀN VĂN KHANH

Chút nguồn gốc xa xôi

Không biết tôi bắt đầu có ý thức về hai tiếng quê hương từ tuổi nào, và thoạt đầu tôi đã hiểu như thế nào về quê hương, nhưng hình như tôi luôn luôn có cái cảm nghĩ *quê hương chỉ là một nơi chốn nào đó, đã lưu lại trong tâm hồn của mình những dấu ấn sâu đậm, rồi mình lại phải cách xa để cho mình nhớ, mình thương, hay là mình xót xa, chứ không phải là nơi để cho mình sống cuộc đời của mình.*

Thời tôi còn niên thiếu, sống ở Bình Định, nhiều người vẫn hay hỏi tôi quê quán ở đâu. Tôi chẳng biết trả lời thế nào cho xuôi vì tôi cũng không biết đâu mới là quê tôi thực sự. Tôi chỉ biết chắc có một điều là tôi không phải sinh tại Bình Định, không nói giọng Bình Định, cũng như tôi không hề có một ai gọi là bà con ruột thịt ở tại xứ này cả.

Quê nội tôi đâu mãi ngoài Bắc Ninh nhưng chính cha tôi cũng không sinh trưởng tại đó. Ngày xưa ông nội tôi vào làm việc tại Nghệ An nên cha tôi sinh tại thành phố Vinh. Lớn lên người có ra ngoài Hà Nội học. Mẹ tôi người Hà Tĩnh nhưng lại sinh đẻ ở Huế. Người cũng theo ông ngoại tôi sống ở nhiều nơi cho đến khi khôn lớn mới trở về quê Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, mẹ tôi theo cha tôi ra Thanh Hóa. Tôi ra đời tại thành phố này. Từ khi sinh ra cho đến năm lên sáu, tôi cũng theo cha mẹ sống qua tại mấy thành phố từ Thanh Hóa, Vinh rồi đến Huế. Trừ thời gian ở Huế, tôi còn ghi nhớ được đôi chút, còn những nơi trước đó tôi không biết gì cả. Năm lên sáu tuổi tôi lại theo cha mẹ vào Bình Định. Và tôi đã lớn lên tại miền đất này.

Thực ra cha tôi chưa hề kể cho tôi nghe một tí gì về quê nội. Những điều tôi biết được về cái nguồn gốc xa xôi của mình lại do tôi gom góp từ những điều cha tôi kể với bạn bè của người những lúc vui chuyện. Ông nội tôi có một dòng con lớn ở Hà Đông. Tôi không nghe cha tôi nói cho biết tôi có bao nhiêu cô bác thuộc dòng này. Cha tôi là con dòng sau. Bà nội tôi gốc Phú Yên. Ông nội tôi đã gặp bà khi ông đổi vào làm việc tại đó, nhưng chính bà mới là người luôn luôn sống bên cạnh ông nội tôi cho đến cuối đời. Tôi chưa bao giờ nghe ai nhắc nhở đến bà con bên phía bà nội tôi cả. Khi về hưu, ông tôi trở về Nghệ An lập một trang trại để dưỡng già và chết ở Vinh.

Cũng vẫn vào những lúc vui chuyện, cha tôi

kể cho bạn bè của người là ông nội tôi vốn nghiện rượu. Ngày cha tôi làm việc ở Vinh, tôi mới lên ba tuổi. Vì chỉ có tôi là cháu nội sống gần nên ông nội cưng tôi lắm. Có nhiều lần ông nội tôi uống rượu, tôi cũng được đưa chụng lên môi cho nhấp thử. Tôi nhăn mặt. Ông lại tập cho tôi *"khà"* một tiếng theo ông. Từ đó về sau, hễ khi nào uống rượu có một mình, ông nội tôi lại bế tôi lại ngồi bên cạnh để ông cháu cùng uống rượu. Ông nâng chung rượu nhấp một hơi dài, khà một tiếng, và tôi khà theo ông thật tương đắc. Có điều là lớn lên tôi chưa bao giờ nghiện rượu. Ông tôi mất vào năm tôi còn quá nhỏ nên kỷ niệm này cũng đã theo ông tôi trôi vào quá khứ chưa chưa ghi nổi vào trong ký ức còn non nớt của tôi.

Bà nội tôi vừa ham thích tổ tôm, vừa say mê đồng bóng. Mẹ tôi hình như rất kỵ hai khoản này. Do đó mà sau khi ông nội tôi mất, cha tôi đã xin đổi vào làm việc tại Huế. Bà nội tôi vẫn sống ở Vinh với mấy cô tôi lấy chồng ở gần. Bác tôi lúc bấy giờ đang làm việc ở Nam Vang. Còn chú tôi lại làm việc ở Hà Nội. Tôi không nhớ nổi là tôi đã gặp chú và bác tôi lần nào chưa vì tôi không bao giờ hình dung được khuôn mặt của một ai. Sau cuộc khởi nghĩa 45, cha tôi có được tin bà nội tôi qua đời. Chú bác và cả cha tôi đều mỗi người một phương trời, không ai về được cả. Sau đó thì chiến tranh xảy ra và chẳng còn ai liên lạc được với ai nữa.

Tôi có về thăm quê ngoại vài lần. Ngày ấy tôi còn nhỏ quá nên cũng chẳng biết được bao nhiêu. Tôi chỉ nhớ lờ mờ có một dòng sông và hình như trên dòng sông đó tôi được đi đò lần đầu tiên trong đời. Ông ngoại tôi cũng đã một đời đi làm việc nhiều nơi và chỉ đến tuổi nghỉ hưu mới trở về quê cũ, cất lại ngôi nhà mới ở Phủ Đức, và thỉnh thoảng đi săn voi như là cái thú vui của mình. Mỗi lần ông ngoại tôi đi săn, cả làng rủ nhau đem gióng gánh đi theo. Khi hạ được voi, ông ngoại tôi chỉ cưa lấy cặp ngà. Nguyên con voi còn lại, cả làng muốn chia nhau như thế nào thì chia.

Bà ngoại ruột của tôi mất tại Huế khi mẹ tôi mới lên hai tuổi. Bà ngoại kế của tôi người Phan Rang, hình như người Minh Hương, không có con nên nuôi một người cháu gọi ông ngoại tôi bằng bác ruột làm con. Ngày còn nhỏ tôi có gặp cậu lúc tôi theo mẹ về thăm quê ngoại. Cậu nhìn tai tôi và bảo rằng tôi sống lâu. Cậu bảo tôi xòe bàn tay cho cậu xem tướng. Tôi xòe tay thì cậu nhổ ngay một bãi nước miếng vào lòng bàn tay tôi và bảo: *"Đừng có bao giờ ngu đưa tay cho đứa nào xem bói."* Sau đó tôi nghe mẹ tôi nói cậu đã vô Sài Gòn. Còn cậu ruột, anh của mẹ tôi thì học ở Hà Nội, ra trường lấy vợ Bắc, rồi được đổi vào làm việc ở trong Nam từ lúc tôi chưa ra đời nên tôi cũng chỉ nghe mẹ tôi kể chuyện chứ tôi cũng chưa biết cậu mợ tôi bao giờ. Ngoài một số kỷ niệm về ông bà ngoại mà tôi chỉ có thể nhớ lại một cách rời rạc và mơ hồ ra, tôi hầu như cũng chẳng biết gì về đất nước và con người của miền quê ngoại.

Mối liên hệ giữa những người bên nội và những người bên ngoại của tôi cũng rất hời hợt. Nếu xét cho quan niệm thời bấy giờ thì cuộc hôn nhân giữa cha mẹ tôi vẫn là môn đăng hộ đối. Cả hai bên nội ngoại đều làm quan, phẩm trật ngang nhau. Điều khác nhau duy nhất là tôn giáo. Bên nội tôi thờ kính tổ tiên. Bên ngoại tôi thờ phượng Thiên Chúa. Đối với người Ky Tô hữu thời ấy, người con gái lấy chồng bên lương cầm bằng như bỏ đạo. Để vượt qua trở ngại đó, cha tôi đã theo đạo để được ông ngoại tôi chấp thuận làm con rể. Nhưng bên nội tôi lại xem như đã có một đứa con lỗi đạo với tổ tiên. *Quan niệm khắt khe của đạo công giáo đối với việc thờ cúng ông bà vào thời đó là một trở ngại rất to lớn đối với người lương muốn vào đạo, và điều này cũng đã khiến cha mẹ tôi ít có dịp vui vẻ gần gũi với người thân yêu của mình. Và cũng do tình cảm lạnh nhạt này, tôi gần như có một mặc cảm đối với bên nội.* Cha mẹ tôi có đạo tất nhiên tôi cũng là người bên đạo.

Nhìn vào hai gia đình bên nội lẫn bên ngoại của tôi đều là sự kết hợp của những người ở nhiều miền khác nhau, để rồi lại tỏa ra khắp bốn chân trời góc biển, không sống cố định ở một địa phương nào thật lâu bền, nên cũng thực khó mà gây cho tôi một ấn tượng rõ ràng về quê hương. Hình như đâu tôi cũng có một chút xíu dính líu nhưng cũng không có chỗ nào tôi thực sự gắn bó đời mình. Tôi cũng không nói rặc giọng của một vùng nào trên đất nước này cả. Và khi vào đến xứ Bình Định này, nếu không vì thời cuộc thay đổi đã giữ chân cha mẹ tôi lại, có lẽ vùng đất này cũng chỉ là một thoáng dừng chân trong cuộc đời của tôi và cũng không có gì lưu luyến nhiều.

Huyện lỵ buồn

Thực tình mà nói, lúc mới vào vùng Bình Định, tôi không thích tí nào cả. Trước đó, dù

chưa có ý thức gì nhiều về đời sống quanh mình, tôi cũng đã từng làm quen với nếp sống thành thị lúc ở Huế, có phố xá đông vui, ban đêm có đèn điện sáng. Nay bỗng nhiên về sống ở một huyện lỵ nhỏ buồn, tối tối nhìn mấy ngọn đèn dầu le lói và đêm đêm nghe tiếng mõ cầm canh từ những điếm gác quanh huyện vang lên trong đêm vắng, tôi cảm thấy như có một cái gì bí ẩn đang vây phủ đâu đây khiến cho tôi đâm ra sợ sệt.

Đời sống ở một huyện lỵ nhỏ và nghèo thật buồn nản. Cha tôi làm việc ở công đường phía trước, lúc nào cũng áo dài khăn đóng, loại y phục mà trước đây tôi chưa hề thấy cha tôi mặc lần nào. Vô ra quanh quẩn mấy chú lính cơ và lính lệ. Những người có việc lui tới công đường đều áo dài đen, khăn đóng, và luôn luôn khép nép. Tôi cũng phải học lại cách ăn nói xưng hô cho phù hợp với hoàn cảnh.

Tôi bắt đầu đi học tại trường huyện. Trường nằm trong phố huyện nên mỗi lần đi học tôi lại có dịp nhìn thấy phố, mà phố thì cũng buồn hiu, lèo tèo vài cửa tiệm nhỏ, vắng hoe. Tôi cũng chẳng có bạn bè, vì giữa tôi và những người quanh tôi hình như có một sự cách biệt nào đó. Các học sinh khác, dù nhỏ hay lớn, cũng đều mặc áo dài và đi bộ đến trường. Tôi mặc sơ mi quần tây và ngồi xe kéo đi học. Những ngày không đi học, tôi chơi quanh quẩn một mình trong khuôn viên của huyện đường. Em tôi là gái, tính hay làm nũng, không thích những trò chơi như tôi, nên thường quanh quẩn bên mẹ. Thường ngày cũng chỉ có mấy người trong gia đình quây quần với nhau. Tôi không thấy có các chú bác bạn bè của cha tôi lui tới nhà như hồi còn ở Huế, nhất là các chú bác Hướng đạo sinh lúc nào cũng tự nhiên và vui vẻ.

Tôi bắt đầu để ý đến cảnh vật quanh mình. Đây là huyện Phù Cát, nơi cha tôi đang trị nhậm. Ngôi huyện đường mới xây cất lại nằm lẻ loi trên cái gò hoang trơ trụi, gần bên một cái sân vận động, cũng chỉ là một bãi đất trống trơn, chơ vơ cái cột cờ, mấy cái khung gôn và một cái khán đài nhỏ cũng luôn luôn trống vắng. Trước mặt huyện là con đường quốc lộ 1 và sau lưng huyện là con đường sắt Bắc Nam. Hằng ngày lác đác vài chuyến xe ngựa qua lại. Thỉnh thoảng mới thấy bóng dáng một chiếc xe đò. Năm thì mười thủa xuất hiện một đoàn công voa lính Nhật. Những chiếc xe nhà binh Nhật thường sơn màu ngụy trang và cắm thêm cành lá um tùm nên trông từ xa xa cứ giống như những lùm cây biết di chuyển làm cho tôi cũng cảm thấy vui mắt đôi chút giữa cái cảnh quá phẳng lặng này. Chỉ có những chuyến tàu qua lại vào những ngày giờ gần như nhất định trên con đường sắt sau nhà là mang lại cho tôi nhiều vui thích nhất, vì hình như lúc nào con tàu cũng mang lại cho tôi ít nhiều mơ ước.

Cũng có khi một vài xe nhà binh Nhật ghé vào huyện. Mỗi lần ghé vào huyện một cách bất chợt như vậy thì mấy chiếc xe này lại không đậu theo lối đi mà chạy thẳng đến mấy giàn bông hay chỗ có bóng cây, có khi còn chạy thẳng vô đậu dưới giàn mướp sau nhà. Tôi có hỏi cha tôi tại sao họ làm như vậy thì cha tôi bảo là họ muốn núp không cho máy bay đồng minh thấy sẽ bắn. Tôi không hiểu đồng minh là gì, và tại sao họ lại bắn xe Nhật. Còn mẹ tôi nói Nhật hay chặt tay những người ăn cắp họ bắt được. Họ lại còn có thói quen mổ bụng để tự sát mỗi khi họ bị thua người khác. Nghe những chuyện rùng rợn như vậy, tôi đâm ra không thích Nhật. Mỗi lần thấy có xe Nhật vào huyện là tôi lại cảm thấy băn khoăn lo sợ.

Bình thường, mọi sinh hoạt trong huyện hình như cũng chỉ là một con số công chuyện lặp đi lặp lại và xảy ra một cách thật đều đặn theo những hồi trống ngày hai buổi báo hiệu giờ làm và giờ tan việc, chỉ trừ đôi khi có quan Tây hay cụ lớn An Nam nào đó ghé huyện là một dịp để cho huyện tổ chức nhộn nhịp đón tiếp. Các trấng đinh lo dọn dẹp, trang hoàng, kết bông và treo cờ, những lá vàng và cờ xanh trắng đỏ. Quan lớn bao giờ cũng đến bằng xe du lịch sơn màu đen bóng. Phường nhạc bát âm đứng đón ở ngoài cổng. Toán lính lệ lăng xăng chạy tới chạy lui, còn toán lính cơ thì dàn thành một hàng ngang trước bùng binh cột cờ, hướng mặt vào công đường. Những chiếc lưỡi lê được tuốt trần, sáng loáng, cắm trên nòng khẩu súng dài cho thêm vẻ oai phong. Tôi tìm một chỗ khuất nẻo đứng nhìn vì cha tôi dặn con nít không được phép đến gần chỗ quan quyền.

Cũng có lần tôi tìm được chỗ núp gần hơn để xem cho rõ. Hôm ấy huyện đang sửa soạn để tiếp đón cụ lớn Thượng. Khi xe cụ lớn vừa hiện ra xa xa là phường bát âm bắt đầu trổi nhạc. Các hương hào viên chức trong huyện đều áo dài khăn đóng chỉnh tề đứng trong sân trước công đường. Đội lính cơ trong tư thế chuẩn bị, và khi xe quan lớn vừa vào tới tiền sảnh, thì toán lính cơ bồng súng chào trong khi cây kèn đồng độc nhất của đội lính cơ thổi một

điệu nhạc ngắn. Cha tôi đứng chờ sẵn nơi bậc cấp. Cụ lớn trong bộ áo dài gấm màu xanh dương bệ vệ bước ra khỏi xe, và mọi người xá chào. Thật là uy nghi, thật là trịnh trọng. Qua buổi lễ, huyện lại vắng lặng.

Mỗi chủ nhật tôi theo cha mẹ ngồi xe kéo đi xem lễ ở nhà thờ Kiều Đông, cách huyện chừng năm cây số. Ngôi nhà thờ nhỏ lợp tranh trông cũng nghèo nàn như vùng đất, chỉ thấy cát và sỏi đá nơi đây vậy. Mỗi lần đi lễ như vậy, tôi lại có dịp nhìn thấy cái tháp nhỏ nằm về phía nam của con đường đất. Cha tôi bảo đây là đất nước Chiêm Thành cũ, và cái tháp đó là di tích của một vương quốc đã diệt vong. Vào thời xa xưa, thành Đồ Bàn, kinh đô của vua Chiêm cũng nằm trong vùng này. Mẹ tôi thì bảo đất Chiêm Thành có rất nhiều ma Hời nên mỗi khi nhìn thấy cái tháp, tôi lại thấy e ngại và bị ám ảnh về những ý tưởng suy vong và chết chóc. Nhìn thấy nhiều cái không giống như những điều mình mơ ước tưởng tượng, đôi khi tôi vẫn tự hỏi tại sao cha mẹ mình lại bỏ chỗ đông vui để về đây sống buồn nản như vậy.

Có lẽ mẹ tôi không thích cuộc sống ở đây mấy vì tôi thường nghe người chê trách nào là chợ búa xa xôi mà cũng phải dăm bảy ngày mới có một phiên chợ, còn hương làng biếu

TĂNG PHÒNG

(Nguyên tác của
Trúc Lâm Sơ Tổ Trần Nhân Tôn)

Thị phi niệm trục triêu hoa lạc
Danh lợi tâm tùng dạ vũ hàn
Hoa lạc vũ tình sơn tịch tĩnh
Nhất thanh đề điểu hựu Xuân tàn

PHÒNG CỦA TU SĨ

(Dịch nguyên ý bài Tăng Phòng)

Chuyện phiền não niệm tan
Như hoa mai rơi rụng
Bã lợi danh còn vọng
Là mưa tối lạnh lùng
Hoa rụng hết, mưa ngưng
Núi hoang vu tĩnh mịch
Nghe tiếng chim rỉu rít
Biết Xuân đã phai tàn

NGUYỄN MINH LỄ

CAO TĂNG NIỆM

(Diễn dịch bài Tăng Phòng)

(Để kính ngưỡng mộ vị anh quân đời Trần)

Sương sớm phủ cả trời,
Hoa rụng bên kia đồi
Tâm động theo hoa về nguồn cội
Để lại trong ta dạ thảnh thơi.

Mưa giăng qua đỉnh núi,
Nước chảy dưới vực sâu
Cuốn lòng danh lợi theo dòng nước
Cõi tịnh từ nay tỏa nhiệm mầu.

Mưa tạnh hoa rơi,
Tĩnh mịch núi đồi
Xao động tiếng chim trên đỉnh núi,
Xuân qua lặng lẽ một mình thôi.

NGUYỄN THỊ XUÂN LỘC

QUỐC SĨ HÀNH

(Họa ý bài Cao Tăng Niệm)

(Kính dâng những anh hùng vì nước quên mình)

Dặm trường chiều xuống vội
Sương tỏa giữa lưng đồi
Nặng lòng kẻ sĩ trăm ngàn mối
Quốc hận sao đành mộng thảnh thơi

Gió vờn qua tóc liễu
Trăng lặn đáy gương hồ
Thế sự đầy vơi như chén rượu
Tâm còn ấp ủ một cơ đồ

Hùng ca quốc sĩ hề
Vang vọng khắp sơn khê
Gian khổ hiểm nguy lòng vẫn quyết
Kiên gan tiến bước vẹn lời thề

NGUYỄN MINH LỄ

xén thì chỉ thấy cái đầu heo, chẳng bao giờ có được miếng thịt mà ăn. Chính tôi cũng nhận thấy điều này. Cứ như rằng mỗi lần làng tổng có đình đám là đám hương hào lại lễ mễ bưng tới một mâm có phủ khăn đỏ. Lúc giở ra thì bao giờ cũng là một cặp rượu *"công xi"* và cái đầu heo trắng hếu, banh đôi má ra, còn đôi mắt thì híp lờ mờ làm cho tôi có cảm tưởng như là heo vẫn còn ngơ ngác về một điều gì đó.

Cái món đầu heo này đem biếu quan để tỏ lòng kính trọng. Nhưng quan lại chẳng bao giờ đụng tới nên rốt cuộc chỉ có mấy chú lính trong huyện là có được bữa rượu, còn quan hưởng tấm lòng. Cũng có khi có người mang biếu quà gì đó và còn đèo thêm cặp gà hay là con gà trống thiến nhốt trong cái lồng tre. Họ thường xin mấy chú lính lệ cho vào nhà sau gặp mẹ tôi, nhưng sau đó tôi thấy cha tôi đi vào, la rầy chú lính lệ và trách mẹ tôi điều gì đó, còn người đến biếu xén thì lại mang quà ra về và mặt mày thì buồn thiu. Tôi không hiểu chuyện, nhưng thấy mẹ tôi buồn tôi cũng không vui.

Mẹ tôi ngày nhỏ cũng từng được đi học chút ít chữ Pháp, biết làm thơ, biết hát nhạc mới, và trong hôn nhân, người kết hôn với cha tôi là do tình yêu chứ không phải do sự định đoạt của đôi bên gia đình. Đối với xã hội thời bấy giờ, mẫu người như mẹ tôi được coi như là thành phần phụ nữ mới. Điều làm cho tôi nhớ đến mẹ tôi nhiều nhất là khi sống ở chốn huyện lỵ nhỏ này, hình như người có một nỗi buồn nhớ nào đó cho nên tôi vẫn thường nghe mẹ tôi hát những bài với âm điệu dịu buồn, làm cho tôi nhiều lúc cũng cảm thấy buồn lây. Bài hát mà mẹ tôi thường hay hát nhất có những câu như: *"Buồn nhớ cố hương, lòng ta có bao giờ thắm tươi...,"* hoặc là: *"Sống xa một mình, ta đau lòng nhớ tới quê nhà..."* Tuy lúc bấy giờ tôi chưa hiểu được ý nghĩa, nhưng qua giọng hát của người, tôi cũng nhận thấy người có một nỗi thiết tha nào đó về một cái gì thật là cách xa...

Nhưng cái nỗi nhớ thốt ra lời kia, theo như bây giờ tôi nghĩ, cũng chỉ là để che giấu một nỗi buồn khác, còn nhiều ray rứt. Trước khi gia đình tôi bỏ Huế để vào Bình Định, thì mẹ tôi đã bỏ mất một đứa con. Thằng em trai của tôi chết khi vừa tròn một tuổi. Tôi chỉ nhớ ngày ấy nó bị mọc hai cái nhọt đằng sau mang tai. Cha mẹ tôi mang nó cho bác sĩ khám và bác sĩ đã giải phẫu cho nó. Sau khi băng bó xong, mẹ tôi ẵm nó về nhà. Tôi nhìn thấy đầu nó quấn băng trắng chằng chịt. Qua hôm sau tôi thấy mẹ tôi và chị giúp việc sửa soạn tắm rửa cho nó. Tôi đang chơi ở phòng ngoài, thì nghe trong buồn có tiếng nó khóc ngất lên một hơi ngắn, rồi tiếp theo là tiếng mẹ tôi nức nở và tiếng chị người làm kêu la thất thanh. Tôi chạy vào thì thấy mẹ tôi đang ẵm ngửa nó nằm bất động trong lòng, ở dưới đất còn vương vãi đống băng trắng loang lổ vết máu đỏ.

Tôi không nhớ rồi sau đó tôi có những việc gì xảy ra, nhưng tôi nhớ là tôi có được cha mẹ cho đi đưa đám nó, và nó đã được chôn cất tại Phủ Cam, trong khu nghĩa trang mà bà ngoại ruột của tôi đã yên nghỉ từ ngày mẹ tôi mới lên hai tuổi. Tôi nhớ rất rõ điều này vì sau khi từ giã nó, tôi được cha mẹ tôi dẫn đến viếng mộ bà ngoại.

Từ ngày mất nó, mẹ tôi không còn tươi vui như trước. Hình như người luôn luôn có một nỗi ray rức nào đó ở trong lòng. Nhiều người đến thăm và khuyên giải mẹ tôi. Trong vô số những lời người khác dùng để an ủi mẹ tôi mà tôi nghe được, hình như đều nhắc đến một điều: *"nó chết đi vào lúc tuổi đời còn hoàn toàn trong trắng là một phước lớn, vì nó được Chúa trên trời cao rước thẳng về nước Thiên đàng."* Đành rằng nó đã về thẳng với Chúa trên nước Thiên đàng, nhưng riêng đối với người còn sống thì cũng không làm sao tránh khỏi buồn rầu vì nhớ thương.

Thấy mẹ tôi hay nhắc nhở về một quê hương với một dòng sông, một ngôi nhà với giàn hoa thiên lý, một xóm làng thân thuộc với bao nhiêu là kỷ niệm êm đềm, tôi cũng cảm thấy mình cần phải có một quê hương để thương nhớ. Nhưng trong ký ức của tôi chưa hề có hình ảnh một dòng sông hay một ngôi nhà nào cả. Còn bà con thân thuộc lại càng khó hình dung hơn nữa vì ngoài ông bà ngoại tôi nhớ có gặp vài lần, tôi không còn biết ai khác, lấy đâu ra kỷ niệm bây giờ. Cha tôi thì lại không nói gì về quê hương và hình như quê hương đối với người có một điều gì đó khiến cho người có vẻ như không bao giờ muốn nhắc đến nó với tôi.

Cùng đi theo vào ở đất Bình Định này với cha mẹ tôi còn có anh Đài. Mẹ tôi có bảo cho tôi biết anh ta là anh họ bên ngoại của tôi. Năm ấy anh ta cũng vào khoảng tuổi 16 hay 18 gì đó. Dì họ tôi nhà nghèo lại đông con nên khi nghe tin cha tôi ra làm quan bèn nhờ mẹ tôi xin với cha tôi cho gửi gắm anh Đài theo để

mong có dịp tiến thân. Tôi không biết lúc sống ở huyện lỵ này anh Đài có làm công việc gì bên ngoài không chứ riêng về những công việc trong nhà thì cũng đã có nhiều người, ai lo việc nấy rồi. Có điều tôi không thấy anh ta cùng ngồi ăn cơm chung bao giờ. Anh ta được cha mẹ tôi dành cho một phòng nhỏ riêng ở dãy nhà ngang. Thỉnh thoảng đi qua phòng, thấy có anh ta ở trong đó, tôi vẫn hay ghé vào để nghe anh ta kể chuyện.

Anh ta kể cho tôi nghe đủ thứ chuyện, tôi cũng không còn nhớ nổi. Tuy nhiên có một chuyện, anh ta kể với giọng say sưa và kể đi kể lại không hề chán là ở một xứ sở xa xôi nào đó, mọi người đều sống một cách thật là sung sướng vì tất cả mọi cái đều là của chung và ai cũng có quyền hưởng một cách đồng đều. Anh ta cũng hay nhắc đến hai chữ Cộng sản với niềm hân hoan như người ngoan đạo nói đến hai chữ Thiên đàng.

Tôi chẳng hiểu cộng sản là gì, nhưng còn chuyện cái gì cũng là của chung cả thì tôi không thích tí nào. *Tôi không thích chiếm cái gì thuộc về người khác nên tôi muốn người khác cũng phải để cho tôi được có những cái riêng tư của tôi.* Những chuyện anh Đài kể hầu như hoàn toàn trái ngược với những chuyện mẹ tôi kể vì tôi cũng đã từng nghe mẹ tôi nhắc đến có một lần nào đó lúc tôi chưa sinh ra đời, ở quê ngoại tôi đã có một lần cộng sản nổi dậy, giết chết rất nhiều người làm cho mọi người sợ lắm. Tôi không biết chuyện nào đúng, nhưng tôi cũng không tin lời anh Đài nên cũng chẳng bao giờ tôi đem những chuyện anh ta kể cho tôi ra kể lại cho cha mẹ tôi, vì lỡ cha mẹ tôi mà la rầy anh ta thì thế nào anh ta cũng ghét tôi. Dù sao thì anh ta vẫn là anh họ của tôi kia mà.

Dòng đời cứ thế mà trôi độ nửa năm thì một hôm tôi thấy huyện xôn xao vì có tin Nhật đảo chính, Tây đã bị lật đổ. Tôi nghe mọi người nói Việt Nam được độc lập. Nhưng độc lập là cái gì, tôi không hiểu. Tôi chỉ thấy lá cờ xanh trắng đỏ bị hạ xuống. Sau đó có lá cờ vàng sọc đỏ mà người ta bảo là cờ quẻ ly được kéo lên, bay phất phới trên cột cờ trước công đường, và trong huyện vẫn không có gì thay đổi.

Rồi có hôm nào đó có tiếng máy bay gầm thét ngang qua huyện và tiếp theo là mấy loạt tiếng nổ rền vang động bầu không khí vốn thường yên tĩnh. Mọi người dáo dác lo sợ. Khi máy bay đi khỏi một lúc lâu thì có người đến báo cùng cha tôi máy bay đồng minh vừa mới bắn đoàn xe lửa chở hàng đang đậu ở ga. May mắn không có ai bị thương, chỉ có mấy toa xe bị trúng đạn thủng lỗ chỗ mà thôi. Sau đó cha tôi cho lệnh làm mấy cái hầm trú ẩn và dặn cả nhà nếu nghe báo động là phải xuống hầm ẩn nấp.

Quan Tây không còn xuất hiện nhưng bắt đầu có một hai quan Nhật mặc đồ kaki, đeo gươm dài lết phết ghé huyện. Mấy chú lính cơ lính lệ trong huyện đều mất đi vẻ oai phong. Còn viên thông ngôn người Việt Nam đi theo mấy viên quan Nhật thì lại có vẻ lăng xăng hăng hái như thể đang làm những việc quan trọng.

Cũng vào khoảng thời gian này, tôi lại nhận thấy một hiện tượng khác thường xảy ra bên ngoài. Hết ngày này sang ngày khác, trên con đường quốc lộ chạy qua trước huyện, có những tốp người lẻ tẻ, vừa đàn ông lẫn đàn bà, người nào cũng ốm yếu xanh xao, có người chống gậy mà hình như cũng không bước nổi. Tất cả đều ghé vào huyện xin ăn và tất cả đều hướng về nam đi tiếp. Họ đều có chung một giọng nói không giống với giọng người ở địa phương này mà lại na nát giọng của những người trong gia đình tôi. Tôi có hỏi mẹ về họ thì mẹ bảo rằng họ là những người dân từ miền Bắc vì nạn đói nên đã phải bỏ xứ mà đi. Quê tôi cũng đâu ngoài miền Bắc. Người ta bảo ngoài miền Bắc, Nhật thu gom hết lúa gạo khiến cho người dân quê không còn cái gì để ăn. Có nơi người đói đã ăn cả thịt người. Tôi nghe mà rợn tóc gáy. *Lẽ nào quê hương tôi lại buồn thảm đến thế sao?*

Đó cũng là tất cả những biến chuyển của giai đoạn lịch sử sôi động của đất nước tại một huyện lỵ nhỏ bé mà tôi đã ghi nhận được vào ký ức của mình. Tuổi thơ bắt đầu ý thức về cuộc đời xung quanh mình của tôi đã ghi dấu bằng những hình ảnh khởi màu của một cuộc chiến tranh trường kỳ và gian khổ trên đất nước này, nhưng tôi vẫn chưa hiểu biết gì cả. Tôi vẫn đang tưởng tượng đến một vùng đất nào đó thật êm đềm, có một dòng sông, ngôi nhà ấm cúng và những ngày sống thật thanh bình. Và cái huyện lỵ Phù Cát buồn tẻ này, với những gò cát nóng hoang vu, những con ma Hời vất vưởng từ cái tháp Chàm hoang phế theo như tôi tưởng tượng, chỉ là một thoáng nhớ qua đi, nếu như một ngày nào đó, tôi không còn ở đây nữa.

(Còn tiếp)

THẦY GIÁO NHU

Truyện
MINH ĐẠO

Làng Kim Xá, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên là một làng nhỏ nằm bên bờ sông Hát. Tương truyền từ thế kỷ thứ mười, các văn nhân trong làng cùng các khách hào hoa ở các vùng lân cận đã cùng nhau lập ra một thi xã: Thi xã Kim Anh. Nhưng cái truyền thống văn học của ông cha các thế hệ con cháu về sau lại không giữ được, để mặc cho suy đồi, hỏng cả. Đất đai không có bao nhiêu, dân cư mỗi ngày một đông nên đời sống trong làng không được sung túc. Nhất là sau những thiên tai, đê sông Hát vỡ, cảnh đói khổ lại xảy ra, một số dân làng lại phải tha phương cầu thực. Nước chảy chỗ trũng. Nước rút lại rút theo một phần sinh lực của các ruộng ở vùng cao để bồi đắp thêm mầu mỡ cho những ruộng ở vùng thấp. Dân cư trong làng cũng vậy: sau ngày nước rút, chó nhà giàu trong làng suốt ngày hằn học sủa, toa rập với vẻ uy nghi của mấy bức tường cao cắm đầy mảnh chai, cái cổng gỗ lim vững chắc khiến lũ người nghèo khổ, cầm rá đến vay thóc đứng run lập cập ở trước cổng càng thêm lính quýnh sợ hãi. Và cái giọng quát tháo hách dịch của đám gia nhân không bỏ lỡ dịp nào để tỏ vẻ mẫn cán với chủ đã đủ làm cho những bàn tay gầy guộc, bẩn thỉu đành liều mà thò tay vào nghiên mực để in một dấu tay lem nhem trên tờ giấy nợ chịu lãi gấp ba như tự ký bản án chung thân tùy thuộc chủ nợ của mình.

Về mặt văn học thì lại càng tệ lắm! Hàng bao nhiêu năm nay tuyệt nhiên trong làng không có ai đậu đạt gì cao đủ khiến cho cái đám cờ quạt võng lọng lòe loẹt vẫn được cất kỹ từ lâu trong hòm được dịp đi diễu nghênh ngang trên con đường từ huyện về làng cho cả tổng phải trầm trồ, ghen tị.

Thực ra mấy năm trước cũng có một thầy đồ thuộc giới cựu học lỡ thời. Thầy ở vào buổi Tây Tàu nhố nhăng, lại không thể chen chân nổi với đám bồi, đám ký, đám thông mà kiếm miếng ăn nên đành phải giữ cái học của người xưa làm mưu hồ khẩu. Sáng sáng, thầy vẫn đọc

sang sảng mấy vần Tam Tự Kinh hay Minh Tâm Bửu Giám cho đám vài chục đứa trẻ đầu còn để chỏm gò lưng xuống nền đất lập cập viết những hàng chữ Nho xiêu vẹo trên những tờ giấy bản gấp đôi. Từ khi nhà nước bảo hộ bỏ hẳn lối học xưa, chuyển sang chữ quốc ngữ thì lũ trẻ con kia cũng lủi dần. Thầy đồ bỗng cay đắng nhận ra rằng cái đất làng này không thể phát về văn học được. Cái đồi phía sau không đủ cao, thế không đủ hiểm; con sông phía trước dài mà không đủ rộng, sâu để chở che; đất cằn mà không tụ thủy. "Không phải là nơi hun đúc, ươm dưỡng được cái chí; không đủ hiểm cho việc dụng binh. Hình thế kém như vậy chỉ đủ phát cho bọn khôn vặt xoay ăn quẩn trong đám cùng đinh; đủ dung cho bọn đầu trộm đuôi cướp ẩn náu, tuyệt không phải là nơi dừng chân cho những bậc có hùng tâm, đại chí." Thầy đồ tự an ủi như thế và một hôm thầy bỏ đi.

Trên đỉnh quả đồi phía sau làng có một ngôi chùa cổ núp bóng dưới những tàn cây cao, ẩn mình trong đám cỏ cây rậm rạp. Từ ngày được biết có những kẻ lỡ độ đường khi ghé vào làng tạm nghỉ hay bị đám tuần đinh hạch hỏi, mè nheo trầu thuốc, sư cự trụ trì bảo chú tiểu phải luôn mở cửa chùa để đón khách thập phương.

Một đêm nọ, trời mưa lớn. Cơn mưa đầu mùa vội và bạo đổ chụp xuống cái làng đang khép nép dưới chân đồi. Mưa vừa dứt hạt thì nước đã rềnh lên trong những ao, hồ, những vũng, lạch, làm lũ ếch nhái sực nhớ đến nhau, rạo rực gọi nhau om sòm, gieo vào bóng đêm mênh mông của một tối mùa hè thứ âm thanh hỗn tạp và buồn tẻ, phá vỡ cái tịch mịch sau cơn mưa của một vùng thôn xóm đìu hiu.

Trước cổng chùa bỗng xuất hiện một người gầy và cao. Cái nón lá trên đầu không đủ che nên cái áo dài đen bạc màu lẫn cái tay nải khoác vai đều ướt sũng. Ánh trăng thượng tuần gầy và nhạt không đủ soi tỏ một khuôn mặt chữ điền tái ngắt, một đôi mày rậm đen nhánh, sắc gọn như vẽ bằng mực tầu trên đôi mắt long lanh đỏ của một người đang bị sốt. Khách có cái vẻ uy nghi của một người quen sống cuộc đời không ràng buộc, hào hùng và tự tin. Vị khách đột ngột ấy cất giọng khàn khàn run run của một người vừa đói vừa mệt gọi chú tiểu nhờ trình với sư cụ cho tạm trú qua đêm. Chú tiểu đã quen với cảnh lỡ độ đường nên sự hiện diện của khách không có gì lạ. Duy có điều phiền là khách bị ốm liệt giường khiến sư cụ lại phải trở lại nghề xưa, bắt mạch, hốt thuốc mất mấy hôm khách mới hoàn toàn bình phục. Trong mấy ngày ấy, chú tiểu thấy sư cụ vui vẻ, hoạt bát hẳn lên. Ngoài việc kinh kệ, sư cụ thường ngồi trong phòng nói chuyện rất lâu với khách mà sư cụ gọi là thầy giáo Nhu. Qua lần cửa đóng, những tiếng cười sảng khoái của khách và sư cụ thỉnh thoảng lại vọng ra khiến cảnh chùa bớt u tịch.

Một buổi sớm, sư cụ dẫn khách ra xem cái chái lợp lá phía sau chùa, nơi thiện nam tín nữ vẫn tụ họp nhau uống nước, ăn trầu trong những ngày lễ lớn. qua câu chuyện trao đổi, thầy giáo Nhu bằng lòng dừng bước giang hồ, dùng cái bảng đen, viên phấn trắng thay cho nghiên bút nhà Nho để mở lớp học vỡ lòng chữ quốc ngữ cho đám trẻ con trong làng vốn vẫn còn xa lạ với tân học. Mấy cái bàn ghế xiêu vẹo được kê làm hai dẫy; mấy cái ghế gỗ dài được sửa lại cho thật chắc để có thể chịu đựng nổi cái hiếu động của lũ trẻ con; một tấm ván mỏng, to gần bằng chiếc chiếu sơn đen được treo lên. Thế là lớp học thành hình. Vài hôm sau, sư cụ xuống làng vận động với đám kỳ mục và thông báo việc mở lớp dạy chữ quốc ngữ miễn phí cho lũ trẻ trong làng.

Mọi việc diễn tiến thuận lợi, tốt đẹp. Lần đầu tiên trong cái làng từ lâu vẫn chìm đắm trong sự dốt nát này có được một lớp học vỡ lòng chữ quốc ngữ. Những tiếng ê a "chi, hồ, giả, dã" đã được thay thế bằng những âm "nhờ a nha huyền nhà, tờ a ta"... nghe cũng vui tai. Lũ trẻ yêu ngay thầy giáo mới vì thầy không quất roi mây đen đét như thầy đồ. Chúng cũng được ngồi ngay ngắn trên ghế dài, tì tay vào bàn mà viết chứ không phải quì mọp như trước nữa. Những chữ mới thầy dạy cũng dễ nhớ, dễ học hơn nhiều so với đám chữ Nho rắc rối mà lũ trẻ gân cổ lên gào, dù lập đi, lập lại nhiều lần vẫn trôi tuồn tuột như nước đổ lá khoai, không bám được vào đầu lũ trẻ bao nhiêu. Mà lạ quá, cứ đánh vần xong một chữ thì lập tức chúng biết ngay nghĩa của chữ ấy, giống y như những điều mà hằng ngày chúng nói, chúng gọi, khác hẳn với đám chữ Nho rắc rối của thầy đồ, mỗi chữ thầy lại phải giảng giải. "Đây là thứ chữ của riêng nước mình," thầy giáo nói vậy. Biết được điều này, lũ trẻ thích lắm, càng hăng hái tập đánh vần. Hơn bốn mươi cái miệng, cái nào cũng không muốn tiếng của mình chìm lỉm trong tiếng vang chung nên càng cố gào tướng lên làm kinh động lũ chim chóc từ lâu vẫn sống núp dưới

bóng của đám cỏ cây rậm rạp trong chùa. Và sư cụ cũng lấy đó làm vui cho quãng đời tàn xế và hiu quạnh của mình.

"Thầy giáo thử nghĩ xem, làm sao để cho những con người ấy hiểu được! Những người nghèo thì quanh năm lúi húi ngoài đồng và vẫn kiếm không đủ ăn. Một năm họa hoằn được một vài ngày lễ Tết mới rảnh rang một chút để lên chùa lễ Phật. Tôi đã dặn nhiều lần, lễ Phật cốt ở lòng thành, không phải bày vẽ cho rườm, cho tốn. Ấy vậy mà họ cứ áy náy, rụt rè giấu trong vạt áo khi thì vài quả cau, dăm lá trầu, lúc mấy quả cam hay chuối. Thế mà lúc nào họ cũng e ngại không đủ thành kính với Phật tổ. Họ là những người chất phác, thật thà. Nếu họ có hiểu lệch lạc Phật pháp phần lớn cũng do những người ồn ào phức tạp kia. Bọn ấy lấy sự hậu hĩnh của lễ vật làm chứng cớ của lòng thành, lườm nguýt, dè bỉu, ganh tị nhau. Mang một ít lễ vật lên chùa thì cầu đủ thứ: nào là buôn may bán đắt, một vốn bốn lời, thăng quan tiến chức... Tuyệt không thấy ai trong đám có cầu Phật độ cho quốc thái dân an, cho lòng con người bớt điên đảo, sống sao cho đúng với thiên lương."

"Bạch sư cụ, thế khoản chi dụng trong chùa hẳn có khó khăn?" Thầy giáo Nhu hỏi.

"Từ lâu chùa với có một khoảnh đất nhỏ để trồng trọt. Vườn nhãn sau chùa, nếu săn sóc khéo, cũng tạm đủ chi dụng cho khoản hương đèn thờ Phật và tương chao đạm bạc cho hai miệng con người. Thầy cố lưu lại đây vài năm để soi sáng cái tăm tối của đám trẻ con làng này thì thật là vô lượng công đức!"

Nhưng cứ nhìn khuôn mặt rắn rỏi, đôi mày rậm nhíu lại, đôi mắt cương nghị và u buồn thì sư cụ hiểu rằng cái ao nhỏ và yên tĩnh này không phải là nơi cho loài kình ngạc vẫy vùng.

Sau những bài học cơ bản về phép đánh vần, những bài tập viết, thầy giáo Nhu bắt đầu dạy lũ trẻ những nét đại cương về lịch sử, địa lý dân tộc. Thầy cũng dạy chúng bốn phép tính cộng trừ nhân chia, vài kiến thức về khoa học, vệ sinh sơ đẳng. Học sinh, đứa lớn nhất đã 17 tuổi, nhỏ nhất 8 tuổi, phần lớn ở lứa tuổi 12, 13 nên học cũng nhanh. Lũ trẻ ngày càng mến phục thầy Nhu. Mỗi ngày chúng lại khám phá vài điều mới lạ. Duy có thân thế thầy thì chúng không biết ra sao. Chúng cũng biết đứng nghiêm theo tiếng hô ra lệnh của đứa trưởng lớp mỗi khi thầy giáo vào lớp và trước khi tan học. Sau ba tháng thì không còn đứa nào hái trộm nhãn của chùa nữa.

Thấm thoắt đã gần hết năm. Tết sắp đến. Thầy giáo Nhu đã phải nghiêm giọng nhiều lần mới cấm được đứa trưởng lớp, cứ theo lệ cũ, mở sổ lạc quyên tết thầy. Dù đám quan viên dưới làng vì mải bàn việc cúng bái ngày Tết mà quên hẳn khoản thù lao ít ỏi cuối năm cho thầy, ngày 23 Tết, trong khi dân chúng sửa soạn cúng ông Táo thì thầy giáo Nhu cũng từ biệt sư cụ và đám học trò để đi ăn Tết ở một nơi nào không ai biết. Vẫn cái tay nải bằng vải thâm đeo vai, cái nón lá cũ, cái áo dài đen bạc mầu, đôi giầy vải, thầy ra đi mang theo cái không khí náo nhiệt và đầm ấm của lớp học.

Sau Tết, cũng vào một đêm khuya, thầy giáo Nhu trở lại. Dáng mệt. Hình như thầy vừa từ một nơi rất xa về. Thầy mang mấy quyển sách và bắt đầu soạn cho học sinh những bài học về luân lý, khoa học thường thức, những bài thơ ngắn ca ngợi lòng yêu nước, bổn hận công dân... Đối với lũ trẻ, điều này thật lạ lùng. Chúng biết ngoài làng xóm chúng ở, hoặc xa lắm là hàng xã, hàng tổng, còn có một cái gì chung lớn lao và quí giá lắm, do tổ tiên truyền lại từ lâu đời và mọi người đều phải giữ gìn. Đó là tổ quốc. Chúng cũng được biết về nguồn gốc tổ tiên, nhưng anh hùng cứu nước qua những bài học, bài thơ thuộc lòng ngắn, giản dị mà cảm đông. Và lần đầu tiên, một tình cảm mới lạ, hoang mang và mơ hồ nẩy nở trong lòng chúng. Thầy giáo bảo ai là người Việt Nam cũng phải có, cũng phải giữ, đó là lòng yêu nước. Ai có lòng yêu nước thì dù nhỏ tuổi cũng có thể làm được việc phi thường như Trần Quốc Toản, Phù Đổng Thiên Vương, hoặc chỉ xuất thân tầm thường cũng có thể trở thành những bậc anh hùng mà cả nước phải biết ơn, tôn thờ như hai bà Trưng, bà Triệu, các vua Lý Thái tổ, Lê Thái Tổ, Quang Trung...

Nhưng các bài học ngắn về luân lý thầy trích trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng thì bắt đầu gây rắc rối, phát sinh những chuyện không hay. Thầy giáo Nhu cũng theo phong cách của người xưa, dạy luân lý không cần rườm lời chỉ bằng những câu chuyện ngắn, gọn làm thí dụ. Nhưng có điều thầy không để ý là thói đời, hễ đã làm việc gì quấy, nếu có ai nói xa nói gần, nói động đến chuyện ấy là lập tức vơ ngay vào mình, cho là có ý xỏ xiên xa gần, vì thế mà sinh phiền.

Đầu tiên là cụ chánh tổng. Một hôm, đứa con trai 12 tuổi của cụ, cũng là học trò thầy Nhu, đang gân cổ gào một bài thuộc lòng nói

về người nghiện thuốc phiện: "...Thầy Chánh Còm từ khi đã mang thuốc sái đến giờ thành ra lười biếng, chậm trễ. Sáng dậy ít ra cũng phải mươi năm điếu mới mở mắt ra được, và cả ngày quanh quẩn cạnh bàn đèn, chỉ cái se, cái lọ, ngoài ra không thiết đến việc gì nữa" (1). Đúng lúc ấy, cụ Chánh tổng mới hút tới điếu thứ năm, nghe vậy cho rằng con mình ra điều tân học, có ý xỏ xiên mình, liền nổi giận, vác gậy đuổi đánh con, miệng la bai bải như người mất trộm:

"À, ra thằng này láo! Đồ bất hiếu, bất mục! Tao hút là hút của tao, do tiền tao kiếm được, có động chạm tới ông bà, ông vải nhà mày đâu mà mày xỏ xiên ông! Tao tưởng cho đi học, mày học được điều hay, không ngờ mày lại dám chửi cả bố! Từ nay, ông cấm tiệt!"

Thế là thằng bé không dưng bị một trận đòn đau, lại còn phải đi chăn trâu như trước.

Khi đã nguôi cơn giận, cụ chánh vốn thâm trầm, nghĩ sâu, cho rằng thằng bé không thể có cái mưu thâm này, hẳn do thằng thầy nó đứng phía sau xúi giục. "Cái mặt lầm lì ấy mà táo tợn thật! Đến cả mình nó cũng không tha. Để rồi ông sẽ có cách."

Cách gì chưa thấy nhưng lớp học hôm sau vắng đi một đứa trẻ. Câu chuyện tưởng bình thường. Không ngờ lúc cụ chánh đánh chửi con thì láng giềng cụ, mụ Cốc, đang vạch vú cho con bú, nghe được đầu đuôi. cũng như tất cả những người đàn bà rỗi hơi khác, mụ Cốc cung cúc bế ngay con sang nhà bạn, mụ Cả Hẹ:

"Em có điều này hay lắm, chỉ nói riêng cho chị nghe thôi đấy nhé. Phải giữ kín."

Thế là câu chuyện được kể lại, nhưng cũng giống như mọi tin đồn khác, trước khi truyền đi đều được thêm thắt đôi chút. Mụ Cốc quả quyết rằng thầy giáo Nhu xúi thằng bé về chửi bố. Sau khi mụ Cốc về, mụ Hẹ cũng lập tức chạy đi tìm một người bạn khác. Và câu chuyện được lặp lại. Đúng theo thông lệ, để tỏ ra mình thông minh, mụ Hẹ cũng thêm vào đôi chút. Thầy phó lý tháng trước, trong phiên họp hội đồng kỳ mục, có bị cụ chánh tổng lấy quyền người trên mà át giọng nên thầy để lòng thù. Rằm vừa rồi, mượn cớ lên chùa lễ Phật, thầy phó lý gặp riêng thầy giáo Nhu nhờ viết bài cho con cụ chánh tổng đem về chửi bố.

Chỉ hai hôm sau thì nơi khoảng trống đầu làng, chỗ tập trung vài quán nước, mấy gian hàng quà vặt, hàng xén... và cũng là chỗ tụ họp của đám người rỗi hơi, lắm chuyện, đã ồn lên một câu chuyện có đầu đuôi hợp lý y như một vở tuồng soạn khéo: Ông phó lý từ lâu muốn hất chân cụ chánh tổng. Cụ chánh biết rõ âm mưu nên ngỏ lời đe dọa trong một buổi họp việc làng. Ông phó lý để tâm thù bèn giả cách đi lễ chùa. Ngoài vài thẻ hương, dăm quả cau,

KHÁNH HÀ

BỐN MƯƠI NĂM MÂY BAY

Bỏ lại dưới kia thành phố Los
Lớp lớp mây che sương phủ đầy
Nơi nào là hướng nhà chị ở
Chị có ngước nhìn mây trắng bay?

Con sông vẽ những đường chia cắt
Ngọn núi thu mình đứng lẻ loi
Ta hai hạt bụi trong trời đất
Tình cờ gió cuốn quyện chân nhau

Như trong giấc mộng mà ta gặp
Mới đó mà bốn mươi năm dài
Chị có giấu nỗi buồn trong mắt
Cho em soi tìm lại tháng ngày

Ở đây một góc quê người lạ
Đâu phải Sài Gòn yêu dấu xưa
Trên trang sách mới thơm mùi giấy
Có chút hương trời mưa nắng xưa

Người xưa cởi hạc vàng bay mất
Em cùng mây trắng bạt ngàn bay
Bốn mươi năm nữa còn ai nhắc
Quả đất tròn nên có một ngày...

ông phó còn giấu riêng một bao chè ngon để biếu thầy giáo Nhu, biết đâu lại chẳng có thêm một phong bao đựng vài đồng bạc được dúi lúc riêng tư? Thầy giáo Nhu vốn là tay tân học, táo tợn, lại có tài viết văn. Cái bài "chửi bố" kia là do thầy giáo soạn ra chứ hiển nhiên trong các sách thánh hiền để lại không có sách nào chép như thế. Vả lại, việc hút thuốc phiện đã có từ bao năm nay mà có ai nói gì đâu, chỉ là do thầy giáo Nhu đến đây gây chuyện. Trong làng cũng có khối người hút xách, sao không ai bị động đến. Bài học thuộc lòng còn ghi rõ là cụ chánh Còm. Chữ chánh thì hiển nhiên rồi. Tên cụ là Hợi chứ không phải Còm. Nhưng quả đáng tội, trông cụ gầy còm thật. Thế thì người bị chửi chẳng là cụ chánh Hợi thì là ai?

Có những điều tưởng rất vô lý, vô hại nhưng được khéo léo khớp lại với nhau lại trở thành rất hợp lý, rất thật. Tin đồn cũng như một cái máng dẫn nước vậy. Máng hướng về đâu, lập tức nước ùa về hướng đó. Đối với đám người rỗi hơi và đa sự thường tụ họp đánh chén trong quán rượu đầu làng thì chuyện không chỉ có thế.

Người ta chợt khám phá ra rằng thầy giáo Nhu còn có những âm mưu ghê gớm khác. Bài thơ "Buôn bán phải thật thà" (2) thầy cho học trò học thuộc lòng chẳng phải chỉ tính keo bẩn, cho vay nặng lãi bóp hầu bóp cổ của bà cai Ngật là gì! Sự khám phá ấy truyền tới tai bà cai Ngật. Lập tức bà lạch bạch chạy ra đầu làng xoạc cẳng ra mà hò, cố cho mọi người hiểu rõ tấm lòng nhân đức của bà. Trong vụ lụt vừa qua, bà chỉ cho vay thóc có một rá thành ba, chứ không phải thành bốn như bọn nói điêu vẫn xầm xì. Mụ la choe chóe:

"Bà thì vạc mặt nó ra, xỏ xiên gì! Mà bà có bảo đứa nào đến nhà bà lạy van, xin xỏ đâu! Tự chúng nó vác xác đến vay. Chỗ thuận mua vừa bán, nào ai ép uổng gì ai! Bà mà không cho vay thì chúng nó đã chết đói nhăn răn ra. Bà làm phúc làm đức, cứu nhân độ thế từ bao năm nay ai chẳng biết, động chạm gì đến mả ông, mả cha nó mà nó xỏ xiên!"

Còn cái câu "...Ai đã mắc phải cái tính xấu ấy thì chẳng mấy người tránh khỏi sự nghèo khổ, túng bấn, rồi sinh ra gian lận, điên đảo... phải đi ăn mày, ăn xin, ăn trộm ăn cắp làm những điều hèn hạ, xấu xa..." (3) thì nhất định ám chỉ ông trương tuần Mậu. Chẳng là lúc trẻ, ông trương tuần có lần ăn trộm tiền của bố đi gỡ bạc. Bị bố đuổi phải ra tỉnh sống lang thang. Nghe nói sau ông cũng kiếm được một chân giữ ngựa trong dinh quan tổng đốc. Mấy tháng sau, ông Mậu trở về. Cái đám xấu miệng cũng đồn là ông Mậu bị đuổi vì tội ăn bớt thóc ngựa.

"À, thằng này xỏ ông! Được, cây muốn lặng, gió chẳng đừng, nào ai tham ván bán thuyền gì ai! Để rồi ông tính cho."

Sau cái câu có tính văn học ấy là một nụ cười gằn đầy vẻ hăm dọa.

Câu chuyện cứ thế lan đi. Những chuyện nhỏ nhặt, vô nghĩa mà bị thổi phồng mãi lên thì ắt gây vạ lớn. Xưa nay những tiếng xầm xì còn nguy hơn cả gươm giáo. Tai tiếng oan uổng đeo đẳng nặng và lâu hơn cả một bản án tù. Bọn trộm cắp bị bắt tận tay, day tận mặt thì đi tù, còn bọn bươi móc rình mò, xúc xiểm không dễ gì tóm được quả tang. Nên thời nào, nơi nào cũng vậy, chúng nhung nhúc khắp nơi. Cả đến chốn văn chương phong nhã cũng không hiếm gì lũ ấy.

Câu chuyện cứ tiếp tục ồn lên, đầu này, xóm nọ. Cuối cùng, những người giầu có và chức phận trong làng ai cũng giật mình thấy các bài học luân lý của thầy Nhu có điều gì ám chỉ cái bí mật riêng tư của mình.

"Nó lại dám chửi cả làng à!"

Thầy lý trưởng tuyên bố như thế, theo đúng tác phong của giới có quyền thế xưa nay, tự cho mình là người của đại sự, của mọi người. Nếu có ai đụng chạm tới mình là đụng chạm đến cả làng, có thể đến cả nước không biết chừng. Và nếu mình có hại ngầm người nào ắt cũng chỉ vì nhân danh cái "chung" ấy, tuyệt không phải do lòng vị kỷ. Chỉ tội nghiệp cho lũ trẻ, không dưng nhiều đứa bị đòn oan, lại bị cấm tiệt không được héo lánh tới trường nữa. Lớp học vì thế vắng đi quá nửa.

Cứ theo những tin đồn đã được trao đổi, sửa lại cho xuôi tai thì phe các cụ cũng sửa soạn phản công chứ chẳng chịu để yên.

"Cái con người lầm lì, khinh khỉnh ấy, tẩm ngẩm mà đấm chết voi ấy! Thỉnh thoảng nó cũng xuống làng, niềm nở chào hỏi tử tế mọi người. Nhưng đó chỉ là bề ngoài để dò la. Không chừng nó thuộc loại đầu trộm đuôi cướp động ổ trốn lánh về đây chứ chẳng chơi. Trông mặt nó, tôi biết."

"Nó" đây là thầy Nhu. Cụ chánh đã nói như thế thì hẳn đúng, theo cái đám giặc nô và gia nhân xưa nay vẫn cúc cung phục vụ cụ, nay được dịp tỏ lòng mẫn cán, tung ra khắp làng.

Nguy hiểm hơn nữa, một hôm trong quán rượu, sau khi đã đánh ngã vài chai bố rượu

trắng, ông trương tuần tuyên bố oang oang với đám tuần đinh vây quanh ông:

"Tôi thì biết tỏng. Cái lối lầm lì, lý lịch quê quán không rõ ràng hẳn tên này phải ở trong các hội kín, âm mưu phản nhà nước bảo hộ chứ chẳng không. Rồi thì rũ tù! Rồi thì mọt gông!"

Vừa nghe mấy chữ "hội kín," "nước nhà bảo hộ" thì lập tức mấy người chung quanh xanh mặt lại, nhớn nhác nhìn nhau rồi lủi dần. Cụ Chánh, với cái láu vặt cố hữu của đám chức dịch, đủ khôn ngoan để hiểu rằng việc chứa một tên thuộc "hội kín" trong làng, lại còn mướn làm thầy giáo, trả lương bằng quỹ làng có thể làm các cụ liên lụy, mất chức, đi tù không chừng. Hình ảnh cái cơ nghiệp khó nhọc xây dựng bao năm nay bỗng dưng sụp đổ thì phải tốn phí chạy chọt đủ làm cụ tỉnh táo lại. Thế là cụ cuống lên, gọi vợ vào phòng thì thào:

"Bu mày liệu bớt mồm, bớt miệng lại, đừng có choe chóe nữa. Nó mà ở trong hội kín thực, quan trên biết ra, tra cứu bắt tội mình tại sao biết mà không tố giác thì thật chết!"

Thế là câu chuyện như cơn mưa mùa hè ồn lên như sôi rồi bỗng nhiên dứt hạt, trả lại yên tĩnh cho xóm làng. Và cũng giống như bầu trời xám xịt, trước khi sáng tỏ, cũng để rơi rớt lại vài tiếng sấm ầm ì. Trong các tin đồn rơi rớt lại, kẻ thì cho là thầy Nhu bí mật xuống làng xin nhận lỗi, lạy van các cụ nên các cụ tha cho. Người khác lại quả quyết rằng thầy giáo vốn tay hay chữ, định viết đơn tố các cụ về việc ăn chặn tiền cứu trợ trong nạn lụt vừa qua, các cụ sợ việc vỡ lở, nên đã tìm cách hòa giải với thầy. Tựu trung, câu chuyện từ đầu đến cuối, chẳng ra làm sao cả.

Duy trương tuần Mậu hãy còn cay cú. Hắn thuộc cánh "con nhà võ" nên nóng nẩy, không sâu mưu như bên "cánh văn," vẫn cùng đám đàn em thân tín tìm cách tống cổ thầy giáo Nhu đi. Thầy giáo Nhu làm gì chẳng biết chuyện ấy, nhưng thầy vẫn một mực im lặng, coi như không đáng quan tâm. Thầy vẫn thản nhiên dạy lũ học trò còn sót lại, nhưng đã mấy tháng không thấy thầy xuống làng. Một hôm, vì phải mua sắm một vài thứ cần thiết, thầy xuống gian hàng xén bên cạnh quán rượu đầu làng.

Lúc ấy, trời đã chiều. Vừa sau cơn mưa, đường làng lầy lội và đọng nước. Trương tuần Mậu đang cùng đám đàn em ngất ngưởng trong quán. Sau vài cút rượu, mấy cái mặt kia đã đỏ lắm, áo phanh ngực, chân dạng ra, khoác lác ồn ào.

Mua sắm xong, lúc thầy giáo đi ngang quán rượu thì những tiếng cười nói oang oang bỗng như bị một bàn tay vô hình chặn đứng. Bao nhiêu cặp mắt hết đổ dồn về phía thầy giáo, lại quay về phía trương tuần với cái háo hức của những kẻ đang chờ xem một chuyện gay cấn. Trương tuần Mậu, sau một lúc bối rối vì bất ngờ, ngoác miệng, chửi đổng:

"Ông thì có lạ gì cái mặt ấy. Đồ ném đá giấu tay! Đừng tưởng nho nhoe ít chữ mà đã vội khinh người. Ông thì biết gấp mười nó ấy chứ! Lại xỏ xiên à! Để rồi ông bảo cho!"

Tiếp sức cho câu hăm dọa ấy, một đứa đàn em nhặt một viên gạch ở chân tường ném ngay xuống vũng bùn, sát chân thầy giáo. Bùn bắn tung tóe lên vạt áo và trên khuôn mặt lạnh lùng của thầy. Cả bọn cười rộ, khoái trá. Thầy Nhu thản nhiên kéo vạt áo dài lau vết bùn trên mặt, tiếp tục đi, không lí gì đến đám vô lại đang cố tình gây sự. Thấy thầy giáo không phản ứng, trương tuần Mậu càng làm hùm làm hổ, gã lạch bạch chạy ra, đứng chặn ngay mặt thầy giáo, lăm lăm tay thước. Miệng nồng nặc mùi rượu, gã quát:

"Này, ông truyền đời cho mày biết từ nay phải cạch mặt ông ra, chớ đụng vào ông mà khốn, mà nhừ xương!"

Ở vào tình thế chẳng đặng đừng, thầy giáo đứng lại nhìn thẳng vào cái mặt đỏ au vì rượu của tuần Mậu. Mắt thầy long lanh, vừa nghiêm nghị vừa thương hại như muốn soi thấu vào cái sâu thẳm, tăm tối của cái đầu đang bốc rượu kia. Thầy cất giọng trầm và buồn, từ tốn mà nghiêm như đang nói với học trò:

"Tôi với ông không có điều gì để thù oán nhau. Tôi chỉ chép lại cho trẻ con những bài học luân lý làm người, mở mang cái thiên lương của chúng để chúng biết điều hay, lẽ dở để sau này chúng không phải sống cái đời tăm tối, nhục nhằn, dốt nát của một dân tộc nghèo đói và nô lệ. Nào tôi có ý xỏ xiên riêng gì ông đâu. Tôi tưởng ông là người lớn tuổi, đứng đắn, ai ngờ ông cũng theo cái đám la cà, lấy sự bàn ngang tán nhảm nơi đầu đường xó chợ mà nghi bậy, làm xằng mất cả cái tình con người với nhau đi. Áo tôi bị dính bùn nhơ, tôi còn giặt sạch được; còn cái tâm ông bẩn, ông lấy gì rửa cho sạch!"

Nói đoạn, thầy ung dung đi, bỏ gã trương tuần đứng trơ ra ở giữa đường. Trước vẻ uy nghi, trầm tĩnh và đường vệ của thầy giáo, gã

thấy mình bị hụt hẫng, không biết phản ứng thế nào. Nhưng để che giấu vẻ tẽn tò, gã cười gằn, vẻ gượng gạo:

"Nó biết nhịn thì ông tha cho. Lần sau thì biết tay ông!"

Không biết giải thích thế nào, trương Mậu lủi thủi bỏ về mặc lũ đàn em và bọn người hiếu sự đang ngong ngóng chờ kết quả trong quán.

Trời nhá nhem tối. Lũ ếch nhái và côn trùng rên rỉ một điệu nhạc đều đều buồn thảm. Trên con đường đất lầy lội có hai bóng người lầm lũi đi. Hai con người ấy, trong cái hắt hiu của một buổi chiều tàn, đều cảm thấy thương mình. Tâm tình mỗi người có khác nhưng cái mênh mông xót xa tủi cho mình và thương cho người thì lại giống nhau. Và cả hai đều thấy mình cô đơn lạ lùng.

Ngày hôm sau, cả lũ học trò nhao nhao lên khi nghe thầy giáo nói kể từ ngày mai, thầy bỏ lớp học. Chúng đã biết chuyện trương tuần Mậu đón đường gây sự với thầy giáo. Đứa lớp trưởng đứng ra năn nỉ xin thầy ở lại:

"Thưa thầy, ông trương tuần xưa nay vẫn có tính hay nạt người ai cũng biết. Thầy chấp ông ấy làm gì. Xin thầy bớt giận, ở lại dạy chúng con."

Nghe cái giọng ngập ngừng, run run như chính mình phạm lỗi của đứa học trò chất phác, thầy giáo Nhu vừa thương vừa buồn cười. Những mái đầu xanh này, cũng như từ bao thế hệ ông cha chúng, oằn lưng xuống nhẫn nhục cho qua kiếp nhân sinh. Thói quen nhẫn nhục đã thành nền nếp khó đổi. Những cái đầu đã quen nghĩ rằng người giầu hơn mình, người quyền thế hơn mình, thì lúc nào cũng đúng cả. Mình sinh ra để hứng chịu những cái sai, cái xấu, cái nhọc nhằn. Sự no ấm, sung sướng là để dành sẵn cho ai đấy không liên quan gì tới họ.

Với giọng trầm buồn, thầy nói:

"Các con không có lỗi gì cả. Ông trương tuần và cả những người thêu dệt, về hùa nói xấu thầy, cũng không có lỗi gì cả. Cái lỗi ấy là do sự tăm tối, dốt nát mà ra. Hơn một năm nay ở với các con thầy vẫn lấy làm mừng thấy các con, tuy ham chơi, ham nghịch, vẫn giữ được tấm thiên lương. Thầy chỉ dạy cho con một chút kiến thức để mở mang cái thiên lương ấy. Các con hãy cố gắng ôn tập những gì thầy đã dạy. Mai sau, trường học được mở ra khắp nơi, các con nên tiếp tục việc học để trở nên người hữu dụng. Tương lai nước nhà sau này hay dở là do thế hệ các con. Nhớ lấy. Đừng quên!"

Lần đầu, trong đôi mắt nghiêm nghị của thầy giáo hình như long lanh mấy giọt lệ hòa với nước mắt và tiếng khóc của đám học trò khi thấy thầy quyết định ra đi. Và, lần đầu tiên trong đời, thầy Nhu thấy lòng mình bịn rịn, vương vấn vì một sự chia tay trên bước đường đời vô định của mình.

Đêm hôm ấy, thầy giáo Nhu cùng sư cụ nói chuyện khuya lắm. Sáng ra, chú tiểu không biết thầy đi từ lúc nào, cũng đột ngột như khi thầy đến. Lớp học hoang vắng. Những cái bàn, cái ghế chỏng trơ, cái bảng đen, cái bàn viết của thầy buồn thỉu như nhớ những mái đầu bù xù khét nắng, những khuôn mặt nhem nhuốc... Chú tiểu cũng ngơ ngẩn như mất hồn. Lũ chim không bị khuấy động sợ hãi vì tiếng trẻ đánh vần, tiếng thầy giáo gõ thước xuống bàn cành cạch, bắt đầu tíu tít rủ nhau sà xuống sân chùa, gieo những âm thanh lảnh lót chơi vơi vào cái tịch mịch của chùa sau khi đám tục khách bỏ đi.

Chiều hôm ấy, trái với lệ thường, sư cụ không uống trà mà một mình đứng rất lâu trước cổng chùa. Đôi mắt già đăm đăm nhìn xuống con đường đất nhỏ chạy vòng dưới chân đồi, nơi thầy giáo Nhu đã tới và đã bỏ lại trong lòng một ông lão đã gần chót đời náu mình nơi cửa thiền, những mong thoát vòng tục lụy, nào ngờ cái nghiệp còn đeo đuổi, khiến tấm lòng thanh tịnh kia lại phải nhuốm cái buồn ly biệt của đám bụi trần!

Cơn mưa nhỏ rắc một màn bụi nước giăng giăng mờ mờ xuống thôn xóm, xuống cảnh chùa, thấm vào cái nón tu lờ, cái áo khoác vải nâu lót bông của sư cụ. Từ cái miệng móm mém trên khuôn mặt gầy khô bỗng thoát ra những tiếng thì thầm như tiếng niệm kinh:

"Ôi! Quả thật cái đất này bạc đức, không đủ duyên ngộ để giữ chân những con người chân chính. Ta đã cố trói buộc cánh chim giang hồ ấy vào một nghĩa vụ cỏn con, khai sáng cái tăm tối cho lũ trẻ con vô tội mà chẳng được! Thế chưa đủ vững, lực chưa đủ mạnh, thời cơ chưa thuận thì những con người có hùng tâm, chí kiên mà thiếu nhẫn chỉ làm hỏng việc mà thôi! Đại sự xem ra đã hỏng rồi! Và cái thế giới trần lụy đáng thương kia ắt sẽ còn chảy nhiều suối lệ!"●

(1) (2) (3): Trích Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp sơ đẳng, Việt Nam Tiểu Học Tùng thư.

HỆ THỐNG HỌC VỊ VÀ HỌC HÀM KHOA HỌC Ở VÀI NƯỚC TÂY PHƯƠNG

NGUYỄN VĂN TUẤN

(Tiếp theo)

Hệ thống học hàm

Học vị là những văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục cho học sinh sau khi đã hoàn tất một chương trình học. Học hàm là những chức vụ khoa bảng hoặc do chính phủ hoặc do các trường đại học đề bạt hay trao tặng cho những người giảng dạy hay nghiên cứu khoa học. Thí dụ như Bachelor, Master, và Ph.D. (hay tương đương) là những học vị; và Professor, Lecturer, và Fellow là những học hàm. Ngày nay, hầu hết những người làm công tác giảng dạy đại học đều phải có học vị tối thiểu là Master, nhưng thường là Doctorate hay tương đương.

Trong các trường đại học Tây phương, người ta phân biệt ba cấp nhân viên giảng dạy mà tôi tạm gọi [theo chức năng và trình độ] là: tập sự, trung cấp, và cao cấp. Ở bậc tập sự gồm các chức vụ như Teaching Assistant, Tutor. Proctor, v.v... Những nhân viên này có trách nhiệm làm phụ giảng, chấm bài thi, giám thị trong phòng thí nghiệm, v.v...

Ở bậc trung cấp gồm những nhân viên khoa bảng mang học hàm như Lecturer (ở Anh và Úc), Maitre Assistant (Pháp) và Assistant Professor (Mỹ) (13). Những nhân viên này là những người đang ở bước đầu trong nấc thang sự nghiệp khoa bảng, có nhiệm vụ trực tiếp giảng dạy sinh viên và làm nghiên cứu hoặc độc lập, hoặc dưới sự chỉ đạo của các giáo sư thâm niên.

Trên trung cấp một bậc là những nhân viên khoa bảng mang học hàm Reader (ở Anh và Úc), Maitre de Conférence (Pháp) và Associate Professor (Úc và Mỹ) (14). Những người này là những nhà khoa bảng đang ở trong thời kỳ "quá độ" để chuẩn bị được đề bạt lên một chức vụ khoa bảng cao nhất trong hệ thống học hàm đại học. Trong đại đa số, họ cũng là những nhà nghiên cứu độc lập và có ít nhiều uy tín trong chuyên môn.

Sau cùng là các nhân viên khoa bảng cao cấp, tức những người mang học hàm Professor (ở Mỹ, Anh, và Úc), Professeur (Pháp) hay Senior Fellow (Anh và Úc) (15). Họ là những nhà khoa bảng kinh nghiệm lâu năm và quá trình nghiên cứu có uy tín trên trường quốc tế.

Tiêu chuẩn để được đề bạt vào các chức vụ này thường dựa vào ba cống hiến chính: nghiên cứu, giảng dạy, và phục vụ cộng đồng. Về nghiên cứu, mức độ cống hiến cho kiến thức nhân loại được "đo lường" bằng số lượng và chất lượng các bằng sáng chế (patents) hay các bài báo khoa học (papers) được công bố trong các tạp chí khoa học chuyên môn (16). Tùy theo trường đại học, một Assistant Professor phải có ít nhất là 5 bài báo khoa học; một Associate Professor thường phải có tối thiểu là 30 bài báo khoa học; và một Professor phải có tối thiểu là 50 (thường là 100) bài báo khoa học.

Học hàm "kết hợp"

Ngoài các học hàm được phong hay đề bạt một cách nghiêm túc dựa trên thành thích hoạt động khoa học và giảng dạy, trong một số ngành như y khoa, kinh tế, và kỹ thuật, một số học hàm được trao tặng dựa vào sự quan hệ của người được trao và trường đại học. Trong các bệnh viện, một số bác sĩ chuyên khoa cao cấp, tuy không làm nghiên cứu khoa học và chẳng có công bố công trình khoa học nào đáng kể, có thể được bổ nhiệm chức vụ Lecturer, Assistant Professor, Associate

Professor hay thậm chí Professor trong các trường Y. Tương tự, một số chuyên viên nghiên cứu khoa học trong các công ty thương mại, tuy không giảng dạy, nhưng cũng được trao tặng các chức vụ khoa bảng trên.

Những "nhà khoa bảng" này không được trường đại học trả lương, và không phải là nhân viên chính thức của trường. Nhưng khi họ công bố các bài báo khoa học thì trường có quyền kể những bài báo đó như tài sản tri thức của nhà trường! Tuy nhiên, bù lại, họ được phép dùng những danh xưng khoa bảng của trường trong các văn bản liên quan đến hoạt động khoa học. Những học hàm này thường có chữ "Conjoint" hay "Adjunct" phía trước danh xưng "Professor" hay "Associate Professor" để phân biệt với những học hàm "thật." Việc dùng những danh xưng này, trên lý thuyết, thường được các trường đại học kiểm tra rất gắt gao; nhưng trong thực tế, nhiều người được trao những học hàm này thường lờ và bỏ đi những chữ "Conjoint" hay "Adjunct" để được người ngoài hiểu như những nhà khoa bảng thật!

Học vị và học hàm danh dự

Hầu như tất cả các trường đại học ở các nước Tây phương đều có những kế hoạch để biểu dương tên tuổi và danh tiếng của trường mình đến với thế giới bên ngoài. Để đạt được mục tiêu này, các trường đại học thường dùng chính sách cấp học vị và học hàm danh dự cho những nhân vật quan trọng trong cộng đồng. Những học vị và học hàm danh dự được trao tặng thường là những văn bằng và chức vụ cao nhất trong đại học: "Tiến sĩ" (Honorary Doctor) hay "Giáo sư" (Honorary Professor). Người được trao tặng không nhất thiết phải là cựu sinh viên hay cựu nhân viên của trường, cũng không cần phải có quá trình học vấn nào, mà có thể là một nhà hoạt động chính trị, nhà hoạt động xã hội, một nghệ sĩ, nhà báo, công chức ... có tiếng tăm. Ở Úc, cựu Thủ tướng Paul J. Keating, người có trình độ học vấn cấp phổ thông trung học, sau khi rời chính trường, được Trường Đại học New South Wales trao tặng học hàm "Honorary Professor," để ghi nhận đóng góp của ông trong nỗ lực đem tên tuổi nước Úc vào thị trường kinh tế Á châu.

Những học vị và học hàm danh dự, vì thế, có tính ngoại giao, "hữu nghị," hơn là những chứng chỉ khoa bảng. Do đó, trong thực tế, phần đông những người Tây phương được trao học vị và học hàm danh dự ít khi nào dùng nó như là một thành tích hoạt động khoa bảng hay trình độ học vấn; tuy nhiên, một số đông hương người Việt lại hay thích ký tên mình kèm theo những danh xưng danh dự nơi công cộng.

Ngoài các học hàm "hữu nghị" này, nhiều trường đại học còn phong chức "Emeritus Professor" (cựu giáo sư) cho các giáo sư đã nghỉ hưu, nhưng vẫn còn gắn bó với trường đại học. Danh hiệu này thường được trao tặng cho các giáo sư có đóng góp lớn cho khoa học, cho trường và đã làm việc tại trường trong một thời gian dài.

Vài chức vụ trong các hội đoàn chuyên môn

Một số ngành nghề chuyên môn như y khoa và kỹ thuật thường được tổ chức khá chặt chẽ, mà trong đó trình độ chuyên môn và đẳng cấp thâm niên được phân chia tương đối rõ ràng. Theo cơ cấu tổ chức này, những người hành nghề phải là hội viên của một hiệp hội chuyên ngành. Hiệp hội này có chức năng đề ra những tiêu chuẩn và qui tắc hành nghề, kiểm tra trình độ chuyên môn của hội viên, và quản lý nhân sự trong tổ chức. Theo định kỳ, thường là hàng năm, các hiệp hội chuyên môn này tổ chức một kỳ thi tuyển để kết nạp hội viên. Chẳng hạn như ở Úc và Anh, các bác sĩ muốn hành nghề chuyên khoa, ngoài việc thực tập một thời gian (khoảng 5 năm), còn phải qua một kỳ thi tuyển vào một "college" chuyên môn như "Royal College of Surgeons" (dành cho các bác sĩ giải phẫu), "Royal College of Radiologists" (dành cho các bác sĩ chuyên khoa bức xạ học), v.v... khi thi đỗ, thí sinh sẽ được cấp chứng chỉ hành nghề. Những chứng chỉ này thường có chữ "Fellow" phía trước, như "Fellow of the Royal College of Surgeons" hay (FRCS). Giới kỹ sư ở Mỹ cũng có những hiệp hội tương tự như trong ngành y khoa, nhưng cách thức thu nạp hội viên và tên gọi của họ khác ngành y khoa.

Tuy nhiên, trong các ngành nghề khác, có rất nhiều hiệp hội chuyên môn hoạt động một cách bán thương mại, và hình thức tổ chức không chặt chẽ như trong ngành y khoa và kỹ thuật. Phần đông những hiệp hội này mở cửa đón nhận tất cả các hội viên, không phân biệt trình độ học vấn và khả năng chuyên môn, ngay cả sinh viên cũng có thể gia nhập, và không phải qua một kỳ thi tuyển nào. Hội viên

phải đóng hội phí mỗi năm. Hội viên thường được gọi là "Member," thay vì "Fellow" như các hiệp hội nghiêm túc. Do đó, là hội viên của những hội này không có nghĩa là một bằng chứng về khả năng chuyên môn hay thành tích hoạt động khoa học.

Ngoài các hiệp hội chuyên môn, còn có những hội đoàn bách khoa, mà trong đó thành viên là tất cả các nhà khoa học hoạt động trong mọi lĩnh vực khác nhau. Những hiệp hội này thường có tên "Academy," chẳng hạn như "The National Academy of Sciences of the United States of America" (tức Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ). Không giống như Liên Xô cũ (nơi mà Viện Hàn Lâm Khoa Học Moscow là một trung tâm nghiên cứu), ở các nước Tây phương như Mỹ, Anh và Úc, viện hàn lâm không phải là một viện nghiên cứu, cũng không phải là tập hợp các viện nghiên cứu, mà là một đoàn thể hay tổ chức tư nhân bất vụ lợi, có chức năng chính là: (i) cố vấn cho chính phủ các chính sách liên quan tới khoa học và kỹ thuật; và (ii) giáo dục và cổ động quần chúng về khoa học và vai trò của khoa học trong xã hội.

Đối với phần đông quần chúng, cụm từ "viện hàn lâm" đồng nghĩa với nơi tập trung của những bộ óc siêu việt, những con người thông thái nhất của một quốc gia. Nhưng trong thực tế ở các nước có nền khoa học tiến bộ cao như Mỹ thì điều này chỉ đúng một phần, vì như nói trên, Viện Hàn lâm Khoa học chỉ là một đoàn thể, là một cơ quan đại diện [có thể là cao nhất] cho các nhà khoa học. Hội viên của hàn lâm viện thường do đồng nghiệp tiến cử và bình bầu. Do đó, có nhiều nhà khoa học có thực tài, nhưng không được tiến cử, nên không bao giờ là thành viên của hàn lâm viện! Trong số khoảng 350 nhà khoa học và xã hội Mỹ đoạt giải Nobel, chỉ có 170 người là thành viên của Viện này. Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ có khoảng 1900 thành viên (thường được dịch là "viện sĩ"); trong đó có khoảng 300 là người mang quốc tịch và ở nước ngoài [Mỹ]. Theo tiêu chuẩn chung, họ phải là những nhà khoa học ưu tú trong lĩnh vực chuyên môn, nhưng do tính cách bình bầu, nên nó cũng lộ ra vài vấn đề liên quan đến việc thiên vị và bè phái. Đã có nhiều người cho rằng Viện này là một câu lạc bộ kín ("close club"), nơi mà chỉ có các nhà khoa học quen biết với nhau qua giao thiệp xã giao, hơn là một cơ quan đại diện chân chính cho các nhà khoa học. Điểm qua danh sách của 1900 thành viên thuộc Viện này, người ta có thể tìm thấy tên của nhiều nhà khoa học thường hay xuất hiện trên các hệ thống truyền thông đại chúng hay có nhiều hoạt động xã hội và chính trị như Albert Einstein, James Watson, v.v. Thành ra, nhiều nhà khoa học lớn, những người tự coi họ là làm khoa học loại "thứ thiệt," những người không thích hư danh hay ồn ào trên các hệ thống truyền thông, thì không thích có mặt trong Viện này. Nhà vật lý học lừng danh Richard Feynman, cũng như nhiều nhà khoa học danh tiếng khác, không phải là thành viên của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ. Chưa có một khoa học Việt Nam hay gốc Việt nào có chân trong Viện Hàn lâm Quốc gia Khoa học Hoa Kỳ.

Uy tín của một viện hàn lâm không chỉ tùy thuộc vào sự tiến bộ về khoa học kỹ thuật của một nước, mà còn nhờ vào danh tiếng của các thành viên trong viện. Không ai sẽ ngạc nhiên khi biết rằng các viện hàn lâm khoa học của Mỹ, Anh, Pháp, Đức hay Liên Xô cũ, nơi tập trung các nhà khoa học hàng đầu trên thế giới, được nhiều người nể trọng hơn là các viện hàn lâm khoa học của các nước Phi châu hay Hồi giáo. Cũng cần phải nói thêm ở đây rằng không phải chỉ khoác cái tên "hàn lâm" (academy) vào một đoàn thể hay cơ quan là tự động thành một viện hàn lâm. Trong các "viện hàn lâm khoa học" ở Mỹ, chỉ có Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Hoa Kỳ là một cơ quan uy tín nhất; các viện hàn lâm khác, mặc dù cũng dùng chữ "academy," như "The New York Academy of Science" (NYAS hay Viện Hàn Lâm Khoa Học New York) là một đoàn thể thương mại, không có uy tín gì lớn trong cộng đồng khoa học. Bất cứ một sinh viên nào trên thế giới đều có thể trở thành "viện sĩ" nếu họ nộp tiền hội phí hàng năm cho Viện này. Do đó, thành viên của NYAS không phải là một danh dự, không phải là chứng nhận về sự thành đạt trong hoạt động khoa học. Tuy nhiên, tôi thấy đã có nhiều nhà khoa học Việt Nam đã bị lầm và bị "làm tiền" bởi Viện này (17).

Vài nhận xét chung

Người không quen với hệ thống khoa bảng và bằng cấp có thể sẽ thấy chóng mặt với những tên gọi những học vị và học hàm trên đây, và sẽ đặt câu hỏi là người được cấp những văn bằng này phải đạt những tiêu

chuẩn gì. Thực ra, đứng trên bình diện quốc gia, không có tiêu chuẩn nhất quán giữa các trường đại học trong việc cấp những văn bằng này. Mỗi trường đại học có những tiêu chuẩn riêng. Có khi mỗi thí sinh cũng được xét theo từng trường hợp riêng biệt. Có sinh viên ra trường tiến sĩ chỉ trong vòng sau 3 hay thậm chí 2 năm theo học, nhưng cũng có sinh viên phải miệt mài cả tám năm để lấy mảnh bằng Tiến sĩ. Cũng có những trường hợp hiếm hoi khi sinh viên theo học chương trình Tiến sĩ, nhưng khi ra trường chỉ được thẩm định và cấp bằng Cao học. Lại có người nghiên cứu cả mười năm, nhưng chẳng viết được luận án gì!

Đôi khi, tự những học vị Ph.D., M.S., B.S. nó bao hàm một nội dung rộng đến mức... chẳng có nghĩa gì cụ thể. Trên lý thuyết, văn bằng Ph.D. là học vị cao nhất ở Mỹ và Úc; tuy nhiên, cũng có nhiều "loại" Ph.D. với nhiều chất lượng khác nhau. Có nhiều người có văn bằng Ph.D., nhưng độ hiểu sâu và kiến thức chưa chắc đã hơn một người có học vị Cử nhân, thậm chí Tú tài, thời Pháp thuộc ở Việt Nam.

Ngoài ra, ở Mỹ còn có tệ nạn "nhà máy văn bằng" (diploma mills) hoạt động hoặc dưới hình thức dạy học hàm thụ, hoặc qua hệ thống dạy học từ xa với sự trợ giúp của máy vi tính và mạng internet. Phần lớn những trường này thực chất chỉ là những văn phòng nhỏ tại nhà, thậm chí chỉ là nhà để xe hay nhà bếp, nhưng họ lại tự gắn cho họ những cái tên "lập lờ đánh lận con đen" (mà nếu công chúng không để ý kỹ có thể lẫn lộn với những trường danh tiếng của Mỹ) như "Harbard University," "Universitas Harvardiana," "Atlanta Southern University," v.v. Mục đích duy nhất của các sơ sở thương mại này là bán bằng cấp với giá từ 3000 tới 5000 đô-la Mỹ. Có "trường" còn bán tới 500 bằng tiến sĩ hàng tháng! Do đó, một học vị, nếu không "đi kèm" với một trường đại học nghiêm chỉnh được công nhận, cũng có thể không có giá trị khoa bảng gì.

Tiêu chuẩn và phẩm chất học hàm thường mang tính địa phương; tức là cũng có sự khác nhau giữa các thời điểm, giữa các nước, và thậm chí giữa các trường đại học trong cùng một nước. Một vị Professor ở Mỹ có thể chỉ được xem tương đương với một Associate Professor ở Pháp hay Anh, và ngược lại. Tương tự, một Assistant Professor ở một trường danh tiếng tại Mỹ có thể trở thành Professor ở Nhật, Hồng Kông hay Singapore.

Thời điểm cũng là một yếu tố quan trọng. Vài mươi năm trước đây, ở các nước như Anh, Úc, Pháp, Đức và Nga, mỗi Ban chuyên môn (Department) trong một trường đại học chỉ có

LƯU VĂN VỊNH

HỒN BƯỚM MƠ TIÊN

Ni cô dáng cao thanh
ngân nga chuông chiều xuống
động đá vàng nắng hanh
áo sồng hây hây gió

lấp lánh thạch nhũ đỏ
hồ sen đang mùa hoa
bậc chùa chân chùng bước
nhìn lên lớp mây xa

ni cô khăn chàm thắm
cao thanh trên gác chuông
vào một chiều nhấp nhoáng
hoàng hôn như kim cương!

tiễn khách xa vãn cảnh
ni cô gieo hồi chuông
lâng lâng vào sương núi
vách đá quyện trầm hương

tôi mang về bó nắng
óng ánh mắt ni cô
gió thơm ôm một gói
giữa lồng ngực đong đưa

một người duy nhất mang học hàm "Professor," những người còn lại chỉ là "Associate Professor" hay "Lecturer." Những vị người mang hàm "Professor" thời đó được phép dùng danh hiệu này suốt đời, dù họ chuyển từ trường đại học này sang trường đại học khác. Học hàm "Professor," do đó, cực kỳ cao quí ở các nước này trong thời gian trước đây. Nhưng ở một góc độ khác, có thể nói vấn-đề-một-Professor này cũng là nguyên nhân làm cho nhiều nhà khoa bảng ở các nước trên chuyển sang Mỹ nghiên cứu và giảng dạy, vì ở Mỹ, một Ban có thể có nhiều (thậm chí hàng trăm) người mang hàm "Professor." Các nhà khoa bảng trẻ ở Mỹ không phải chờ đến lúc lục tuần để được phong hàm "Professor"! Tuy nhiên, để chống lại dòng "chảy chất sám" này, ngày nay, ở các nước như Anh, Đức và Úc, học hàm "Professor" đã được "Mỹ hoá," và mỗi Ban có thể có nhiều người mang học hàm "Professor." Các nhà khoa bảng trẻ do đó có cơ hội mang học hàm này hơn trước.

Vì học hàm "Professor" bị Mỹ hóa, ngày nay, có quá nhiều Professor và phân biệt ai giỏi, ai dở là một việc làm cực kỳ khó khăn vì trong nhiều trường hợp, học hàm này không còn phản ảnh trung thực khả năng chuyên môn của nhà khoa bảng nữa. Thực vậy, nhiều giáo sư ở các trường đại học lớn ở Mỹ và Úc cũng có thể "dốt" (huống hồ chi là học trò Ph.D!) Ngược lại, cũng có vô số người không có học hàm "Giáo sư" nhưng lại cực kỳ giỏi. Cũng có nhiều nhà khoa bảng có hàng trăm bài báo khoa học và trên phương diện chuyên môn, còn danh tiếng hơn nhiều Professors khác, nhưng họ chỉ giữ chức Assistant Professor, thậm chí không có học hàm nào! Thành ra, trong hoạt động khoa học, bằng cấp và danh xưng là những điều không được đặt nặng. Thực ra, đối với phần lớn các nhà khoa học chân chính, những học hàm và danh xưng hoàn toàn vô nghĩa, ngoài việc gây ấn tượng và "lấy le" với những người dân thường hay những nhà chính trị thiếu hiểu biết về hoạt động khoa học.

Xuất phát từ truyền thống lâu đời, người Việt Nam ta trọng giới khoa bảng và những người có bằng cấp cao. Nhưng sự trọng bằng cấp của số đông dân chúng đã sinh ra tệ nạn khệnh khạng bằng cấp trong giới có học hay có chút chữ nghĩa. Ngày nay, chỉ cần mở một tờ báo Việt ngữ hải ngoại ở California hay Sydney, người ta sẽ phải chóng mặt về những bằng cấp và danh xưng của các vị cử nhân, luật sư, kỹ sư, tiến sĩ, giáo sư, này nọ. Cố nhiên, một số bằng cấp và học hàm này là thật, do chính đương sự đạt được trong quá trình học tập và nghiên cứu, nhưng cũng có một số không ít là những bằng cấp được chuyển ngữ một cách bịp bợm, nhằm lòe đồng hương, hay thậm chí một số học vị và học hàm "dỏm." Thực vậy, có lẽ do nhu cầu kinh tế hay một lý do nào đó, người có bằng cấp, do vô tình hay cố ý, cũng đã đôi khi lạm dụng bằng cấp của mình và danh xưn Nhiều trường hợp, người ta quảng cáo là "Giáo sư" một đại học nào đó, nhưng lại cố tình lờ đi thực chất học hàm đó chỉ là một chức "Conjoint" hay danh dự. Có trường hợp người ta quảng cáo là "Fellow" của một đoàn thể chuyên môn về giải phẫu, nhưng trên thực tế họ chỉ là "Member"! Có người chỉ có văn bằng cử nhân (không phải y khoa) nhưng lại tự xưng là "bác sĩ" giữa công cộng! (18)

Sự khệnh khạng bằng cấp và hám danh không chỉ có trong cộng đồng ngươi Việt hải ngoại, mà còn rất phổ biến ở trong nước. Ở Việt Nam, có thời người ta còn phân biệt Tiến sĩ đệ tam cấp, Phó tiến sĩ và Tiến sĩ. Cũng như ở một vài nước Âu châu, ở Việt Nam, một số nhà khoa bảng thích dùng cả hai học hàm và học vị trước tên của họ, kiểu như "Giáo sư Tiến sĩ ABC." Thậm chí có thời người ta còn phân biệt "Giáo sư I" và "Giáo sư II"!? Trong các buổi lễ tốt nghiệp, người ta đọc tên các vị giáo sư kèm theo những học vị và học hàm dài lê thê, khiến cho người nghe phải... sốt ruột. Một nhà khoa học danh tiếng ở trong nước và cũng là một nhà toán học có tiếng trên thế giới có lần nhận xét một cách chua chát: "Không có nước văn minh nào mà trên mặt báo hay các buổi lễ long trọng xuất hiện một mật độ học vị, bằng cấp, chức danh khoa học dày đặc nhưng không mấy tương xứng với thực chất như ta." Tôi thiết tưởng nhận xét này vẫn hợp với tình hình trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Cuối cùng, một điều khá phổ biến trong những người có bằng cấp là họ thường hay nghĩ rằng học vị và học hàm của họ là ưu việt hơn bằng cấp của người khác, trường đại học hay cao đẳng và các giáo sư mà họ theo học là danh tiếng hơn, tốt hơn, giỏi hơn, v.v... những nơi khác và giáo sư khác. Điều này không những chỉ thấy ở giữa cá nhân, mà còn giữa các quốc gia. Dù không nói ra cụ thể, nhưng

chất lượng bằng cấp thường được đánh giá một cách chung chung dựa vào nền khoa học kỹ thuật của một nước hơn là dựa vào khả năng của người có bằng cấp. Chính vì thế mà những nước đã phát triển như Mỹ, Anh, Úc, Pháp, v.v... không chịu công nhận bằng cấp từ các nước nghèo hơn như Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, v.v... Lý do không công nhận bằng cấp nước ngoài thường được núp dưới danh nghĩa "tiêu chuẩn," tức là theo họ, những chuyên viên được đào tạo trong các nước đang phát triển có tiêu chuẩn thấp hay không đạt tiêu chuẩn mà họ đưa ra. Chính người viết bài này từng được hỏi một cách hết sức mỉa mai là "Anh biết làm phân số không?" khi xin học lại đại học ở Sydney (Úc)! Thật là khôi hài và ấu trĩ nếu người Úc cho rằng kỹ sư của họ tài giỏi hơn kỹ sư người Đức, hay bác sĩ của họ được đào tạo kỹ hơn các bác sĩ người Mỹ hay Pháp, hay các nhà toán học của Úc khá hơn các nhà toán học Việt Nam hay Ấn Độ. Aấy thế mà đó là những nguyên nhân mà họ đưa ra để không chịu công nhận bằng cấp của các nước ngoài Úc! Nhưng xét cho cùng, ngoài một vài lý do chính đáng, sự không-công-nhận bằng cấp nước ngoài cũng là một cách phô trương thanh thế của họ, những nước giàu có, và bảo vệ thị trường lao động cho sinh viên người bản xứ, chứ chẳng liên quan gì đến tiêu chuẩn và phẩm chất đào tạo.

Mục đích thực và chính của việc học hành là để mở mang trí tuệ, trau giồi kiến thức, rèn luyện nhân cách, và làm người hữu ích cho xã hội. Bằng cấp và chức vụ khoa bảng không phải dùng để đo những kết quả trên, mà chỉ là những phân chia đẳng cấp khoa bảng rất tương đối. Bằng cấp, dù là học vị cao nhất như tiến sĩ, chỉ là một bước đầu trong hoạt động khoa học, và tự nó không nói lên được khả năng chuyên môn của nhà khoa học. Tương tự, một học hàm cao nhất như giáo sư cũng không phản ánh chính xác được mức độ đóng góp vào kho tàng tri thức của nhân loại. Người trí thức chân chính chỉ nghĩ đến những đóng góp có giá trị nhằm đem lại phúc lợi thực sự cho nhân loại, và không bao giờ phụ thuộc vào học vị, học hàm hay các danh xưng phù phiếm để gây ảnh hưởng trong cộng đồng.◉

Ghi chú

Người viết bài này xin chân thành cám ơn anh Tiến sĩ Mai Thanh Truyết, một Nhà giáo Việt Nam, người đã đọc bản thảo và góp ý làm sáng tỏ hơn về hệ thống bằng cấp ở Pháp.

[13] Trong các đại học Anh và Úc, không có chức vụ Assistant Professor, và những chức vụ như Lecturer và Senior Lecturer được xem là tương đương hay cao hơn với Assistant Professor của Mỹ. Tuy được gọi là "Assistant Professor," nhưng những giáo sư này không phải là phụ tá (assistant) cho các giáo sư cao hơn, mà là một giáo sư hoàn toàn độc lập. Vì thế, các học hàm ở bậc này có lẽ nên dịch sang tiếng Việt là "Giảng sư."

[14] Trong một vài trường đại học theo hệ thống của Anh Quốc, học hàm "Reader" được xem là tương đương với "Associate Professor." Ở trong nước, Associate Professor được dịch là "Phó Giáo sư."

[15] Học hàm "Professor" thường được dịch là "Giáo sư" ở trong nước. Đây là một học hàm cao nhất trong đại học. Tuy nhiên, cũng có trường đại học ở Mỹ phong học hàm "University Professor" (thường được xem là cao hơn cả "Professor") cho các giáo sư có thành tích nghiên cứu khoa học xuất sắc và có đóng góp lớn cho trường.

[16] Các bài báo này thường phải qua một giai đoạn "kiểm duyệt" tương đối gắt gao (thường từ 6 tháng đến một năm) trước khi được chấp nhận cho xuất bản. Người kiểm duyệt thường là đồng nghiệp làm cùng ngành, nhưng đương sự (người có bài báo được duyệt xét) không biết họ là ai. Các tạp chí có chất lượng cao chỉ nhận công bố khoảng 1 tới 20% các bài báo khoa học được gửi tới tòa soạn. Vì thế, nhá khoa học nào có nhiều công trình được công bố trên các tờ tạp chí có uy tín thường để nể trọng trong ngành nghề của mình, và có cơ hội được thăng tiến trong nấc thang khoa bảng.

[17] Ở trong nước, các thành viên trong các Academy (Hàn lâm viện) thường được gọi là "Viện sĩ" Hay Academician . Đây là một học hàm rất nghiêm túc. Tuy nhiên, phần đông các nhà khoa học ở trong nước và ngay cả ở hải ngoại hình như vẫn chưa phân biệt được sự khác nhau giữa một viện hàn lâm nghiêm túc và những viện hàn lâm thiếu nghiêm túc như "The New York Academy of Science," nên vẫn tự nhận mình là "Viện sĩ" trong các viện hàn lâm "dỏm" này.

[18] Có người Việt tốt nghiệp Bachelor of Optometry (tạm dịch: Cử nhân Khúc xạ học, tức là đo mắt), nhưng anh lại trịnh trọng quảng cáo là "Bác sĩ Nhãn khoa."

QUẬN CAM

Nghệ sĩ sân khấu Giỗ Tổ

Gần 300 nghệ sĩ tân cổ nhạc, sân khấu và thân hữu đã làm lễ Giỗ Tổ Sân Khấu tại Phòng Sinh Hoạt báo Người Việt, thành phố Westminster, vào trưa ngày Thứ Bẩy Mồng 9 tháng Chín tức là ngày mồng một tháng Tám âm lịch trong một bầu không khí vui vẻ ấm cúng và cảm động.

Các nghệ sĩ lão thành Việt Hùng, Văn Chung cùng với nữ nghệ sĩ Phượng Liên, bà Thúy Uyển đã cùng nhau thắp hương trước bàn thờ Tổ khói hương nghi ngút mở đầu cho Ngày Giỗ Tổ. Tiếp theo là hàng trăm nam nữ nghệ sĩ cũng đã xếp hàng để lên thắp hương trên bàn thờ Tổ trong đó có rất nhiều người thuộc lớp trẻ.

Lão nghệ sĩ Việt Hùng cầm một nhành hoa huệ nhúng nước phép trên bàn thờ Tổ chấm lên đầu từng nghệ sĩ tượng trưng xin Tổ hỗ trợ trên đường sự nghiệp.

Tiếp theo là đoàn lân Quang Trung với chiêng trống vang lừng cùng ba con lân đã tiến vào hội trường lên lạy bàn thờ Tổ giữa tiếng vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt của nghệ sĩ và khán giả.

Nghệ sĩ Việt Hùng, 79 tuổi, gần 60 năm ăn cơm của Tổ Nghiệp đã lên bày tỏ mối xúc động của ông là trong 25 năm xa xứ năm nay là năm đầu tiên mà đông đảo nghệ sĩ sân khấu đã tề tựu với nhau cùng làm Giỗ Tổ. Ông hy vọng cho đến ngày nào chúng ta có thể trở lại quê hương thì mỗi năm cứ đến ngày Giỗ Tổ, các nghệ sĩ thuộc các thế hệ đều nên về họp mặt với nhau đông đủ như hôm nay.

Nghệ sĩ Văn Chung thường được anh em trong giới gọi là Anh Bảy cũng mong mỏi nghệ sĩ sân khấu mỗi năm có một ngày họp mặt với nhau trong ngày Giỗ Tổ. Ông cũng bày tỏ lòng cám ơn của ông đến các vị Mạnh Thường Quân hỗ trợ cho buổi lễ Giỗ Tổ được đông đủ.

Bà Thúy Uyển, một người thường tổ chức các buổi trình diễn cải lương ở Hoa Kỳ cũng lên ngỏ lời cám ơn các Mạnh Thường Quân đã yểm trợ cho buổi lễ Giỗ Tổ được tươm tất.

Tiếp theo, nghệ sĩ Việt Hùng đã mở đầu chương trình văn nghệ bằng bản Vọng Cổ Nhớ Thanh Nga. Ông thường được gọi thân mật là Anh Tư là một nghệ sĩ sân khấu cải lương cao niên nhất định cư ở Hoa Kỳ từ năm 1975. Ông vẫn thường xuyên xuất hiện trong rất nhiều buổi diễn cải lương. Trước năm 1975, ông đã từng đi hát cho nhiều đoàn ca kịch cải lương Mộng Vân, Hoa Sen, Việt Hùng Minh Chí, Thanh Minh Thanh Nga... Nghệ sĩ Việt Hùng là một trong những nghệ sĩ thủ diễn nhiều vai trò khác nhau trên sân khấu qua gần 60 năm phục vụ khán giả từ kép mùi cho đến kép độc, kép lẳng và cả kép diễu... Vai trò nào cũng đều được ông lột tả và thể hiện đúng mức. Lão nghệ sĩ Việt Hùng là một nghệ sĩ hóa trang rất tài tình trong từng vai trò mà ông nhận lãnh, chỉ mới với phần hóa trang ông đã lột tả rất nhiều tính cách của vai trò mình thủ diễn.

Nghệ sĩ Văn Chung đã trình bầy bản Vọng Cổ Đời Nghệ Sĩ và tiếp theo nhiều nghệ sĩ cũng đã lần lượt trình diễn cho đến chiều trong bầu không khí vui nhộn.

Hàng năm cứ vào khoảng tháng Tám âm lịch ở tại Việt Nam trước năm 1975, đoàn hát nào cũng đều có Giỗ Tổ. Mỗi đoàn hát đều có một bàn thờ Tổ. Trước giờ trình diễn, các nghệ sĩ đều đến thắp nhang trước bàn thờ Tổ lập bên cạnh sân khấu rồi mới ra hát. Điều này đã trở thành truyền thống, cho đến 1975. Hiện nay nghệ thuật cải lương ở trong nước sa sút trầm trọng. Còn ở hải ngoại cũng có rất nhiều người có lòng nhưng khán giả không nuôi nổi nghệ sĩ. Hy vọng nhân Lễ Giỗ Tổ Sân Khấu năm nay những người yêu bộ môn cải lương sẽ cùng bắt tay nhau dựng lại thời vàng son của sân khấu cải lương Việt Nam từ thuở nào.

Buổi ca nhạc thính phòng tình ca Ngô Thụy Miên

Hơn 1,200 khán giả đã ngồi kín rạp hát La Mirada để tham dự buổi ca nhạc "Tình Ca Ngô Thụy Miên qua bốn thập niên" vào chiều ngày Chủ Nhật Mồng 3 tháng Chín năm 2000 với một chương trình nhạc thính phòng chọn

lọc.

Ban tổ chức đã sắp xếp một chương trình nhạc qua hơn 40 năm sáng tác của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên từ Việt Nam trước 1975 cho đến năm 2000, với sự góp mặt của ba thế hệ nghệ sĩ trình bầy cùng với dàn nhạc The Matrix phối hợp cùng ban nhạc thính phòng do Thomas Ngô và Khánh Hồng điều khiển với hai M.C điều khiển chương trình Vũ Anh, Ngọc Hà.

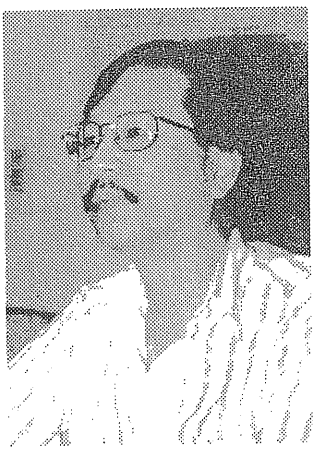

Nhạc sĩ Ngô Thụy Miên

Chương trình đã giới thiệu 23 ca khúc của Ngô Thụy Miên trong số hơn 50 sáng tác của ông. Phần đầu là những sáng tác của nhạc sĩ trong khoảng thập niên 1960-1970. Và phần sau gồm những bài ông làm ở hải ngoại từ thập niên 1980-1990 cùng với sáng tác mới nhất năm 2000 của ông là bản Mưa Trên Cuộc Tình Tôi do Hoàng Nam trình bày, được khán giả tán thưởng nhiệt liệt.

Những tình khúc của Ngô Thụy Miên nói chung bâng lãng, thoang thoảng, tha thiết với những tâm tình trống vắng. Dòng nhạc của ông mang những tình cảm nhè nhẹ nhưng sâu lắng. Dĩ nhiên ông viết để thỏa mãn cho chính cảm quan của mình và nhưng cũng đồng điệu với những cảm quan của nhiều người nên những tình khúc của ông vẫn được mến chuộng dù đã qua nhiều thử thách của thời gian.

Trong chương trình nhạc thính phòng này, khán giả thưởng thức ba thế hệ ca sĩ, từ Kim Tước, Mai Hương, Thanh Lan..., đến Khánh Hà, Tuấn Ngọc...,rồi đến những người trẻ của hôm nay Hoàng Nam, Nguyễn Thành Vân, Trần Thái Hòa... tất cả đều trình diễn say mê, và làm cho khán giả say mê những tình khúc của Ngô Thụy Miên.

Trong dịp này nhạc sĩ Ngô Thụy Miên cũng đã trả lời một số câu hỏi liên quan đến đời sáng tác cùng với những ca khúc của ông. Nhạc sĩ Ngô Thụy Miên trên sân khấu có vẻ sinh động trẻ trung, tâm tình về cuộc đời thường cùng với những tình khúc cũng như một số sinh hoạt của ông từ ngày sang đến Hoa Kỳ. Ông hiện đang định cư tại tiểu bang Washington, gần thành phố Seattle, là rể của cố tài tử điện ảnh Đoàn Châu Mậu. Tình khúc mới nhất của ông là bản Mưa Trên Cuộc Tình Tôi sáng tác trong năm 2000 đã kết thúc chương trình nhạc thính phòng Tình ca Ngô Thụy Miên qua bốn thập niên.

Ra mắt tác phẩm mới của Phạm Công Thiện và Thiện Hỷ

Nhà xuất bản Viên Thông đã tổ chức buổi ra mắt sáu tác phẩm mới của hai tác giả Phạm Công Thiện và Thiện Hỷ (Phạm Thanh Liêm) tại Quán cà phê Tao Nhân vào chiều ngày thứ Bẩy 26 tháng Tám năm 2000 với sự hiện diện của hơn một trăm văn nghệ sĩ, thân hữu và độc giả. Buổi ra mắt sách được sự bảo trợ của nữ nghệ sĩ Thiên Hương, chủ nhân Café Tao Nhân.

Tác giả Phạm Công Thiện được tặng hoa

Trong một bầu không khí rất văn nghệ và thoải mái của một quán cà phê, nhạc sĩ Vô Thường, người điều hợp chương trình đã sơ lược về tác giả Phạm Công Thiện và Thiện Hỷ cùng với những tác phẩm mới của hai ông vừa được nhà xuất bản Viên Thông phát hành:

Phạm Công Thiện có bốn tác phẩm mới: 1. Trên Tất Cả Đỉnh Cao Là Lặng Im (thơ), 2. Một Đêm Siêu Hình Với Hàn Mặc Tử, 3. Khai ngộn cho một câu hỏi dễ hiểu: Triết Học Là Gì?, 4. Đối Mặt Với 100 Năm Cô Đơn Của

Nietzsche

Hai tác phẩm mới của Thiện Hỷ là *Trở Về Cố Hương* và *Những Lời Tơ Than*.

Hòa Thượng Chơn Thành đã nói về Phạm Công Thiện như là một người uyên bác về triết học, đặc biệt là Phật Giáo, và nhắc về thời gian khá dài mà Phạm Công Thiện đã đến với tôn giáo này. Hòa Thượng nghĩ rằng Phạm Công Thiện đã giác ngộ để có thể trở thành một tu sĩ chân chánh.

Nữ tài tử Kiều Chinh cũng nhắc đến Phạm Công Thiện như là một người có nhiều khuôn mặt lúc thì là văn sĩ, thi sĩ, khi thì là một triết gia, một tu sĩ nhưng lại quen thân rất nhiều với những nghệ sĩ trình diễn nên Kiều Chinh có lúc không rõ Phạm Công Thiện đích thực là người nào. Nhạc sĩ Phạm Duy cũng nói đến lần đầu tiên gặp thi sĩ Phạm Công Thiện lúc ông Thiện mới 16 tuổi vào năm 1957 và bây giờ theo nhạc sĩ Phạm Duy thì Phạm Công Thiện là người người "sướng" nhất thế giới vì ông là người của... hư vô.

Ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm tạp chí *Thế Kỷ 21* giới thiệu nhà văn Thiện Hỷ, tức giáo sư Phạm Thanh Liêm, như là một đồng nghiệp dạy triết ngày xưa, nhưng đặc biệt ông nói về mối giao tình giữa Thiện Hỷ với nhà thơ Vũ Hoàng Chương. Trong gần như một cuộc phỏng vấn tại chỗ, nhà văn Thiện Hỷ đã kể lại những kỷ niệm về Vũ Hoàng Chương từ khi ông còn là một học sinh trung học cho đến khi ra đời đi dạy học. Nhà văn Thiện Hỷ đã có những đóng góp đáng kể trong văn giới với các bài viết về văn học và triết học từ trước 1975.

Nhà văn Phạm Công Thiện cũng lên diễn đàn nói sơ lược về bản thân mình, từ khi là một cậu học sinh hay cãi thầy cho đến khi trở thành giáo sư đại học vào lúc ông mới ngoài 20 tuổi. Ông cũng nhắc đến những danh xưng mà người đời thường gán cho ông như là một văn sĩ, thi sĩ, triết gia và cả tu sĩ nữa, nhưng ông thì tự cảm thấy mình là một người... điên. Và theo ông có lẽ điều này là đúng nhất. Ông cũng nói đến việc trước tác của ông, có khi thai nghén 30, 40 năm nhưng chỉ một đêm ông có thể hoàn tất một tác phẩm như cuốn Một Đêm Siêu Hình Với Hàn Mặc Tử.

Đặc biệt trong buổi này có một sinh viên Nhật Bản đang nghiên cứu về văn học Việt Nam, đã lên diễn đàn nói lời chúc mừng hai tác giả bằng tiếng Việt, và đọc bài thơ "Ngày sinh của rắn" của Phạm Công Thiện trong nguyên bản cũng như bản dịch tiếng Nhật.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền thuyết trình Về Âm Nhạc Cổ Truyền Việt Nam

Trong chương trình thuyết giảng hàng tháng của Viện Việt Học, vào ngày chủ nhật 27 tháng Tám 2000, Viện đã tổ chức tại thính đường của Viện một buổi thuyết trình về đề tài "Một vài nhận xét về âm nhạc cổ truyền Việt Nam" do nhạc sĩ Nguyễn Hiền trình bày.

Mở đầu, giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch đã giới thiệu nhạc sĩ Nguyễn Hiền như là một người biết về âm nhạc từ khi còn là một cậu học sinh cho đến khi trở thành một Công Tử Hà Nội vào khoảng cuối thập niên 1930. Vào trung học, Nguyễn Hiền đã được học nhạc pháp và theo đuổi âm nhạc, bắt đầu sáng tác và là một trong hàng nhạc sĩ tiên phong của phong trào âm nhạc Việt Nam.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền giới thiệu nhạc sĩ Lữ Liên như là một nhạc sĩ đàn anh của ông, nay đã 83 tuổi nhưng vẫn tráng kiện và vẫn có thể sử dụng một số các nhạc cụ cổ truyền Việt Nam một cách duyên dáng và hấp dẫn.

Theo nhạc sĩ Nguyễn Hiền thì nền âm nhạc cổ truyền Việt Nam gồm có hai loại chính: Quan nhạc, còn gọi là nhạc cung đình, và dân nhạc. Theo sử liệu, đến đời Lê Thánh Tông (1438) thì nhạc Cung đình Việt Nam đã rõ nét về tổ chức với "tám âm thanh" còn gọi là Bát Âm, cấu trúc theo Ngũ Hành (Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ). Cùng với trống lúc ấy cũng đã có các nhạc cụ khác như đàn sắt, đàng cầm theo với Năm Cung chính còn gọi là Ngũ Cung tương ứng với Ngũ Sắc. Trong khi đó thì nền âm nhạc cổ điển Tây Phương lại là bảy âm, tương ứng với bảy mầu cầu vồng.

Kế đến nhạc sĩ Nguyễn Hiền sơ lược về nền Dân nhạc mà ông cho rất là quan trọng. Dân nhạc phát sinh từ ruộng đồng, từ lòng đất nước. Những nhạc cụ cũng từ thiên nhiên mà cấu thành qua Ngũ hành tương sinh tương khắc.

Ông cũng nhắc lại một câu Kinh Phật rằng "Quán kỳ âm thanh, nhi đắc giải thoát," tức là ai quán triệt được âm thanh thì cũng được xem như là giải thoát vậy.

Các loại đàn cổ Việt Nam như đàn nhị, đàn cò cùng các thể điệu trong nền Dân nhạc cổ truyền Việt Nam như Chèo Cổ, Sa Mạc, Lưu Không (nhạc hòa tấu) cũng được diễn giả giải thích tường tận, với sự minh họa bằng đàn nhị của nhạc sĩ Lữ Liên.

Buổi thuyết trình của nhạc sĩ Nguyễn Hiền

rất là bổ ích và mang nhiều tính chất nghiên cứu mà Viện Việt Học trong tôn chỉ bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc tại hải ngoại đã cố gắng thực hiện.

Hội Thơ Tài Tử Việt Nam họp mặt

Có khoảng 400 văn nghệ sĩ, đại diện các cơ quan đoàn thể và hội đoàn cùng một số đại diện dân cử đã hiện diện trong cuộc họp mặt lần thứ Sáu của Hội Thơ Tài Tử Việt Nam tại nhà hàng Seafood Paracel vào sáng ngày Chủ Nhật 17 tháng Chín năm 2000 trong một bầu không khí tưng bừng của một ngày hội lớn. Trong dịp này, Hội Thơ Tài Tử cũng đã phát hành tuyển tập thơ Cụm Hoa Tình Yêu VI cùng với một tập Kỷ Yếu của Hội.

Những người làm thơ tài tử

Ông chủ tịch Như Hoa Lê Quang Sinh đã đọc diễn văn mừng sinh nhật thứ sáu của Hội Thơ Tài Tử Việt Nam. Hội đã khởi đi vào mùa thu năm 1994 với 17 người và cho đến nay số người vào Hội đã lên đến 261 vị. Đây là dịp gặp gỡ nhau, rút tỉa kinh nghiệm để Hội Thơ Tài Tử Việt Nam ngày càng phát triển mạnh hơn và đạt được thành quả tốt đẹp hơn.

Trong dịp này, nữ giáo sư Phạm Thị Huê cũng lên diễn đàn nói về sự phát triển nhanh chóng và đông đảo của Hội Thơ Tài Tử Việt Nam mà bằng chứng là sự góp mặt của 146 nhà thơ trong Cụm Hoa Tình yêu VI.

Tiếp theo là các vị đại diện dân cử, thi văn đoàn, cộng đồng các vùng Nam California đã lên trao bằng tưởng lệ đến Hội Thơ Tài Tử Việt Nam về những nỗ lực nhằm phát huy văn hóa Việt Nam qua thi ca. Một số thi sĩ đến từ Âu châu được mời lên sân khấu trước những tràng pháo tay của cử tọa.

Được biết mỗi năm Hội Thơ Tài Tử chọn một thành phố để mừng sinh nhật và năm nay thành phố Westminster được chọn. Hội đã hoạt động rộng và đều khắp ở Bắc Mỹ, Âu châu... Hội cũng đã xuất bản nhiều tác phẩm của hội viên ngoài các tập thơ Cụm Hoa Tình Yêu.

FLORIDA

Lễ phát giải Khuyến Học Lạc Hồng tại Orlando

Lần đầu tiên Lạc Hồng Foundation tổ chức phát Giải Khuyến Học Lạc Hồng (năm thứ Tư) tại Orlando vào ngày Thứ Bẩy 19 tháng 8 năm 2000 tại một nhà hàng sang trọng. Đây cũng là lần đầu tiên học sinh Orlando trúng giải nhất, nhì, ba trong niên khóa 1999-2000.

Buổi phát giải Khuyến Học Lạc Hồng được đồng bào tham dự đông đảo và ủng hộ mạnh mẽ. Hầu hết quý vị Chủ tịch và ban chấp hành của các tổ chức của người Việt cấp tiểu bang và địa phương đều tham dự.

Sau phần nghi lễ, ông Chu Bá Yến, Chủ Tịch Lạc Hồng Foundation, lên cám ơn quý vị Chủ tịch cộng đồng, hội đoàn và quan khách tham dự cũng như quý vị ân nhân đã yểm trợ Giải Khuyến Học Lạc Hồng. Ông Yến cũng nói là sẽ gia tăng Giải Khuyến Học cho niên khóa tới. Bác sĩ Nguyễn Đức An, Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Florida, nói về tiến trình thành lập Giải Khuyến Học Lạc Hồng và giới thiệu Ban Chấp Hành hiện tại.

Tiếp theo là phần phát giải thưởng cho những học sinh đã trúng tuyển Giải Khuyến Học Lạc Hồng về thành tích văn hóa và phục vụ cộng đồng (từ giải Nhất đến giải Tư), gồm tiền mặt và bằng tưởng lục cho các em: Nguyễn Quang Vinh, giải nhất; Trần Thanh Hải, giải nhì; Nguyễn Hoài Nhân, giải ba; và Bùi Diễm Lynh, giải tư. Rất nhiều người tham dự đã đóng góp tại chỗ để tăng thêm phần thưởng cho các em trúng giải, hầu khuyến khích việc học hành cũng như tham gia công tác cộng đồng cho các em.

Buổi lễ được tiếp nối bằng một chương trình văn nghệ do bác sĩ Nguyễn Đức An và nhạc sĩ Trần Minh Trung đảm trách.●

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Bên Giòng Sông Hằng

tiểu thuyết, do **Nguyễn Văn Thực** dịch từ nguyên bản Nhật ngữ của **Endo Shusaku** (Viễn Đằng Chu Tác), Thế Kỷ xuất bản, Tự Lực phát hành, 325 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Tự Lực, 14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290.

Viễn Đằng Chu Tác (1923-1996) là một trong những nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giả Nobel văn chương năm 1994. Là một người theo đạo Chúa, đề tài lớn theo đuổi suốt sự nghiệp sáng tác của ông là sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản. Đề tài này manh nha từ những cuốn Người Da Trắng - Shiroi Hito và Người Da Vàng - Kìroi Hito (viết trong thập niên 50); nhưng phải đến cuốn Sao Chúa Mãi Im (Trầm Mặc) - Chin Muku, viết năm 1966, đề tài này mới được khai thác một cách mãnh liệt và được xem là khá "bạo," mà *Thế Kỷ 21* đã giới thiệu bản dịch Việt ngữ (cũng của Nguyễn Văn Thực) nơi mục này cách đây một năm. Nhưng phải đến cuốn *Bên Giòng Sông Hằng* (Thâm Hà), tác giả mới đưa đề tài này cùng tài năng của ông đến tột đỉnh.

Trong *Sao Chúa Mãi Im*, tác giả đã nhờ những trang lịch sử để đưa ra sự đụng chạm mãnh liệt giữa nước Nhật và giáo hội Thiên Chúa giáo. Đằng sau hai thế lực có tính cách "đời" ấy phải là hai sức mạnh khác, tiềm ẩn hơn, đã ám ảnh tác giả và đã làm thành chủ đề chính suốt cuộc đời sáng tác của ông. Đó là cái tinh túy của tinh thần Nhật Bản và tinh thần Thiên Chúa giáo, cả hai ông đều hiểu rõ với tư cách vừa một công dân Nhật mang trong mình truyền thống ngàn đời của đất nước, vừa là một người Công giáo. Có lẽ nhiều lần trong tâm hồn tác giả đã vang lên câu hỏi: Những cái tinh túy trong tinh thần của những nền văn hóa khác nhau trên quả đất này, rốt cuộc vẫn không khác gì nhau, thế thì tại sao trong lịch sử đã và đang diễn ra những bi kịch ghê gớm làm điêu đứng bao nhiêu con người? Những cái nhân danh nọ kia có đáng cho bao nhiêu điều bi thảm như thế xảy ra hay không? Đâu là mẫu số chung cho tâm hồn tất cả chúng ta, trong đó những loại đức tin khác nhau có thể hòa lẫn vào nhau như bao nhánh sông đều chảy vào một dòng sông cái?

Có lẽ *Bên Giòng Sông Hằng* đã được thành hình trong một khắc khoải như thế nơi Endo Shusaku. Ông đã đi chọn một hình ảnh đặc trưng về tâm linh là dòng sông Hằng của Ấn Độ để làm nơi hòa giải cho những xung đột nơi chính ông - hay là những nhân vật Nhật Bản của ông cũng thế , coi dòng sông như một người trọng tài mà ông tin có đủ uy tín và đức độ để bao dung những khác biệt. Trong xứ Ấn Độ quê hương thăm thẳm của bao vấn đề tâm linh của nhân loại, dòng sông Hằng là một tượng trưng chứa đựng trong lòng nó những sạch và dơ, đau khổ và giải thoát, đã được nhiều người mệnh danh là dòng sông thiêng có khả năng làm êm dịu đi, nếu không nói là giải quyết, những khắc khoải của kiếp người.

Tác giả đã quy tụ về đây nhiều câu chuyện, nhiều vấn đề. Mỗi nhân vật của ông có một câu chuyện riêng, xảy ra tại Nhật Bản, tại Mãn Châu, trên đất Pháp, trong rừng già Miến Điện... độc lập với nhau, nhưng tất cả gặp nhau trong một chuyến du lịch từ Nhật sang Ấn Độ để đến với dòng sông Hằng, và hình như được nối kết lại trước dòng sông thiêng cuộn chảy.

Trước hết là câu chuyện của cô Mỹ Tân Tử và anh chàng Đại Tân, được xem như hai nhân vật chính trong cả cuốn truyện. Chàng là một thanh niên thật thà, mộ đạo, làm ngứa mắt cô bạn sinh viên rất tân thời Mỹ Tân Tử, và nàng quyết định quyến rũ chàng làm người tình của mình để "phá" chơi. Con người thật thà ấy sa vào bẫy tình thật, nhưng trò chơi của Mỹ Tân Tử sớm kết thúc để cô nàng còn... đi lấy chồng, và Đại Tân, tỉnh cơn mộng tình, đi tu linh mục tại một nhà dòng mãi tận tỉnh Lyon bên Pháp.

Kế đến là "trường hợp của ông Cơ Biên." Vợ ông mất vì bịnh ung thư, nhưng trước khi chết đã trối trăn cùng ông: "Em... biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới nầy. Mình nhớ đi kiếm em... gặp em... Mình hứa đi! Mình hứa đi mình!"

Trường hợp ông Chiểu Điền là một nhà văn viết cho nhi đồng, một người từ nhỏ đã yêu súc vật, và suốt đời viết văn của ông, các con chim nuôi trong nhà đã là những người bạn tâm sự của ông. Cho đến khi bệnh nặng, phải mổ, các con vật vẫn hiện diện bên cạnh ông, và ông nghĩ chúng đã cứu mạng ông...

Ông Mộc Khẩu lại là một trường hợp có liên quan đến đại chiến thế giới thứ hai, khi ông là một người lính Nhật bại trận trong rừng già Miến Điện, đã phải ăn thịt đồng đội để sống còn. Và nhiều chục năm sau, đó vẫn là một ám ảnh không nguôi trong tâm trí ông.

Cô Mỹ Tân Tử, ông Cơ Biên, ông Chiểu Điền, ông Mộc Khẩu cùng nhau đi thăm Ấn Độ trong một chuyến do hãng du lịch tổ chức. Mỗi người một tâm trạng, một mục đích thầm kín riêng và phản ứng mỗi người một cách trước xứ Ấn Độ nghèo mà huyền bí. Ông Cơ Biên theo đuổi một mục tiêu mơ hồ là tìm người mà có thể vợ ông đã đầu thai, nhưng làm sao tìm cho ra? Nhưng người gặp chuyện không ngờ nhất chính là cô Mỹ Tân Tử: cô đã gặp Đại Tân ở Ấn Độ. Chính trường hợp Đại Tân và sự kiện mọi người tập hợp nhau bên bờ con sông thiêng mới là chủ đề chính được tác giả ấp ủ.

Trong tác phẩm *Sao Chúa Mãi Im*, những khó khăn trong sự hội nhập của Kitô giáo vào Nhật Bản cách đây ba bốn thế kỷ là do nguyên do chính trị, lịch sử, còn bây giờ, với *Bên Giòng Sông Hằng*, sự khó khăn ấy vẫn còn, nhưng hoàn toàn do tính-cách- nhật-bản của người Nhật, mà đại diện là anh chàng Đại Tân thiệt thà, chân chất qua tận Pháp để tu thành linh mục. Hãy nghe một vài đoạn đối thoại, Đại Tân tâm sự với Mỹ Tân Tử khi hai người gặp nhau tại Lyon, nơi Đại Tân đang tu.

- Tôi ở đây đã ba năm rồi. Đã quá chán cái lề thói suy nghĩ của người nước này. Lề lối suy nghĩ, mà họ bóp méo vê tròn làm sao cho thích hợp với ý muốn của họ, thật là nặng nề với một người có não trạng Á đông như tôi. Tôi không thể hòa đồng được. Ngày nào cũng như ngày nấy, cứ bứt rứt vì những chuyện như thế. Khi tôi trình bày những chuyện như thế với các thầy cùng lớp và với các cha giáo, họ nhắc nhở cho tôi biết rằng đã là chân lý thì không còn phân biệt chân lý của người Tây phương hay Đông phương. Họ cho là, chẳng qua vì tôi bị chứng loạn thần kinh chức năng, bị ẩn ức mặc cảm gì đó.

... Tôi không thể phân biệt Thiện, Ác rạch ròi như những người ở đây được. Tôi nghĩ là trong Thiện có Ác mai phục, trong Ác có Thiện nằm vùng. Có thể Chúa mới dùng ngón ảo thuật của Ngài được. Mặc dù tôi là kẻ tội lỗi, Ngài cũng đã uốn nắn tôi, đưa tôi vào đường cứu rỗi.

... Trong dòng, họ vẫn cho tôi là kẻ có khuynh hướng rối đạo, nhưng vẫn chưa đuổi tôi ra khỏi tu viện. Có điều là tôi không thể lừa dối với chính mình được. Sẽ có ngày tôi trở về Nhật Bản - tôi sẽ đào sâu suy tư về một Kitô giáo ứng hợp với tâm thức Nhật Bản.

Có một sự không đồng nhất, không hài hòa giữa đức tin của Đại Tân và cái hệ thống mà anh đang ở trong để thể hiện lòng tin ấy. Chàng cảm thấy Tình Thương đích thực thì rộng lớn hơn bất cứ khuôn khổ tổ chức nào, giống như vị linh mục trong *Sao Chúa Mãi Im* đã thốt lên trong cơn bách hại: "Nhưng con biết, Đức Chúa Trời mà Giáo hội dạy, khác với Đức Chúa Trời của con." Chính vì thế, Đại Tân đã đi Ấn Độ, và đã hành xử không theo tư thế của một linh mục Công giáo dù lúc bấy giờ chàng đã là linh mục. Chàng sống như một tiện dân Ấn, đến với các tiện dân khác, và nhất là chuyên đi thu nhặt các xác chết vô thừa nhận để mang đến bãi hỏa thiêu trên bờ sông Hằng.

"Nếu Người ấy trú ngụ trong thành phố này, tôi tin là Người cũng sẽ cõng những người gục chết đó đến bãi hỏa táng, giống như Người đã từng vác thập tự giá vậy."

Đó là lời Đại Tân nói với Mỹ Tân Tử khi hai người gặp nhau lại tại Ấn Độ, nơi cái thành phố có dòng sông Hằng chảy qua. Tại đây ông linh mục người Nhật ấy đã bị nhà thờ của tôn giáo ông xua đuổi, và nếu không giả trang thành kẻ tiện dân để làm những điều ông thấy cần làm thì chính người Bà La Môn cũng sẽ xua đuổi ông nữa, vì Ấn giáo tuyệt đối cấm những người khác tôn giáo đi vào bãi hỏa táng của họ. Ông đã thể hiện Tình Thương theo cách của ông, tâm thức ông trực tiếp hòa nhập với một tâm linh rộng lớn không cần thông qua một giáo hội, một tổ chức, một luật lệ do con người đặt ra, những thứ không sớm thì muộn cũng sẽ trói buộc, xiềng xích, điều kiện hóa những Đức Tin bao la phơi phới nơi những người như ông.

Endo Shusaku với *Bên Giòng Sông Hằng* đã đưa đến tột đỉnh chủ đề mà ông cưu mang

suốt cuộc đời viết văn của ông, chính trong tác phẩm này người ta mới thấy được thị kiến về một TÂM-THỨC-MỚI chuyên chở được muôn dòng sông tư tưởng và tôn giáo. Với một nội dung linh hoạt, hấp dẫn, rất thời đại, ông đã thành công đưa ra một vấn đề muôn thuở, mà có lẽ hơn lúc nào hết con người của thời đại này phải lo vun đắp, đó là Tâm Linh nơi mỗi chúng ta.

Quả Đất, Quê Hương

người đọc: **Nguyễn Hùng Vũ**

biên khảo của **Edgar Morin & Anne Brigitte Kern**, do **Nguyễn Hồi Thủ** dịch từ nguyên tác Pháp ngữ, Chân Mây Cuối Trời xuất bản, 296 trang, giá 80 FF (quan Pháp), hay 12.25 Euros (đồng tiền Âu châu). Liên lạc: Mme Nguyễn, 106 Ave. Jean Jaurès, 94110 Arcueil, France. Tel: (01) 49 85 05 05.

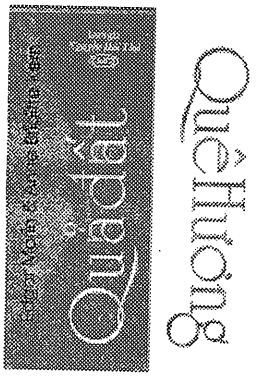

Có thể nói đây là một câu chuyện và một tiếng thở dài buồn thảm về thân phận quả đất và thế giới loài người. Với một cái nhìn tổng quan, tác giả trình bày khái quát quá trình lịch sử những tiến triển của những nền văn minh trên thế giới, và đồng thời, cũng nêu hậu quả của nền văn minh hiện đại và sự sống quá đà và ích kỷ của con người. Những vấn đề sôi nổi đương thời trong các lãnh vực chính trị, khoa học, văn chương, môi sinh, kinh tế đều được đề cập. Tác phẩm cho thấy con người bị cuốn hút vào một tổng thể không thể thoát ra được, ngoài ra còn nêu lên một số đề nghị những gì con người trong xã hội hiện đại cần phải đương đầu để có thể sinh tồn trên quả đất như những xã hội có tổ chức trong thế kỷ 21. Tác giả chú trọng nhiều đến những phát triển về khoa học và đã dành nguyên chương 2 để nói về nó, từ phát triển của sự sống trên địa cầu cho đến sự bành trướng của vũ trụ.

Chương 3 là một bản cáo trạng về những khủng hoảng đương thời không tránh khỏi, và là một hồi chuông báo động cho những hiểm nguy con người sẽ phải đối phó. Tác giả nhận xét một cách bi đát: nhân loại không đủ khả năng trở thành nhân loại theo đúng nghĩa của nó.

Vì phải đề cập đến quá nhiều lãnh vực, cho nên hai tác giả đã chỉ có thể vắn tắt lướt qua những gì cần nói, không thể đào sâu vào chi tiết mà theo tôi là một điều rất cần thiết. Đây là một khuyết điểm khó tránh trong một cuốn sách mỏng mà mang một nội dung quá dày.

Chương 5, 6, 7 là ba chương có nhiều điểm hay với những quan niệm cũng như câu hỏi được nêu ra rất đúng lúc, nhưng rất tiếc có những chỗ khá tối nghĩa và cách hành văn khó hiểu. Người ta có cảm tưởng văn Việt trong bản dịch không đủ "thoát" để có thể đọc một cách dễ dàng song suốt.

Chương 8 là một chương chứa đựng những thở than triết lý về những bất hạnh của con người trong một vũ trụ vô tình cảm. Những câu như, "Chúng ta đang ở trong một cuộc phiêu lưu xa lạ," "Con đường phía trước tràn trề hy vọng. Nhưng là một hy vọng chẳng có được một phần thưởng cuối cùng nào: vì vậy niềm hy vọng này đang bơi trên một đại dương mênh mông của thất vọng." Nghe áo não và ai oán như một khúc đoạn trường!

Ngoài ra, có một số điều theo tôi nghĩ là không cần thiết, như những tên tuổi nhân vật đã được dịch giả phiên âm ra tiếng Việt, ví dụ: Einstein (Anhxtanh), Newton (Niutơn), Sorbone (Xóocbon) v.v... Thú thật, tôi khó chịu bởi cách làm này vì bị chia trí trong lúc đọc. Độc giả khi đọc sách không nhất thiết phải biết tên nhân vật đọc như thế nào. Cái họ cần, là thu thập được những kiến thức, quan niệm và tư tưởng người viết một cách trong sáng, và như thế nên tránh cho họ những nhiễu loạn không cần thiết trên trang sách. Ngoài ra, một số địa danh cũng như tên nhân vật đã bị viết sai, như Nagadaki (p 123), Hawkins (p 73), Reeves (p 73).

Điểm hay nhất, theo tôi, là đoạn cuối sách, nơi mà tác giả nêu ra những ý tưởng về một thứ tôn giáo mới cho con người, trang 279 cho đến 283. Tác giả phê phán những khái niệm cũ mòn và bảo thủ của những hệ thống tôn giáo cũ và đặt câu hỏi: Chúng ta có thể nào nghĩ đến một thứ tôn giáo của thế gian thuộc loại thứ ba là tôn giáo của sự trầm luân không? Sau đó, tác giả trình bày những tư tưởng của mình với những câu như, *"Đó sẽ là một tôn giáo với đức tin như mọi tôn giáo khác, nhưng nó khác ở chỗ là không dùng lòng cuồng tín để áp đảo sự hoài nghi mà thừa nhận sự hoài nghi và đối thoại với nó. Đó là một tôn giáo dám tiếp nhận sự không chắc chắn. Đó sẽ là một tôn giáo mở ra trên vực thẳm."*

Trở Về Cố Hương

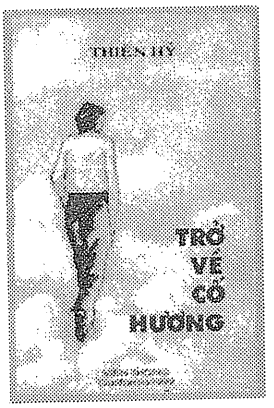

tiểu luận của **Thiện Hỷ**, Viên Thông xuất bản, 229 trang, giá US$14.00. Liên lạc: Viên Thông, P.O. Box 18476, Long Beach, CA 90807-8476 - USA. Tel: (562) 428-7712.

Thiện Hỷ ít viết những gì thuộc về chính ông, mà thường viết về những ý tưởng triết lý của những tác giả khác. Bài đầu tiên của tập sách ông viết về mẹ ông, là dịp hiếm hoi cho chúng ta thấy tình cảm riêng tư của ông, nhưng cũng từ sự ra đi vĩnh viễn của người yêu quý nhất đời đó của ông, ông khai mở một phần nào ý niệm "bao dung thể" (l'englobant) trong triết lý của Karl Jaspers, và ý niệm "không thể thay thế được" (irremplacable) trong triết lý của Gabriel Marcel.

Các phần còn lại ông nói về một chuyện trong lịch sử Phật giáo, về Hồ Hữu Tường, về Jean Paul Sartre, và về Phạm Công Thiện. Không viết về chuyện của mình, nhưng cái chủ quan của ông luôn luôn hiện diện trong khi nói về người khác: ông không biên khảo về một tác phẩm hay tác giả, ông viết kinh nghiệm, trong đó có thể có kỷ niệm, của mình về tác phẩm hay tác giả đó. Ông không viết ý tưởng gì mới lạ của riêng ông, ông chỉ viết những điều ông "hiểu và cảm nhận" về người khác, và như thế vô hình chung phần đóng góp của cá nhân ông cũng đã rất nhiều. Diễn dịch ý tứ thâm viễn của các triết gia cho người thường hiểu được không phải là chuyện dễ, nhất là những điều mà ông diễn dịch phần nhiều không thể lấy cái trí mà hiểu, trái lại phải dùng từng trình độ giác ngộ của tâm thức. Ông đặc biệt đào sâu Phạm Công Thiện, nhìn thấy nơi tác giả này những thị kiến lớn lao về một chiều kích chưa từng có về tư tưởng cho một Việt Nam tương lai.

Đứng về mặt địa lý bí mật và vô hình, Tây Tạng chính là Việt Nam ở phương Bắc của tâm thức, và Việt Nam thực ra là Tây Tạng ở phương Nam của tâm linh. Tất cả sức mạnh tâm thức của Phật giáo đã được tập trung trọn vẹn trên tuyệt đỉnh Hy Mã Lạp Sơn, giống như hình ảnh dữ dội lạnh lùng của con ó trời bay vút trên tận tuyệt mù thượng thượng; tất cả chiều sâu thăm thẳm không đáy của Phật giáo đã lắng đọng lại u trầm trong những kẽ đá của vùng núi Cấm Thất Sơn Việt Nam, Hố Thẳm của Tính Mệnh Nhân Loại...

Chỉ một việc trích dẫn Phạm Công Thiện như vừa rồi, chưa cần luận giải gì cả, là đã mang cái không khí huyền nhiệm từ thuở Bửu Sơn Kỳ Hương với những ông đạo nông dân chân đất vào dòng triết lý của thế giới ngày nay, và mở ra một vùng tương lai bát ngát... Thiện Hỷ có thể bắt chước người xưa, nói rằng: "Tôi có viết gì đâu," vâng, có lẽ ông không sáng tác gì mới lạ, ông chỉ *trình bày* thôi, nhưng người đời lắm khi cần sự trình bày ấy còn hơn cả bản gốc.

Ở Đây

thơ **Khánh Hà**, Thế Kỷ xuất bản, 129 trang, giá US$10.00 cộng cước phí. Liên lạc: Nguyễn Thị Khánh Hà, Midtskogvn 7A, N-2020 Skedsmokorset - Norway. Tel: (47)-63 87 80 53.

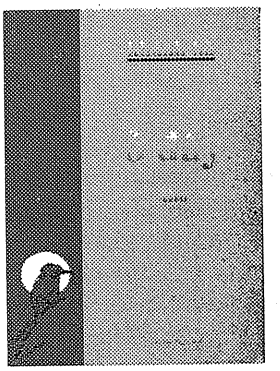

Khánh Hà giống như câu thơ của Huy Cận:

Một chiếc linh hồn nhỏ
Mang mang thiên cổ sầu

"Sầu" không hẳn là buồn, mà là sự rung động của thi nhân. Và cái "mang mang thiên cổ" chính là những khoảnh khắc không-thời-gian mà tâm hồn thi nhân nắm bắt được, những chiều kích đặc biệt chỉ có cảm hứng thi ca thỉnh thoảng thấy ra và diễn tả bằng ngôn ngữ riêng của mình. Nói một cách khác, hai câu thơ trên của Huy Cận chính là định nghĩa của sự làm thơ. Ít ra đối với tập thơ này của Khánh Hà.

Chiếc linh hồn nhỏ của Khánh Hà đã đi vào biết bao là mang mang thiên cổ, và quần tụ vào một nơi chốn và một thời điểm gọi là Ở Đây.

Ở đây một góc trong đời
Nhìn ra hình tướng cõi người lao xao
Nhìn lên trăng vẫn nguyên màu
Cõi hư, cõi thực, cõi nào, cõi ta?

"Góc trong đời" có thể là mảnh đời tị nạn của tác giả ở Na Uy vùng Bắc Âu, hoặc rộng hơn, là chỗ đứng ở bất cứ đâu đó của một người giữa cuộc đời này. Sống với những hình

tướng của đời sống chung quanh và của chính mình, đồng thời tâm hồn cũng vươn tới những cõi xa xôi, mang tính chất vĩnh cửu "vẫn nguyên màu" mà dấy lên những thắc mắc siêu hình. Bốn câu thơ ấy có thể xem là bản tổng kết những gì chiếc linh hồn nhỏ của chúng ta đã sầu với mang mang thiên cổ.

Những bài thơ trong tập Ở Đây là những cái nhìn ngắm đầy âu yếm và chí tình với những gì vẫn xảy ra chung quanh, từ việc cỏn con như một cái cây nở hoa cho đến những biến chuyển lớn lao của thời đại, từ cái Tết xa xưa thuở nhỏ ở quê nhà cho đến tứ thời bát tiết của xứ Na Uy tị nạn. Đọc thơ Khánh Hà chúng ta cảm thấy được chia sẻ nhiều. Những gì ta ấp ủ trong lòng, tác giả nói dùm hộ, thật và hay hơn chúng ta tự bộc lấy. Những gì ta chưa có trong lòng, tác giả mách cho chúng ta biết. Giác quan của thi nhân khác người phàm, họ có thể thấy và cảm nhận nhiều cái chúng ta không tự biết được. Thơ của họ cho chúng ta rất nhiều ý nghĩa từ những cái ta vẫn tưởng chẳng có ý nghĩa gì, vì quá thông thường chung quanh.

Ở Đây của Khánh Hà mang lại cho chúng ta cả một thế giới muôn điệu, chúng ta nợ tác giả nhiều. Nhưng ngẫm lại, tác giả cũng nợ chúng ta, người đọc. Vì chia sẻ và được chia sẻ phải là một hành vi tương tác, trong đó người chia sẻ và người được chia sẻ đều hạnh phúc như nhau.

Từ Điển Nhân Danh, Địa Danh & Tác Phẩm Văn Học Nghệ Thuật Trung Quốc

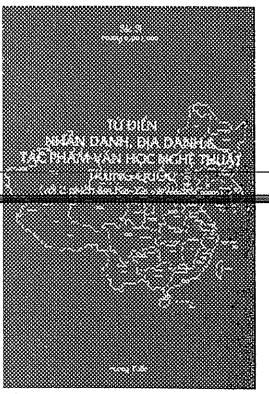

của bác sĩ **Hoàng Xuân Chỉnh**, tác giả xuất bản, 718 trang, giá US$30.00, cộng thêm cước phí $3.00 trong nước Mỹ hoặc $5.00 cho các quốc gia khác. Liên lạc: Hoàng Xuân Chỉnh, 12307 West Bellfort Avenue, Stafford, TX 77477 - USA. Tel: (281) 879-1620.

Người Việt Nam đã dùng chữ Trung Quốc từ xa xưa như là văn tự chính thức của quốc gia, và có lối đọc riêng, không giống như chính người Trung Quốc đọc. Lối đó ngày nay chúng ta gọi là đọc theo lối Việt Hán. Học chữ Hán theo cách như thế, khi người Việt Nam gặp người Tàu thì không thể nói chuyện với họ được, nhưng dùng bút đàm thì có thể hiểu nhau. Ngày nay ngoài những người học tiếng Tàu như một sinh ngữ đọc tiếng Trung Quốc như người Trung Quốc, trên sách vở, văn kiện, báo chí, khi gặp tên người, tên đất v.v.. của Trung Quốc, người Việt chúng ta vẫn viết và đọc theo lối Hán Việt như hồi xưa.

Nhưng người Tây phương có cách phiên âm Hoa ngữ theo cách khác, theo sát cách phát âm của người Tàu. Trong ngôn ngữ Tây phương, người ta dùng lối phiên âm Pin-Yin hay Wade-Giles. Nếu ta đọc một bản tin tiếng Anh mà gặp tên Jiang Ze Min thì có thể ta không biết đó là nhân vật nào, nhưng khi hiểu đó là cách phiên âm để chỉ Giang Trạch Dân thì mọi chuyện đối với ta trở nên dễ dàng ngay. Cũng thế, Huang Hua Lou tương đương với Hoàng Hạc Lâu, Cao Cao với Tào Tháo, Tian An Men tức Thiên An Môn v.v... Nhưng chỉ một số người chuyên nghiên cứu về Hoa ngữ mới biết sự tương đương ấy, đại đa số người Việt vẫn bối rối khi gặp các tên Tàu phiên âm lối Tây phương.

Cuốn Từ điển này của bác sĩ Hoàng Xuân Chỉnh giúp ta thoát khỏi sự bối rối đó, và còn thêm cho ta rất nhiều hiểu biết. Như tên gọi của nó, từ điển chứa đựng những tên người, tên đất, tên tác phẩm (cả nhân vật của những tác phẩm nổi tiếng nữa) của Trung Quốc để chúng ta có thể tra ra cách đọc theo lối Hán Việt từ các cách phiên âm quốc tế. Ví dụ gặp tên *Sun Zhong Shan* (phiên âm theo Pin-Yin) hay *Sun Chung Shan* (phiên âm theo Wade-Giles), tra trong từ điển này chúng ta sẽ gặp tên *Tôn Trung Sơn*, với ghi chú đầy đủ tiểu sử của nhà cách mạng Trung Hoa này. Một ví dụ khác: San Guo Zhi (Pin-Yin) hoặc San Kuo Chi (Wade-Giles) ta sẽ có *Tam Quốc Chí*, tên một bộ tiểu thuyết lịch sử Trung Quốc quá quen thuộc đối với dân Việt Nam.

Cách trình bày của tác giả rất thuận tiện cho việc tra cứu. Mỗi tên được đưa ra dưới dạng phiên âm Pin-Yin trước, kế đến dưới dạng Wade-Giles, rồi nguyên gốc chữ Hán, rồi tên phiên âm Việt Hán, kế đó là phần giải thích. Đối với một số tác gia, có khi một tác phẩm nổi tiếng của họ được đăng trọn hay trích đăng nguyên văn chữ Hán với bài dịch Việt ngữ, ví dụ Đào Tiềm với *Quy Khứ Lai Từ*, hoặc Tô Thức với *Xích Bích Phú*.

Cuối sách còn có Index để tra xem một chữ đã xuất hiện ở những trang nào, lại có bảng đối chiếu Việt ngữ - Pin-Yin, để biết một chữ phát âm theo Việt Hán thì Pin-Yin viết ra sao,

ví dụ tra chữ Bạch Cư Dị thì sẽ có Bai Ju Yi. Bảng này rất cần thiết cho những ai cần đề cập đến tên Trung Hoa trong bài viết hay nói chuyện bằng ngoại ngữ của mình.

Đối với người Việt Nam việc dùng lối phát âm Việt Hán để đọc các danh xưng Trung Hoa rất là quan trọng. Trước hết chúng ta đã quá quen với các tên gọi đó qua lịch sử lâu đời tiếp xúc với văn hóa Trung Quốc nên chỉ cần nghe là chúng ta hiểu hoặc hình dung ra liền. Nhiều tên còn mang trong nó cả nghĩa nữa, mà nếu đọc theo phiên âm Tây phương thì ta không thể hiểu nghĩa, ví dụ *Tang Shi San Bai Shou*, khi đọc được ra âm Hán Việt là *Đường Thi Tam Bách Thủ* thì dù Hán học chỉ lõm bõm chúng ta cũng hiểu đó là tác phẩm gồm ba trăm bài thơ Đường; hoặc *Wu Nian Ji Hua* chỉ cần chuyển qua Việt Hán *Ngũ Niên Kế Hoạch* thì dù không cần xem lời giảng ta cũng có thể hiểu là gì rồi. Yếu tố tình cảm của âm Việt Hán đối với chúng ta cũng quan trọng. Trong tác phẩm *Chân Trời Cũ*, Hồ Dzếnh có cho một nhân vật Tàu khách trú ngâm câu thơ:

Zuyt lọc ố lề sướn mán thín

khiến độc giả cũng như cô gái Việt Nam trong truyện không khỏi phì cười, nhưng khi biết đó là câu *Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên* thì thái độ chúng ta lại khác ngay, vì lúc bấy giờ chúng ta mới hình dung được cảnh trăng lặng, quạ kêu, sương đầy trời, và lòng man mác cảm hoài.

Trong thời buổi giao lưu quốc tế mạnh mẽ, phải dùng nhiều sách vở tài liệu ngoại ngữ thì cuốn Từ điển này rất cần thiết cho người Việt Nam cả trong nước lẫn hải ngoại, vì chúng ta sẽ luôn luôn gặp các tên Trung Quốc, có thể phần lớn rất quen thuộc với chúng ta, nhưng khi đọc phiên âm quốc tế thì ta lại chẳng hiểu gì cả.

Du Tử Lê & Tác Phẩm

sách do nhiều tác giả viết về nhà thơ Du Tử Lê, HT Productions xuất bản, 416 trang, giá US$18.00. Liên lạc: Tự Lực, 14318 Brookhurst St. Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290.

Đây là tập thứ tư trong loại này. Người ta vẫn tiếp tục viết về thơ Du Tử Lê, thơ của ông vẫn tiếp tục gây say mê và cảm hứng cho đông đảo người đọc. Tập họp những say mê và cảm hứng đã từng được viết ra để in thành sách kể ra là một ý định rất tốt để chia sẻ cho mọi người những cách nhìn khác nhau, những lý

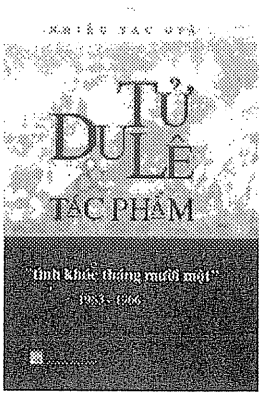

giải khác nhau về một hiện tượng độc đáo, là Du Tử Lê và thơ của ông.

Tập này gồm những bài viết của các tác giả: Đoàn Duy Nghiệp, Trần Cao Tường, Tôn Nữ Hoàng Hoa, Nguyễn Đức An, Lưu Nguyễn Đạt, Mạc Thúy Hồng, Thiên Nhất Phương, Bùi Bảo Trúc, Phan Xuân Sinh, Trần Thu Miên, Xuyên Trà, Nguyễn Văn Tuấn, Vương Hồng Anh, Vũ Như Sơn, Chu Văn Hùng, Nguyễn Thị Thảo An, Nguyễn Kim Long, nguyễn Thế Đỉnh, Vũ Đức Thanh, Nguyễn Thế Toàn, Lê Văn, Đặng Vũ Thám, Bùi Vĩnh Hưng, Phạm Hữu Quang, Orchid Nguyễn, Thạch Sơn Nguyễn Huy Tưởng, Nguyên Nghĩa, Nguyễn Mạnh Trinh, Khánh Trường, Nguyễn Đức Thuần, Hồng Thủy, Phạm Gia Cổn.

Phần tác phẩm, có đăng lại "Tình khúc tháng mười một" gồm các bài thơ Du Tử Lê sáng tác trong khoảng thời gian 1960-1965, và một bài văn xuôi, tùy bút "Mặt bên kia/tấm gương đời sống." Đặc biệt trong tập thơ này có hai bài đã được thế giới biết đến nhiều, và cũng được dùng để giảng dạy tại một số đại học Hoa Kỳ và Âu châu. Bài thứ nhất nhan đề *Có Gì Đâu* tác giả viết năm 1963, được giáo sư Neil L. Jamieson, đại học U.C. Bercley chọn dịch sang Anh ngữ, in trong cuốn *Understanding Vietnam*, xuất bản năm 1991. Vào năm 1975 bài "Có Gì Đâu" cũng đã được nhà văn Jean Claude Pomoti dịch sang Pháp ngữ, in trong cuốn *La Rage d'Être Vietnamien,* xuất bản ở Pháp năm 1975. Bài thứ hai, "Khát Vọng Cho Con," viết năm 1965, được giáo sư Nguyễn Ngọc Bích dịch sang Anh ngữ in trong cuốn *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* xuất bản năm 1975, và vào năm 1994 báo *New York Times* đã trích đăng lại.

Để hiểu cặn kẽ về một tài năng không gì bằng đọc các cách nhìn khác nhau của những người cầm bút về tài năng đó. Một khi rất đông người cùng có những nhận định tích cực về tài năng một người thì người đọc có thể yên tâm dựa vào đó để hiểu thêm về một trong những điều kỳ bí nhất của con người, là thi tài. Vì kỳ bí, tài năng thi ca có thể ví như con voi, mà mỗi một người nói về tác giả là chỉ nói về một phần cơ thể của con voi đó thôi.●

PHẢI TÌM ĐỌC

Cuốn tiểu thuyết vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta

Bên giòng sông Hằng

của tác giả Nhật Bản **VIỄN ĐẰNG CHU TÁC - ENDO SHUSAKU**
Dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**
(dịch giả rất thành công cuốn ***Sao Chúa Mãi Im,*** cùng một tác giả)

Tự Lực phát hành: (714) 531-5290

Endo Shusaku là nhà văn Nhật Bản được độc giả Nhật và Tây phương biết đến và yêu mến còn hơn cả Kenzaburo Oe, nhà văn Nhật đoạt giải Nobel văn chương năm 1994. Ông đã nhận được những giải thưởng văn chương cao quý nhất của Nhật, và nhiều lần được đề cử tranh giải Nobel về văn chương.

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của ông. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà) người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn giòng sông tư tưởng và tôn giáo, trong đó có Công giáo, là tôn giáo của tác giả.

Tất cả lồng trong một câu chuyện rất hiện đại, đầy linh hoạt và trắc ẩn, của một nhóm du khách Nhật Bản đến bên giòng sông Hằng, chạm đến cái mênh mông của giòng sông thiêng cũng như của tâm linh muôn thuở...

THẾ KỶ xuất bản, 325 trang, giá 14 mỹ kim. Ở xa xin gửi thêm $2 cước phí.

Riêng quý bạn đọc tạp chí Thế Kỷ 21 ở trong nước Mỹ, điền và cắt phiếu dưới đây gửi về để mua sách thì sẽ được miễn tiền cước phí (chỉ gửi $14.00 cho một cuốn).

Liên lạc, chi/lệnh phiếu (check, money order) xin đề:

YEN TRAN
9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 839-8746

PHIẾU ĐẶT MUA SÁCH "BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG"

Yêu cầu gửi cho tôi ..... cuốn với giá US$14.00 một cuốn.

Tôi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền:_____

Họ tên:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____ E-mail:_____

Ý NGUYỆN CỦA CỐ GIÁO SƯ LÊ BÁ KÔNG LÀ TIẾP TỤC XUẤT BẢN

NHỮNG SÁCH GIÁ TRỊ HỮU ÍCH CHO NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

NHỮNG MÓN QUÀ TINH THẦN QUÝ GIÁ VÀ ÍCH LỢI

NHỮNG MÓN ĂN QUÊ HƯƠNG

Soạn phẩm của bà Quốc Việt, giáo sư gia chánh nổi danh tại nước nhà cũng như tại hải ngoại. Sách dày 304 trang Hướng dẫn cách thức làm nhiều món ăn độc đáo và đặc biệt hợp với khẩu vị của mọi người.

#MAQH - US$11.00

NHI ĐỒNG CA

Gồm 30 bản nhạc tuyệt vời do các nhạc sĩ Việt lừng danh sáng tác, như Lê Thương, Nguyễn Xuân Khoát, Hùng Lân, Hoàng Quí, Phạm Duy,... bìa in 4 màu mỹ thuật, giấy đặc biệt. Món quà quý và đầy ý nghĩa mà các em Việt Nam nào cũng mến thích.

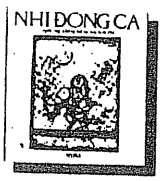

#NDC - US$5.00

KARAOKÊ - BÍ QUYẾT

Do Nhạc trưởng Vy Hùng soạn. Bạn là người yêu thích ca hát mà chưa rành về kỹ thuật hát, bạn có giọng thiên phú mà chưa có người dìu dắt, bạn là người biết hát kha khá muốn tiến xa hơn ? Quyển sách này sẽ là người hướng đạo tốt và nhiệt tình để đưa bạn đến chốn mơ ước đó.

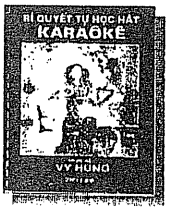

#KBQ - US$12.00

HÁN VĂN TỰ HỌC

Soạn giả Nguyễn văn Ba. Phương pháp thích hợp nhất cho người Việt học Hán văn từ sơ cấp tới trình độ đọc được tiểu thuyết và báo chí. Sách dày 332 trang, in công phu và bìa mỹ thuật.

#HVTH - US$12.00

TAM QUỐC CHÍ

Bản dịch mới và độc đáo nhất của Từ Mỹ và Viên Đình, đúc kết khéo léo và đầy đủ cả pho truyện vĩ đại trong khuôn khổ 500 trang. Bìa màu, minh họa mỹ thuật.

#TQC - US$11.00

TỰ ĐIỂN ĐÀM THOẠI VIỆT ANH

Phương pháp thực tập giúp nói tiếng Anh mau lẹ và tân kỳ nhất. Hàng trăm ngàn đồng bào đã dùng. Thiết yếu cho mọi người muốn nói được ngay tiếng Anh.

#ĐTVA - US$8.00

BỘ ANH VIỆT ĐỐI CHIẾU

Bộ 12 cuốn, 2,400 trang văn chương, dịch thuật công phu. Gồm những truyện ngắn lừng danh nhất thế giới, được trình bày Anh Việt đối chiếu. Sẽ giúp độc giả thưởng thức lời văn tuyệt vời và tư tưởng thâm trầm của các văn sĩ quốc tế.

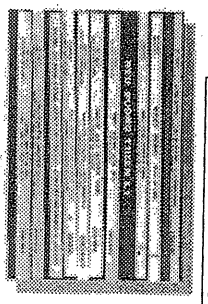

Bộ sách này cũng rất tốt cho con em trau giồi tiếng Việt !

#AVĐC - US$90.00 toàn bộ.

MODERN ENGLISH

Kinh nghiệm hơn 40 năm của cố giáo sư Lê Bá Kông đã được tập trung để soạn bộ sách rất giá trị này, được các nhà chuyên môn ngữ học Việt và ngoại quốc khen ngợi.

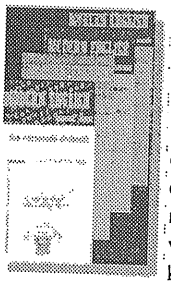

Bộ gồm 4 cuốn giáo khoa từ sơ cấp đến hoàn bị, 4 cuốn hướng dẫn để tự học, và 8 cassettes C-90, giọng cô Ruth Ascher, xướng ngôn viên New York.

Hướng dẫn phát âm điêu luyện, hơn hẳn những phương pháp khác.

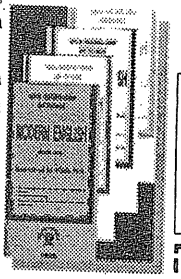

Phần văn phạm và cú pháp căn bản vững vàng, hợp với người Việt, được giảng giải cặn kẽ, mạch lạc, dễ hiểu và đầy đủ.

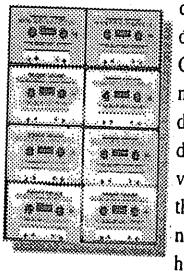

Các bài tập nhằm vừa áp dụng những điểm mới học vừa ôn lại thường xuyên những điều đã học. Bài vở nhằm giúp học viên vui học.

#ME - US$99.00 toàn bộ.

Giá đặc biệt khi mua chung bộ Modern English và bộ TỰ ĐIỂN ANH-VIỆT VIỆT-ANH, loại mới, hơn 900 trang, chữ lớn, đặc biệt có 2 lối phiên âm Quốc Tế và Viên Hồng, bìa bọc plastic.

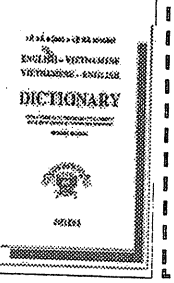

#METĐ - US$120.00

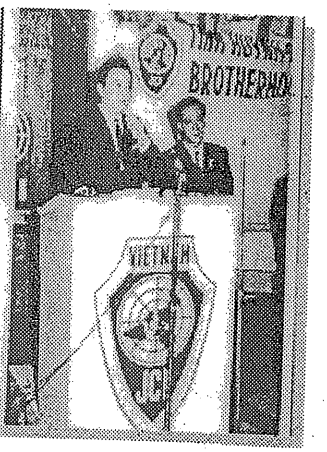

Ý nguyện của cố Giáo sư
LÊ BÁ KÔNG
là tiếp tục phụng vụ đồng bào đồng hương

Zieleks Company Inc.
(Ban Tu Thư Viên Hồng)
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, TX 77581, USA
(281) 481-3783

Xin gửi về:
Zieleks Company Inc.
2109 Kilkenny Dr. - Dept. TK
Pearland, Texas 77581, USA
(281) 481-3783

Xin quí hãng gửi cho chúng tôi

#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____
#_____ US$_____

Cước phí (ở Mỹ xin thêm 10%, Canada 15%, các nước khác 30%) US$_____

Tổng cộng US$_____

Kèm theo đây là:
☐ check ☐ money-order
☐ chi tiết cho credit card

Tên _____
Địa chỉ _____
_____
Tỉnh _____
Tiểu bang _____ Zip _____

Nếu dùng credit Card:
Số _____
Hết hạn _____
Chữ ký _____
Điện thoại _____

STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No.69

Mới phát hành CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn - Thiền sư Vạn Hạnh - Tuệ Trung Thượng Sĩ

THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu - Thiền sư Thanh Từ - Thiền sư Nhật Quang

Tự Thuật

Một thoáng quên mình đã khổ tâm
Huống chi nhiều kiếp mãi thăng trầm
Đoạn đường xuôi ngược đầy tân khổ
Vượt khỏi mê đồ ấy cũng châm.
Tuy nhiên dù khó tự lòng thôi
Một tâm đã quyết tiến cho rồi
Không thương từng khắc đâu cho hợn
Bọng nổi không dừng giữa biển trời

Thiền Sư Nhật Quang

Phá Ngã

Mạng sống trong hơi thở
Trong nhịp đập quả tim
Thế nào là mạng sống?
Sự vay mượn liên tục.

Thiền Sư Thích Thanh Từ

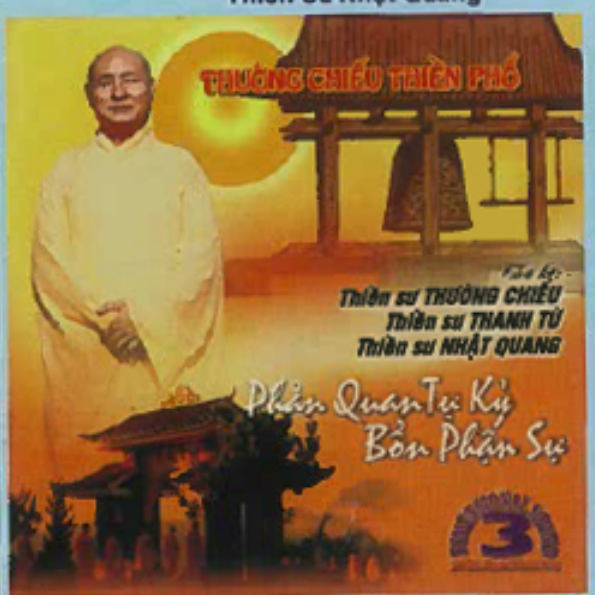

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

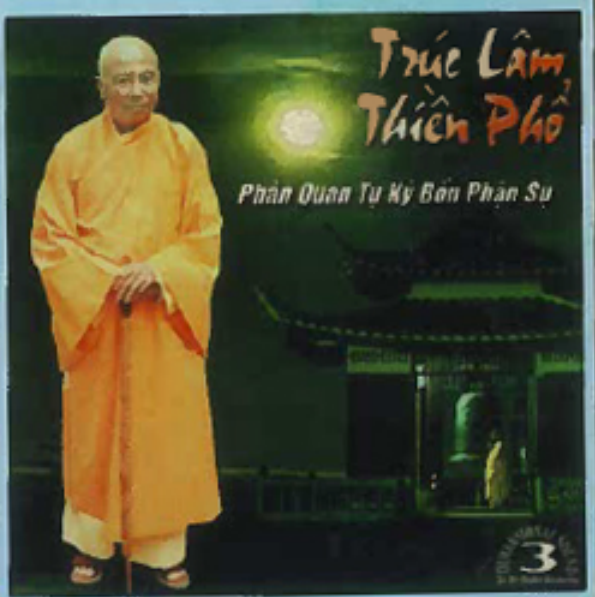

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ và THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền Sư Vạn Hạnh,*** vị Quốc sư đầu tiên khai sáng triều đại Lý; ***Thiền sư Thường Chiếu,*** một cao tăng tài ba lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12; ***Tuệ Trung Thượng Sỹ*** là thầy của Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Nhân Tông là Sư tổ phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, vào thế kỷ 13; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Ngài có công khôi phục Thiền Tông Việt nam cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai.

Phát hành tại: Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700

hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm An: (714) 839-6704** - Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA

www.truclamthienvien.com * Email: mantaman@truclamthienvien.com

Chúng tôi có phát thanh Chương Trình Học Phật trên làn sóng VOVradio.com hàng tuần mỗi thứ Ba từ 5:05AM - 6AM.

Chúng tôi có phát hành Video & Cassette học Phật. Liên lạc Mãn Tâm An.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN
PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

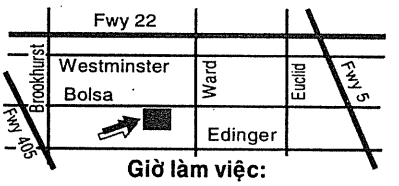

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.